

Khổng Tử

HOÀNG KHÔI dịch

# Xuân Thu

## TAM TRUYỆN

TẬP 2



Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh

**KHỔNG TỬ**

**XUÂN THU TAM TRUYỆN**

春秋三傳

**TẬP HAI**

*Bản dịch :* **HOÀNG KHÔI**

**NHÀ XUẤT BẢN TP. HỒ CHÍ MINH**

# XUÂN THU QUYỂN THỨ TƯ

閔 公

**MẦN CÔNG**

**Dương Sĩ Huân.** Theo Lô Thế Phả, Mần Công tên là Khai là con Trang Công, năm Huệ Vương thứ 16 lên ngôi, thụy là Pháp. Ở nước gặp nạn thì gọi là Mần. Bản phương chép là Khai, vì kiêng húy Hán Cảnh Đế, nên chép là Khai.

Canh Thân. Huệ Vương năm thứ 16.

元 年

**NGUYỄN NIÊN**

**NĂM ĐẦU**

Tề Hoàn năm thứ 25. Tấn Hiến năm thứ 16. Vệ Ý năm thứ 8. Sái Mục năm thứ 14. Trịnh Văn năm thứ 12. Tào Chiêu Công Ban năm đầu. Trần Tuyên năm thứ 32. Kỷ Huệ năm thứ 12. Tống Hoàn năm thứ 21. Tấn Thành năm thứ 3. Sở Thành năm thứ 11.

春 王 正 月

**XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT**

**MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG**

**Tả** - Năm đầu. Xuân. Không chép lên ngôi. Vì cố là loạn.

**Công** - Công sao lại không chép là tức vị. Nói một vị vua bị giết thì không chép lên ngôi. Nói ai. Nói Từ Ban. Ai giết Từ Ban. Là Khánh Phủ. Trước giết Nha, Quý Tử không tha. Nay, Khánh Phủ giết vua, sao không giết Khánh Phủ. Cứ giết, đâu có

tha, nhưng chỉ che cái xấu đi thôi. Biết rõ mà không khai soi, nhân dân có người để quy tội. Vậy không xét đến tình trạng. Cứ việc giết. Đó là đạo dối với anh em. Quy tội cho ai. Cho kẻ lại lệ coi ngục tên là Lạc. Xưa còn thời Trang Công, Lạc thường có việc dâm loạn trong cung, Tử Ban bắt rồi đánh, Trang Công chết rồi, Khánh Phủ báo Lạc rằng: Ban làm nhục mày, người trong nước ai cũng biết, giết nó đi. Rồi sai giết Tử Ban. Khánh Phủ sau lại giết Lạc để quy tội cho Lạc. Khi Quý Tử về Lỗ, cùng y cái án đó.

**Cốc** - Nổi ngôi một vua bị giết, không chép nổi ngôi, báo thế là chính. Báo là thân thì không được là cha. Báo là tôn thì không được là vua, thế mà ở vị vua cha, đây chỉ là giữ nước thôi.

**Đạm Trợ** - Phàm vua trước bị giết, thì còn nổi bỏ lễ nổi ngôi. Cốc Lương báo: Nổi ngôi vua bị giết thì không chép nổi ngôi, báo thế đúng đấy. Phàm nổi vua bị giết mà làm lễ lên ngôi là không phải. Tả Thị báo không chép lên ngôi, vì có nước loạn. Nước mà có việc khó khăn thì có hại gì đến lễ lên ngôi. Tả Thị nói thế không đúng.

**Lưu Sưởng** - Công Dương báo, giết tên Lạc để quy tội cho Lạc. Quý Hữu về nước mà cũng không thay cái án ấy, việc đã xong rồi, thôi không xét thêm mà cứ giết đó là cái đạo dối với anh em. Công Dương bàn thế là không phải. Khánh Phủ giết Ban, muốn cướp nước, thế rõ là Quý Hữu bất lực, không giết được Khánh Phủ, cho nên Quý Hữu mới chạy trốn sang nước khác. Vì thử Quý Tử sức có thể giết được thì Khánh Phủ tất bị giết rồi. Vậy đâu có nghĩa là không xét tình trạng nữa.

**Xét** - Cốc và Công đều nói: Nổi vua bị giết không chép là nổi ngôi, Đạm Trợ bàn, cho bỏ lễ lên ngôi là phải, Chu Tử thì báo rằng vua không làm lễ lên ngôi, cho nên không chép, các ý kiến giống nhau. Trang Công năm đầu đã giải thích rõ ràng. Hi Công mà không chép lên ngôi, cũng trường hợp ấy.

濟人救邢

**TÊ NHÂN CỨU HÌNH**  
**NGƯỜI TẾ CỨU NƯỚC HÌNH**

Tả - Người Địch đánh nước Hình. Quân Kính Trọng nói với

Tề Hầu rằng. Nhung Dịch là giống sài lang, không biết thế nào là di. Các chư hầu cần phải gần gũi không thể bỏ được. Yên, ẩm, mê say không nên đâm đuổi. Kinh Thi có nói: Há chỉ mong về, chỉ ngại gian thử. Gian thử, bọn ác cùng gặp nhau. Vậy xin cứu Hình theo Kinh Thi. Thế là Tề cứu Hình.

**Cốc** - Khen việc cứu Hình.

夏 六 月 辛 酉 葬 我 君 莊 公

**HẠ, LỤC NGUYỆT TÂN DẬU,  
TÁNG NGÂ QUÂN, TRANG CÔNG  
MÙA HẠ, THÁNG 6. NGÀY TÂN DẬU,  
TÁNG VUA TA LÀ TRANG CÔNG**

**Tả** - Mùa hạ tháng sáu, táng Trang Công. Vì loạn nên táng chậm.

**Cốc** - Trang Công táng rồi mới đặt thụy hiệu. Thụy là để hoàn thành đức vua, thế là khi chết gia thêm vào.

秋 八 月 公 及 齊 侯 盟 于 落 姑

**THU, BÁT NGUYỆT, CÔNG CẬP  
TỀ HẦU MINH VỤ LẠC CÔ**

**MÙA THU THÁNG 8, CÔNG CÙNG TỀ HẦU THỀ Ở LẠC CÔ**

**Tả** - Công xin phục chúc Quý Hữu, Tề hứa cho sai tới nước Trần triệu Quý Hữu. Công đình lại đất Lang để đợi.

**Cốc** - Thề để nạp Quý Hữu.

**Trần Lương** - Mẫn Công ở đất Lạc Cò trước Tề Hoàn xin phục chúc Quý Hữu. Không biết ai dự định. Nếu là Khánh Phủ, thì Mẫn Công đã không bị giết, Mẫn mà bị giết thì không phải do Khánh Phủ, đó là người trong nước giết.

**Ngô Trường** - Tử Ban chết rồi, là Khánh Phủ cùng Ai Khương chuyên việc nước. Cho nên Quý Hữu ra nước ngoài để tránh họa. Thời đó, Khánh Phủ giữ quyền ngoài nước, Ai Khương giữ quyền trong nước, đều cung sớ Quý Hữu về. Mẫn Công mới lên chín

tuổi, ai là người mời đi ra hội với vị Bá chủ, để bàn việc nước. Chắc là một vị thể thần ở nước Lỗ tuy không giữ quyền, nhưng trung với nước, đại khái như Thạch Thác ở nước Vệ, mưu sâu, kế mật, cáo với vị bá chủ, xin mời Quý Hữu, cho nên Tề Hoàn Công mới lấy lệnh bá chủ Triệu Lỗ Mẫn Công đến đất Tề cùng thể, khiến cho việc triệu Quý Hữu là do Tề, chứ không do Lỗ. thể để ràng buộc rồi sai Lỗ phục chúc cho Quý Hữu. Thể xong Tề Hoàn Công cho tới Trần triệu Quý Hữu mà Mẫn Công thì đình lại ở đất Lang để đợi. Thế là không dám bội thể với Bá chủ mà phải để Quý Hữu về Lỗ. Quý hữu đã được tôn trọng vì bá chủ thì Khánh Phủ đâu dám đuổi. Kinh Xuân Thu chép là để cho Lỗ có đại thần mưu việc giới.

**Trình Doan Học** - Cứ như sự thể xét, thì trong việc thể. Quý Hữu toàn nhờ Tề để được về Lỗ. Cho nên có thể rồi Quý Hữu mới về Lỗ.

**Trác Nhĩ Khang** - Triệu Tử thường nói: Việc thể ở Lạc Cô tuy nói là để xin cho Quý Hữu về, do ý của Công, nhưng khi đó Mẫn Công mới tám tuổi, Khánh Phủ, Ai Khương thì chuyên quyền, đâu có muốn cho Quý Hữu về, cho nên Trần Thị đoán là ý của người trong nước. Ngô Thị thì bảo là vị thể thần nước Lỗ cũng như Thạch Thác nước Vệ, cáo với bá chủ, xin cho Quý Hữu về, bao thể cũng là đã biết rõ tình thế đương thời. Nhưng việc Ai Khương, Khánh Phủ với Châu Hu, Thạch Hậu, không giống nhau. Quý Hữu đã trốn chạy ra ngoài, đâu có như Thạch Thác ở yên trong nước. Cứ lấy Kinh, Truyện xét thì lúc đó, nước Trần đương được nước Tề hậu đãi, mà Trần vẫn cùng Lỗ giao hảo, Quý Hữu lại thường có vài lần sang Trần rồi. Đến khi chạy trốn sang Trần là có chỗ nương tựa. Tuy nhiên, việc thể ở Lạc Cô, Quý Hữu cũng nhờ Trần mà mới xin được Tề Hoàn.

**Xét** - Xét việc thể ở Lạc Cô, Cốc Lương nói thể để nạp Quý Hữu. Tả Thị thì nói là xin phục chúc cho Quý Hữu. Vậy ai xin. Khánh Phủ chuyên quyền, Mẫn Công còn bé, Khánh Phủ đã không muốn xin, Mẫn Công lại không biết xin, cho nên Trần Phó Lương bảo là người trong nước mưu việc. Ngô Trưng thì cho là một vị thể thần. Trác Nhĩ Khang cho là nước Trần đang được nước Tề hậu đãi, Quý Hữu nhờ Trần xin Tề Hoàn xét sự tình đều hợp. Vậy cùng ghi cả các lời bàn.

季子來歸  
**QUÝ TỬ LẠI QUY**  
**QUÝ TỬ LẠI VỀ**

**Ta** - Quý Tử lại về. Ý khen.

**Công** - Sao chép là Quý Tử. Vì cho là hiền. Lại về là ý khen.

**Trình Tử** - Trang Công đã mất. Tử Ban bị giết. Dân nước nguy. Khánh Phủ chưa đánh được mà Quý Hữu hiền thì lại ở nước ngoài. Người trong nước mong được xả tác yên, cho nên Công có nói việc thể ở Lạc Cô, đề xin mời Quý Hữu. Chép là Quý Tử mà không chép tên, vẫn khác lời đi là để khen.

**Chu Tử Ngũ Loại** - Kinh Xuân Thu chép Quý Tử lại về, e là nhân sản văn sử cũ cứ chép. Nước Lỗ loạn đã nhiều. Về sau Quý Hữu lập được Hy Công, mới chính đồn lại được xả tác, thật là một công to, cho nên khen, cũng như khen Quân Trọng. Còn như Quý Tử lại về thì cũng như những chữ Cao Tử lại thể, Tề Trọng Tôn lại. Đương lúc nước Lỗ trong nước loạn, được một Quý Tử về nước, thì người trong nước đều trông mong, cho nên sử Lỗ mừng mà chép. Phu Tử cứ thẳng chép lời của sử gia. Sự thật là, một khi đã chép Quý Tử lại về, mà họ Quý được nắm quyền, thì từ đây chính quyền dần dần rời nhà vua ra, đều nguyên do việc này.

**Trần Phó Lương** - Công tử Hữu sao lại gọi là Quý Tử. Là vì hiền không gọi tên. Không gọi tên là quý lắm. Vậy thế nào là hiền. Thiếu Quý Tử tất thành hình việc thoán thí của Khánh Phủ mà dòng dõi Trang Công là hết. Thoán thí của Khánh Phủ không thành, thì dòng dõi Trang Công còn, là vì còn có Quý Tử. Cho nên Quý Tử chạy trốn sang Trần, không chép, sang Châu không chép, để hoàn thành cho Quý Tử.

冬齊仲孫來  
**ĐÔNG, TỀ TRỌNG TÔN LẠI**  
**MÙA ĐÔNG TỀ TRỌNG TÔN LẠI**

**Tả** - Mùa đông, Tề, Trọng Tôn lại thăm nạn nước ta. Chép là Trọng Tôn, là có ý khen. Trọng Tôn về nói: Không trừ Khánh

Phù, nạn Lỗ chưa hết. Tề Hầu hỏi: Làm thế nào mà trừ được. Đáp: Nạn chưa hết. Rồi tự chết. Xin nhà vua hãy đợi. Công hỏi: Lỗ có nên chiếm không. Đáp: Không nên. Còn biết giữ Chu Lễ. Chu Lễ là cái gốc. Tôi nghe, nước sắp mất thì cái gốc lung lay, rồi đến cành lá. Lỗ chưa bỏ Chu Lễ, chưa động đến được. Nhà vua nên gỡ nạn Lỗ mà thân với Lỗ. Đã thân mà lại trong nước có lẽ trừ được phản gián, loạn tặc, đó là thành nghiệp Bá.

**Phụ lục Tả Truyện** - Tấn Hầu đặt ra ba quân Công làm Thượng Tướng quân. Thế Tử Thân Sinh làm tướng Hạ Quân, có Triệu Túc giữ chức Ngự Nhung và Tất Vạn giữ chức Hữu đem quân diệt nước Canh, nước Hoắc, nước Ngụy rồi kéo quân về Thế Tử trấn thu thành Khúc Ốc, Triệu Túc giữ nước Canh. Tất Vạn giữ nước Ngụy, đều được phong làm đại phu. Sĩ Vi nói: Thế tử không được lập đâu. Chia đất ở ngoài, vị tới bậc Khanh là cao nhất, mong gì nổi ngôi, không bằng trốn đi, dùng để đến mắc tội, bắt chức Ngô Thái Bá có được không: thế lại thành có đức tốt để về sau. Lữ Ngạn có nói: Lòng vì không vết thì sợ gì không nhà. Trời mà ban phúc cho Thế Tử thì không có Tấn có sao. Bốc Yên, (chức quan coi việc bói) nói: Sau tất vạn thì có đại vạn, tức là số đầy đủ. Ngụy là tiếng rất hay. Cứ lấy đó làm bước đầu là trời giúp đó. Thiên Tử thì kêu là triệu dân, chư hầu thì kêu là vạn dân. Nay tiếng đã lớn lại được số đầy đủ, nhất định phai có dân. Xưa, Tất Vạn bói việc làm quan ở nước Tấn, được quẻ Truân Tì. Tân Liêu xem rồi đoán là tốt: Truân đã bền, từ lại vào, còn gì tốt hơn. Phải là triệu đông đúc thịnh vượng. Chấn là tượng đất, xe theo ngựa, mình ở đây, người anh vì đây mà lớn. người mẹ che chở cho, chúng nhân theo về, sáu thế không đôi, hợp mà thành bền, yên mà hay trừ diệt, đó là quẻ của công, hầu. Con cháu công hầu tất khôi phục được tước vị. Canh, ở đông nam huyện Bí Thị, xứ Bình Dương còn có làng Canh Hương. Hoắc ở đông Bắc huyện Vĩnh An, có Hoắc đại sơn.

**Công** - Tề Trọng Tôn là ai. Là Công tử Khánh Phủ. Sao lại thành Tề Trọng Tôn, là có liên hệ với Tề, là họ ngoại. Xuân Thu, vì tôn, kiêng tên, vì thân kiêng tên, vì hiền kiêng tên. Tử Nhữ Tư nói: Cứ theo đúng Xuân Thu thì Tề không có Trọng Tôn, hay là Trọng Tôn khác ở Lỗ.

**Cốc** - Bao là Trọng Tôn ở Tề mà không nói rõ, thật là quá sơ lược. Căn cho Tề là huộc vào cho Tề Hoàn.

**Dạm Trợ** - Cốc và Công thì nói: Đó là Công tử Khánh Phủ. Muốn cho xa ra thì gọi là Tề Trọng Tôn. Xét nếu là Trọng Tôn của Tề, thì phải là Công tử của Lỗ, thế thì lại càng sai lầm.

**Lưu Sưởng** - Trọng Tôn là đại phu nước Tề. Không có liên quan gì. Sao lại chép. Trọng Tôn lại, là Tề Hầu sai đi. Thế sao không gọi là sứ. Là chề. Hoàn Công đã biết Lỗ là đáng lo mà không biết rằng sai Trọng Tôn đi là không phải. Vì Lỗ thật đáng lo thì còn cho hỏi làm gì. Trọng Tôn biết rằng Lỗ là nước có thể thân được mà không biết rằng dè Khánh Phủ là không nên. Đã biết nên thân Lỗ thì còn dơi gì. Thế là chề nữa. Công Dương có nói: Đó là Công tử Khánh Phủ. Công Dương nói sai. Cháu thì lấy tự của cha làm họ. Đây chính là bản thân Khánh Phủ, chưa có thể gọi được là Trọng Tôn. Vả lại theo Kinh, nếu thật liên hệ đến Tề, thì sao lại gọi được là Lỗ Trọng Tôn, bàn xét thế sai lạc nhân tình quá.

**Trần Phó Lương** - Chép Trọng Tôn lại là chề. Trọng Tôn lại để dò xét Lỗ. Trang Công mất. Tử Ban bị giết. Mẫn Công bé. Hội thề ở Lạc Cô là xin với Tề chỉ cốt để cho Quý Tử về mà thôi. Còn chí của Khánh Phủ của Phu nhân, thì chưa biết Hoàn Công đã không chinh đốn được, lại ngang nhiên sai người tới Lỗ xem có nên chiếm không. Hoàn Công làm bá chủ chư hầu, lại nhân người ta có nạn mà kiếm lợi, chép Trọng Tôn lại, không chép Trọng Tôn làm việc gì, đó là chỗ xấu, đáng chê của Tề Hoàn Công.

Năm Tân Dậu. Huệ Vương năm thứ 17

二 年

**NHỊ NIÊN**

**NĂM THỨ 2**

Tề Hoàn năm thứ 26. Tấn Hiến năm thứ 17. Vệ Ý năm thứ 9. Sái Mục năm thứ 15. Trịnh Văn năm thứ 13. Tào Chiêu năm thứ 22. Tần Thành năm thứ 4. Sở Thành năm thứ 12.

春王正月齊人遷陽  
**XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT,**  
**TÊ NHÂN THIÊN VƯƠNG**

**MÙA XUÂN, THÁNG GIÊNG, NGƯỜI TÊ**  
**THIÊN NƯỚC DƯƠNG (DƯƠNG TÊN NƯỚC)**

**Phủ lục Tả Truyện** - Mùa xuân, Quắc Công đánh bại Khuyển Nhung ở Vi Nhuế, Chu Chi Kiều nói: Không có đức mà được lộc là một tai ương. Tai ương sắp tới. Thế là trốn chạy sang Tấn.

**Hà Hưu** - Không vì Hoàn Công mà kiêng, Công chưa đủ che dầy được cái ác diệt người ta.

**Gia Huyền Ông** - Tê Hoàn thiên nước Hình là vì nghĩa, vì có nạn Dịch quấy, giúp Hình mà thiên hộ, chọn cho đất khác làm quốc đô, đó là phận sự của vị bá. Còn việc thiên nước Dương trong Truyện không được rõ. Cứ lấy thư pháp mà xét thì y như loại người Tống thiên nước Túc, tức là thiên các nước nhỏ để thu làm nước phụ dung, đổi tên nước. Xuân Thu vốn ghét việc đó, chép để chê, gọi là giáng, gọi là thiên, người ta không muốn mà cứ cưỡng ép người ta.

**Uông Khắc Khoan** - Người Tê thiên nước Dương là lấy thịt dè người, không chép đất, từ đây không thấy nói đến tên nữa. Nước Hình thiên ra Di Nghi không phải Tê thiên, chính là người Hình muốn thiên. Diệt nước Đàm, diệt nước Toại, là công việc Hoàn Công các năm đầu. Giáng nước Chương, thiên nước Dương, là hủy bỏ cả tế tự tôn miếu. Giữ lại nước Kỷ, nước Hình, nước Vệ, là để phô cái ý hưng lại nước bị diệt, nối lại nước đã bị đứt. Thế tức là đối với hạng bá, công và tội không có thể bù đắp nhau được.

夏五月乙酉吉禘于莊公  
**HẠ, NGŨ NGUYỆT, ẤT DẬU,**  
**CÁT ĐỂ VU TRANG CÔNG**  
**MÙA HẠ, THÁNG NĂM, NGÀY ẤT DẬU,**  
**LỄ CÁT ĐỂ TRANG CÔNG**

**Tả** - Mùa hạ, lễ cát để Trang Công. Thế là vội quá.

**Công** - Sao lại gọi là cát. Chưa thể cát được. Vì chưa đủ ba năm. Ba năm, thực ra chỉ có 25 tháng. Chép là Trang Công chưa được vì chưa lập cung miếu được (còn ở trong ba năm). Chép cát để ở miếu Trang Công là chê, chê khởi thủy lỗi cát để chưa đủ ba năm.

**Cốc** - Cát, thế tức là bất cát. Việc tang chưa hết đã tế cát, thế là không phải.

**Hồ Truỵện** - Trình Thị nói: Thiên Tử tế, gọi là đế, chư hầu tế gọi là hợp. Theo lễ thì đế hay hợp, đều là hợp tế. Đế là tế từ ông Thủy Tổ hướng về đông, rồi cùng các ông tổ khác về sau. Chư hầu thì không có vị đế thủy tổ, vậy chỉ tế ông Thái Tổ, mà cùng đế thần chủ các miếu khác, thế là tế hợp. Thiên Tử có đế, chư hầu có hợp, đại phu có hướng, thứ nhân có tiến. Các tế đều theo đẳng cấp trên dưới. Lỗ là nước chư hầu, sao lại có tế đế. Vì Thành Vương nhớ đến công lao Chu Công dày khắp thiên hạ, mới cho Lỗ Công dùng lễ nhạc Thiên Tử, cho dùng các Thái Miếu để trên hết thờ Chu Công. Từ đó, Lỗ có tế đế, trong Kinh mới nói đến tế đế mà không nói đến hợp. Tuy nhiên, thế có được không. Khổng Tử nói: Nước Lỗ tế đế là phi lễ, là đạo Chu Công suy rồi. Tế đế gọi là cát, tang chưa được ba năm, thế là vội quá. Muốn tế Trang Công thì nên tế ở giường thờ, chứ đừng tế ở cung miếu vội. Có một việc mà đến ba thứ thất lễ. Xuân Thu rất thận trọng. Tế bốn mùa, mỗi mùa để có một tên. Thế là sai nhầm cách xếp đặt lễ nghi.

**Chu Tử Luận Ngữ Tạp Chú** - Triệu Bá Tuấn nói: Đế là tế lớn của bậc vương giả. Vương giả đã lập miếu Thủy Tổ lại suy tính đến đức vua mà Thủy Tổ sinh ra, thờ vào một miếu,

phối vào với Thủy Tổ. Thành Vương cho là Chu Công có công to ban cho Lễ tế đò, cho nên miếu Chu Công có tế đê, cho là Văn Vương là vua đầu, mà Chu Công được phối. Tuy nhiên thế là phi lễ. Đê vốn là thứ tế rất lớn, rất xa. Nhược bằng tế hàng mùa, như tế hợp, thì chỉ làm lễ ở miếu Thái Tổ mà để lại gia thêm trên Thái Tổ một đời nữa. Như Hậu Tắc thì phải thêm trên Hậu Tắc một đời. Nhà Chu tế vua Cốc là theo lý đó. Trình tiên sinh lại bàn rằng, đê là tế vị mà Thủy Tổ được sinh ra, tế cùng với các thần chủ các miếu. Còn như hợp thì chỉ tế từ vị Thủy Tổ trở xuống cùng hợp với thần chủ các miếu. Bao thế là tế đê, e không phải.

**Uông Khắc Khoan** - Theo Công Dương thì có hai điều: Tế Hợp thì bỏ thần chủ ở miếu đã bỏ, bày vào nhà Thái miếu. Thần chủ miếu chưa bỏ cũng đem hợp cúng vào miếu Thái Tổ, Tăng Tử hỏi việc tế hợp ở miếu Tổ thì thấy đón thần chủ bốn miếu. Trong sách Vương Chế Chư có chép: Tang của Thiên Tử, của chư hầu hết, thì hợp thần chủ tiên quân vào Tổ miếu mà tế, thế gọi là tế hợp. Về sau nhân lấy thế làm thường. Ngày nay xét Công Dương bàn về lễ đại hợp thì câu Tăng Tử hỏi là hỏi về lễ hợp hàng mùa.

秋 八 月 辛 丑 公 薨

**THU BÁT NGUYỆT, TÂN SỬU CÔNG HOÃNG**  
**MÙA THU, THÁNG TÁM NGÀY TÂN SỬU, CÔNG MẤT**

**Tả** - Xưa chức Thái Phó của Công chiếm lấy ruộng của tên Bốc Kỳ. Công không ngăn. Mùa thu, tháng tám, ngày Tân Sửu, Cung Trọng (Khánh Phủ) sai Bốc Kỳ giết Công ở cửa Cung.

**Công** - Công mất, sao không chép nơi mất. Là muốn giấu, giấu việc bị giết (thí). Ai giết. Chính phạm là Khánh Phủ. Đầu tiên giết Công Tử Nha, nay tới việc này. Quý Tử không tránh khỏi được. Khánh Phủ giết hai vua sao không làm tội, để cho dây dưa, là muốn che đậy việc ác, đến nỗi không ngăn nổi, chậm truy tố, giặc cứ được ung dung. Đó cũng là đạo đối với anh em.

**Cốc Lương** - Không chép nơi chết, là có cơ. Không chép táng là vì không thể đánh mẹ để chôn con.

**Lưu Sương** - Năm thứ 2, Công mất. Công Dương bàn cũng như bàn ở trong năm đầu. Còn Cốc Lương thì nói: Không chép táng là vì không đánh mẹ để chôn con. Nói thế không phải. Khi vua bị giết, không trị được giặc thì không chép táng là để cho biết lúc táng, giặc chưa bắt được, trị được. Đã táng rồi, sau mới bắt được giặc, tuy đã bắt được rồi, việc táng cũng không chép, đây là trường hợp Mẫn Công. Đánh được giặc, tuy là chậm, nhưng lúc táng là sau lúc đánh được giặc, thì táng vẫn được chép, đó là trường hợp Trần Linh Công. Không lấy việc đánh mẹ mà chôn con nói thế là nghĩa gì.

**Trần Phò Lương** - Sử nước Lỗ chép Công tử Khánh Phủ giết Công ở cửa cung. Thánh nhân sao lại nói là Công mất, là kiêng tránh. Hàng quân, phụ, mà bị giết, là rất thảm, việc không nỡ nói. Thế cho nên chép là mất, mà không chép nơi mất, lại không chép táng. Mất, thì cả 12 Công vẫn mất. Không nói nơi mất, không nói nơi táng, chỉ có hai là Ân Công và Mẫn Công. Tuy nhiên, cho có kiêng nói nữa, thì tội loạn thần, tác tử vẫn cứ đủ.

九月夫人姜氏孫于鄆

CÚU NGUYỆT PHU NHÂN

KHƯƠNG THỊ TỐN VU CHÂU

THÁNG 9. PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ CHẠY SANG NƯỚC CHÂU

**Cốc** - Chép là tổn để kiêng chữ bốn là chạy.

**Hà Hưu** - Thông dâm với hai em, giết hai con nối, rồi chạy trốn, có ai như Ai Khương mà chả che. Thần tử trong nước hiểu rõ nghĩa ấy, nhưng con vẫn không tuyệt tình với mẹ được.

**Uông Khắc Khoan** - Trang Công mà lấy Ai Khương, nạp đồ cưới, thân nghênh, quan xã, rất chuyên về việc đi đi lại lại bên Tề. Rồi sơn cột, khắc rui, làm lễ yết kiến Phu nhân để khoe là sang, thế mà Ai Khương đâu có cùng đi về một lượt với Công,

lòng lang, dạ sỏi, hiện ra từ lúc đầu. Là vì Ai Khương đức hạnh rập theo dâm loạn của Văn Khương, mà Trang Công thì không biết ngăn ngừa, thì Trang Công còn có ra gì. Cho nên Ai Khương thông dâm với Cung Trọng (Khánh Phủ) mà không xấu hổ, giết Mẫn Công mà không có lòng thương xót, thế là lỗi ở Trang Công không biết phòng bị giữ gìn từ trước cho đến xảy ra việc ngày nay. Tuy nhiên, Ai Khương trốn sang Châu vẫn cứ chữ chép họ không bỏ. Văn Khương trốn sang Tề cũng không tước họ, thì vẫn chưa đủ để rõ tội. Còn Ai Khương trốn sang Châu tuy không bị tước họ nhưng cái ý đoạn tuyệt đã rõ ràng lắm.

### 公 子 慶 斧 出 奔 莒

### CÔNG TỬ KHÁNH PHỦ XUẤT BÔN CỬ

### CÔNG TỬ KHÁNH PHỦ CHẠY TRỐN SANG NƯỚC CỬ

Tả - Thành Quý (Quý Hữu) đem Hy Công (Công tử Thân) chạy sang nước Châu, Cung Trọng (Khánh Phủ) chạy trốn sang nước Cử, Lỗ sai mang hối lộ cho Cử, đòi lại Cung Trọng. Nước Cử đuổi Cung Trọng, tới đất Mạt biên giới Tề. Cung Trọng mới nhờ Công tử Ngư (Hê Tử) về Lỗ xin cho. Không được. Ngư trở lại, đứng ngoài khóc. Cung Trọng biết thân tự thất cổ chết. Mẫn Công là con người em gái Ai Khương tên Thúc Khương, vốn người Tề lập lên ngôi. Cung Trọng thông với Ai Khương. Ai Khương muốn cho Cung Trọng lên ngôi. Mẫn Công mà chết Ai Khương có dự biết, cho nên mới trốn sang nước Châu. Người Tề tới bắt giết đi ở đất Di, đem xác về. Hi Công xin xác để táng, Di, đất nước Lỗ.

**Phụ lục Tả Truyện** - Thành Quý lúc sắp sinh, Hoàn Công có sai bói, tất là sinh con trai tên là Hữu, ở bên hữu Công, giữa khoảng nền xã, giúp nhà vua. Họ Quý mà mất, thì nước Lỗ hết hưng thịnh. Lại bói được quẻ Đại Hữu. Cùng một cha mà kính như vua tôi. Đến khi sinh, thì nơi tay có vết chữ hữu. Cho nên đặt tên là Hữu.

**Cốc** - Chép là xuất, là ra, ra khỏi nước. Thế là Khánh Phủ thôi hết về nữa.

**Hồ Truyện** - Công tử rời nước chạy trốn. Chép là ý chế để mất giặc.

**Lục Thuần** - Cốc Lương nói: Chép chữ xuất là tuyệt đường về. Xét lệ, đại phu mà chạy trốn, đều chép là xuất, không nên cho là có một nghĩa riêng khác.

**Uông Khắc Khoan** - Khánh Phủ giết luôn tiếp hai vua, làm Lỗ vào thế nghiêng đổ. Đã không biết đặt một vị vua để nhờ cậy, lại tránh tội, rời nước chạy trốn, hợp bề lủ để làm bậy, lấy lợi cho riêng mình, lộng hành các việc loạn nghịch, người người đều muốn giết, thế thì còn dung thân vào đâu được. Vì thư không có bọn ngũ nhân Lạc, Bốc Kỳ làm bậy, thì cái họa Từ Ban cùng Mẫn Công đâu đến gấp thế. Lại vì thư Quý Hữu đi sang Châu mà bọn dân Quy Mông. Khúc Phụ (dân Lỗ) không được mưu kế như Thạch Thác, Ung Lãm thì Cung Trọng (Khánh Phủ) vị tất đã vội vã chạy trốn như thế. Tuy nhiên, Khánh Phủ mà chạy trốn là tự biết tội to, ác lớn, nơm nớp sợ người Lỗ giết, sợ Bá chủ hỏi tội cho nên không thể không chạy trốn được. Còn như người Lỗ mà đòi Khánh Phủ ở nước Cử, khi đến nơi thì đã thấy thất cổ rồi, đáng nhẽ ra phải chép là giết giặc để cho chính pháp. Nay chỉ chép có chạy trốn, mà không chép là chết thì biết rằng, người Lỗ đã không hay đánh giết được giặc, rồi con cháu Khánh Phủ lại được nổi nghiệp, có khác gì Thúc Nha, Công Tôn Ngao, giữ chức Khanh, có khác gì Công Tôn Tư. Thế thì người Lỗ chịu làm lễ táng Khánh Phủ. Kinh không chép táng để cho khác với Mục Bá. Há chẳng phải thánh nhân lấy tội thí nghịch của Cung Trọng, không phải là so được với Ngao, mà san bỏ lễ táng đi hay sao.

**Xét** - Quý Hữu trong nước thì cầm quyền chính, ngoài nước thì có Tề giúp, Mẫn Công bị giết đã không hay cứu được, lại nhìn Khánh Phủ chạy trốn mà không đánh. Hồ Truyện chê là phải. Ví như lấy sự khó dễ, mau chậm, bào chữa cho quý Hữu thì lại mất cái nghĩa đánh giặc, trị tội giặc. E không phải là ý của Kinh.

## 冬 齊 高 子 來 盟

### ĐÔNG, TỀ CAO TỬ LAI MINH

### MÙA ĐÔNG, TỀ CAO TỬ LAI THỂ

**Công** - Cao Tử là đại phu nước Tề, Sao không gọi là sứ. Là vì Lỗ ta không có vua. Thế sao không chép tên. Là vì mừng. Lỗ mừng thấy tới. Trang Công chết. Tử Ban bị giết, Mẫn Công bị giết. Ba vua chết. Trong khoảng không có vua, giá như Tề chiếm lấy Lỗ, không phải dùng đến quân, chỉ cần lời nói là được Hoàn Công sai Cao Tử lấy quân Nam Dương đem Hy Công lập lên ngôi vua, đắp thành cho Lỗ. Hoặc nói từ Lộc Môn đến Tranh Môn, hoặc nói từ Tranh Môn đến Lai Môn đều xây đắp. Người Lỗ đến nay vẫn còn nói tới, còn khen Cao Tử.

**Cốc** - Chép là lại, là mừng thấy lại. Gợi Cao Tử là Quý vì việc thể lập Hy Công lên ngôi. Không gọi là sứ vì không cho là do Tề Hầu sai.

**Lục Thuần** - Tôi nghe thầy học tôi dạy. Không chép là Tề Hầu sai Cao Tử, vì Cao Tử phụng mệnh được tùy nghi, chịu mệnh chứ không cứ lời dặn, cũng như Khất Hoàn thể với Tề, đâu có nói là Sở Tử sai đi sứ.

**Lưu Sưởng** - Công Dương báo không gọi là sứ vì Lỗ ta không có vua báo thể không phải, Khánh Phủ bỏ nước chạy trốn thì Hi Công đã được lập. Cao Tử nói là lại hội thể là thể với Hy Công, thế thì đâu ta lại không có vua. Công cùng Tề đại phu thể ở đất Kỳ, đương lúc ấy Tề không có vua, văn thư đã không bỏ chữ Công, thì nay Lỗ không vua vì có gì mà lại bỏ chữ Tề Hầu. Tề Hầu ngang nhiên có ý muốn chiếm Lỗ, mới sai Cao Tử đem quân Nam Dương, không phải tới đánh, không phải tới giúp việc chính, không phải tới sinh diếu. Cao Tử biết rõ nghĩa của người tôi trung, cố gắng cho vua thành nghiệp bá, tùy việc mà quyết định. Cao Tử đang là bậc trung thần, theo nghĩa không theo mệnh.

十 有 二 月 狄 入 衛

**THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, ĐỊCH NHẬP VỆ**

**THÁNG 12, ĐỊCH VÀO NƯỚC VỆ**

Tả - Mùa đông tháng 12, người Dịch phạt Vệ. Vệ Ý. Công thích chơi chim hạc, cho hạc cưỡi xe, khi lâm chiến, phát chiến cụ cho dân, dân nói: Sao không sai hạc, hạc có bổng lộc, hạc có chức tước, chúng tôi đây đánh trận sao được. Công mới giao cho Thạch Kỳ viên ngọc quyết, giao cho Ninh Trang Tử cái tên, sai giữ thành và bảo: giữ hai vật này làm tin, mọi việc tùy nghi, lợi cho nước thì làm. Lại giao cho phu nhân cái áo thêu và bảo: Phai nghe lời bàn của hai người. Sai tướng Cừ Khổng đi đầu, Tư Bá coi Hữu quân. Hoàng Di coi tiền khu. Khổng Anh coi Hậu quân. Cùng người Dịch chiến ở Huỳnh Trạch, quân Vệ tan vỡ, bị thua to. Vệ Hâu không bỏ cờ đại bái, thành ra hồng cả. Người Dịch bắt được Sử quan là Hoa Long Hoạt cùng Lỗ Khổng, rồi đuổi theo quân Vệ. Hai người nói: Chúng tôi là Thái Sử, coi việc cung tế. Tôi không về trước cúng tế, các người không được nước tôi đâu. Dịch mới cho về trước. Về đến nơi, báo Trấn Thủ rằng đi ngay, không đợi gì nữa. Thế là đêm, người trong nước đi ra. Người Dịch đến nơi, đuổi theo, lại đánh thua ở sông Hà. Xưa Huệ Công lên ngôi còn ít tuổi, thứ huynh là Chiêu Bá thông dâm với Tuyên Khương, Khương không chịu. Nhưng bị bắt ép rồi sinh ra Tề Tử, Đái Công, Văn Công, Tống Hoàn Phu nhân, Hứa Mục Phu nhân. Văn Công vì thấy Vệ loạn, trước đã đi sang Tề. Khi Vệ bại, Tống Hoàn Công đón quân Vệ ở sông Hà, đêm chờ sang đến hơn 700 nam nữ, lấy thêm người Cộng Đảng, tất cả độ 5000 người, lập Đái Công lên ngôi, chiêu tập dân tới Ấp Tào, Hứa Mục Phu nhân cũng giúp. Tề Hâu sai Công Tử Vô Khuy đem xe 500 cỗ, giáp sĩ 3000 người, tới giữ hộ Ấp Tào, biếu năm cỗ xe và 300 trâu, dê, lợn, gà chó cùng các đồ dùng, biếu Phu nhân xe cùng ba mươi tấm gấm. Huỳnh Trạch ở Hà Bắc, không phải Huỳnh Trạch ở Trịnh Châu. Cộng Đảng, biệt ấp của nước Vệ. Tào, ấp nhỏ của nước Vệ, theo Khổng sơ thì ở Hà Đông gần Sở Khưu.

**Uông Khắc Khoan** - Chép "vào" và không chép diệt. Hoặc vì Tề Hoàn Công không hay chống đỡ được狄, nên vì Hoàn Công mà tránh chữ diệt. Hoặc khen Hoàn Công đã giữ được Vệ khỏi mất, mà tránh chữ diệt để khỏi phiền Hoàn Công. Xét ra, Hoàn Công lúc khởi thủy tuy không đuổi được狄 trước khi Vệ bị diệt, nhưng hãy còn tồn được Vệ, sau khi狄 đã diệt Vệ. Vậy trong việc, hưng nước đã bị diệt, nổi lại nước đã bị dứt, thì vẫn có lần lượt. Đó là ta cứ ngẫm nghĩ mới biết được ý văn. Nay cứ so việc mà khảo sát thì Kinh Xuân Thu phạm nước bị diệt, mà chỉ chép là nhập là vào, hoặc giặc không chiếm đất chẳng, hoặc tuy có chiếm đất, mà không tuyệt việc tế tự người ta. người狄 vào Vệ, người Tần vào Hoại, người Sở vào Trần, người Ngô vào Đinh, đều không chiếm đất. Công cùng Tề Trịnh vào Hứa tuy được đất nhưng không tuyệt việc tế tự của người ta. Tổng diệt Tào mà chép là vào, là nhập là ghét Tào Dương tự mình làm diệt vong, cho nên không cho Tào chữ lịch sự, nhẹ nhàng, để chép việc mất nước. Đó lại là biến lệ của Kinh Xuân Thu.

**Xét** - Người狄 vào Vệ. Phạm Ninh. Trần Phó Lương, cùng tôn giặc, mỗi người bàn một cách. Uông Khắc Khoan nhặt lấy mỗi người một ý rồi tiết trung, cho tình và lý cùng hợp, thật là rõ được ý của Kinh. Nên lấy thuyết Uông Khắc Khoan làm lời chính đáng.

## 鄭棄其師

### TRỊNH KHÍ KỲ SU

#### NƯỚC TRỊNH BỎ QUÂN ĐỘI

Người Trịnh ghét Cao Khắc sai đem quân đóng tại Hà Thượng. Dà lâu không triệu về. Quân tan rồi về. Cao Khắc chạy trốn sang nước Tần. Người Trịnh vì việc ấy đặt ra thơ Thanh nhân.

**Phụ lục Tả Truyện** - Tấn Hầu sai Thế Tử Thân Sinh phạt Đông Sơn, Cao Lạc Thị. Lý Khắc Can: Thế Tử giữ việc tế tự Thái Miếu, xã tắc, sớm chiều cần ở gần vua, trông coi ăn uống nên gọi là Chung Tử. Vua đi ra ngoài thì Thế Tử ở nhà giữ

nước. Đã có người giữ nước thì Thế Tử theo vua, gọi là Phủ Quân. Ở nhà thì gọi là Giám Quốc. Đó là pháp chế từ xưa, xét việc cầm quân, cần mưu toan, trông coi quân đội, đó là việc của Quốc chính, không phải việc của Thế Tử. Quân thì phải theo quân chế. Nếu còn phải bầm mệnh thì không có uy. Nếu tự chuyên thì lại là bất hiếu. Cho nên, tự quân không nên cầm quân. Không đúng chức vị, cầm quân không có uy, thế thì còn làm gì được. Và lại tôi nghe nói, Cao Lạc thị sắp đem quân tới, vậy ta hãy chờ. Công nói: Quả nhân có nhiều con, chưa biết ai nối ngôi. Lý Khắc không đáp nữa rồi lui, vào yết kiến Thế Tử, Thế Tử nói: Ta chả lẽ từ chối bỏ việc. Đối với dân, phải bảo dân. Đối với quân, phải dạy quân. Không làm việc là sợ, sao lại bỏ việc. Và chẳng, làm con chỉ sợ bất hiếu, chứ không sợ không được nối ngôi. Sửa mình mà không trách người, thế thì vẫn tránh nạn được. Thế Tử cầm quân đi. Công ban cho áo màu sắc sỡ, nửa áo tướng nửa áo Thế Tử, cho đeo ngọc Kim Quyết. Hồ Đột giữ chức Ngự Nhung. Tiên Hưu giữ cánh Hưu quân, Lương Dư Tử Dương giữ chức Hân Di, Tiên Đan Mộc làm Hưu quân. Dương Thiệt đại phu giữ chức Ủy. Tiên Hưu nói: Cho mặc áo màu là giữ then chốt việc quân, thôi ta đành đi, xin Thế Tử cố gắng, mặc áo ấy là không còn thắc mắc bận lòng gì nữa. Then chốt việc binh thì không có tai họa, bản thân đã không tai họa thì còn lo sợ gì. Hồ Đột than rằng: Thời là gì? Là lúc nên làm của công việc. Áo là gì? Là cái văn thái của thể xác. Ngọc là gì? Là cái biểu dương của tâm can. Cho nên, việc thì phải kính, mệnh khởi thủy ở đó. Y phục thì phải thuận (đừng tạp nhạp). Biểu lộ tâm can, thì ngọc phải có mức độ. Nay mệnh ra lúc thời hết (mùa đông) thế là công việc nghìn tắc. Ban cho áo sắc sỡ, là ý dối cho đi xa. Ngọc cho đeo kim quyết là bỏ tấm trung can đi. Chọn áo để đuổi. Chọn mùa cho bế tắc. Áo thì sắc sỡ, mùa thì mùa đông. Kim thì hàn. Ngọc thì ly, còn nhờ cậy về đâu được nữa. Dù có muốn cố gắng, Địch dẹp hết cả thế nào được. Lương Dư Tử Dương nói: Phạm xuất sư là thụ mệnh ở nhà Thái Miếu, nhận phần tể ở xã tắc, đều mặc thường phục. Không thăng trận mà đã mặc áo màu thì biết tính mệnh sẽ ra sao. Chết là bất hiếu thì chi bằng đi trốn. Hân Di nói: Áo màu là lạ, là không thường. Đeo kim quyết là thôi không trở về, dù có trở về thì

được làm gì, thế là biết tâm của vua rồi. Tiên Đan Mộc nói: Mặc áo ấy, đến người đại đột cũng biết là địch không thể giết hết được, mà có giết được hết thì trong nước còn có giặc gièm, sao bằng tránh xa đi. Hồ Đột ý muốn bỏ nước đi, Dương Thiệt đại phu nói, không nên. Trái mệnh là bất hiếu, bỏ việc là bất trung, dù có biết là mong manh sao lại không chịu được xin cứ việc chết. Thế Tử sắp chiến. Hồ Đột can: Không nên. Xưa Tần Bá can Chu Hoàn Công rằng: Trong yêu hai Hậu, ngoài yêu hai chính, con thiếp cho ngang con địch, đại đồ to bằng cả nước, đó là gốc loạn. Chu Công không nghe, cho nên sau bị nạn. Nay gốc loạn đã thành, đã dựng xong rồi. Hiếu mà yên được dân thì Thế Tử cứ làm. Nhưng thân đã nguy mà tội lại chóng tới.

Thành Phong nghe thấy Thành Quý bói được quẻ tốt mới xin theo hầu, rồi nói với Hy Công, cho nên Thành Quý lập Hy Công.

Hy Công năm đầu, Tề Hoàn thiên nước Hình, đến đất Di Nghi. Năm thứ hai, phong Vệ ở Sở Khưu. Hình bị thiên di, mà coi như về đất cũ, nước Vệ thì quên cả nạn mất nước.

Vệ Văn Công, mặc áo vải, mũ vải, chăm làm, khuyên dân làm ruộng, mở việc buôn bán, chấn hưng công nghệ, dạy dỗ dân gian, đón khách, trọng hiền, năm đầu binh xa có 30 cỗ, năm cuối được 300 cỗ.

**Công** - Trịnh sao lại bỏ rơi quân đội. Vì ghét tướng, Trịnh Bá ghét Cao Khắc sai làm tướng, đuổi không dung nạp, đó là lỗi bỏ rơi quân đội.

**Cốc** - Bỏ vị trưởng chứ sao lại bỏ cả quân. Đó là bỏ quân.

**Lục Thuần** - Thôi nghe thấy học có dạy: Nói về cái nghĩa kẻ làm tôi. Nếu được thì cố sức ngày một cho chủ hơn. Nếu không được thì nghĩ đến bản thân mà lui về. Cao Khắc khi tiến khi lui đều trái nghĩa. Để cho vua ghét là có tội to rồi. Không chép là chạy trốn là tại sao. Cao Khắc bị vua ghét thì dễ hiểu rồi. Còn vua ghét Khanh mà không biết cho lui về theo lẽ, lại đi bỏ rơi người ta, thì cũng là mất đạo làm vua. Cho nên, thánh nhân vẫn chép tuy có khác mà rất chề.

# XUÂN THU QUYỂN THỨ NĂM

僖 公

**HY CÔNG**

**Dương Sĩ Huân** - Theo Lỗ thế gia. Hi Công tên là Thân, con Trang Công, thứ huynh của Mẫn Công, lên ngôi năm Huệ Vương thứ 18. Theo phép đặt tên Thụy, cẩn thận, để tâm lo lắng sợ hãi, thì gọi là Hi.

Năm Nhâm Tuất. Huệ Vương năm thứ 18.

元 年

**NGUYÊN NIÊN**

**NĂM ĐẦU**

Tề Hoàn năm thứ 27, Tấn Hiến năm thứ 18. Vệ Văn Công Huy năm đầu. Sái Mục năm thứ 16. Trịnh Văn năm thứ 14. Tào Chiêu năm thứ 3. Trần Tuyên năm thứ 34. Kỷ Huệ năm thứ 14. Tống Hoàn năm thứ 23. Tần Mục Công Nhâm Hiếu năm đầu. Sở Thành năm 13.

春 王 正 月

**XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT**

**MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG**

Tá - Năm đầu, mùa xuân. Không chép lên ngôi vì Công đã đi ra khỏi nước. Công ra rồi Công mới trở lại, cho nên không chép, kiêng tránh việc xấu của nước. Thế chính là lẽ.

**Công** - Sao không chép lên ngôi. Vì nổi một vua bị giết. Không chép con lên ngôi vì không phải con. Còn xưng là con là theo lệ dùng chữ thần tử.

**Cốc** - Nổi một vị vua bị giết, không chép lên ngôi, thế là chính.

**Hà Hưu** - Hy Công nổi vị vua đầy năm. Theo lễ, bấy tôi, chư hầu, trong hàng thân thích, mà nổi ngôi vua, thì như con nổi ngôi cha, áo mặc đều sô gai, cho nên Truyện chép cứ theo lệ thần tử.

**Lưu Suồng** - Tả Truyện cho rằng Công đã đi ra khỏi nước, nên không chép là lên ngôi, cho thế không phải. Năm trước, tháng tám. Mẫn Công bị giết, Hy Công từ nước Châu vào làm vua, đến bây giờ đã lâu rồi. Trong nước đã tạm yên, không còn lấy cớ đã xuất hôn, chạy trốn, được. Đây chỉ là không làm lễ lên ngôi. "Công đã ra, rồi lại vào, đều không chép là kiêng tránh, kiêng việc xấu của nước, thế là lễ". Xét Ngự Tôn có nói với Trang Công rằng. Vua làm việc gì cũng có chép. Chép mà không làm phép thì vua sau biết đâu mà xem. Cứ lấy lời của Ngự Tôn mà bình luận, vua mà không làm phép, việc mà không việc gì là không phép, thế thì báo rằng kiêng nói việc xấu của nước, e không phải là việc của sử quan, không phải là ý Kinh Xuân Thu.

齊師宋師曹師次于聶北救邢

**TÊ SƯ, TỐNG SƯ, TÀO SƯ THỨ VU**

**NHIẾP BẮC CỨU HÌNH**

**QUÂN TÊ, QUÂN TỐNG, QUÂN TÀO,**

**ĐÌNH LẠI NHIẾP BẮC ĐỂ CỨU HÌNH**

Tả Thị chép là Tào Bá - Nhiếp Bắc là đất nước Hình.

**Công** - Cứu nước Hình. Đã cứu thì không có nói đình quân. Đây nói đình quân, là ý nói không làm được việc. Vì Hình đã bị Dịch diệt rồi. Sao không chép rõ là Dịch diệt, là vì kiêng cho Tể Hoàn Công. Trên đã không có Thiên Tử, dưới lại không

có vị Phương Bá, chư hầu trong nước mà đi diệt nhau, thì Tề Hoàn không cứu nổi, Tề Hoàn phải lấy làm xấu hổ. Sao trước nói đình quân, sau mới nói cứu. Vì là vua cầm quân. Sao chỉ chép là quân, quân Tề, quân Tống... là ý không muốn cho chư hầu chuyên quyền. Thế sao sự thật thì lại cho. Là vì trên đã không có Thiên Tử, dưới không Phương Bá các chư hầu mà diệt nhau, có nước nào cứu được thì cứ nên cứu.

**Cốc** - Đã đi cứu thì không nói là đình quân. Đình quân thế là không cứu, mà lại cứ nói là cứu là tại sao. Là theo ý Tề Hầu. Chính thế. Sao biết. Là vì Tào không có quân. Nói quân Tào, chính là Tào Bá, vua Tào đó thôi. Sao đây không chép Tào Bá, là vì đã không chép Tề Hầu thì cũng không chép Tào Bá. Sao lại không nói Tề Hầu, vì Tề Hầu chưa đủ uy lực.

**Phạm Ninh** - Nước nhỏ, mà vua cầm quân, thì là vua. Khanh cầm quân thì chép là người (người Tào), chứ không chép được là quân (sư). Đây chép là quân (sư) thì chính là vua Tào (Tào Bá). Vì vua Tào không thể đặt dưới quân được, cho nên biết là chính Tề Hầu.

**Khổng Dĩnh Đạt** - Công Dương cho là không để cho chư hầu được chuyên quyền, cho nên đổi chép là quân đội, Thời ấy mới bắt đầu cứu nước Hình. Hình vốn không bị diệt, sao lại chép tường lối cứu người. Cốc Lương bảo Tào không có quân đội, quân đội Tào tức là vua Tào. Không chép Tào Bá vì không chép Tề Hầu thì không thể chép Tào Bá được, Cốc Lương nói thế không phải. Bao rằng đình quân tại Nhiếp Bắc để cứu Hình là có ý rõ ràng chê Hoàn Công. Thế sao lại còn đổi Tề Hầu làm quân Tề. Pháp chế của tiên vương, nước lớn có ba quân, nước nhỏ có hai quân, nước nhỏ có một quân. Quân tức là sư. Tào là nước nhỏ, không thể nào lại kiêu không có quân.

**Xét** - Xuân Thu cứ việc chép thẳng. Giải thích Kinh là nhân lời văn mà khảo sát sự thực để rõ ý khen chê. Nếu văn đã không cho thì sao được bảo là sự thực có cho. Công Dương bàn là sự thực có cho, mà văn thì không cho. Công Dương bàn thế là sai. Việc ở Sở Khưu, ở Duyên Lăng cũng thế cả.

夏六月邢天子夷儀

**HẠ LỤC NGUYỆT, HÌNH THIÊN VU DI NGHI**

**MÙA HẠ THÁNG SÁU, HÌNH THIÊN ĐẾN DI NGHI**

Công Thị chép là Trần Nghi. Di Nghi là đất nước Hình.

**Tả** - Chư Hầu cứu nước Hình. Người Hình tan vỡ, chạy tới quân đội chư hầu. Quân chư hầu đuổi Địch. Địch lấy của cải đồ đạc đem đi. Quân đội chư hầu không chút tơ hào.

**Công** - Đem đi là ăn cướp. Thiên là tự ý.

**Cốc** - Thiên tức là còn có quốc gia, còn có đất nước Hình.

齊師宋師曹師成邢

**TÊ SU, TỔNG SU, TÀO SU, THÀNH HÌNH**

**QUÂN TÊ, QUÂN TỔNG, QUÂN TÀO,  
XÂY THÀNH NƯỚC HÌNH**

**Tả** - Chư hầu đắp thành cho, là cứu một nạn. Phạm vi Bá cứu tai, cứu nạn, đánh kẻ có tội là theo đúng lễ.

**Công** - Đây chỉ là một việc, sao lại nhắc quân Tổng, quân Tê, quân Tào. Nếu không nhắc lại thì không biết chỉ là một việc.

**Cốc** - Đây chỉ là một quân đội. Chép như chép làm một việc khác. Đó là khen cái công của Tê Hầu.

秋七月戊辰夫人姜氏薨于夷齊人以歸

**THU, THẤT NGUYỆT, MẬU THÌN, PHU NHÂN**

**KHƯƠNG THỊ HOÀNG VU DI, TÊ NHÂN DĨ QUY**

**MÙA THU THÁNG BẢY, NGÀY MẬU THÌN,  
PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ MẤT Ở DI, NGƯỜI TÊ ĐEM VỀ**

Ta chép Lỗ Mẫn Công năm thứ hai.

**Công** - Di là đất nước Tề. Sao lại nói người Tề đem về. Tề Hoàn Công vờ tới Di rồi cho thất cố chết.

**Cốc** - Phu nhân chết thì không chếp nơi chết. Đây chếp là có cố. Không chếp đem về chôn, vì không phải ý ấy, mà thêm chữ chôn vì kiêng tránh, chứ thật là đem về cho chết.

**Uông Khắc Khoan** - Nghĩa câu đem về, Văn Định cùng Trình Sa Tuy, đều bảo là đem tang về Lỗ. Nay xét sau việc “đem về, đã qua 170 ngày, vậy không có lý ấy được. Trong Kinh, phạm chếp “đem về”, là đem về nước. Như Nhung phạt Phạm Bá ở Sở Khuu đem về, như Ký Bá đón tang Thúc Cơ đem về. Phạm đã chếp về là về Lỗ như Thiên Tử sai Vinh Thúc về khách quán và phúng, như người Tề đem Công Tôn Ngao về. Nên theo Tả Thị bảo là Tề đem tang về. Công và Cốc đều bảo là đem về đất Di. Tuy nhiên, chữ đất Di chếp ở trên chữ đem về tức là tự đất Di mà đem về. Và lại giết tại đất Di mà đem tang về nước Tề, rồi sau Lỗ mới xin đem về Lỗ vậy. Nếu không thế thì sao lại nói rằng tang Phu nhân đến tự nước Tề, mà không chếp đến tự đất Di. Cũng giống giọng câu văn “chỉ tự Can Hầu” chẳng. Chếp: người Tề đem về là để rõ việc người Tề giết. Không chếp Tề Hầu mà chếp người Tề là lời văn thảo tặc, đánh giặc. Tả Thị bảo người Tề giết Ai Khương là quá lắm. Nhưng tiên nho dẫn việc Vũ Hạo cướp ngôi vua Đường, thần tử nhà Đường còn biết phế làm dân rồi giết đi, huống chi Tề Hoàn không giết được Ai Khương hay sao.

### 楚人伐鄭

### SỞ NHÂN PHẠT TRỊNH

### NGƯỜI SỞ PHẠT TRỊNH

Kinh bắt đầu chếp là Sở.

Tả - Người Sở phạt Trịnh vì cố nước Tề.

八月公會齊侯宋公鄭伯曹伯鄆人于榿

**BÁT NGUYỆT, CÔNG HỘI TỀ HẦU, TỔNG CÔNG,**

**TRỊNH BÁ, TÀO BÁ, CHÂU NHÂN VU SANH**

**THÁNG 8, CÔNG HỘI TỀ HẦU, TỔNG TÔNG,**

**TRỊNH BÁ, TÀO BÁ, NGƯỜI CHÂU, TẠI ĐẤT SANH**

Sanh, Công Thị viết là 𣎵, đất nước Tống. Tây Bắc huyện Trần có đất Sanh. Hà Nam, Khai Phong, địa giới Trần, Châu, có Lạc Thành, tức là Sanh Thành.

Tả - Thê ở đất Sanh, là để mưu cứu Trịnh.

九月公敗鄆師于偃

**CỬU NGUYỆT CÔNG BẠI CHÂU SƯ VU YẾN**

**THÁNG 9, CÔNG ĐÁNH BẠI QUÂN ĐỘI CHÂU Ở ĐẤT YẾN**

Yến, phía Nam Phí huyện, ở Duyện Châu, Công Thị chép là chữ 纒.

Tả - Đây là đất Kiền, ở Hư Khưu, nước Châu lấy về Lỗ.

Cốc - Không chép ngày là nghi chiến: Thế mà bảo là đánh bại là Sử Lỗ chép.

Cao Môn - Châu họ Khương, Công không xin với hội, mà đã đánh. Đã hội mà còn đánh tan quân đội thế là phi lễ.

冬十月壬午公子友帥師敗莒師于鄆獲莒奴

**ĐÔNG THẬP NGUYỆT, NHÂM NGỌ, CÔNG TỬ**

**HỮU SUẤT SƯ, BẠI CỬ SƯ VU LI, HOẠCH CỬ NÔ**

**MÙA ĐÔNG THÁNG 10, NGÀY NHÂM NGỌ, CÔNG TỬ HỮU,**

**CẨM QUÂN ĐÁNH BẠI QUÂN CỬ Ở ĐẤT LI, BẮT ĐƯỢC CỬ NÔ**

Tả - Mùa đông. Người Cử tới đòi hồi lộ. Công tử Hữu đánh cho bại ở đất Li, bắt được em vua Cử (em cử Tử). Công thưởng cho Hữu ruộng Văn Dương và ấp Phí. Văn Dương ruộng phía Bắc

sông Vắn. Năm Đinh Công thứ 10, người Tề trả lại các ấp Vắn, Hoan, Quy Âm đều là đất Vắn Dương.

**Công** - Cừ Nô là ai? Là đại phu nước Cừ. Nước Cừ không có đại phu. Sao đây lại chép? Là để cho Quý Hữu thêm danh giá. Tại sao? Quý Hữu trong nước khó giữ được nội chính, ngoài nước khó giữ được ngoại chính. Vì sao? Vì Công Tử Khánh Phủ giết Mẫn Công, chạy đến nước Cừ, người Cừ đuổi. Sắp muốn sang Tề. Người Tề không cho vào, lại phải trở lại ở trên sông Vắn, sai Công Tử Hề Tư về Lỗ xin tha, Quý Hữu nói: Công tử không vào được. Vào Lỗ là bị giết. Hề Tư không nỡ truyền mệnh lại cho Khánh Phủ, đứng ở ngoài xa khóc. Khánh Phủ nói: Nghe như tiếng Hề Tư, thế là ta thôi không được về Lỗ. Nói rồi lấy dây thắt cổ chết. Người Cừ nghe tin nói: Thế là ta đã trừ được rồi, nay ta đòi Lỗ hồi lộ. Người Lỗ không cho. Thế là Cừ đem quân đến đánh Lỗ. Quý Tử đợi rồi đánh.

**Cốc** - Nước Cừ không có đại phu. Vậy Cừ Nô là ai? Vì ta bắt được, cho nên chép là đại phu. Trong sử không chép bắt được. Đây sao chép? Là vì ghét Công tử dôi trá. Việc dôi trá như sau: Công tử Hữu báo Cừ Nô rằng: Hai người ta đánh nhau, còn sĩ tốt thì có tội gì. Vậy đuổi hết người chung quanh, chỉ hai người đấu vô với nhau. Tả hữu của Quý Hữu nhắc nhủ: Thanh mạnh lao đầu. Mạnh lao là thanh thần kiếm. Quý Hữu rút mạnh lao, bất ngờ chém được. Vậy ghét Quý Hữu về hành vi dôi trá, và không xứng địa vị tướng cầm quân.

**Uông Khắc Khoan** - Tả Thị và Công Dương đều báo là Quý Hữu bắt được. Nay xét Kinh chép việc Trịnh bắt Sái Công tử Tiếp, Tống Hoa Nguyên. Ngô bắt Trần Hạ Khiết, Tề Quốc Thư, chưa thường thấy chép bắt được, là có ý khen. Đây về Công tử Hữu, thì chép đánh thua, chép bắt được, thế là ý chê trách Quý Hữu. Ví như Khánh Phủ chạy trốn sang Cừ, mà không chép người Cừ giết Khánh Phủ, cùng việc Tống. Vạn chạy trốn sang Trần, mà không chép người Trần giết Vạn, thì các việc đều cùng một ý nghĩa. Còn như chê hợp bè lũ làm việc ác, cùng đòi ăn hồi lộ, những tội đó cứ coi việc là đủ thấy rồi. Hà tất phải báo rằng chép bắt được để nâng cao danh của Quý Hữu.

**Triệu Dữ Quyền** - Quý Hữu có công lập Hy Công có danh  
đẹp yên loạn rồi cầm quyền chính nước Lỗ chuyên chủ về việc  
quân, lại có công đánh bại quân Cử, cái hình thức chuyên chế  
khởi thủy từ đây.

十 有 二 月 丁 巳 夫 人 氏 之 喪 至 自 齊

**THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, ĐINH TÝ, PHU NHÂN**

**THỊ CHI TANG CHỈ TỰ TÊ**

**THÁNG 12, NGÀY ĐINH TÝ, TANG PHU NHÂN**

**THỊ TỪ NƯỚC TÊ ĐƯA TỚI**

**Tả** - Tang Phu nhân thị tự Tê đến. Người quân tử cho rằng  
Tê giết Ai Khương là quá lắm. Con gái thì theo nhà chồng.

**Công** - Phu nhân sao không chép là Khương Thị? Là ché.  
Vì có dự việc giết Công. Nhưng sao không biếm ché ngay lúc  
giết? Ché vào lúc quan trọng. Mà quan trọng nhất là lúc táng.

**Cốc** - Không chép là họ Khương là bị biếm. Bị biếm vì  
đã giết hai người. Hoặc bảo vì Tê Hoàn mà kiêng chép giết  
hai người cùng họ.

**Lưu Sưởng** - Đồ Thị bảo không gọi họ là vãn bị thiếu sót.  
Phu nhân chạy sang Tê không chép họ thì cũng là vãn sót chẳng.  
Gốc Lương nói, không chép họ là vì kiêng cho Tê Hoàn giết người  
cùng họ. Cốc Lương nói không phải. Phu nhân lấy thế là vợ vua,  
đã giết hai người. Người Lỗ không dám trị. Hoàn Công làm Bá  
chủ, ghét thấy họa loạn sinh, há được ngơ cho người cùng họ  
ư. Xuân Thu đã không lấy làm xấu, thì cũng cần phải kiêng tránh.  
Ai Khương đã dự vào việc loạn thì sao còn phối hưởng được tôn  
miếu, sao còn trở lại với quần thần được. Ở Lỗ hạng thân tử  
đã không trị được, thì Tê Hoàn lấy địa vị Bá chủ, chính được  
pháp, cho nên thân tử có thể căn cứ vào mệnh vị bá chủ để  
tôn trọng nhà tôn miếu, bá chủ có thể dựa phép Thiên Tử mà  
dứt tình riêng. Nay Tê lấy Công nghĩa giết đi, còn Lỗ lấy ý  
riêng xin về, thế là Lỗ có lòng bất nhân, nhưng chép vào sử  
thì cần khước bỏ họ Khương cho rõ ý nghĩa.

**Lý Liêm** - Tê giết Ai Khương. Cốc Thị, Công Thị, Hồ Thị, Lưu Thị đều cho là vô nghĩa. Riêng Tả Thị thì nói: Tê giết là quá. Con gái theo chồng, thế là Tả Thị không xét đến công nghĩa của Xuân Thu.

**Xét** - Phu nhân chép là Thị, chứ không chép họ Khương, thế là bị biếm. Biếm Ai Khương không phải chạy trốn sang nước Châu. Tội ở chỗ giết con, cho nên sau việc đó, không có câu gì nói đến mẹ con nữa. Biếm Ai Khương không phải ở lúc chết: Pháp luật của Bá chủ đã thi hành thì việc công nghĩa đến đây cũng là xong. Biếm không phải ở lúc táng: Lỗ đã xin táng thì sao lại không cho. Và lại biếm một lần thôi, nhắc lại làm gì. Cho nên chỉ riêng lúc táng mà biếm thì biếm gì. Công Dương báo không gì trọng bằng lúc tới lễ táng, thì chết mà táng không được cho là việc thường. Hồ Truyện thì báo không chép họ vì giết ở Tê. Thế thì lúc chết sao không khước họ đi. Tất cả đều không phải ý chỉ của Kinh. Nay xét lại việc Trọng Tử Thành Phong, không chép Phu nhân, đó là để chính danh phận. Văn Khương, Ai Khương không chép họ Khương là để xóa tên trong phả hệ đi. Hoặc cho là sửa lại sự tiếm hiệu. Hoặc cho là lệnh của Bá chủ đã ban hành, tức là sửa, là chính. Riêng Văn Khương mà dứt họ, theo nghĩa thì không dựa vào đâu, cho nên duy ở việc rời nước đi ra ngoài, để chính tội. Cái tội của Văn Khương đã rõ ràng cho nên bỏ họ.

Quý Hợi, Huệ Vương năm thứ 19.

二 年

**NHỊ NIÊN.**

**NĂM THỨ 2**

Tê Hoàn năm thứ 28. Tấn Hiến năm thứ 19. Vệ Văn năm thứ 2. Sai Mục năm thứ 17. Trịnh Văn năm thứ 15. Tào Chiêu năm thứ 4. Trần Tuyên năm thứ 35. Kỳ Hê năm thứ 15. Tống Hoàn năm thứ 24. Tần Mục năm thứ 2. Sở Thành năm thứ 14.

春王正月城楚邱

**XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, THÀNH SỞ KHUU**  
**MÙA XUÂN, VƯƠNG THÁNG GIÊNG, ĐẮP THÀNH SỞ KHUU**

Sở Khuu ấp nước Vệ.

**Tả** - Mùa xuân, chư hầu đắp thành Sở Khuu, giữ cho cương giới nước Vệ. Không chép nơi hội, việc làm về sau.

**Công** - Xây thành nào? Thành nước Vệ. Sao không chép hẳn là thành nước Vệ? Vì Vệ bị diệt, nước狄 diệt. Không chép狄 diệt là kiêng tránh cho Hoàn Công. Trên không Thiên Tử, dưới không Phương Bá, chư hầu trong nước diệt nhau. Hoàn Công không cứu được phải lấy làm xấu hổ. Tuy nhiên, ai xây thành. Hoàn Công xây. Sao không chép là Hoàn Công xây. Là vì không cho chư hầu tự chuyên việc phong cương biên giới. Đã không cho việc, sao sự thực lại có việc. Tức là lời văn chép thì vẫn không được, vì nghĩa của chư hầu không được chuyên phong, nhưng sự thật thì vẫn có. Là vì trên có Thiên Tử, dưới có các Phương Bá, mà cứ để các chư hầu diệt nhau, vậy ai có sức cứu được thì cứ nên cứu.

**Cốc** - Sở Khuu là gì? Là ấp nước Vệ. Gọi là thành chính là ấp đó. Gọi là thành là thành của Vệ. Coi như Vệ chưa rời khỏi thành, vì không cho Tề Hắc chuyên quyền phong. Nếu nói thành Vệ là chuyên rồi. Không phải Thiên Tử thì không được chuyên phong chư hầu, chư hầu không chuyên phong chư hầu được. Tuy rằng vì lòng dân mà làm, nhưng nghĩa không cho việc làm là phải. Cho nên có câu rằng: Nhân không thắng được đạo.

**Hồ Truyền** - Sở Khuu là ấp nước Vệ. Hoàn Công họp và gióng già chư hầu xây thành mà phong (giới hạn, hạn định phong cương, bờ cõi) Vệ. Không chép Hoàn Công là không cho Chư hầu được chuyên phong. Thơ Mộc Qua (Kinh Thi) khen Hoàn Công mà Phu Tử chép vào Kinh Thi, ý vẫn là một không khác. Không có chuyên phong là phải, chính vương pháp phải như thế. Thơ Mộc Qua có chỗ phải, là khen cái tính người dân Vệ. Báo đức là cái hay của người đời. Lấy đức báo đức, có thể thì dân mới

có được khuyến khích xây thành Sở Khưu chỉ lược qua mà không chép. Xây thành nước Hình thì lại nói nhiều mà lại không bị san tước, là vì theo Chu chế, phạm phong một nước, đặt quan chức cho miếu điện, nghi vệ, chức nội sử phải làm sắc mệnh, đó là quyền lớn của Thiên Tử, chư hầu không được tự chuyên. Người Vệ sang qua sông, họp lại ở Tào ấp, Húc Mục Phu nhân thương mà giúp cho xe, ngựa, thóc lúa, Văn Công rời đến Sở Khưu, mà sao trăm họ yên vui, thế là vì nước đã bị diệt không còn nữa, xây thành Sở Khưu là tiềm quyền Thiên Tử để phong chư hầu. Còn như nước Hình thiên với Di Nghi. Kinh chép là Hình tự thiên đi, thế là tự nước Hình muốn như thế, nước chưa có bị diệt. Chư hầu mà xây thành cho Hình, có thể cho là cùng bị hoạn nạn, thì cùng thương nhau, giúp nhau, theo như đã ước hẹn trong giản thư. Cho nên, Kinh chép nhiều mà không san tước, là khen việc biết cứu nhau trong hoạn nạn. Hoàn Công phong Vệ, mà nước Vệ cũng quên ngay việc mất nước. Đã có công to với chư hầu, làm lợi rất nhiều cho nước Vệ thì cũng nên có được lời văn đẹp để khoa trương việc làm, thế mà chỉ nói qua loa ít ỏi như thế là vì sao. Nghĩa, cần cho chính, không mưu lợi, đạo cân cho sáng, không kể công, ơn nhỏ thì lược qua, tiết lớn thì nói rõ, đó là phép Kinh Xuân Thu.

Xét - Nước Hình, từ lúc thiên đi, rồi xây thành, chỉ thấy được giúp về vật liệu, gỗ lát, chưa từng thấy có sự chuyên phong, cho nên về nước Hình, chỉ chép: thiên đi nơi khác, xây dựng thành. Còn như việc nước Vệ thì chép thiên nước Vệ, xây thành ở Sở Khưu, chuyên phong thật là rõ rệt, cho nên chép xây thành mà không chép rời nước. Vậy chép xây thành Hình, mà không chép xây thành Di Nghi là vẫn có cái ý không để cho được chuyên phong.

夏五月辛巳葬我小君哀姜  
**HẠ, NGŨ NGUYỆT, TÂN TÝ, TÁNG NGÃ**  
**TIỂU QUÂN AI KHƯƠNG**

**MÙA HẠ NGÀY TÂN TÝ, TÁNG VỢ VUA TA LÀ AI KHƯƠNG**

Công - Ai Khương là phu nhân Trang Công.

## 虞 師 晉 師 滅 下 陽

### NGU SƯ, TẤN SƯ, DIỆT HẠ DƯƠNG QUÂN NGU, QUÂN TẤN DIỆT ĐẤT HẠ DƯƠNG

Công Thị, Cốc Thị viết là 夏陽. Nước Tấn trong Kinh bắt đầu nói tới. Hạ Dương là ấp nước Quốc.

Tả - Tuân Túc nước Tấn xin với vua, lấy ngựa Khuất sản, ngọc bích Thùy cúc mượn đường đi qua nước Ngu, để đem quân đánh nước Quốc. Vua Tấn nói: Đó là đồ quý. Đáp: Nếu mượn được đường ở nước Ngu thì cũng như để đồ quý ở kho ngoài. Vua nói, Ngu còn có Cung Chi Kỳ. Đáp: Cung Chi Kỳ là người nhu nhược, không dám can thẳng, từ bé đến lớn ở gần vua, vua khinh thường, dù có can cũng không được nghe. Vua Tấn mới sai Tuân Túc mượn đường ở Ngu, nói với vua Ngu: Nước Kỳ vô đạo, tự đất Diên Linh vào đánh đất Minh Tam Môn (đất Ngu). Kỳ mà dẹp được, cũng là lợi cho nhà vua. Nay đến nước Quốc, quấy rối biên cương, xâm đất Nam Bỉ nước tôi, vậy xin mượn đường để hỏi tội Quốc. Ngu Công thuận cho, và xin trước tiên, đánh Quốc. Cung Chi Kỳ can. Vua không nghe. Tấn đem quân đi. Mùa hạ, Lý Khắc, Tuân Túc cầm quân, hội với quân nước Ngu để đánh Quốc, diệt thành Hạ Dương. Kinh chép việc Ngu trước. Vì có là đồ hối lộ Ngu. Khuất sản, Công Dương cho là tên đất. Thùy Cúc là đất nước Tấn. Kỳ là tên nước. Diên Linh ở đông bắc huyện Đại Dương tỉnh Hà Đông, nay còn có Diên Linh bản. Minh là ấp nước Ngu.

Công - Ngu là một nước nhỏ, sao lại chép lên trên một nước lớn, (nước Tấn). Thế là cái ác để cho Ngu. Ngu nhận của hối lộ cho mượn đường đi diệt nước người, thế là sẽ mất nước. Việc hối lộ thế nào. Hiến Công họp các đại phu rồi hỏi rằng: Quả nhân đêm nằm ngủ không được là tại sao. Các đại phu tâu. Năm không yên, hay là tại các thị ngự không hầu ở bên cạnh. Hiến Công im không đáp. Tuân Túc tiến lên nói: Vì Ngu, Quốc chẳng. Hiến Công đứng dậy vái rồi mời vào trong để bàn việc, nói: Tôi muốn đánh Quốc, thì Ngu chắc là cứu. Muốn đánh Ngu, chắc Quốc cứu. Làm thế nào. Xin cùng bàn với đại phu. Tuân Túc đáp: Vua

nếu dùng mưu của thần, thì hôm nay lấy nước Quắc là ngày mai sẽ lấy được nước Ngu. Vua có việc gì là lo. Hiến Công nói, thế thì làm thế nào. Đáp, Xin đem ngựa Khuất sần, ngọc bích Thùy Cức đi, cùng như là đồ vật để ở trong kho, nay đem ra phủ ngoài, ngựa để trong chuồng, nay buộc ra ngoài chuồng, nhà vua có mất gì đâu. Hiến Công nói: Vâng. Tuy nhiên, nước Ngu, còn có Cung Chi Kỳ, thì làm thế nào. Tuân Túc nói: Cung Chi Kỳ có trí dấy. Nhưng, Ngu Công tham mà thích bảo vật. Trông thấy bảo vật thì nói gì chả được nghe. Xin cứ cho đi. Thế là đi. Ngu Công trông thấy bảo vật, hứa ngay. Cung Chi Kỳ quả nhiên can, can rằng: Lời xưa, mỗi hờ răng lạnh. Ngu, Quắc cần phải cứu giúp nhau. Ngày hôm nay. Tấn chiếm Quắc, thì ngày mai Ngu mất, xin vua đừng hứa giúp Tấn. Vua Ngu không nghe lời, cứ cho mượn đường để lấy Quắc. Khi Tấn diệt Quắc về, được bốn năm. Tấn lấy Ngu. Ngu Công bưng ngọc, dắt ngựa đến, Tuân Túc trông thấy nói: Mưu của thần thế nào. Hiến Công nói: Mưu của người thì hành được rồi. Ngọc thì vẫn là ngọc của ta, mà ngựa thì răng có dài hơn. Ấy là lời nói đùa đó thôi. Hạ Dương là ấp nước Quắc. Vậy sao không có liên hệ với Quắc. Vì vẫn là một nước còn có vua.

Cốc - Không phải là một nước mà gọi là diệt, là tôn trọng Hạ Dương đó. Nước Ngu không có sư (quân đội đủ số), sao lại chép là sư. Vì là đứng trước Tấn, thì không thể không nói sư được. Sao lại đứng trước Tấn, vì là chủ việc diệt Hạ Dương. Hạ Dương là một ấp ngoài biên giới nước Ngu, nước Quắc. Diệt Hạ Dương thì lợi cho Ngu, Quắc. Sao Ngu lại chủ việc diệt Hạ Dương. Tấn Hiến Công muốn phạt Quắc, Tuân Túc nói: Sao vua không lấy ngựa Khuất sần, ngọc bích Thùy Cức để mượn đường nước Ngu. Hiến Công nói, đó là vật quý của nước Tấn nếu Ngu nhận mà rồi không cho ta mượn thì sao. Tuân Túc nói: Nước nhỏ phụng sự nước lớn, đã không cho mượn đường thì không dám nhận đồ biếu. Nếu nhận đồ biếu cho mượn đường thì có khác gì ngọc để trong kho, nay ta để ra ngoài phủ, ngựa ta để chuồng trong, nay cho ra chuồng ngoài. Công nói: Ngu còn Cung Chi Kỳ, tất không để cho vua nhận. Tuân Túc nói: Cung Chi Kỳ đã đành là người đạt hiểu biết, nhưng nhu nhược, lại thêm từ lúc ít tuổi ở gần vua. Tâm đạt,

thì lời nói giản lược, nhu nhược thì không dám cố can, từ ít tuổi ở gần vua thì vua khinh thường. Vả lại đồ đẹp, đồ quý, ở ngay trước tai, trước mắt, mà tai họa thì ở sau một quốc gia, chỉ có từ bậc trung trí trở lên, mới còn biết nghĩ xét. Tội liệu vua nước Ngụ dưới bậc trung trí. Công mới mượn đường để đánh Quắc. Cung Chi Kỳ can: Sứ giả nước Tấn xem lời nói khiêm nhu mà đồ lễ thì quý giá, tất không lợi cho Ngụ ta. Ngụ Công không nghe. Nhận đồ lễ, và cho mượn đường. Cung Chi Kỳ lại can: Lời ngạn có nói, môi hở răng lạnh, là trường hợp này đây. Thế rồi đem vợ con chạy trốn sang nước Tào. Hiến Công diệt nước Quắc. Năm năm sau, lấy nước Ngụ. Tuân Tức, dắt ngựa, cầm ngọc, tới trước Hiến Công nói: Ngọc thì vẫn như cũ, ngựa thì răng có dài hơn.

**Xét** - Trong Chiến Quốc Sách, Ngụy bảo Triệu Vương rằng: Người Tấn muốn diệt Ngụ, thì trước hãy diệt Quắc. Tuân Tức lấy ngựa quý, ngọc bích, mượn đường nước Ngụ. Người Tấn đánh lấy Quắc xong, rồi về thu nốt Ngụ. Cho nên, Kinh Xuân Thu kết tội Ngụ Công. Vậy ý kết tội của thánh nhân đương thời đã được rõ.

秋九月齊侯宋公江人黃人盟于貫  
**THU, CỬU NGUYỆT, TẾ HẦU, TỔNG CÔNG, GIANG  
NHÂN, HOÀNG NHÂN, MINH VU QUÁN**  
**MÙA THU, THÁNG 9, TẾ HẦU, TỔNG CÔNG, NGƯỜI GIANG,  
NGƯỜI HOÀNG THỂ Ở QUÁN**

Công Thị viết là Quán Trạch. Giang là tên nước Giang ở huyện An Dương đất Nhữ Nam. Quán là đất Tống.

**Tả** - Mùa thu, thể ở Quán, là để thu phục Giang và Hoàng.

**Phụ lục Tả Truyện** - Kể tự nhân (hầu cận) nước Tế là Diêu, đem tiết lậu quân cơ cho người nước Sái. Quắc Công đánh được quân rợ Nhung ở Tang Điền. Bộc Yển nước Tấn nói: Quắc tạt là có công. Thế là trời lấy mất gương soi (để tự sửa lỗi) mà cho thêm bệnh. Để cho Tấn. Nếu không khuyến khích, dạy dỗ dân, thì không được quá năm trăm.

**Công** - Người Giang, người Hoàng, là chỉ các nước ở xa mà tới hội, thì ở Trung Quốc sao chỉ có Tề, Tống tới. Nước lớn kẻ Tề, Tống, nước xa kẻ Giang, Hoàng, vậy còn các nước khác, dám đâu không tới.

**Cốc** - Hội thể ở đất Quán, không hẹn mà tới, là người Hoàng, người Giang, tức là các nước ở xa, Trung Quốc thì có Tề, Tống. Thế, nghĩa là các nước chư hầu lớn nhỏ đều tới cả.

冬 十 月 不 雨

**ĐÔNG, THẬP NGUYỆT BẤT VŨ**  
**MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, KHÔNG MƯA.**  
**(COI Ở SAU, NĂM THỨ BA)**

**Công** - Sao lại chép? Là chép việc lạ.

**Cốc** - Không mưa, vì đang cần có mưa.

**Đỗ Dự** - Một mùa không mưa, thì chép tháng đầu mùa.

楚 人 侵 鄭

**SỞ NHÂN XÂM TRỊNH**  
**NGƯỜI SỞ XÂM TRỊNH**

**Tả** - Người Sở phạt Trịnh. Đấu Chương bắt sống được Trịnh Đàm Bá.

Năm Giáp Tý. Huệ Vương năm thứ 20.

三 年

**TAM NIÊN**  
**NĂM THỨ 3**

Tề Hoàn năm thứ 29. Tấn Hiến năm thứ 20. Vệ Văn năm thứ 3. Sai Mục năm thứ 18. Trịnh Văn năm thứ 16. Tào Chiêu năm thứ 5. Trần Tuyên năm thứ 36. Kỳ Huệ năm thứ 16. Tống Hoàn năm thứ 25. Tấn Mục năm thứ 3. Sở Thành năm thứ 15.

春王正月不雨夏四月不雨  
**XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT BẤT VŨ**  
**HẠ TỬ NGUYỆT BẤT VŨ**

**MÙA XUÂN VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, KHÔNG MƯA, MÙA HẠ  
THÁNG TƯ, KHÔNG MƯA (COI Ở DƯỚI THÁNG SÁU).**

**Công** - Sao lại chép? Là chép việc lạ.

**Cốc** - Không mưa. Đương cần mưa. Một mùa chép không mưa là ý mong mưa. Mong mưa là chỉ nghĩ đến dân.

徐人取舒  
**TỪ NHÂN THỦ THU**  
**NGƯỜI NƯỚC TỪ LẤY NƯỚC THU**

**Công** - Chữ thủ là lấy, cho biết việc dễ làm.

**Lý Liêm** - Nước ngoài (không phải Lỗ) diệt nước khác mà chép là thủ thì chỉ có một trường hợp này. Tả Thị, Công Dương đều bảo là việc dễ làm. Triệu Thị cho dùng chữ thủ là vẫn còn được cúng tế. Xét việc dùng binh, tuy có khó dễ, nhưng cái tội diệt nước người thì không có chia nặng nhẹ. Việc dễ có giảm được cái tội diệt không. Cho là còn được cúng tế, thì cứ chép là giáng, là thiên cũng được. Mà nếu cho là Thư tự thủ diệt vong thì chép là tan vỡ cũng được, là mất cũng được. Có sao lại chép là thủ, là lấy. Chép là thủ, giống như chép trong Lỗ binh thư, diệt cùng nghĩa với thủ. Và lại nước Từ mới xuất hiện ở Kinh, mà được chép là người, người Từ, mới bắt đầu diệt một nước, mà được chép là thủ, là lấy như thế, tức là nghĩa có giảm. Cho nên tiên nho Lâm Thị cho rằng Thư là, ở trong đảng nước Sở; người Từ thủ, lấy, Thư là cùng noi theo con đường Tể Hoàn phạt Sở. Xuân Thu cho là các nước chư hầu đối với nhau phải thỏa thuận bắt chước nhau, cho nên chép là người, chép là lấy. Bàn thế có lẽ phải.

**Xét** - Người Từ lấy Thư, Công Dương cho rằng dùng chữ

lấy vì việc dễ làm. Tô Triệt cho rằng dùng chữ người là lời khen. Công Thị Tô Thị đều bản sai. Duy có Lý Liêm thì ý hợp với tôn chỉ Kinh Xuân Thu.

六 月 雨  
**LỤC NGUYỆT VŨ**  
**THÁNG 6 MƯA**

**Tả** - Xuân không mưa, hạ tháng sáu mưa. Từ tháng 10 cho đến tháng 5, không mưa, mà không chép chữ hạn, tức là chưa có tai hại.

**Công** - Chép tháng sáu mưa là mới bắt đầu mưa chưa được nhiều.

**Cốc** - Chép mưa là mừng, là chí để vào dân.

秋 齊 侯 宋 公 江 人 黃 人 會 于 陽 穀  
**THU, TÊ HẦU, TỔNG CÔNG, GIANG NHÂN,**  
**HOÀNG NHÂN, HỘI VU DƯƠNG CỐC**  
**MÙA THU, TÊ HẦU, TỔNG CÔNG, GIANG NHÂN,**  
**HOÀNG NHÂN, HỘI Ở DƯƠNG CỐC**

Dương Cốc, đất nước Tề.

**Tả** - Bàn việc phạt Sở.

**Công** - Đây là đại hội. Sao đây lại chép nữa. Hoàn Công có tuyên bố: Không được cầm dong thóc, không được đổi con trưởng, không được lấy thiếp làm vợ.

**Cốc** - Hội Dương Cốc, Hoàn Công mặc đại trào, cầm hốt, cho chư hầu châu. Chư hầu đều hiểu rõ chí Hoàn Công, và theo Hoàn Công.

**Xét** - Hội Dương Cốc, cho là để bàn việc phạt Sở, là ý của Tá Thị. Công Thị, Cốc Thị không nghi thế. Tuy nhiên, ở dưới có chép đánh Sở việc gần hội, thì ý của Tá Thị, nghi là đúng, cho nên được Hồ Truyện Trương Chu cho là đúng. Và mưu phạt

Sơ cứu Trịnh đã được quyết định ở hội Sanh (đất Tống). Trong các chư hầu, duy có Tống là lớn có Giang, Hoàng, là ở xa nhất, cho nên lại họp thêm ở Quán, ở Dương Cốc, để cho có kết được hòa hiếu, tín nghĩa.

冬 公 子 友 如 齊 蒞 盟

**ĐÔNG, CÔNG TỬ HỮU NHƯ TẾ LỊ MINH**  
**MÙA ĐÔNG, CÔNG TỬ HỮU SANG TẾ ĐỂ THỂ**

Công và Cốc viết là,

Cốc viết: Công Tử Quý Hữu

**Ta** - Tế Hữu mở hội Dương Cốc để tới thể. Mùa đông Công tử Hữu sang Tế thể.

**Công** - Lị minh là gì? Là tới thể theo người. Vì đã định trước rồi. Không chép chữ cập, cùng, với, là vì nước đã cho đi, không chép người là vì nước đã cho đi.

**Uông Khắc Khoan** - Đã chép lị minh, tức là ngày đi ra khỏi nước, vua Lỗ sai, đã mệnh cho tới thể, chứ không phải đại phu tự chuyên mà tới thể. Kinh chép chữ lị minh có bốn lần, duy năm đó Quý Hữu đi thể là giúp Tế Hoàn mưu việc phạt Sở, vậy có điều hay là giúp vị Bá. Văn Công năm thứ 7. Mục Bá sang nước Cử, đó là nước nhỏ được lời mời mà miễn cưỡng tới kết minh, chứ ban đầu không có tâm thành thật thương kẻ yếu. Năm Chiêu Công thứ 7. Thúc Tôn Chiêu Tử sang Tế thể. Định Công năm thứ 11, Thúc Hoàn sang Trịnh thể, thì đều là kết hiếu với nhau, bỏ Tấn, mà cùng mưu việc phản lại vị Bá, không phải là việc nên làm. Cốc Lương cho rằng không dùng chữ cập, (cùng, với) là vì quốc gia đã cử đi. Bàn như thế, thì phải đặt vào chữ lai minh mới đúng. Cả hai ý cùng là nhầm.

**Xét** - Khi Hi Công sai Quý Hữu sang Tế thì, thời kỳ thể chưa được định, nên không chép ngày. Cốc Lương mà bảo không chép ngày là ngày đã định rồi, bảo thế là sai.

楚人伐鄭

**SỞ NHÂN PHẠT TRỊNH**

**NGƯỜI SỞ PHẠT TRỊNH**

Tả - Người Sở phạt Trịnh. Trịnh Bá muốn hòa. Không Thúc nói không nên. Tề đương cần ta. Bỏ điều đức là không hay.

**Phụ lục Tả Truyện** - Tề Hâu cùng Sái Cơ đi thuyền chơi ở Uyên Hựu. Sái Cơ nghịch dung thuyền. Công sợ, biến sắc, cầm. Sái Cơ vẫn nghịch, Công giận, đuổi về nước, người Sái đem gả chồng.

Năm Ất Sửu. Huệ Vương năm thứ 21

四年

**TỨ NIÊN**

**NĂM THỨ 4**

Tề Hoàn năm thứ 30. Tấn Hiến năm thứ 21. Vệ Văn năm thứ 4. Sái Mục năm thứ 19. Trịnh Văn năm thứ 17. Tào Chiêu năm thứ 6. Trần Tuyên, năm thứ 37. Kỳ Huệ năm thứ 17. Tống Hoàn năm thứ 26. Tần Mục năm thứ 4. Sở Thành năm thứ 16.

春王正月公會齊侯宗公陳侯衛侯鄭伯

許男曹伯侵蔡蔡潰遂伐楚于陘

**XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, CÔNG HỘI TỀ HẬU,**

**TỔNG CÔNG, TRẦN HẬU, VỆ HẬU, TRỊNH BÁ,**

**HỨA NAM, TÀO BÁ, XÂM SÁI, SÁI HỘI,**

**TỰY PHẠT SỞ VU HÌNH**

**MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, CÔNG HỘI TỀ HẬU,**

**TỔNG CÔNG, TRẦN HẬU, VỆ HẬU, TRỊNH BÁ, HỨA NAM,**

**TÀO BÁ XÂM NƯỚC SÁI, SÁI TẤN VỖ, RỐI PHẠT**

**SỞ ĐÓNG QUÂN TẠI ĐẤT HÌNH**

Hình, đất Sở.

**Tả** - Năm thứ 4. Mùa xuân, Tề hầu lấy quân chư hầu xâm nước Sái. Quân Sái tan. Xong, Phạt Sở. Sở Tử cho đến nói với quân chư hầu: Vua ở Bắc Hải, tôi ở Nam Hải, y như ngựa theo gió, trâu ngược gió, rất là khác nhau. Không hiểu nhà vua tới nước tôi để làm gì, vì có gì. Quân Trọng đáp: Xưa, Thiệu Khang Công, có mệnh cho tiên quân tôi là Thái Công rằng: Năm vị hầu, chín vị Bá người trông coi để giúp nhà Chu. Có cho tiên quân tôi giới hạn, đông thì đến bể, tây thì đến sông Hà (Hoàng Hà), nam thì đến Mục Lăng, bắc thì đến Vô Đệ. Nước Sở các ông có phần sự công có bao mao, mà không công, cúng tế thiếu sót, không có thứ để tẩy rượu. vua tôi phải xét hỏi. Vua Chiêu Vương nam chinh mà không trở về, vua tôi cũng phải xét hỏi. Sở đáp lại: không công là vua tôi có tội, từ nay xin cống. Chiêu Vương mà không về thì xin nhà vua hỏi ở bên sông. Quân chư hầu tiến, đóng tại đất Hình. Mục Lăng, Vô Đệ, đều là đất trong cõi nước Tề.

**Công** - Tan vỡ (hội) là thế nào? Là dưới phản lại trên. Nước thì gọi là hội. Ấp thì gọi là bạn. Chép dưng quân ở nước Hình là thế nào. Là chờ. Chờ ai. Chờ Khuất Hoàn, sứ thần nước Sở.

**Cốc** - Tan vỡ (hội) là trên dưới không tương đắc. Xâm là việc nhỏ. Xâm Sái mà Sái tan. Cứ xem hành vi của Hoàn Công thì không chiếm đất, không phân tán dân, rõ ràng là chính đạo. Nói sau việc đó là đình quân lại là thôi.

**Lưu Suồng** - Công Dương bảo, nước tan là hội, ấp tan là bạn, bao thế sai. Hội là dân hội. Bạn là bấy tôi bạn, không phải khác nhau vì theo chữ quốc hay ấp, Công Dương lại bảo đình quân ở Hình là để chờ, chờ Khuất Hoàn, bao thế cũng lại sai. Nếu thực là đợi thì sao không chép ngay Khuất Hoàn tới quân trung. Đàm Thị có nói: Lúc đầu đình quân lại ở Hình, có biết đâu Khuất Hoàn sẽ tới.

夏 許 男 辛 臣 卒

**HẠ, HỨA NAM, TÂN THẦN TỐT**

**MÙA HẠ HỨA NAM TÊN LÀ TÂN THẦN MẤT**

Coi ở dưới tháng 8

**Cốc** - Chư hầu chết ở nước, thì không chép nơi chết. Chết ở ngoài, thì chép nơi chết. Chết ở trong quân, sao lại không chép nơi chết. Vì ở trong quân Hoàn.

**Triệu Khuông** - Nước Hứa với nước Sở gần nhau. Xét Hứa Nam bị bệnh phải bỏ quân về chết ở trong nước Hứa, cho nên không chép là chết ở quân trung.

**Lưu Sưởng** - Ta thì báo chết ở quân trung, báo thế là sai. Nếu thực chết ở quân trung thì sao Kinh lại không chép. Rõ ràng là vua Hứa bị bệnh chết ở trong nước, cho nên không được chép là chết ở trong quân. Cốc Lương có báo chết ở trong quân, sao không chép nơi chết, vì ở trong quân Hoàn Công. Báo thế cũng sai. Giả có chép chết trong quân thì cũng không có gì là chê Hoàn Công, mà không chép chết trong quân thì cũng không đủ khen Hoàn Công. Chư hầu chết, nên chép hay không nên chép nơi chết, đã có lệ thường, chứ không phải thay đổi lệ đi, vì một Hoàn Công.

楚 屈 完 來 盟 于 師 盟 于 召 陵

**SỞ KHUẤT HOÀN LAI MINH VU SƯ,**

**MINH VU THIỆU LĂNG**

**SỞ KHUẤT HOÀN TỚI THẾ Ở QUÂN TRUNG,  
VÀ THẾ Ở THIỆU LĂNG**

Thiệu Lăng ở huyện Đình Xuyên.

**Tả** - Mùa hạ, Sở Tử sai Khuất Hoàn tới quân trung. Quân lui về đóng tại Thiệu Lăng, Tề Hâu dẫn bày quân chư hầu, rồi cùng Khuất Hoàn lên xe duyệt binh. Tề Hâu nói: Có phải là ý tôi muốn đâu. Tôi chỉ cần nổi lại hòa hiếu các tiên quân, quan sự nghĩ sao? Đáp: Nhà vua ra ơn cho nước chúng tôi, ban phúc cho xả tắc tôi, cho vua tôi được dự, đó là ý nguyện vua tôi. Tề hầu nói: Lấy quân đông như thế đi đánh thì quân nào chống lại được, thành nào đứng vững được. Đáp: Nhà vua nếu lấy đức thông cảm chư hầu, thì ai là dám không phục. Nhà vua nếu lấy uy vũ, thì Sở tôi lấy Phương Thành làm thành, lấy Hán Thủy

làm hào. Quân nhà vua tuy đông cũng vô dụng. Khuất Hoàn cùng các chư hầu thế

**Công** - Khuất Hoàn là đại phu nước Sở. Sao không gọi là sứ. Là tôn Khuất Hoàn, để xứng với Hoàn Công. Chép là thể ơ quân trung, thể ơ Thiệu Lăng, là quân đình tại Thiệu Lăng. Quân đã ở Thiệu Lăng, sao chữ thể phai dùng hai lần. Là mừng phục được nước Sở. Sao lại mừng. Giống Sở đời có Vương giả thì cuối cùng mới phải phục, đời không có Vương giả thì vội phan bạn. Sở chu là di địch, vẫn thường quấy nhiễu Trung Quốc, giao kết với nam di, bắc địch, rất là phiền phức. Hoàn Công cứu Trung Quốc mà kìm hãm di địch, thiệp phục được Kinh (Sở). Lấy việc đó biết là việc của Vương Gia. Còn chép chữ lại là thế nào. Là đề cùng Hoàn Công chu việc. Trước đó có việc, sau đó cũng có việc, đâu có phải chỉ một lần ấy mà thôi. Cùng Hoàn Công, chú việc cũ, lần lượt tiếp tục.

**Cốc** - Sở không có đại phu. Khuất Hoàn là ai. Căn cứ vào việc tới hội với Tề Hoàn, thì gọi là đại phu. Không gọi là sứ là vì quyền ở Khuất Hoàn. Như thế có là chính đáng không. Không chính đáng. Chỉ vì là lại hội với chư hầu mà trọng đấy thôi. Lại làm gì. Lại quân đội Tề Hoàn, là đã định từ trước rồi. Ở Thiệu Lăng Hoàn Công đặc chỉ, nhưng không đặc chỉ hẳn, Khuất Hoàn nói: Nước lớn sao đem quân đến Sở. Hoàn Công có bao Chiêu Vương chinh nam không trở về, cớ bao mao không cống. Chu thất thiếu sót việc tế tự. Khuất Hoàn đáp lại: Xin cống bao mao, còn việc Chiêu Vương không trở về, thì xin hỏi ở bến sông.

**Khổng Đình Đạt** - Công Dương nói sao không gọi là sứ, là tôn Khuất Hoàn. Thế nào là tôn? Là cho Khuất Hoàn đương với Hoàn Công ý cho Khuất Hoàn là hạng quý ở Sở, tôn lên đề dõ với Tề Hầu. Nếu Khuất Hoàn đủ tự chuyên, không phải mệnh vua, không để cho vua Sở sai được. Cho nên, lời như là tự ý dõ, thế thì xét. Khổng Tử đã có dạy rằng: Vua sai bảy tôi lấy lễ, bảy tôi thờ vua lấy trung, dạy rành mạch lắm, nay lại tôn bảy tôi, cho được không để vua sai, lại khinh thị vị vua, không để vua sai, thế là dung túng kẻ dưới vi phạm mình, thế

là bấy tôi chuyên quyền. Theo câu dạy của thánh nhân, "ước chi di lễ", tóm tắt lại lấy lễ, đâu có như thế. Cốc Lương nói không chép là sứ là vì quyền tại Khuất Hoàn, đó là tùy thời mà dùng quyền tự ý tới cùng Tề Hoàn thể, ban ý là muốn được thể ngay ở quân trung. Nhưng Tề Hoàn mừng thấy lại, thấy phục rồi, mới lui quân để giữ lễ với nước Sở. Chép tới thể trong quân là của ý Khuất Hoàn mà chép thể ở Thiệu Lăng là chép nơi thực có việc thể.

**Lý Liêm** - Tề và Tấn mưu việc Sở, đều ở Thiệu Lăng trong năm ấy. Đến năm Lỗ Định Công thứ 4, là hội ở Thiệu Lăng để xâm Sở. Tới thể không coi là sứ, chính y như Tề Cao Tử. Xét Tề Hoàn sai Cao Tử, bản tâm muốn dò xem Lỗ có thành hay bại, còn vua Sở sai Khuất Hoàn, bản tâm chỉ muốn xem Tề mạnh hay yếu, tất cả Tề và Sở đều không có định trước việc thể. Cao Tử biết đến Lỗ yên, để cho Lỗ yên. Khuất Hoàn đến mà phục Tề, Xuân Thu riêng cho quyền hai gã ấy là vì những cơ ấy. Cốc Lương và Đồ Thị hiểu được thể. Xuân Thu là của Lỗ thì Cao Tử chỉ cần chép đến Lỗ thể là đủ. Còn như Khuất Hoàn thì sao lại được không chép là ở trong quân. Cốc Lương, cho việc ở giữa quân là định trước, Cốc Lương bàn thể là sai.

**Hắc Kính** - Hoàn Công xưng Bá 20 năm. Chư hầu mà tự cho có sức kháng lại Tề, không chịu thể, duy có Tấn và Sở. Tấn xa, mà Sở gần. Sở mà khuất phục, thì chư hầu phía đông phải rung động mà Tề càng mạnh. Cho nên, Hoàn Công chăm chăm nghĩ tới Sở, tâm lúc nào cũng e Sở mạnh. Cho nên trước tiên, tính nước Sái, thường thường lấy Sở để kết chư hầu, mà đóng quân ở Hình không hẳn là rời từ Hình tiến quân tới Sở. Sao biết thể. Nếu quả thật Tề có sức đánh Sở thì ngay khi sứ Sở tới phải hỏi tội Sở xưng Vương, tội Sở đánh Trịnh, tội Sở bắt Sái Hầu. Chỉ có lời gỡ, không có lời buộc. Phục thì thôi, không phục thì buộc, đó mới là đem quân đường đường đi hỏi tội. Bỏ cách ấy không dùng, lại cho Quán Trọng hỏi có bao mao, hỏi Chiêu Vương không trở về, thật rõ là mượn cớ, mượn chuyện hỏi để Sở dễ nhận, dễ chối, Tề sợ Sở giận, rồi đến chiến tranh thì mình hao tổn, dần quân đi ra, chưa giẫm chân đến đất Đinh

(biên giới Sở) chưa gặp Sở Tử; chỉ gặp có một Khuất Hoàn tới, mà rồi chinh đồn quân Lữ quay về. Về chưa đầy năm, mà Sở đã diệt nước Huyền, qua năm lại vây nước Hứa. Từ hội thề ở Thiệu Lăng về sau, các đồng minh có việc không từng nghe Sở cung cấp lấy một toán quân đi theo, vẫn ngang ngược như xưa. Thế thì Tề đâu có phục được Sở.

**Xét** - Trong ngũ Bá, Tề Hoàn Công là thịnh nhất mà công của Hoàn thì không công nào hơn là đã ngăn chặn được Sở. Việc Thiệu Lăng, Hồ Truyên căn cứ vào Công Dương cho là việc tiếp tục có trước sau, bọn nhỏ phần nhiều theo ý kiến ấy, Chu Tử cũng cho là trọng nghĩa, chọn lời không gian dối. Thế mà Khuất Hoàn khi tới thề, lời nói vốn ngang, đã thề rồi mà sau Sở vẫn vây nước Hứa, diệt nước Huyền, nước Hoàng, đánh nước Từ, ác dữ như xưa. Thế mà Tề Hoàn không có tài ngăn được, Cốc Lương cho rằng Tề Hoàn chỉ đặc chỉ có một lần thôi, cho thế cũng phải. Theo phép biên chép của Xuân Thu, Công (Lỗ Công) mà cùng với đại phu chư hầu thề, đại phu chư hầu tới thề, đều không chép Công là vì kiêng tránh. Nay Khuất Hoàn chỉ chép là Lai Minh, tới thề, mà không chép thề với ai, với những người nào, đó cũng là kiêng cho các vua chư hầu vậy. Cho nên, cần phải giữ lời bàn của Cốc Lương, mà thuyết của Hắc Kính cũng cho phụ vào.

齊人執陳轅濬

## **TỀ NHÂN CHẤP TRẦN, VIÊN ĐÀO ĐỎ NGƯỜI TỀ BẮT VIÊN ĐÀO ĐỎ NƯỚC TRẦN**

Cốc và Công viết chữ viên.

**Tả** - Trần, Viên Đào Đỏ báo Trịnh Thân Hầu rằng: Quân ma đi trong khoảng Trần, Trịnh, thì hại cho hai nước, nếu đi về phía đông, điều hành các sứ đông di, theo bề mà về thì hơn, Thân hầu nói phải. Đào Đỏ mới cáo với Tề hầu. Tề Hầu ưng thuận. Thân hầu yết kiến nói: Quân mới mệt rồi. Nếu về bằng con đường phía Đông, nhờ gặp địch thì e không còn dùng được. Nếu về bằng con đường khoảng Trần, Trịnh, thì lương thực có

thê sẵn có được. Tề Hâu nghe ra, thương cho đất Hồ Lao và bắt Viên Đào Đồ.

**Công** - Đào Đồ tội gì. Tội tránh đường đi quân đội. Đào Đồ bao Hoàn Công rằng: Nhà vua đã phục được sứ Nam Di. Sau khi đem quân về, không đi men bể phía đông, để phục nốt sứ đông di. Hoàn Công nói: Vâng. Thế là cho đi men bể phía đông, mắc vào nhiều đám lầy, mới sai bắt Đào Đồ. Bắt khi gọi là Tề Hâu bắt, khi gọi là người Tề bắt. Khi gọi là Tề hâu là có ý báo vị Bá trị tội. Khi gọi là người Tề là không phải chức Bá trị, chỉ là việc bắt kẻ có tội. Tại sao đây không cho là chức Bá bắt. Thời Xưa Chu Công đem quân sang đông, thì các xứ phía tây oán, đem quân sang tây thì các sứ phía đông oán. Hoàn Công mượn đường Trần để đánh Sở thì người Trần không muốn khi quân đem về lại qua nước mình, vì khi quân đi ra không được danh chính. Không sắp sửa lại quân đội, mà đi bắt Đào Đồ, người xưa đánh giặc đâu có thái độ ấy.

**Cốc** - Người Tề tức là Tề Hâu. Sao lại dùng chữ người. Thế là ý người ta không tâm phục Tề Hâu. Qua nước người mà lại bắt người.

**Vương Triều** - Lời Đồ Đào tuy có ý lợi riêng cho nước Trần, nhưng không nghe thì thôi, sao lại đem quân đánh bắt. Xét Trần, Sái gần Sở, vốn nhị tâm, nay không muốn để khi trở về, quân Tề qua nước mình, người Tề cho là phản Tề, là lợi cho Sở. Cho nên, nhân lúc đem quân về, mới ra oai. Ta xem có đánh trị lần này, Trần mới chịu theo, thì biết từ trước vốn chưa phục. Trần mà chưa tâm phục thì Tề lại phải dùng quân cho đến phải xin hòa hiếu mới thôi. Vậy không phải chỉ chuyên trị Đào Đồ.

**Xét** - Việc phạt Trần, tiên nhô đều bao: Đào Đồ làm nhằm đường quân đi, riêng Vương Triều cho là Trần nhị tâm với Sở, nghe bàn cũng có lý, cho nên phụ vào đây.

秋 及 江 人 黃 人 伐 陳

**THU, CẬP GIANG NHÂN, HOÀNG NHÂN PHẠT TRẦN**  
**MÙA THU CÙNG NGƯỜI GIANG, NGƯỜI HOÀNG PHẠT TRẦN**

Tả - Mùa thu, phạt Trần, trị tội bất trung.

Cốc - Không nói là ai, chỉ dùng chữ cùng. Là vì sử nước Lỗ, quân nước Lỗ, quân nước Lỗ.

八 月 公 至 自 楚

**BÁT NGUYỆT CÔNG CHỈ TỰ PHẠT SỞ**  
**THÁNG 8, CÔNG TỰ PHẠT SỞ VỀ**

Công - Sở đã phục rồi. Sao lại còn đánh. Vì Sở bội thề.

Cốc - Hai việc đương đối nhau, thì để ý đến việc sau. Nếu việc sau nhỏ thì để ý đến việc trước. Nói việc phạt Sở vì cho là việc to hơn.

Phạm Ninh - Sở mạnh, không phạt được, cho nên lấy phạt Sở làm việc to.

Lục Thuần - Sở đã phục thì ngại gì cáo miếu là đánh Sở về, há chỉ chép là phục Sở về thôi ư. Thuyết của Công Dương sai.

葬 許 穆 公

**TÁNG HỨA MỤC CÔNG**  
**LỄ TÁNG HỨA MỤC CÔNG**

Tả - Hứa Mục Công mất ở trong quân. Táng theo lễ hầu tước. Phàm chư hầu mất ở triều hội thì gia thêm một trật, mất vì việc vua thì gia thêm hai trật. Đây được dùng áo cốn.

Lưu Sưởng - Tả Thị báo táng theo tước hầu, tựa như đương thời, hạng tôi con muốn cho quân phụ được vinh hạnh hơn. Cho nên, coi Hứa Nam như đang hội với chư hầu mà chết thì

tự ý gia đẳng trật. Thực ra, là phi lễ. Hứa Nam mà chết trong quân thì phai bao khen. Nay chết ở nước mình thì không có gì để khen. Chết trong quân có nghĩa là vì nghĩa quên mình, biết giữ nghĩa không ngần ngại. Nay đã bỏ quân mà về nước, thế là tham sống, theo ý riêng, là người không biết làm theo mệnh.

**Từ Quang** - Quách Thị nói: Kinh chép, Hứa Nam tên là Tân Thần mất. Mà Truyện thì thêm vào chữ sư là trong quân. Nếu bao rằng chư hầu chết ở triều hội thì gia một đẳng chết vì việc vua thì gia hai đẳng. Rồi nhân Hứa vốn tước Nam, mới đặt Thụy cho nước Công, nhân thế sinh ra rắc rối. Như Văn Công năm thứ 5, tháng 10, ngày giáp thân, Hứa Nam Nghiệp mất, năm sau mùa xuân, táng Hứa Hi Công. Năm Tuyên Công thứ 17 tháng giêng, Hứa Nam Tích Ngã mất. Mùa hạ táng Hứa Chiêu Công, thế hai Công ấy có chết ở triều hội không, có chết về vương sự không. Chép vài việc thế thôi. Truyện không phải bàn luận cũng rõ được đúng hay sai.

冬十有二月公孫茲帥師會齊人宋人  
衛人鄭人許人曹人侵陳

**ĐÔNG, THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, CÔNG TÔN TU,  
SUẤT SU HỘI TỂ NHÂN, TỔNG NHÂN, VỆ NHÂN,  
TRỊNH NHÂN, HỨA NHÂN, TÀO NHÂN XÂM TRẦN  
MÙA ĐÔNG, THÁNG 12, CÔNG TÔN SƯ, CẢM QUÂN, HỘI  
NGƯỜI TỂ, NGƯỜI TỔNG, NGƯỜI VỆ, NGƯỜI TRỊNH, NGƯỜI  
HỨA, NGƯỜI TÀO, TỚI XÂM NƯỚC TRẦN**

Công Thị viết chữ tư thành chữ 慈.

Khởi thủy việc đại phu nước Bá Chủ, hội đại phu nước chư hầu.

**Tả** - Thúc Tôn Đái Bá cảm quân hội chư hầu, xâm Trần, Trần xin hòa. Viên Đào Đồ được thả về.

**Phụ lục Tả Truyện** - Xưa Tấn Hiến Công muốn cho Ly Cơ làm phu nhân. Bối rùa thấy que xấu, bối cỏ thì thấy que

tốt. Công nói theo quẻ tốt. Người bói rùa nói: Phệ (bói cò thì) ngắn, Quy (rùa) dài, không bằng theo dài. Và lại lời dao có câu: Tư chuyên biến đổi, ngắn cái hay của Công một thorn, một thoi, mười năm chưa hết thoi. Xin đừng đổi, Công không nghe, lập làm Phu nhân. Sinh ra Hề Tề. Người em Ly Cơ (theo chị) sinh ra Trác Tử. Khi sắp lập Hề Tề, Ly Cơ đã có dự mưu với bọn Trung đại phu, mới báo Thế Tử. Nhà vua mộng thấy Tề Khương, cần tế lễ ngay đi. Thế Tử tế ở Khúc Ốc, phần tế đưa về Công. Công đang đi săn. Phần tế ở trong cung sáu ngày. Công về, Ly Cơ bỏ thuốc độc, rồi dâng lên. Công thư đồ xuống đất, đất sùi. Cho chó ăn, chó chết, cho thị nữ ăn, thị nữ chết. Ly Cơ khóc nói: Giặc chính là Thế Tử. Thế Tử chạy đến ấp Tân Thành. Công giết quan phó của Thế Tử là Đồ Nguyên Khoản. Có kẻ khuyên Thế Tử nên biện oan. Thế Tử nói: Nhà vua không có Ly Cơ thì không yên, ăn không ngon, ta nói ra Ly Cơ tất phải tội. Vua đã già rồi, mà ta được cũng không vui. Hỏi: Hay là Thế Tử trốn đi. Đáp: Vua nếu không xét tội, ta bị tiếng xấu mà ra đi, thì ai là người dung ta. Tháng 12, ngày giáp tuất, thất cổ ở Tân Thành. Ly Cơ nói gièm nót hai Công Tử. Công Tử Trùng Nhi chạy ra ấp Bồ. Công Tử Di Ngô, chạy ra ấp Khuất, Tân Thành là Khúc Ốc.

Năm Bình Dân. Huệ Vương năm thứ 22.

五 年

NGŨ NIÊN

NĂM THỨ 5

Tề Hoàn năm thứ 31. Tấn Hiến năm thứ 22. Vệ Văn năm thứ 5. Sái Mục năm thứ 20. Trịnh Văn năm thứ 18. Tào Chiêu năm thứ 7. Trần Tuyên năm thứ 38. Kỷ Huệ năm thứ 18. Tống Hoàn năm thứ 27. Tần Mục năm thứ 5. Sở Thành năm thứ 17.

**春**  
**XUÂN**  
**MÙA XUÂN**

**Phụ lục Tả Truyện** - Tháng giêng ngày Tân Hợi, đúng ngày sóc, lại vào tiết đông chí, Công đã làm lễ thì sóc lại lên dài đứng coi. Chép thể là đúng lễ. Phàm các tiết xuân phân, thu phân, hạ chí, đông chí lập xuân, lập hạ, lập thu, lập đông, tất có chép màu sắc mây trời, để biện đủ cát hung.

**晉侯撥其世子申生**  
**TẤN HẦU SÁT KỲ THẾ TỬ THÂN SINH**  
**TẤN HẦU GIẾT THẾ TỬ, THÂN SINH**

**Tả** - Tấn Hầu cho tới báo cáo với Lỗ ta về nguyên cơ giết Thế Tử Thân Sinh. Xưa Tấn Hầu sai Sĩ Vĩ đắp thành cho hai Công Tử, thành ở ấp Bồ, và thành ở ấp Khuất. Thành không được kiên cố, gồ lạt thường. Di Ngô tố cáo. Công trách quờ. Sĩ Vĩ nói: Thần nghe, không có tang mà buồn thì việc lo sẽ tới. Không có giặc mà xây thành thì thành sẽ nuôi giặc. Vậy cần thận kiên cố làm gì, để nuôi họa, ở chức vụ mà bỏ việc là bất kính, cố nuôi giặc là bất trung. Mất cả trung lẫn kính, thì còn gì để thờ vua. Kinh Thi có nói: Muốn sáng đức, thì cần an ninh, muốn có con nối thì cần xây thành. Xin nhà vua sửa đức mà nghĩ đến con đích, thì thành nào tốt bằng. Chỉ trong ba năm là các thành mới phải dùng đến quân. Nói xong lui ra, ngâm câu thơ: Áo cừ sắc sỡ, một nước ba Công, ta biết theo ai. Đến khi tai nạn xảy ra, Công sai Hoạn quan là Phi, đến đánh ấp Bồ. Công Tử Trùng Nhĩ nói: Không được chống lại mệnh quân phụ rồi ra lệnh kẻ chống lại là kẻ thù của ta. Trèo qua tường rồi chạy. Phi chặt được vạt áo. Trùng Nhĩ chạy trốn sang nước狄.

**Công** - Sao lại nói thẳng là Tấn Hầu giết. Giết Thế Tử em cùng mẹ, nói thẳng là vua, là ý trách lăm.

**Cốc** - Chỉ rõ Tấn Hầu giết, là chê Tấn Hầu.

紀伯姬來朝其子

**KỶ BÁ CƠ LAI TRIỀU KỶ TỬ**

**KỶ BÁ CƠ LAI, CHO CON LAI CHẦU**

**Công** - Chép: Lai triều kỷ tử, là sử Lỗ chép, tức là cùng với con cùng lai chầu.

**Cốc** - Đàn bà đi lấy chồng rồi không rời khỏi nước. Rồi khỏi nước là không chính. Chư hầu gặp nhau gọi là chầu. Đà chép là Bá Cơ triều kỷ tử là cho biết Kỷ Bá (vua Kỷ) đã quên đạo làm chồng. Chư hầu gặp nhau thì gọi là chầu. Thế mà lấy cái lễ đối với bố, đem đối với con thì không phải là chính. Cho nên nói: Kỷ Bá Cơ lai triều kỷ tử, là ba thứ chê.

**Hà Hưu** - Theo lễ, cháu ngoại mới làm lễ đội mũ, có đến chào ông ngoại.

**Phạm Ninh** - Ba thứ chê, là Bá Cơ, Kỷ Bá, và Lỗ Hâu. Hoàn Công năm thứ 9, nước Tào sai Thê Tử Xạ Cô, lai chầu là chê Thê Tử mà chép. Ở đây không chê thì rõ là theo mẹ mà đi, tuổi còn nhỏ, chưa đủ lấy đạo làm người con mà chê trách. Bá Cơ mùa hạ năm Trang Công, thứ 25, xuất giá đến nay được 13 năm thì biết rằng con còn nhỏ.

夏公孫茲如車

**HẠ, CÔNG TÔN TƯ NHƯ MÂU**

**MÙA HẠ CÔNG TÔN TƯ SANG NƯỚC MÂU**

**Tả** - Công Tôn Tư sang Mâu cưới vợ.

公及齊侯宋公陳侯衛侯鄭伯許男曹伯  
會王世子于首止

**CÔNG CẬP TẾ HẦU, TỔNG CÔNG, TRẦN HẦU,**

**VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, HỨA NAM, TÀO BÁ,**

**HỘI VƯƠNG THẾ TỬ VU THỦ CHỈ**

**CÔNG CÙNG TẾ HẦU, TỔNG CÔNG, TRẦN HẦU, VỆ HẦU,**

**TRỊNH BÁ, HỨA NAM, TÀO BÁ, HỘI VƯƠNG**

**THẾ TỬ Ở ĐẤT THỦ CHỈ**

Ta - Hội ở Thủ Chỉ là hội với Thái Tử tên Trịnh, mưu việc cho nhà Chu khỏi sinh loạn.

**Phụ lục Tá Truyện** - Trần Viên Tuyên Trọng oán Trịnh Thân Hầu phản mình ở Thiệu Lăng, cho nên khuyên Thân hầu xây thành ở ấp được thưởng, nói rằng: Xây thành cho có uy danh, con cháu không quên, tôi xin hộ cho. Rồi xin với chư hầu xây đắp. Rồi lại nói gièm với Trịnh Bá rằng: rằng ấp phong mà xây thành là để làm phản. Vì thế Thân Hầu mới bị tội.

**Công** - Sao lại đặc biệt hội Vương Thế Tử, là tỏ lòng quý, vì là đời đời làm Thế Tử.

**Cốc** - "Cùng" là có ý tôn quý. Thế Tử tức là Phó Vương, là của Thiên Tử mà cũng là của thiên hạ.

秋八月諸侯盟于首止

**THU BÁT NGUYỆT, CHƯ HẦU MINH THỦ CHỈ**

**MÙA THU, THÁNG TÁM, CHƯ HẦU THỂ Ở THỦ CHỈ**

Tá - Mùa thu, chư hầu thể.

**Công** - Chư hầu sao không liệt kê rõ. Vì là một việc mà làm hai bận. Trước đã liệt kê cả rồi, thì sau cứ theo như trước.

**Cốc** - Các chư hầu trong nước, không có việc, mà lại hội họp. là tôn quý Vương Thế Tử mà không dám cùng Vương Thế Tử thể. Đã phải thể, là vì đã không tin nhau, nay phải làm cho

tin nhau. Không dám lấy ý không tin nhau mà đòi với bậc tôn quý. Hoàn Công là chư hầu, đã không biết châu vua Thiên Tử là bất thần (không đúng phận làm tôi). Vương Thế Tử là con, mà một mình, riêng nhận sự tôn quý của chư hầu về địa vị mình, thế là bất tử (không đúng phận làm con). Hoàn Công thì bất thần, Vương Thế Tử thì bất tử, thế mà khen là vì sao. Vì là một việc "biến đường chính". Thiên Tử thì yếu hèn. Chư hầu thì không biết châu. Hoàn, thì chèn nước lớn, bình nước nhỏ, diu dắt chư hầu mà không biết châu Thiên Tử, cũng không dám tâu Thiên Tử. Tôn Vương Thế Tử ở Thủ Đái là cách biến đường chính. Thiên Tử hèn, chư hầu không châu, Thế Tử chịu để chư hầu tôn mình thành ra Thiên Tử cũng được tôn. Vậy Thế Tử nhận lễ là phải.

**Xét** - Thế ở Thủ Chỉ, tiên nho khen Hoàn. Riêng Tô Triệt cho là việc đời loạn, hoặc cho Hoàn Công hiệp Thiên Tử. Tô Triệt bàn sai. Xem đoạn sau, có việc Trịnh Bá không thể, chép là trốn hội, trốn với tư cách kẻ thất phu, thế thì Kinh đã khen Hoàn.

### 鄭伯逃歸不盟

### TRỊNH BÁ ĐÀO QUY BẤT MINH

### TRỊNH BÁ TRỐN VỀ KHÔNG THỂ

**Tả** - Vua sai Chu Công triệu Trịnh Bá bảo: Ta bảo người theo Sở phụ vác có nước Tấn, mới có thể tạm yên. Trịnh Bá nghe mừng được mệnh vua, mà lại sợ không châu nước Tề, cho nên trốn về không thể. Khổng Thúc có can rằng, vua chư hầu đừng kinh thường. Kinh thường thì mất thân. Mất thân thì hoạn chóng tới. Hoạn tới mà xin thể thì thiệt nhiều, nhà vua sẽ hối. Trịnh Bá không nghe, trốn quân chư hầu mà về.

**Công** - Sao lại không dùng chữ trốn về không thể. Vì không thể làm đổi việc thể được. Lỗ Tử nói: Vì không lấy ít mà ảnh hưởng số đông được.

**Cốc** - Vì bỏ chư hầu cho nên trốn.

**Lưu Sưởng** - Sao chép là trốn về. Là bỏ số đông. Một vị vua chư hầu mà làm như một kẻ thất phu. Công Dương bàn: chép trốn về, vì không đổi được hội thể. Công Dương bàn sai. Công Dương hiềm rằng Trịnh Bá thực trốn về là nên trốn trước hội thể Thu Đài cho nên mới nói thế. Công Dương không biết rằng bàn ý là thể, rồi đến ngày thể lại đổi ý trốn về. Dù sao, chép là trốn về, thì ngại có thể hiểu là thể xong rồi trốn, cho nên chép chữ "bất minh" không thể, tức là trốn trước lúc thể.

楚人滅弦弦子奔黃

**SỞ NHÂN DIỆT HUYỀN, HUYỀN TỬ BÊN HOÀNG**

**NGƯỜI SỞ, DIỆT NƯỚC HUYỀN,  
HUYỀN TỬ CHẠY SANG NƯỚC HOÀNG**

Khởi thủy các việc Sở di diệt nước người. Huyền là một nước ở đông nam huyện Đệ, xứ Đặc Dương.

**Ta** - Sở tướng là Đâu Câu Ô Đồ diệt nước Huyền. Huyền Tử chạy trốn sang nước Hoàng. Các nước Giang, Hoàng, Đạo, Bách, vốn hòa hiếu với Tề mà thân với Huyền, Huyền cậy thế không phục Sở, không phòng bị mới mất. Nước Đạo ở huyện An Dương. Nhữ Nam. Nước Bách ở huyện Tây Bình Nhữ Nam nay còn Bách Đình.

**Cốc** - Huyền là một nước. Không chép ngày bị diệt vì là nước nhỏ.

**Xét** - Cốc Lương báo không chép ngày vì nước nhỏ, báo thế là sai. Nước mất không phò cáo thì biết sao được ngày. Diệt một nước là quan trọng, đâu có kể, lớn nhỏ để lược qua.

九月戊申朔日有食之

**CỬU NGUYỆT, MẬU THÂN SÓC, NHẬT HỮU THỰC CHI  
THÁNG CHÍN, NGÀY SÓC, MẬU THÂN, CÓ NHẬT THỰC**

冬 晉 人 執 虞 公

**ĐÔNG TẤN NHÂN CHẤP NGU CÔNG**  
**MÙA ĐÔNG, NGƯỜI TẤN BẮT NGU CÔNG**

Ta - Tấn Hầu lại mượn đường đi qua nước Ngu để đánh nước Quắc. Cung Chi Kỳ can rằng: Nước Quắc là bình phong nước Ngu ta. Quắc mất thì Ngu không còn. Ta không nên giúp Tấn. Thù địch không nên gần. Một lần đã là quá rồi. Đừng nên có lần thứ hai. Tục ngữ nói: Càng xe, và chống xe tựa vào nhau. Mối hở thì rằng lạnh. Đó là trường hợp hai nước Ngu Quắc. Vua nói, Tấn đồng tông với ta đâu có hại ta. Đáp: Thái Bá và Ngu Trọng là con Thái Vương, Thái Bá không theo ý cha, cho nên không nối ngôi. Quắc Trọng, Quắc Thúc là con Vương Quý (Vương Quý là con thứ ba Thái Bá) cùng làm khanh sĩ triều vua Văn Vương, có công với nhà Chu, còn ghi trong Minh Phú. Đối với Tấn, Quắc còn gần hơn Ngu. Tấn đã diệt Quắc thì có thương gì Ngu. Và lại Tấn là dòng dõi của các vua Hoàn, Trang, vua ta xét về tình, có bằng được Hoàn Trang không. Thế mà cả họ Hoàn có tội gì đến nỗi bị giết để khỏi có sự lấn áp. Thân thích chỉ vì e có sự lấn áp mà bị giết, huống chi một nước, sao không thêm cướp lấy. Vua nói: Ta siêng năng, thanh khiết đầy đủ việc cúng tế thần linh, tất được che chở. Đáp: Tôi nghe nói, quỷ thần không kể thân thích, chỉ xét người có đức thôi. Cho nên trong Chu Thư có dạy. Hoàng thiên không thân ai, chỉ giúp người có đức. Lại dạy rằng, thóc lúa không thơm, chỉ đức là thơm. Lại dạy rằng, dân cúng phẩm vật muốn thay đổi gì cũng không bằng đức. Thế thì, thiếu đức dân mất yên, thần không hưởng. Thần che chở, giúp đỡ người có đức. Nếu Tấn lấy xong Ngu, mà lại làm sáng tỏ đức được thì chả lẽ thần ăn rồi, nhả ra hay sao.

Vua không nghe can, rồi chấp nhận lời mượn đường của sứ thần nước Tấn. Cung Chi Kỳ đem cả họ rời nước Ngu, nói rằng: Nước Ngu lẽ chạp này không cúng được nữa đâu, ta đi ngay thôi. Tấn thuận đường đi một lần chứ không để lần thứ hai đâu. Tháng tám, ngày giáp ngọ, Tấn Hầu vây Thượng Dương, hồi Bốc Yên

rằng, ta được không. Đáp: Được. Công hỏi, bao giờ. Đáp: Đồng dao có câu: Sớm ngày binh đuổi Thần sao Long áo giáp lòng lầy, lầy cờ nước Quắc Sao Thuần chổi loi. Sao Sách lờ mờ. Sao Hóa việc thành. Quắc Công trốn chạy. Vay vào khoang tháng chín, tháng mười chằng. Sớm ngày binh tỵ, Nhật (mặt trời) ở triển sao Vỹ. Mặt trăng ở triển sao Sách. Thuần ở nơi Sao Hóa. Chắc vào ngày đó. Mùa đông tháng mười hai, ngày sóc, binh tỵ, Tấn diệt Quắc. Quắc Công tên là Xú chạy trốn tới Kinh sư. Quân Tấn về dừng lại ở nước Ngụ, rồi đánh úp nước Ngụ, diệt Ngụ, bắt Ngụ Công cùng đại phu là Tinh Bá. Vì Quắc có con gái làm thiếp ở Tấn, mà còn được giữ tế tự, còn được cống tiến vào triều nhà Chu. Cho bên chép rằng: Người Tấn bắt Ngụ Công tức là kết tội Ngụ và cũng là cho rõ ý việc diệt là dễ.

**Công** - Nước Ngụ đã bị diệt rồi, sao lại nói là bắt Ngụ Công. Là vì không cho việc diệt là phải. Chữ diệt có ý hay cho nước đi diệt là trên dưới đồng tâm.

**Cốc** - Bất không nói ở đâu. Là bị giữ ở Tấn. Sao lại gọi là Công. Là nói dưới bắt người trên, vì Tấn sẽ phải ra mệnh lệnh cho dân Ngụ. Ngụ, Quắc mà cứu nhau, thì không phải là làm ơn cho nhau. Vì rằng, hôm nay Quắc mất, thì ngày mai Ngụ mất.

**Lưu Sưởng** - Đây là việc diệt một nước. Sao không chép chữ diệt. Vì rằng chính thực Ngụ đã bị Tấn diệt từ lâu rồi, chứ không phải một ngày nào đấy mới bị diệt. Đây là vào mà bắt thì phải hơn. Sao lại không nói bắt đem về. Vì đất đai đã thuộc về tấn từ lâu rồi, nước không còn là một nước nữa, đầu tiên là từ việc diệt Hạ Dương. Cốc Lương có bàn, chép là công cũng như nói kẻ dưới bắt người trên, rồi Tấn ra mệnh lệnh cho dân Ngụ, Cốc Lương bàn sai. Tước có năm hạng, có trên dưới. Chê hay khen, thưởng hay phạt, nên lấy theo đúng loại, há có phải đã chê mà lại còn tôn quý đến tước đâu.

**Xét** - Ngụ, Quắc, bị diệt, người Tấn sửa soạn việc tế tự mà không báo cáo là đã diệt. Vì không báo cáo nên không chép chữ diệt. Tuy nhiên, sự thực là đã diệt. Cho nên, Hạ Dương là áp nước Quắc, đáng lí không nên chép là diệt (vì chỉ là áp) thế

mà chép là diệt. Ngu Công thì chép là bắt, theo như lệ, nước bị diệt thì vua bị bắt. Vậy hai nước mà bị mất, bị diệt, cứ như thế đủ rõ thấy rồi.

Năm Đinh Mão. Huệ Vương năm thứ 23.

六 年  
**LỤC NIÊN**  
**NĂM THỨ 6**

Tề Hoàn năm thứ 32. Tấn Hiến năm thứ 23. Vệ Văn năm thứ 6. Sái Mục năm thứ 21. Trịnh Văn năm thứ 19. Tào Chiêu năm thứ 8. Trần Tuyên năm thứ 39. Kỷ Thành Công năm đầu. Tống Hoàn năm thứ 28. Tần Mục năm thứ 6. Sở Thành năm thứ 18.

春 王 正 月  
**XUÂN VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT**  
**MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG**

**Phụ lục Tả Truyện** - Tấn Hầu sai Gia Hoạt phạt ấp Khuất. Di Ngô không giữ nổi thế rồi đi. Sắp chạy trốn sang nước狄, Khước Nhuế nói: Mình chạy sau, lại cũng tới nước狄, thêm tội, không bằng sang nước Lương. Lương gần Tấn. Rồi nhờ Tấn. Thế là tới Lương.

夏公會齊侯宋公陳侯衛侯曹伯伐鄭圍辛城  
**HẠ CÔNG HỘI TẾ HẦU, TỔNG CÔNG, TRẦN HẦU VỆ**  
**HẦU, TÀO BÁ, PHẠT TRỊNH, VI TÂN THÀNH**  
**MÙA HẠ, CÔNG HỘI TẾ HẦU, TỔNG CÔNG, TRẦN HẦU**  
**VỆ HẦU, TÀO BÁ PHẠT TRỊNH, VÂY TÂN THÀNH**

Tân Thành cũng gọi là Trịnh Tân Mật ở huyện Mật, xứ Vinh Dương.

**Tả** - Chư hầu phạt Trịnh, vì có trốn hội thể ở Thủ Chi. Vây Tân Mật là một thành Trịnh, tạm xây dựng lên.

**Công** - Ấp thì không dùng chữ vây, đây gọi là vây là vì địch mạnh.

**Cốc** - Đánh một ấp, không nói là vây ấp. Đây chép vây là chê trách nước Trịnh, để rõ cái tội của Trịnh.

**Xét** - Công Dương báo ấp không nói là vây. Đây chép vây là vì địch mạnh. Công Dương bàn sai. Cho một ấp là mạnh thì Ân Công năm thứ 5, vây Trường Thước, Triệu Khuông lời bàn đã bác đi rồi. Như báo rằng địch mạnh thì Hoàn Công phạt Trịnh hợp sáu nước để vây có một ấp, lâu mà không hạ được rõ ràng không phải là cậy sức thể thì sao nói là địch mạnh được.

秋 楚 人 圍 許 諸 侯 遂 救 許

### **THU, SỞ NHÂN VỊ HỨA, CHƯ HẦU TỰ CỨU HỨA MÙA THU, NGƯỜI SỞ VÂY HỨA, CHƯ HẦU BÈN CỨU HỨA**

**Tả** - Mùa thu, Sở Tử vây Hứa, để cứu Trịnh. Chư hầu cứu Hứa. Sở về. Mùa đông, Sái Mục hầu đem Hứa Hi Công yết kiến Sở Tử ở Vũ Thành. Vua Hứa mặt quay phía nam, tự trời, mồm ngậm ngọc bích, đại phu thì mặc sô gai, sĩ phu thì mang theo quan tài. Sở Tử hỏi Phùng Bá. Đáp: Xưa, Vũ vương, diệt nhà Ân, Vi Tử Khải có làm như thế. Vũ Vương mới thân cỡi trời, nhận bích cho rửa đi, đốt quan tài, lấy lễ, mệnh cho lại về nơi cũ. Sở Tử nghe xong rồi làm theo.

**Cốc** - Cứu Hứa như thế là khéo.

**Triệu Khuông** - Tả Thị báo Sái Mục Hầu đem Hứa Hi Công đến yết kiến Sở Tử ở Vũ Thành. Hứa quay mặt về nam, tự trời, ngậm bích. Xét Sở vốn vây Hứa để cứu Trịnh. Chư hầu tới cứu Hứa. Trịnh được giải vây. Sở cũng lui quân. Thế thì Hứa còn sợ gì mà theo. Sái hầu làm cái lễ mất nước ấy. Nếu thực có thể thì ra Hứa đã theo Sở. Tề có gì mà không phạt Hứa. Xưa Vũ Vương diệt Ân, Vi Tử Khải có như thế, câu ấy cũng đáng ngờ.

冬 公 至 自 伐 鄭  
**ĐÔNG CÔNG CHỈ TỰ PHẠT TRỊNH**  
**MÙA ĐÔNG, CÔNG TỰ PHẠT TRỊNH VỀ**

Cốc - Không chép là tự cứu Hứa về. Vì cho phạt Trịnh là quan trọng

Mậu Thìn - Huệ Vương năm thứ 24.

七 年  
**THẤT NIÊN**  
**NĂM THỨ 7**

Tề Hoàn năm thứ 33. Tấn Hiến năm thứ 24. Vệ Văn năm thứ 7. Sái Mục năm thứ 22. Trịnh Văn năm thứ 20. Tào Chiêu năm thứ 9. Trần Tuyên năm thứ 40. Kỷ Thành năm thứ 2. Tống Hoàn năm thứ 29. Tần Mục năm thứ 7. Sở Thành năm thứ 19.

春 齊 人 伐 鄭  
**XUÂN, TỀ NHÂN PHẠT TRỊNH**  
**MÙA XUÂN, NGƯỜI TỀ PHẠT TRỊNH**

Tả - Người Tề phạt Trịnh, Khổng Thúc nói với Trịnh Bá rằng: Lời ngạn có nói: Tâm mà cứng, lo gì bệnh. Đã không biết cường, lại không biết nhược, thế là chết, thế là nước nguy. Xin hạ mình đối với Tề để cứu nước. Công nói, ta đã biết lý do về việc Tề, hãy đợi ta ít lâu. Đáp: Việc gấp chỉ có buổi sáng, buổi tối, đợi nhà vua sao được.

夏 小 邾 子 來 朝  
**HẠ TIỂU CHÂU, TỬ LAI TRIỀU**  
**MÙA HẠ, TIỂU CHÂU TỬ LAI CHẤU**

Công thị viết là Tiểu Châu Lâu. Tiểu Châu là nước biệt phong

của nước Châu, cho nên gọi là Tiểu Châu. Tống Trung nói: Châu Nhan phong riêng con nhỏ là Phi, ở nước Nghệ, làm Tiểu Châu Tư. Ở hai huyện, huyện Dã, huyện Dịch, châu Duyện, Sơn Đông, đều có Nghệ Thành. Lạc Sử có chép: Nghệ Thành nay là Nghi Châu. Dịch tức là đất Thừa thời xưa thuộc Nghi Châu. Căn cứ vào hai thuyết đó thì ở Dịch là đúng.

**Đỗ Dự** - Nghệ Lê Lai, mới được sắc phong của vua, nên lại châu.

鄭 撥 其 大 夫 申 侯

**TRỊNH SÁT KỲ ĐẠI PHU THÂN HẦU**

**TRỊNH GIẾT ĐẠI PHU THÂN HẦU**

**Ta** - Mùa hạ, Trịnh giết Thân Hầu để chiêu ý Tề, vả lại cũng là nghe lời gièm của Trần Viên Đào Đồ. Trước kia Thân Hầu vốn dòng họ Thân, được Sở Văn Vương yêu. Văn Vương sắp chết có cho ngọc bích, bảo đi, duy có ta là biết người, người chuyên về lợi không chán, xin gì ta cũng cho, ta không bắt tội. Người sau tất đòi hỏi ở người nhiều tài năng hơn thì người không thoát được. Ta chết, người phải đi ngay, chớ có đến nước nhỏ không dung được người dẫu. Táng vua xong Thân Hầu trốn sang Trịnh, lại được Lê Công yêu dùng. Từ Văn nghe tin Thân Hầu chết có nói: Biết bấy tôi ai bằng vua, không thể sai được.

**Công** - Giết mà nói là nước giết (Trịnh giết) tức là vua giết đại phu.

**Cốc** - Chép là nước giết đại phu, tức là giết kẻ có tội.

**Lưu Sưởng** - Trịnh Bá trong lòng nghi ghét mà giết Thân Hầu, Thân Hầu tuy không đáng chết, nhưng tính tham lam tranh giành, là tự làm hại mình.

鄭七月公會齊侯宋公陳  
世子款鄭世子華盟于甯母  
**THU THẤT NGUYỆT, CÔNG HỘI TẾ HẦU, TỔNG  
CÔNG, TRẦN THẾ TỬ KHOẢN, TRỊNH THẾ TỬ  
HOA MINH VU NINH MẪU**

**MÙA THU, THÁNG 7, CÔNG HỘI TẾ HẦU, TỔNG CÔNG, TRẦN  
THẾ TỬ KHOẢN, TRỊNH THẾ TỬ HOA THẾ Ở NINH MẪU**

Ninh Mầu hoặc Ninh Mỗ, là đất nước Lỗ. Công Thị viết chữ 寧.

Tả - Mùa thu, thế ở Ninh Mầu, mưu việc Trịnh. Quản Trọng nói với Tề Hầu rằng: Thần nghe, lấy lễ mà với kẻ ghét mình, lấy đức phục kẻ ở xa, lễ đức không dối thì ai chả mong tới mình. Tề Hầu giữ lễ với chư hầu các quan thì tùy theo hạng loại. Trịnh Bá sai Thế Tử Hoa đến nghe mệnh ở hội. Hoa nói với Tề Hầu: Họ Tiết, Họ Khổng, Họ Tử Nhân, ba họ đó vốn trái mệnh nhà vua. Nếu nhà vua trừ đi cho thì hai nước mới hòa hiếu được, tôi xin lấy cả nước Trịnh làm nội thân, nhà vua rất lợi, Tề hầu sắp ưng thuận, thì Quản Trọng nói: Nhà vua lấy lễ, lấy tín đối với chư hầu sao rồi cuộc lại có sự gian dối. Cha con không dối nhau thì gọi là lễ, theo mệnh dùng thời thì gọi là tín. Trái hai điều đó là đại gian. Công nói, chư hầu có đánh Trịnh mà chưa thắng. Nay nếu có chuyện, cứ theo có nên không. Đáp: Nhà vua nếu lấy đức mà phục người, lại thêm vào các huấn từ, rồi cầm đầu các chư hầu để đánh Trịnh, thì Trịnh sẽ đổ vỡ đến nơi. Trịnh đâu dám chẳng sợ. Nếu chỉ giúp Trịnh gian mà đánh Trịnh thì Trịnh đâu có sợ. Vả lại hợp chư hầu để tôn trọng đức, mà lại cho gian Sen lẫn rồi sau ai theo. Phàm hội chư hầu, có đủ đức, hình, lễ, nghĩa, không nước nào không nhớ chép. Chép gian là hội nhà vua hỏng. Làm mà không dám ghi không phái là đức tốt. Xin vua dùng ưng thuận. Trịnh rồi tất phải chịu thế. Nay Tử Hoa đã làm Thế Tử mà lại còn xin nhờ nước lớn để làm yếu nước mình, rồi tất cũng không khỏi họa. Trịnh có Thúc Thiêm, Đồ

Thúc. Sư Thúc giữ việc chính trị, dân gọi là tam Lương, chưa có thể ly gián được. Tể Hầu mới khước từ. Từ Hoa vì việc ấy mới bị tội ở Trịnh. Mùa đông. Trịnh Bá sai xin thể ở Tể

**Cốc** - Hội gọi là Y thường hội. Trùng áo: Nghĩa là không dùng đến quần.

**Xét** - Hội Ninh Mầu có năm nước, mà Trần, Trịnh đều sai Thế Tử thay. Và lại hai nước đều mới bị nạn xâm phạt. Trần muốn đổi thể mà còn chưa dám, tạm miễn cưỡng hưởng ứng. Trịnh muốn thể mà chưa được cùng như muốn đi mà chưa bước chân được, cho nên chỉ sai Thế Tử đi thôi.

曹 伯 班 卒

**TÀO BÁ BAN TỐT**

**TÀO BÁ BAN MẤT**

**Xét** - Lý Bản bao không chép ngày vì không cáo phó. Trương Phô cũng nghi thế. Còn như bảo rằng các con nổi ngôi tranh giành nhau không rành mà cáo phó, bảo thế là sai. Tào với Lỗ cùng hội thể thì không có lý gì lại không có cáo phó. Nếu không cáo phó thì không chép gì cả. Đây chép chết mà không chép ngày, chỉ là thiếu sót.

公 子 友 如 齊

**CÔNG TỬ HỮU NHƯ TẾ**

**CÔNG TỬ HỮU SANG TẾ**

**Uông Khắc Khoan** - Đã cho thể Ninh Mầu là quan trọng, lại sai Quý Hữu tới sinh, cần giao hiếu với nước Bá. Năm thứ 13, mùa hạ hội, mùa đông Quý Hữu lại tới sinh, cùng một ý ấy.

冬 葬 曹 昭 公

**ĐÔNG TÁNG TÀO CHIÊU CÔNG**  
**MÙA ĐÔNG, TÁNG TÀO CHIÊU CÔNG**

**Phụ lục Tả Truyện** - Tháng nhuận, Huệ Vương băng. Tương Vương ghét việc Thái Thúc Dải, sợ không được nối ngôi, mới không phát tang, rồi cáo nạn với Tề.

Năm Kỷ Ty. Huệ Vương năm thứ 25.

八 年

**BÁT NIÊN**  
**NĂM THỨ 8**

Tề Hoàn năm thứ 34. Tấn Hiến năm thứ 25. Vệ Văn năm thứ 8. Sái Mục năm thứ 23. Trịnh Văn năm thứ 21. Tào Cung Công Tương năm đầu. Trần Tuyên năm thứ 41. Kỷ Thành năm thứ 3. Tống Hoàn năm thứ 30. Tần Mục năm thứ 8. Sở Thành năm thứ 20.

春 王 正 月 公 會 王 人 齊 侯 宋 公 衛 侯 許 男  
曹 伯 陳 世 子 款 盟 于 洮

**XUÂN VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, CÔNG HỘI VƯƠNG**  
**NHÂN, TỀ HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, HỨA NAM,**  
**TÀO BÁ, TRẦN THẾ TỬ KHOẢN MINH VU THAO**  
**MÙA XUÂN, VƯƠNG, CÔNG HỘI NGƯỜI NHÀ VUA,**  
**TỀ HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, HỨA NAM**  
**TÀO BÁ, TRẦN THẾ TỬ KHOẢN, THẾ Ở THAO**

Dưới chữ khoản, Công Thị có đề chữ Trịnh Thế Tử Hoa. Thao là ở đất Tào.

Ta - Mùa xuân, thế ở đất Thao, bàn việc nhà vua (Thiên Tử nhà Chu). Tương Vương định ngôi rồi mới phát tang.

**Công** - Vương nhân, người nhà vua là ai. Chúc vị nhỏ, nhưng đặt trên các chư hầu, vì là người Thiên Tử sai.

**Cốc** - Vương nhân, đặt trước chư hầu vì quý vương mệnh. Áo triều phục dù xấu, cũng phải mặc ở ngoài. Mũ miện dù cũ, cũng phải đội lên đầu. Nhà Chu dù suy cũng phải trên chư hầu. Đây là hội họp có quân đội.

**Vương Tiểu** - Tả Thị bảo rằng Tương Vương định ngôi rồi mới phát tang. Cứ như Kinh, năm ấy, tháng 12, ngày Đinh Mùi, mới chạp Thiên Vương bằng, e rằng bí mật không phát tang vì có loạn. Nhưng xét Thúc Đái là em Tương Vương, chứ đâu có phải người nước ngoài, thì cũng khó giữ bí mật, khó dối được. Bí mật là thời sau bàn, còn như dùng quyền một thời gian, bí mật, sau cái ngày đặt ra đó, đã được đặt thì, chả lẽ sử lại không đính chính lại chẳng.

鄭伯乞盟

**TRỊNH BÁ KHẮT MINH**

**TRỊNH BÁ XIN THỂ**

**Tả** - Trịnh Bá xin thể, là xin phục tòng.

**Công** - Khắt Minh là gì? Là để cho tới xin rồi mới cho. Rồi mời tới thể.

**Cốc** - Trước kia đã trốn về, nay phải khắt, xin. Chữ khắt là chữ nặng. Cho việc thể là trọng. Có lời xin rồi mới thể.

**Đạm Trợ** - Cốc và Công đều nói là khắt minh, là để cho xin rồi mới thuận cho. Xét chữ khắt là ý van xin. Chạp là mời thì viên vông quá. Giá thử khắt sư, xin quân, thì mời thể nào.

夏狄伐晉

**HẠ ĐỊCH PHẠT TẤN**

**MÙA HẠ, ĐỊCH PHẠT TẤN**

**Tả** - Lý Khắc nước Tấn cầm quân. Lương Do Mỹ giữ chức Ngự. Quắc Xạ giữ chức Hữu. Đánh bại quân Dịch ở Thái Tang.

Lương Do Mỹ nói: Dịch là giống vô si, đuổi theo tất là đánh tan vỡ được. Lý Khắc nói: làm cho sợ thôi, đừng thúc quá. Quắc Xạ nói: Đây năm nó lại tới, nó cho mình là yếu. Mùa hạ, Dịch phạt Tấn, báo thù trận Thái Tang ở đến một tháng. Thái Tang, tây nam huyện Bắc Khuất, Xứ Bình Dương có bến Thái Tang.

秋七月禘于太廟用致夫人  
**THU, THẤT NGUYỆT, ĐẾ VU THÁI MIẾU**  
**DỤNG TRÍ PHU NHÂN**  
**MÙA THU, THÁNG 7, TẾ ĐẾ Ở THÁI MIẾU**  
**ĐỂ TẾ CẢ PHU NHÂN**

**Tả** - Mùa thu, tế Đế mà tế cả Ai Khương, là phi lễ. Phàm là Phu nhân, mà không chết ở tẩm thất, không quàn ở miếu, không cáo phó chư hầu không phối vào nhà thờ tổ, thì không được lễ phụ vào tế Đế.

**Công** - Để tế, chính là không nên. Để tế vào tế Đế là phi lễ. Sao Phu nhân lại không chép họ, thế là không phải Phu nhân, thế là chê, thế là cho thiếp làm Phu nhân. Lấy thiếp làm thê, vì bị hiếp bức (thiếp ở Tê đã tới được trước). Để tế, chính là không được. Đã chép là Phu nhân thì phải có họ. Chép Phu nhân mà không để họ, thì không phải là Phu nhân nữa, là lời chỉ người thiếp, không phải là chính. Bao là Phu nhân cũng được, bao là không phải Phu nhân cũng được. Bao là có lễ táng cũng được, bao là không có lễ táng cũng được. Một là lấy việc tôn miếu mà biếm chê, một là để chữ Phu nhân không cho biết chính hay không chính.

**Phạm Ninh** - Để là thứ tế ba năm một lần. Thái Miếu là miếu Chu Công. Lưu Hưởng nói: Phu nhân là Thành Phong chết, phối vào Thái Miếu (tế đế). Lập làm phu nhân là chính đích, chứ không phải tôn người thiếp mà gán cho danh hiệu Phu nhân. Lấy thiếp làm chủ, thì trên dưới thành ra không có biệt, dù tôn mẹ lại thành khinh bố. Cho nên bao không được là chính. Theo lễ, có mẹ của vua không phải là chức Phu

hân, như là có con thứ mà được nối, thì để chờ mẹ áo tang  
hường không xô gai. Thế dù rõ thiếp không làm chủ được.  
Trình Tự nói: Vua cho làm Phu nhân, vua lấy lễ Phu nhân  
áng cho, người chép chá nhè không chép chữ Phu nhân. Thành  
Phong, năm Văn Công thứ 4 chết, năm thứ 5 táng, trong  
Truyện chép việc. Bấy tôi không có nghĩa biếm vua cho nên  
Thái Miếu san bỏ họ để rõ là không phải được chính. Người  
Tân khi đưa đồ phúng Thành Phong, không gọi là Phu nhân.

**Dương Sĩ Huân** - Tả Thị cho Phu nhân là Ai Khương.  
Năm đầu bị Tề giết thì sao ngày nay lại phối vào Thái Miếu.  
Công Dương cho là đáng, thiếp Tề tới trước, bức hiếp Công,  
bắt Công lập làm Phu nhân. Thế thì Hi Công không phải  
là vua vẫn được khen là hiền. Dù có bị Tề bức hiếp, há lại  
dám lấy đáng thiếp làm Phu nhân. Vậy biết cả hai Truyện  
đều sai.

冬十有二月丁昧天王崩  
**ĐÔNG, THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, ĐINH MÙI,**  
**THIÊN VƯƠNG BĂNG**  
**MÙA ĐÔNG, THÁNG 12, NGÀY ĐINH MÙI,**  
**THIÊN TỬ BĂNG (chết)**

Tả - Mùa đông, người nhà vua tới cáo tang, vì có loạn nên  
báo chậm.

**Phụ Lục Tả Truyện** - Tống Công có bệnh. Thế Từ là Tư  
Phu có xin Công: Mục Di đã lớn tuổi lại là người có nhân, xin  
nhà vua cho nối ngôi. Công mới mệnh cho Từ Ngữ (Mục Di).  
Từ Ngữ nói rằng. Biết nhường nước thì nhân nào hơn được. Tôi  
không bằng. Và lại như thế không thuận. Rồi vội lui ngay.

**Triệu Khuông** - Tả Thị nói năm thứ 7, tháng nhuận,  
Huệ Vương băng. Tương Vương sợ loạn Thái Thúc, không phát  
tang, rồi cáo loạn với Tề. Năm thứ 8, tháng giêng, có hội  
ở đất Thao, bàn việc nhà Chu. Tương Vương được nối ngôi,  
rồi sau phát tang. Cứ coi đó, thì trong tháng giêng, tháng

hai, ngôi vua đã định xong, sao lại chờ đến tháng 12, mới báo tang cho Chư hầu. Thế thì lời Tả Thị không đủ lấy làm bằng chứng được.

**Xét** - Tả Thị chép Huệ Vương mất năm thứ 7 tháng nhuận. Đến năm thứ 8 tháng 12 mới báo tang, thế là giấu tang đến một năm, e không có lý. Cho nên Vương Tiều, Triệu Khuông, đều lay làm nghi. Tuy nhiên, trong việc Xuân Thu vẫn căn cứ vào Tả Thị. Vậy chép cả thuyết Vương Thị, Triệu Thị, lẫn Tả Thị cho đầy đủ việc khảo cứu.

Năm Canh Ngọ. Tương Vương năm đầu.

九 年  
**CỬU NIÊN**  
**NĂM THỨ 9**

Tê Hoàn năm thứ 35. Tấn Hiến năm thứ 36. Vệ Văn năm thứ 9. Sái Mục năm thứ 24. Trịnh Văn năm thứ 22. Tào Cung năm thứ 2. Trần Tuyên, năm thứ 42. Kỷ Thành năm thứ 4. Tống Hoàn năm thứ 31. Tần Mục năm thứ 9. Sở Thành năm thứ 21.

春王正月丁丑宋公御說卒  
**XUÂN VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT ĐINH SỬ**  
**TỔNG CÔNG NGŨ DUYỆT TỐT**

**MÙA XUÂN VƯƠNG THÁNG GIÊNG, NGÀY ĐINH SỬ,**  
**TỔNG CÔNG TÊN LÀ NGŨ DUYỆT MẤT**

Công thị chép là tháng ba.

**Tả** - Năm thứ 9, mùa xuân, Tống Hoàn Công mất, chưa táng. Công đã hội chư hầu, cho nên xưng là tử, là con. Phàm ở trong thời tang, Vương (Thiên Tử) xưng là Tiểu Đồng. Công, Hầu xưng là tử, con.

**Công** - Sao không chép lễ táng. Vì tránh cho Tương Công.

**Đạm Trợ** - Ta Thị báo, phạm tại tang, Vương xưng là Tiểu Đồng. Công Hầu xưng là Tử. Xét vua Vương Mạnh ở tang không có xưng là tiểu đồng. Còn như các vị Bá, Tử, Nam, tại tang đáng lẽ cũng xưng là Tử. Sao chỉ riêng nói đến Công Hầu thế là nhầm.

**Lưu Thuần** - Công Dương báo không chép táng vì kiêng tránh cho Trương Công. Xét không chép táng vì Lỗ không dự. Báo rằng kiêng cho Trương Công thì còn nghĩa lý gì.

夏公會宰周公齊侯宋子衛侯鄭伯許  
男曹伯于葵邱

**HẠ, CÔNG HỘI TẾ CHU CÔNG, TỂ HẦU, TỔNG TỬ,  
VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, HỨA NAM, TÀO BÁ,  
VU QUỲ KHU**

**MÙA HẠ, CÔNG HỘI TẾ CHU CÔNG, TỂ HẦU, TỔNG TỬ,  
VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, HỨA NAM, TÀO BÁ, TẠI QUỲ KHU**

Quỳ Khu ở phía Đông huyện Ngoại Hoàng Xứ Trần Lưu, nay còn Quỳ Khu. Sách Thích Lệ ghi là đất nước Tống.

**Tả** - Mùa hạ, hội tại Quỳ Khu, để sắp lễ và sửa soạn giao hiếu. Thế là lễ. Vua sai quan Tế là Khổng ban cho Tế Hầu phần tế nói: Thiên Tử có việc tế các đấng Văn, Vũ, sai Khổng ban cho Bá Cữu phần tế. Tế hầu sắp bước xuống lễ nhận thì Khổng nói: Sao lại có mệnh rằng, Bá Cữu tuổi già và nhọc thương cho không phải lạy. Tế Hoàn đáp: Thiên uy chỉ ở trong gang tấc, Tiểu Bạch dám đâu không lạy. Kế dưới mà hư, kém, thì phụ lòng Thiên Tử. Tế Hầu bước xuống lạy nhận phần.

**Công** - Tế Chu Công là chức quan dự việc chấp chính trong triều Thiên Tử.

**Cốc** - Chức Tế của Thiên Tử là coi toàn quốc. Tống xưng là Tử, con, là vì chưa làm lễ táng. Theo lễ cữu còn ở trong cung, thì người con không cần biết các việc ở ngoài. Nay quay ra đi dự hội thì Tống Tử không biết thương xót là gì.

秋 七 月 乙 酉 伯 姬 卒

**THU, THẤT NGUYỆT, ẤT DẬU, BÁ CƠ TỐT**  
**MÙA THU, THÁNG 7, NGÀY ẤT DẬU, BÁ CƠ MẮT**

**Công** - Bà Cơ chưa về nhà chồng. Sao lại chép là tốt, vì đã hứa gả, đàn bà đã hứa gả thì làm lễ đặt tên tự và gài kê, chết thì theo lễ hạ thành nhân.

**Cốc** - Con gái Lô chưa đi về nhà chồng thì đã chết, chép là tốt vì đã hứa gả, đã có lễ đặt tên, gài kê, chết thì tang lễ theo hạng đã thành nhân.

九 月 戊 辰 諸 侯 盟 于 葵 邱

**CỬU NGUYỆT, MẬU THÌN,**

**CHƯ HẦU MINH VU QUỲ KHUU**

**THÁNG 9, NGÀY MẬU THÌN CHƯ HẦU THỂ TẠI QUỲ KHUU**

**Tả** - Mùa thu, tại Quỳ Khưu. Tề Hầu họp chư hầu, thể. Phàm đã cùng thể, thì từ nay cùng hòa hiếu. Tề Không về trước gặp Tấn hầu tới chậm, nói: Không ngại Tề Hầu không chuộng đức, chỉ chuyên việc đánh dẹp xa. Bắc phạt Sơn Nhung, Nam phạt Sở, tây đặt ra hội này, đông kiếm được nhiều nước chưa biết đến. Vậy tây còn loạn. Nhà vua nên nghỉ đến yên loạn. Có ngại gì không tới được hội.

**Công** - Các hội thể của Tề Hoàn không chép ngày. Hội này chép ngày là tại sao? Là muốn làm cho cao lên. Hội ở Quán Trạch, Hoàn Công có tâm lo cho Trung Quốc, không triệu mà chư hầu đến, như người Giang, người Hoàng. Hội ở Quỳ Khưu, Hoàn Công kiêu mà khoe. Phán lại có đến chín nước. Kiêu như bộ ta đây. Khoe như báo ai bằng ta.

**Cốc** - Hội thể của Hoàn Công thường không chép ngày. Đây chép ngày là khen, vì thấy tuyên bố các lệnh của Thiên Tử. Khi hội, bày tam sinh mà không sát sinh. Đọc mệnh lệnh của Thiên Tử như: Không được lấp dòng nước chảy, không được cấm đóng

thóc, không được đổi con trướng, không được cho thiếp làm thê, không được cho đàn bà dự vào việc chính trị.

**Lưu Suồng** - Năm thứ 9, thê ở Quỷ Khưu. Công Dương bảo Tề Hoàn thê, không chép ngày, đây chép ngày là để nâng cho hội thê. Công Dương bàn sai. Đến hội Quỷ Khưu, Tề Hoàn đang rất thịnh, Mạnh Tử thường nói tới. Sao lại cứ lấy ngày, tháng làm lệ an hay nguy để thành rối loạn. Bàn tán nên cẩn thận.

**Vương Tiểu** - Về việc chín nước phản, vốn không căn cứ, và lại Hoàn Công tâm đang đầy đủ, kêu căng, cho nên Tề Không đoán là sẽ loạn.

**Xét** - Ta Thị ghi lời của Tề Không. Tiên nho lấy làm nghi. Mà Tấn chưa từng hội thê với Tề. Nghi là văn trong kinh có câu. Tấn Hầu mất nối liền với câu trên, nên mới sinh ra cái thuyết "lời Tề Không". Dù sao, cứ chép cả việc nghi ra đây, vì đến sử liệu thì cần căn cứ vào Tả Thị.

甲子晉侯詭諸卒

**GIÁP TÝ, TẤN HẦU QUỶ CHU TỐT**

**NGÀY GIÁP TÝ, TẤN HẦU LÀ QUỶ CHU MẤT**

Công thì chép là Giáp Tuất.

**Tả** - Tháng chín Tấn Hiến Công mất Lý Khắc và Phi Trịnh muốn lập Văn Công. Vì thế ba đảng của ba Công tử nổi loạn. Khi trước Hiến công, sai Tuân Túc làm phó cho Công tử Hề Tề. Khi có bệnh cho triệu Tuân Túc hỏi, giao đứa nhỏ nhất này cho ông, ông định sao, Tuân Túc dập đầu tâu: Thần xin đem hết gan óc, hết dạ trung trình làm việc. Việc thành là nhờ uy linh nhà vua. Việc không xong, thần xin chết. Vua hỏi, thế nào là trung trình? Đáp: Điều gì có lợi cho quốc gia đã biết thì làm, thế là trung. Đưa được người chết, giúp được người sống cả hai việc đều một lòng một dạ thế là trình. Khi Lý Khắc muốn giết Hề Tề, ước hỏi Tuân Túc: Nay ba đảng oán giận nổi lên, nước Tấn nước Tấn đều giúp sức ngài nghĩ nên thế nào? Tuân Túc nói, xin lấy cái chết báo đền. Khắc nói, chết vô ích. Túc nói,

tôi đã hứa với tiên quân, tôi không hai lời, chả lẽ tiếc thân mà đòi lời hay sao. Tuy là vô ích nhưng tránh sao được. Cũng như mình, ai chả muốn hay. Mình muốn không hai lời, lại bắt người khác hai lời ư

**Trương Hiệp** - Ta Thị viết Giáp Tý, không cho Giáp Tý ở sau Mậu Thìn. Hiệp theo Công Dương chép Giáp Tuất.

**Xét** - Kinh chép Giáp Tý ở sau Mậu Thìn. Đỗ Chú, Không Sở đều cho rằng cáo phó sau hội thể. Trương Hiệp theo Công Dương nhận Giáp Tuất, hoặc Tuất nhầm thành Tý chẳng, chưa định đoạt được, vậy chép cả ra đây.

冬 晉 里 克 擲 其 君 之 子 奚 齊

**ĐÔNG, TẤN LÝ KHẮC SÁT KỲ QUÂN CHI TỬ HỀ TÊ**

**MÙA ĐÔNG, TẤN LÝ KHẮC GIẾT CON VUA LÀ HỀ TÊ**

Chữ sát, Công Thị viết là thí.

Ta - Mùa đông tháng mười, Lý Khắc giết Hề Tê ở nơi quán Hiến Công. Tuân Túc định cùng chết. Có người bảo, sao không lập và giúp Trác Tử. Tuân Túc mới lập Trác Tử để làm chủ lễ táng vua. Tháng mười một Lý Khắc giết Công tử Trác tại triều. Tuân Túc cùng chết. Người quân tử bàn rằng. Kinh Thi có nói, vết trên ngọc bạch khuê có thể mài cho hết được. Cái vết của lời nói thì không có cách làm cho mất được. Đó là trường hợp của Tuân Túc.

**Phụ lục Tả Truyện** - Tê hầu lấy quân chư hầu phạt Tấn. Đến đất Cao Lương thì về, là để dẹp loạn Tấn. Lệnh không truyền tới Lỗ, nên không chép. Tấn khước Nhuế nói: Người ta ai cũng có nước, ta còn yêu gì hơn. Về nước mà trị dân được thì còn gì bằng. Di Ngô nghe. Tê Thấp Bằng cầm quân hợp với quân Tấn giúp Tấn Huệ Công. Tấn Bá bảo Khước Nhuế rằng: Công tử tin nhờ ai. Đáp, người đã đi trốn thì không còn có đảng. Có đảng tất có thù. Di Ngô lúc ít tuổi, không phóng túng, việc làm ít lắm lỗi, nhiều tuổi vẫn thế. Còn điều khác xin không được biết. Tấn Công báo Công Tôn Chi: Di

Ngô đình được nước không? Đáp: Tôi nghe duy có pháp là đình được. Kinh Thi nói: Chẳng biết, chẳng hiểu, chỉ cần theo phép nhà vua, đó là chi vua Văn Vương. Lại nói: Đừng lấn quyền, đừng hại ai, thì ít làm trái phép. Không yêu, không ghét, không ghen, không hiểu thắng, thì làm được. Nay lời nói thì nhiều ghen ghét hiểu thắng, thật là khó trị nước. Công nói: Ghen ghét thì bị nhiều oán, còn thắng sao được. Đó là lợi cho ta. Tống Tương Công lên ngôi biết Công Tử Mục Di là người có nhân cho làm chức Tả sư để coi việc chính trị. Tống bắt đầu yên, cho nên họ Ngư (Mục Di) nối đời làm Tả sư. Cao Lương là đất nước Tấn.

**Công** - Đây là ở ngôi vua chưa đầy năm. Sao lại chép là giết (thí) con vua là Hề Tề. Là cách nói vua chưa làm vua đầy năm.

**Cốc** - Gọi là con vua, biết là dân trong nước không nhận, vì không cho việc giết Thế Tử Thân Sinh để lập Hề Tề là chính.

**Xét** - Kinh chép chữ con vua, Công nói đó là danh hiệu vua chưa ở ngôi được đầy năm, Công Dương nghĩ sai lầm. Công Dương cho Tử Ban là vua ở ngôi chưa đầy năm mà chép: Vua chết xưng là Tử Mỗ. Đã táng rồi, xưng là tử, là con, lẽ có rõ ràng lắm rồi. Vả lại Tử Ban, Tử Già, xưng tử (con), xưng tên (danh), là vì có vua chết, Tử Xích xưng tử (con) không xưng tên là vì có vua đã táng. Nếu theo lệ Tử Ban, thì giá xưng Tử Hề Tề là được. Vậy sao lại xưng là con vua (quân chi tử). Cho nên cái lời bàn của Cốc Lương "dân trong nước không nhận", (không nhận là vua) là chính đáng.

Năm Tân Mùi. Tương Vương năm thứ 2.

## 十 年 THẬP NIÊN NĂM THỨ 10

Tề Hoàn năm thứ 36. Tấn Huệ Công Di Ngô năm đầu. Vệ Văn năm thứ 10. Sái Mục năm thứ 25. Trịnh Văn năm thứ 23.

Tào Cung năm thứ 3. Trần Tuyên năm thứ 43. Kỷ Thành năm thứ 5. Tống Tương Công Tư Phủ năm đầu. Tấn Mục năm thứ 10. Sở Thành năm thứ 22.

春王正月公如齊

**XUÂN. VƯƠNG CHÍNH NGUYỆT CÔNG NHU TÊ**  
**MÙA XUÂN VƯƠNG THÁNG GIÊNG. CÔNG SANG TÊ**

狄滅溫溫子奔衛

**ĐỊCH DIỆT ÔN. ÔN TỬ BÔN VỆ**  
**NƯỚC ĐỊCH DIỆT NƯỚC ÔN. ÔN TỬ TRỐN SANG VỆ**

Tả - Năm thứ 10, mùa xuân, Dịch diệt Ôn. Ôn có vua là Tô Tử Vô Tín. Tô Tử phản. Thiên Tử có việc ở Dịch, không đẹp được Dịch. Dịch đánh Ôn. Thiên Tử không cứu, Ôn bị diệt, Tô Tử chạy trốn sang Vệ.

Đỗ Dự - Tô Tử là dòng dõi quan Tư Khấu Tô Công nhà Chu, được phong ở nước Ôn, cho nên gọi là Ôn Tử.

晉里克弑其君卓及其大夫荀息

**TẤN LÝ KHẮC THÍ KỲ QUÂN TRÁC CẬP**  
**KỲ ĐẠI PHU TUÂN TỨC**

**TẤN LÝ KHẮC GIẾT VUA LÀ TRÁC**  
**VÀ ĐẠI PHU LÀ TUÂN TỨC**

Trác, Công Thị viết là Trác Tử.

Công - Và (cùng, với, cập) là gì. Là có liên lụy. Việc giết vua thì nhiều người, ai không liên lụy thì bỏ chẳng. Đáp: Có người liên lụy, như Khổng Phủ. Cừ Mục đều có liên lụy. Hỏi, bỏ không chép, hay là Khổng Phủ, Cừ Mục không liên lụy chẳng. Đáp, có chữ. Hỏi thế sao đây thì chép. Đáp, vì là hiền, Tuân Túc hiền là vì đã không sai lời. Tề Hề, Trác Tử là con

Ly Cơ, Tuân Túc là Phó, Ly Cơ là hàng quốc sắc, Hiến Công rất yêu, muốn lập con nối ngôi, mới giết Thế Tử Thân Sinh. Lý Khắc là Phó của Thân Sinh. Hiến Công sắp chết, bảo Tuân Túc rằng: Kẻ sĩ thế nào thì được khen là tín. Tuân Túc đáp: Vĩ như chết rồi, mà lại sống lại, không thẹn với lời đã nói, thế là tín. Hiến Công chết, Hê Tề nối ngôi. Lý Khắc bảo Tuân Túc rằng: Vua giết chính mà lập bất chính, bỏ trưởng mà lập thứ, ông nghĩ sao, xin cùng ông bàn. Tuân Túc nói: Vua thường hỏi tôi, tôi có nói: Cho người chết được sống lại, mà không thẹn với lời đã nói, thế là Tín. Lý Khắc biết là không cùng mưu tính được ra về, giết Hê Tề, Tuân Túc lập Trác Tử. Lý Khắc giết Trác Tử, Tuân Túc cùng chết, có thể nói là không ăn lời.

**Cốc** - Từ tôn cho đến ti. Tuân Túc là cái cửa ngăn.

**Tư Mã Quang** - Hiến Công say đắm tỳ thiếp, bỏ trưởng lập ấu. Tuân Túc giữ vị chính khanh, vua tín dùng, đã không biết rõ lẽ nghĩa lại không can ngăn các điều trái của vua chỉ đem cái chết hứa hẹn, đó là cái vết của lời nói. Tuân Túc khi Hiến Công chưa chết mà không thể cứu được. Nữa sau khi Hiến Công chết. Tá Thị sờ di ghi chép là để chê chứ không để khen Tuân Túc.

**Xét** - Hê Tề không chép là vua là để chê Hiến Công. Việc giết Trác thì được chép là giết vua là để chính cái tội của Lý Khắc, Tuân Túc lấy cái chết để đúng cái lời, làm nạn mà không chịu tạm sống. Tuy nhiên, theo vua, trên đường mờ tối thì vì sao được với Khổng Phủ Cừ Mục. Tá Thị dẫn Kinh Thi là chê, chứ không khen. Lời nói của Tư Mã Quang thật là có lý.

夏齊侯許男伐北戎

**HẠ, TỀ HẦU, HỨA NAM PHẠT BẮC NHUNG**  
**(BẮC NHUNG LÀ SƠN NHUNG)**

**MÙA HẠ, TỀ HẦU, HỨA NAM PHẠT BẮC NHUNG**

**晉 撥 其 大 夫 里 克**  
**TẤN SÁT KỲ ĐẠI PHU LÝ KHẮC**  
**TẤN GIẾT ĐẠI PHU, LÝ KHẮC**

**Tả** - Mùa hạ, tháng tư, Chu Công Kỳ Phú, Vương Tử Đàng hội với Tề Thấp Bằng đề lập Tấn Hầu. Tấn Hầu giết Lý Khắc đề thoả ý muốn giết. Trước khi giết có sai báo rằng. Không có người thì ta không về làm vua được. Nhưng người đã giết hai vua cùng một đại phu. Làm vua người thật khó. Lý Khắc đáp: Vua vì dẫu mà được. Muốn kết tội thiếu gì cứ. Tôi biết mệnh rồi. Tự đâm cổ chết.

**Công** - Lý Khắc giết hai vua, thì sao không trị tội ngay như trị giặc. Vì là đại phu của Huệ Công, Ai lập Huệ Công. Lý Khắc. Khắc giết Hề Tề, Trác Tử, đón Huệ Công về. Lý Khắc đã lập Huệ Công thì sao Huệ Công lại giết. Huệ Công nói: Người đã giết hai người con nhỏ, lại muốn tính đến cả ta, làm được vua người cũng chẳng khó lắm ư. Thế rồi giết đi. Tuy nhiên, sao không thấy chép Tấn Công về, cả khi đi lẫn khi về, là dự trước kiêng tránh cho Tấn Văn Công. Tề Tiểu Bạch trở về Tề thì sao không vì Hoàn Công mà kiêng tránh, là vì Hoàn Công trị nước được lâu dài, điều hay thiên hạ đều biết cho nên không cần kiêng tránh: vốn là chê đấy. Văn Công thì thời gian trị nước ngắn điều hay thiên hạ chưa biết, cho nên kiêng tránh cho: vốn là chê đấy.

**Cốc** - Giết người mà dùng tên nước. Tấn giết đại phu tức là tội liên lụy đến vua. Lý Khắc giết hai vua cùng một đại phu, thế nào mà lại liên lụy đến Huệ Công. Vì sao giết Lý Khắc không giết về tội đó. Nguyên là Lý Khắc làm việc thí nghịch, là vì Trùng Nhĩ. Di Ngô có nói: Nó cũng sắp giết ta, nên ta giết nó. Không kể tội thật là ý muốn mời Trùng Nhĩ về làm vua, mới có thủ đoạn thí nghịch. Xưa, Tấn Hiến Công phạt Quắc, được Ly Cơ, sinh hai con, lớn là Hề Tề, nhỏ là Trác Tử. Ly Cơ, muốn làm loạn, cho nên báo vua rằng: Tôi đêm mộng thấy phu nhân chạy tới nói: Tôi khổ sở, sợ hãi, sao không sai đại phu

dem vệ sĩ tới canh làng cho tôi. Vua nói sai ai mới được. Ly Cơ bàn, sai ai được bằng Thế Tử. Vì thế vua mới bảo Thế Tử rằng: Ly Cơ mộng thấy Phu nhân chạy lại kêu lo sợ lắm, con phải đem vệ sĩ tới bảo vệ làng tằm. Thế Tử kính vâng, rồi xây cung. Cung xây xong, Ly Cơ lại nói: Đêm qua mê thấy Phu nhân chạy tới kêu đòi lắm. Nay cung Thế Tử đã thành sao không sai tế. Vì thế Hiến Công bảo Thế Tử tế. Tế xong, Thế Tử dâng phần tới vua. Vua đang đi săn. Thừa cơ, Ly Cơ mới cho tằm thuốc độc vào phần tế. Hiến Công đi săn về, Ly Cơ nói: Đồ ăn từ ngoài đưa vào, cần phải thử. Rót rượu xuống đất, đất sủi bọt. Lấy thịt chó cho chó ăn, chó chết. Ly Cơ bước xuống thềm khóc kêu: Trời ơi, Thế tử sao vội làm vua thế, nước vẫn là nước của Thế Tử chứ còn của ai. Vua sầm mặt nói: Ta với ngươi, chưa có điều gì quá đáng, sao nó tệ thế. Mới sai người bảo Thế Tử tự liệu lấy. Phó Thế Tử là Lý Khắc nói: Xin Thế Tử về kinh biện minh thì còn được sống, nếu không thì không sống được. Thế Tử nói: Vua ta già rồi, ngày về chiều rồi. Nếu về biện minh thì Ly Cơ tất chết. Vua ta sẽ không yên, thì chi bằng ta chết đi để vua được yên. Rồi dặn giúp Trùng Nhĩ. Xong, cắt cổ chết. Cho nên Lý Khắc làm việc thí nghịch là vì Trùng Nhĩ. Di Ngô nói: Nó rồi giết đến ta.

**Đạm Trợ** - Công Dương bảo sao không thấy chép Tấn Công về, cả khi đi lẫn về là dự trước kiêng tránh cho Văn Công. Thế là xuyên tạc, vì Công Dương không biết rằng, không có báo cáo thì không chép.

**Diệp Mộng Đắc** - Tấn Lý Khắc, Vệ Ninh Hỷ đều là những kẻ giết vua. Thế mà không thấy chép câu: Đánh, trừng trị giặc mà lại chép giết đại phu. Tại sao thế? Vì chỉ là giết chứ không phải là trị tội. Trác Tử chết, Huệ Công xin về nước, Lý Khắc thực tâm đón rước, thì ra Huệ Công gặp được cái may là Trác chết để cướp được ngôi. Còn Vệ Hiến Công mà về, mà lên ngôi được là vốn đã được nghe vua bị giết rồi, xin với Hỷ được về, hứa hẹn rằng, nếu được về thì Hỷ (Ninh Hỷ) giữ việc chính trị, quả nhân giữ việc tế. Như thế còn trách gì được việc trị giặc. Khi được ngôi, Huệ Công nói: Ngươi giết hai vua, một đại phu,

làm vua người khó lắm, rồi giết Lý Khắc. Còn Hiến Công khi đã giao quyền chính cho Ninh Hy, lại lo nan chuyên quyền, mới cùng Công Tôn Vô Địa Công Tôn Thân mưu đánh Hy, giết Ninh Hy, phanh thây giữa triều. Vậy giết Khắc, giết Hy là sợ hại mình, nay trừ trước đi. Thiết sứ, Huệ và Hiến muốn không thẹn với Trác với Phiếu thì đem chính tội hai bấy tội rồi xử tử. Nếu như thế thì Xuân Thu đã chép là: Người Tấn giết Lý Khắc, người Vệ giết Ninh Hy.

秋 七 月

**THU THẤT NGUYỆT**  
**MÙA THU, THÁNG BẢY**

**Phụ lục Tả Truyện** - Tấn hầu cho cải táng Thế Tử. Mùa Thu, Hồ Đột tới đất Hạ Quốc, bâng hoàng gặp Thế Tử cho lên xe ngồi, rồi bảo rằng: Di Ngô vô lễ, tôi đã xin với Đế đem Tấn nhập vào Tấn để Tấn thờ cúng tôi. Hồ Đột đáp: Tôi nghe thần không hưởng loại khác, dân không tế họ khác, e việc thờ ngài hết chăng. Vả dân có tội gì. Mất hình chính, thiếu tế tự. Xin ngài nghĩ kỹ cho. Thế Tử nói vâng, tôi sẽ xin lại. Bảy ngày nữa, Phía tây Tân Thành sẽ có nhà đồng nói rõ ý tôi. Nói xong biến mất. Hồ Đột không trông thấy gì nữa. Đúng kỳ, đúng nơi có người tới nói: Đế hứa với ta phạt kẻ có tội thôi, nghiêm hơn cả Hàn xưa. Khi ấy, Phi Trinh đi sứ sang Tấn, nhân nói với Tấn Bá rằng Lã Xanh và Khước Nhuế nước tôi không muốn theo ý ngài. Nếu ngài lại cho sứ sang đáp rồi cho triệu hai người ấy tới, chúng tôi xin đuổi Di Ngô đi và đón Trùng Nhĩ, thì không có gì là không được. Hạ Quốc là đất Khúc Ốc, Tân Thành, Hàn là đất nước Tấn.

冬 大 雪 電

**ĐÔNG ĐẠI VŨ TUYẾT**  
**MÙA ĐÔNG, MƯA TUYẾT LỚN**

Chữ tuyết, Công Thị viết là chữ bạc, mưa đá 電.

**Phục lục Tả Truyện** - Mùa đông Tân Ba sai Lãnh Chi đáp Lễ, và nhân dịp triệu Là Xanh, Khước Nhuế. Khước Nhuế nói đồ lễ hậu, lời nói ngọt, là du ta đó. Bèn giết Phi Trịnh và Kỳ Cừ cùng bay đại phu: Cung Hoa Gia Hoa, Thúc Kiên, Chuy Xuyên, Luy Hồ, Đạc Cung, Sơn Kỳ, đều là trong đảng Lý. Phi. Con Phi Trịnh là Phi Báo chạy sang Tân nói với Tân Bá rằng: Tân Hầu bội bạn Đại Vương, mà ghen ghét thù vật, dân không ưa. Đem quân đánh tất phải chạy. Công nói: Chưa được dân thì ai giết được, chưa có họa thì ai đuổi được.

**Công** - Sao lại chép. Vì là việc lạ.

**Trạm Nhược Thủy** - Mùa đông nhà Chu, các tháng dậu, tuất, hợi, là tháng tám, chín, mười nhà Hạ. Thời gian đó, âm kết, nhưng chưa đọng, cho nên thấy mưa tuyết cho là việc lạ.

Năm Nhâm Thân. Tương Vương năm thứ 3

十 有 一 年  
**THẬP HỮU NHẤT NIÊN**  
**NĂM THỨ 11**

Tề Hoan năm thứ 37. Tấn Huệ năm thứ 2. Vệ Văn năm thứ 11. Sái Mục năm thứ 26. Trịnh Văn năm thứ 24. Tào Cung năm thứ 4. Trần Tuyên năm thứ 44. Kỷ Thành năm thứ 6. Tống Tương năm thứ 2. Tấn Mục năm thứ 11. Sở Thành năm thứ 23.

春 晉 撥 其 大 夫 丕 鄭 斧  
**XUÂN, TẤN SÁT KỲ ĐẠI PHU PHI TRỊNH PHỦ**  
**MÙA XUÂN, TẤN GIẾT ĐẠI PHU, PHI TRỊNH PHỦ**

**Tả** - Mùa xuân, Tấn Hầu sai tới (Lỗ) báo cáo việc Phi Trịnh Phủ loạn.

**Phục lục Tả Truyện** - Thiên Tử sai Thiệu Vũ Công, Nội sư Quá, tới ban sắc mệnh cho Tấn Hầu. Khi tiếp ngọc, Tấn Hầu

khi sắc nhấc nhón. Về triều phục mệnh. Nội sử tâu vua: Tấn Hầu e vô hậu (không có con nối) khi tiếp mệnh vua mà thần khi nhấc nhón, thế là tự mình bỏ mình thì còn mong gì nối dõi. Lễ là cái gốc của một nước. Kính là cái xe để chở lễ. Không kính thì lễ không thi hành. Lễ không thi hành thì trên dưới hôn mê. Vậy sao được lâu dài.

**Cốc** - Giết người, mà chép là nước giết, thế là tội có liên lụy đến Vua.

**Hồ Truyền** - Xét Tả Thị, Phi Trịnh nói với Tấn Bá xin đuổi vua Tấn, thì Trịnh là có tội rồi. Sao chép là nước giết mà không bỏ quan tước (đại phu). Huệ Công lấy ý riêng mà giết Lý Khắc cho nên đáng Lý Khắc đều sợ. Trịnh mà có mưu ấy là do việc Lý Khắc. Xuân Thu cứ theo đại nghĩa coi thiên hạ là công trong việc thưởng phạt. Vì thế chép theo một phép công như thế. Bao là nước giết là kiêm cả tội đại phu làm việc không biết ngăn ngừa cái dở của vua; đến nỗi sinh lòng ghen ghét, lạm dụng hình phạt để cho nước lâm nguy.

**Trương Hiệp** - Huệ Công chỉ chỉ ở chỗ được ngôi vua, mà không có độ lượng một vị vua. Ngoài thì thất tín với nước Tấn, trong thì ghen ghét giết cho nhiều, cho nên Phi Trịnh dù có nhiều mưu mô riêng, dù có hai lòng thật, mà Kinh Xuân Thu chép việc, dùng lời, rõ cách liên lụy đến vua.

夏公及夫人姜氏會齊侯于王穀

**HẠ CÔNG CẬP PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ**

**HỘI TẾ HẦU VU DƯƠNG CỐC**

**MÙA HẠ, CÔNG VÀ PHU NHÂN, KHƯƠNG THỊ**

**HỘI TẾ HẦU Ở DƯƠNG CỐC**

**Phụ lục Tả Truyền** - Mùa hạ, các rợ Nhung: Dương Cự, Tuyên Cao, Y Lạc, cùng đánh Kinh sư, đốt phá cửa đông, do Vương Tứ Đại triệu tới, Tấn và Tấn phạt Nhung để cứu Chu, Tấn Hầu dẹp được Nhung ở Kinh sư, Dương Cự, Tuyên Cao, đều là giống Nhung ở ấp Nhung. Còn Y Lạc là các giống Nhung ở rải rác trên sông Y Thủy, sông Lạc Thủy.

**Hổ Truyen** - Tương Lãng Hứa Hoàn, có nói: Trước hội Dương Cốc có mưa tuyết lớn. Sau hội Dương Cốc có Đảo Vũ (đại vu). Hi Công là vị vua hiền mà không hay giúp được Hoàn Công, khuyên đừng trễ nải, lại còn cùng Hoàn Công phóng túng hưởng lạc, cho nên trời gia điềm lạ răn trừng. Cứ coi hội Dương Cốc, Công cùng đi với Phu nhân thì biết Bá nghiệp của Tề Hoàn đã kém sút, cho nên người Sở đánh nước Hoàng, mà không cứu. Phàm các loại việc đó, cứ đọc kỹ văn trong sách, rồi so sánh suy nghĩ, thì biết ý nghĩa.

**Đỗ Dự** - Người đàn bà đón đưa không ra khỏi cửa, tiếp đưa anh em, không bước qua bậc cửa, thế mà dư hội với Công, với Tề Hâu là phi lễ.

秋 八 月 大 于

**THU, BÁT NGUYỆT, ĐẠI VU**  
**MÙA THU, THÁNG TÁM, ĐẢO VŨ**

**Cốc** - Cầu mưa, là chính, thuận. Được mưa thì gọi là vu. Không được mưa thì gọi là hạn.

**Ngô Trùng** - Chư hầu khi hạn thì cầu đảo, thế là lễ. Đại vu là tế đức Thượng đế, thế là phi lễ.

冬 楚 人 伐 黃

**ĐÔNG, SỞ NHÂN PHẠT HOÀNG**  
**MÙA ĐÔNG, NGƯỜI SỞ PHẠT NƯỚC HOÀNG**

**Tả** - Người Hoàng không nộp Sở đồ cống. Mùa đông người Sở đánh Hoàng.

**Trần Phó Lương** - Đã diệt thì thôi nói phạt. Đây chép phạt là chê Hoàn Công, nhắc các hội ở Dương Cốc, thế ở quán, chỉ là để một nước mất.

**Uông Khắc Khoan** - Quán Trọng tuy không có tài vương tá, nhưng giúp được Công thành nghiệp Bá, thì công đã là

to. Cứ theo sử Tể, thì những câu “thiên nhan gang tác” xuống thêm lại chịu mệnh, để kinh mệnh vua, đều là nhờ có Quan Trọng khuyên can nhưng sau hội Quỷ Khâu Quan Trọng đã chết, thì Tể Hoàn sinh trễ nải tạm bợ không so sánh được với khu trước nữa. Tuy nhiên, Ta Truyền có chép năm sau, mùa đông, sai Quan Trọng bình ở kinh sư, và sử chép Quan Trọng chết vào năm Hoàn Công thứ 41, tức Lỗ Hi Công năm thứ 15. Vậy lúc nước Hoàng bị diệt thì Quan Trọng chưa chết. Sao sử ký chép việc lại không đủ tin được, hay hoặc giả là Quan Trọng can Hoàn Công mà Hoàn Công không nghe, không cứu Hoàng.

Năm Quý Dậu. Tương Vương năm thứ 4.

十 有 二 年  
**THẬP HỮU NHỊ NIÊN**  
**NĂM THỨ 12**

Tể Hoàn năm thứ 38. Tấn Huệ năm thứ 3. Vệ Văn năm thứ 12. Sái Mục năm thứ 27. Trịnh Văn năm thứ 25. Tào Cung năm thứ 5. Trần Tuyên năm thứ 45. Kỷ Thành năm thứ 7. Tống Tương năm thứ 3. Tần Mục năm thứ 12. Sở Thành năm thứ 24.

春 王 三 月 庚 午 日 有 食 之  
**XUÂN VƯƠNG, TAM NGUYỆT, CANH NGỌ**  
**NHẬT HỮU THỰC CHI**  
**MÙA XUÂN, VƯƠNG THÁNG BA.**  
**NGÀY CANH NGỌ, CÓ NHẬT THỰC**

Phụ lục Tả Truyền - Mùa xuân, chư hầu đắp thành quách Sở Khâu cho nước Vệ, để phòng ngừa rợ Địch.

Đỗ Dự - Không chép ngày sóc là có khuyết sót.

## 夏 楚 人 滅 黃

### HẠ, SỞ NHÂN DIỆT HOÀNG

#### MÙA HẠ, NGƯỜI SỞ DIỆT NƯỚC HOÀNG

**Tả** - Người Hoàng ý lại vào các chư hầu hoà hiếu với Tề, nên không công nước Sở nữa, cho rằng từ nước Sở đến nước mình xa 900 dặm, hại mình sao được. Mùa hạ diệt Sở Hoàng.

**Cốc** - Thế ở đất Quán, Quán Trọng nói: Nước Giang và nước Hoàng xa Tề mà thân với Sở. Nước Sở là nước chỉ vị lợi. Nếu Sở đánh mà mình không cứu thì còn bảo sao được các chư hầu. Hoàn Công không nghe lại cùng Sở thế, Quán Trọng mất, Sở phạt Giang, diệt Hoàng. Hoàn Công không cứu được. Người quân tử lấy làm thương xót.

**Triệu Bằng Phi** - Mùa đông đánh, đến mùa hạ mới diệt. Hoàng cố giữ đợi cứu, đến ba mùa, mà Tề không tới cứu, thì còn gì là nước Hoàng nữa. Bá nghiệp của Hoàn Công thế là được trọn.

**Xét** - Theo Tả Truyện, năm ấy mùa đông, Quán Trọng bình Nhung ở Kinh sư. Sở chép Quán Trọng chết cũng vào năm Hi Công thứ 15. Vậy thì lúc Hoàng bị diệt, Trọng vẫn còn sống. Cốc Lương mà bảo là chết rồi thì sai.

## 秋 七 月

### THU, THẤT NGUYỆT

#### MÙA THU, THÁNG BẢY

**Phụ lục Tả Truyện** - Vua (Thiên Tử) lấy cố nạn Nhung mời trị Vương Tử Đái. Mùa thu, Đái chạy trốn sang Tề. Mùa đông Tề Hầu sai Quán Trọng bình giặc Nhung ở Kinh sư, lại sai Tháp Bằng bình giặc Nhung ở đất Tấn. Vua lấy lễ Thượng Khanh đãi Trọng. Trọng từ chối nói rằng: Thần là hàng quan lại kém nhỏ, trên còn có hai vị thủ quốc, như các tiết xuân thu, tới châu mệnh vua, thì thần biết dùng ngôi thứ

nào, kẻ bồi thần này dám xin được từ. Vua nói, ta khen công huân ngươi, cứ thể theo ý ta. ráng sức chờ quên, nhân chức ngươi đi, chờ trái mệnh. Quan Trọng xin chịu lễ Hạ Khanh rồi về. Người quân tử bàn: Quan Trọng được thờ tế là đáng lắm. Nhưng ma không quên bực trên. Thi có nói: Hạng quân tử vui vẻ, dễ dàng, thần cũng giúp cho.

冬 十 有 二 月 丁 丑 陳 侯 杵 臼 卒  
**ĐÔNG THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, ĐÌNH SỬU**  
**TRẦN HẦU, CHỦ CỬU TỐT**  
**MÙA ĐÔNG THÁNG 12, NGÀY ĐÌNH SỬU,**  
**TRẦN HẦU CHỦ CỬU MẤT**

Năm Giáp Tuất, Tương Vương năm thứ 5

十 有 三 年  
**THẬP HỮU TAM NIÊN**  
**NĂM THỨ 13**

Tề Hoàn năm thứ 39. Tấn Huệ năm thứ 4. Vệ Văn năm thứ 13. Sái Mục năm thứ 28. Trịnh Văn năm thứ 26. Tào Cung năm thứ 6, Trần Mục Công Khoan năm đầu. Kỷ Thành năm thứ 8. Tống Tương năm thứ 4. Tần Mục năm thứ 13. Sở Thành năm thứ 25.

春 狄 侵 衛  
**XUÂN, ĐỊCH XÂM VỆ**  
**MÙA XUÂN, RỢ ĐỊCH XÂM NƯỚC VỆ**

Phụ lục Tá Truyện - Năm thứ 13, mùa xuân Tề Hâu sai Trọng Tôn Thu, tới sính ở triều nhà Chu, và để nói xin cho Vương tử Đái. Việc sính lễ xong, thôi không nói với vua về Vương tử Đái. Rồi ra về phục mệnh rằng Thiên Tử còn giận chưa nguôi, có lẽ mười năm nữa mới cho triệu về.

**Triệu Bằng Phi** - Năm trước, Dịch diệt nước Ôn, Ôn Tử chạy trốn sang Vệ. Nay Dịch xâm Vệ, lấy cố Vệ đã dung nạp Ôn Tử. Bá Chủ sao lại cứ ngồi yên nhìn mà không đánh. Thấy Sở diệt Hoàng, sợ Sở mạnh không dám cứu. Thấy Dịch diệt Ôn, cho là nước nhỏ không bỏ cứu. Lớn thì sợ, nhỏ thì bỏ, thế thì chư hầu còn mong gì ở vị Bá chủ.

夏 四 月 葬 陳 宣 公

**HẠ, TỬ NGUYỆT, TÁNG TRẦN TUYỀN CÔNG**

**MÙA HẠ, THÁNG TƯ, TÁNG TRẦN TUYỀN CÔNG**

公 會 齊 侯 宋 公 陳 侯 衛 侯

鄭 伯 許 男 曹 伯 于 鹹

**CÔNG HỘI TÊ HẦU, TỔNG CÔNG, TRẦN HẦU,**

**VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, HỨA NAM, TÀO BÁ, VU HÀM**

**CÔNG HỘI TÊ HẦU, TỔNG CÔNG, TRẦN HẦU, VỆ HẦU TRỊNH  
BÁ, HỨA NAM, TÀO BÁ TẠI HÀM (HÀM, ĐẤT NƯỚC VỆ)**

Ta - Mùa hạ, hội tại đất Hàm, vì có rợ Hoài Di quấy nước Kỳ, mà cung là mưu việc nhà Chu. Đến mùa thu, thì vì có nạn rợ Nhung, chư hầu đem quân đóng giữ cho Chu. Tề Trọng Tôn Thu có dự. Hoài di là đông di nước Lỗ.

Cốc - Hội này là tụ tập quân đội.

**Triệu Bằng Phi** - Hội ở đất Hàm là mưu tính việc đắp thành cho nước Kỳ. Chép là hội về mùa hạ, mà đến mùa xuân năm sau mới đắp thành, gọi là thành Duyên Lăng. Không phải là chư hầu ở hội Hàm không biết là mùa hạ hội thì mùa đông xây thành mới là đúng mùa. Thế thì chư hầu cứ chờ ở đất Hàm chẳng. Không phải, Họ hãy về đã. Chẳng thế sao mùa thu có tế Đại Vu, nếu Công không có mặt ở trong nước thì ai tế và công tử Hữu sang Tế, nếu Tế Hầu không có mặt ở trong nước thì ai nhận lễ sinh. Tuy nhiên, đầu tiên là cứ phải có hội vì: Phàm các việc

công tác thì đợi sao Long hiện mới răn dạy, bảo cho biết cách thức. Long hiện theo lịch nhà Hạ, là tháng hai, tức là tháng tư nhà Chu. Nay tháng tư xếp đặt công việc là đúng mùa. Tháng mười, sao Thủy hiện, là khởi việc trồng cây. Tháng mười một, đông chí, là hết các việc. Chư hầu tới, đều mỗi nước mỗi chép trong sử. Việc ở Sở Khuu cũng như việc ở đây.

**Gia Huyền Ông** - Các rợ Nhung được Vương Tử Đái triệu, đều tới đánh Vương thành (Kinh đô nhà Chu). Tần và Tấn tới đánh (phạt) Nhung. Tử Đái chạy trốn sang Tề. Tề Hầu bình Nhung ở Kinh, nay đã được hai năm, vương thất đã yên mới có cơ hội ở đất Hàm để giao cho chư hầu đóng quân giữ đất Chu. Đó là mùa thu đóng quân. Tề Tông Trọng Thu mà tới, là tới hội đó. Vì đây là việc nhà vua cho nên để chức tước (nhà vua là Thiên Tử).

**Trình Doan Học** - Năm sau, mùa xuân, có việc chư hầu xây đắp thành Duyên Lăng, thế là hội này bàn tính việc xây đắp.

**Xét** - Gia Huyền ông cho là chủ việc nhà vua (mưu vương sư). Triệu Bằng Phi, Trình Doan Học đều cho là chủ việc nước Kỳ. Nên y như Tả Truyện, mà thêm vào cả hai thuyết trên.

秋 九 月 大 雩

**THU CỬU NGUYỆT, ĐẠI VU**

**MÙA THU THÁNG 9, TẾ ĐẠI VU**

冬 公 子 有 如 齊

**ĐÔNG CÔNG TỬ HỮU NHƯ TỀ**

**MÙA ĐÔNG, CÔNG TỬ HỮU SANG TỀ**

**Phụ lục Tả Truyện** - Mùa đông nước Tấn mất mùa, đói kém quá, sai sứ sang Tần dong thóc. Tần Bá hỏi Tử Tang có nên cho không. Đáp: Ra ơn mà được báo thì nhà vua còn cầu gì. Nhiều lần gia ơn mà không được báo đáp, thì dân Tấn sinh hai lòng. Ta sẽ đánh, họ sẽ thua. Vua hỏi Bách Lý có cho không?

Bách Lý đáp: Thiên tai lưu hành, nước nào chả có. Cầu tai, tuất lân, là đạo. Hành đạo thì có phúc. Phi Báo, con Phi Trịnh dương ơ nước Tấn, xin đánh Tấn. Tấn Bá nói: Vua thì bậy dấy, nhưng dân có tội gì. Thế là Tấn cho chở thóc sang Tấn, từ đất Ung cho đến đất Giáng, thuyền kẻ tiếp nhau, thành tên là việc phiếm chu. Ung là quốc đô nước Tấn.

**Trương Hiệp** - Các hội Dương Cốc, Ninh Mậu, và Hàm, từ các hội đó trở đi Công Tử Hữu đều sang Tề. Xét đánh Tề, phục Trịnh, xây thành Duyên Lăng nước Lỗ đều có dự, đủ thấy Công Tử Hữu chuyên về chính quyền.

**Trương Phổ** - Năm thứ 10, mùa xuân, tháng giêng, Công sang Tề. Kề bàn, nhận thấy rằng Lỗ bắt đầu châu Tề. Năm thứ 13, mùa đông, Công tử Hữu sang Tề là việc đại phu sinh lễ thường. Năm thứ 3, Công Tử Hữu sang Tề, dự lễ, từ đó, đi lại chuyên cần, thể Ninh Mậu, hội hàm, đều có Công hội mà Quý Hữu đi theo để sinh. Đại phu Lỗ ta, mà chính thức sinh lễ ở Tề là vào năm thứ 7. Vua ta bắt đầu triều Tề là vào năm thứ 10. Lỗ càng cung kính thì Tề càng kiêu căng.

Năm Ất Hợi. Tương Vương năm thứ 6.

## 十 有 四 年 THẬP HỮU TỨ NIÊN NĂM THỨ 14

Tề Hoàn năm thứ 40. Tấn Huệ năm thứ 5. Vệ Văn năm thứ 14. Sái Mục năm thứ 29. Trịnh Văn năm thứ 27. Tào Cung năm thứ 7. Trần Mục năm thứ 2. Kỳ Thành năm thứ 9. Tống Tương năm thứ 5. Tấn Mục năm thứ 14, Sở Thành năm thứ 26.

## 春 諸 侯 城 緣 陵 XUÂN, CHƯ HẦU THÀNH DUYÊN LĂNG MÙA XUÂN, CHƯ HẦU XÂY THÀNH DUYÊN LĂNG

Tà - Năm thứ 14, mùa xuân, chư hầu xây thành Duyên Lăng, để thiên nước Kỳ tới. Không chép người nào văn có khuyết thiếu.

**Công** - Thành nào, Thành nước Kỳ. Vì Kỳ bị diệt. Ai diệt. Nước Từ, nước Cử hiệp sức. Vì kiêng cho Hoàn Công. Trên đã không có Thiên Tử, dưới lại không có Phương Bá, chư hầu trong thiên hạ hễ diệt nhau, thì Hoàn Công không cứu được, thế là đáng xấu hổ. Tuy nhiên, ai xây thành cho, chính là Hoàn Công. Không chép Hoàn Công, vì không để cho chư hầu chuyên phong (chuyên quyền của vua mà định phong cương, cương giới một nước). Sự thực thì có, mà văn thì không có. Sao vậy, Chư hầu mà cứ theo chính nghĩa thì không được chuyên phong. Thế mà sự thực lại cho, là vì sao. Vì: Trên không Thiên Tử, dưới không Phương Bá, chư hầu diệt nhau, có ai cứu được cứu, thì cũng được.

**Cốc** - Chép là chư hầu, là lời nói không chỉ định ai, là "tán từ". Đây chính là tự, sao lại bảo là tán. Chư hầu xây thành là tán ra mỗi người một việc, thế biết là đức của Tề Hoàn đã suy.

**Hồ Truyền** - Tề Hoàn xây thành cho ba nước, mà lời chép không giống nhau. Xây thành Sở Khưu thì bỏ chư hầu không chép. Xây thành Duyên Lăng thì chép chư hầu, mà không chép những ai. Xây thành Hình thì nói đi nói lại quân đội ba nước. Sao vậy, Nước Hình là tự ý thiên, theo lời văn, cho nên hai lần chép quân ba nước tới xây thành, là khen việc cứu kẻ hoạn nạn, có nghĩa cùng chia sẻ tai họa, chứ không e ngại gì về ý chuyên phong, Giống Hoài Di quấy nước Kỳ, chư hầu hội tại đất Hàm, xây thành Duyên Lăng, mà thiên nước Kỳ đi, thế là chuyên phong, cho nên đoạn trước nói rõ chi tiết mà đoạn sau nói phớt đại cương: nói thẳng là chư hầu mà không nói rõ những chư hầu nào. Nước Vệ bị rợ狄 diệt, phải rời sang phía đông, qua sông tạm ở đóng ấp Tào, Hoàn Công sai Công tử Vô Khuy, đem giáp binh tới đóng giữ, đem cho xe ngựa, đồ tế tự, cung cấp các vật dụng cần thiết cho dân, công thế là to, thì quyền cũng lại là chuyên, thành ra Xuân Thu chê trách cũng nặng. Xây thành Sở Khưu thì không chép chư hầu thế là để cho chính vương pháp. Thế cho nên nếu lấy công mà nói, thì công Sở Khưu là to, lấy nghi mà nói, thì xây thành Hình là hay. Phép Kinh Xuân Thu cốt làm cho sáng đạo chứ không kể gì đến công, làm cho chính cái nghĩa, chứ không mưu việc lợi. Chép tỏ tường việc xây thành

nước Hình, mà bỏ hết việc Sở Khu. Bao giờ cũng quý vương, mà tiên bá không khen Hoàn Bá, Văn Bá, lấy điều chính làm cái thẻ thức xét người.

**Lục Thuần** - Công Dương bảo sao xây thành nước Kỳ, vì Kỳ bị diệt, ai diệt, nước Từ và nước Cử hiệp bức. Nay xét năm sau Sở phạt Từ, chư hầu cứu Từ thì lời Công Dương bàn nhằm thấy rõ ngay.

**Xét** - Cái thuyết chuyên phong của Công Dương, chỉ áp dùng được cho Sở Khu. Xét Vệ đã bị diệt, còn như Hình, là tự ý thiên, cho nên không dùng đến chữ chuyên phong được. Kỳ chưa thường bị diệt thì lại càng không nói đến phong được, Công Dương nói Kỳ bị diệt Cử và Từ hiệp bức mà sao không chép Từ Cử hiệp bức là kiêng cho Hoàn Công, Công Dương nói thế là không phải. Kỳ là vào hàng "Tam Khác tức là nước Trần, Kỳ, Tống, dòng dõi các đời vua Ngụ, Hạ, Thương. Nếu quả thật bị Từ, Cử diệt thì Xuân Thu cũng kiêng cho Hoàn. Cũng như Hình, Vệ, chép "phạt", chép "vào" sao lại được gồm bỏ hết cả đến vết tích.

夏六月季姬及甯子遇于防使甯子來朝

**HẠ LỤC NGUYỆT, QUÝ CƠ CẬP TẮNG TỬ**

**NGỘ VU PHÒNG, SỬ TẮNG TỬ LAI TRIỀU**

**MÙA HẠ, THÁNG SÁU, QUÝ CƠ CÙNG TẮNG TỬ**

**GẶP Ở ĐẤT PHÒNG, QUÝ CƠ BẢO TẮNG TỬ LAI CHẦU**

Nước Tăng ở huyện Lang Gia, Công Thị viết ra chữ 繒

**Ta** - Tăng Quý Cơ về thăm. Công giận giữ lại, lấy cơ Tăng Tử không chầu. Mùa hạ, Quý Cơ gặp Tăng Tử ở đất Phòng, bảo tới chầu.

**Công** - Tăng Tử sao lại Quý Cơ lại chầu. Sử Lỗ chép, Không phải sai lại chầu, mà sai lại xin cho mình.

**Cốc** - Gặp tức là có cùng mưu. Lại chầu là lại xin cho mình. Chầu thì không chép là sai. Chép là sai thì không được là chính để chê Tăng Tử.

**Xét** - Quý Cơ cùng Tăng Tử gặp, mà Hi Công (Lỗ) không

cấm. Bào Tằng Tử cháu mà Tằng Tử nghe ngay. Tất cả đều là thất lễ, cho nên Xuân Thu không chép dê chề. Hồ Truyền bảo Hi Công yêu con gái cho tư kén chồng. Thuyết ấy vốn từ Cốc, Công rồi các chư nho cứ theo thế, thì lầm quá lắm. Hi Công là vua hiền nước Lỗ mà Thanh Khương được tiếng là vợ hiền, đâu có chuyện nghe con gái tư kén chồng. Hoặc cho rằng Quý Cơ không ở Tằng, quả là con gái chưa chồng, không biết rằng Tằng Tử không lại cháu mà rồi Công giận tuyệt giao. Thấy lại cháu, thì Công lại cho cùng về, cho nên khi gặp, khi về, đều không hề thuộc vào nước Tằng. Nếu như quả là lại cháu để xin cưới thì sau việc cháu tất phải có lễ nạp tệ, lễ đón dâu. Cớ sao Kinh chẳng thấy nói gì đến. Phạm Ninh ngờ Cốc và Công bàn không đúng mà cho lời giải của Tả Thị là còn hợp nhân tình và còn có chỗ tin được. Hồ Thị lại nói về Mạnh Quang Bá Loan không mất đường chính dù gặp cảnh biến, thế thì những lằng mạn vượt lễ nghi về sau còn dạy được ai. Nay phải chuyên theo Tả Thị còn thuyết “sai tới xin cho mình” của mọi kẻ bàn khác đều bỏ đi.

秋八月辛卯沙鹿崩

**THU BÁT NGUYỆT, TÂN MÃO, SA LỘC BĂNG**

**MÙA THU, THÁNG TÁM, NGÀY TÂN MÃO, NÚI SA LỘC BĂNG**

**Tả** - Mùa thu, tháng tám, ngày Tân Mão, núi Sa Lộc băng, Tấn Bốc Yển Yển nói: Đến hết năm có nạn to, khéo mất nước.

**Công** - Ấp Sa Lộc ở Hà Thượng, một tập ấp (được truyền đời con cháu) Băng sao lại chép. Vì là việc lạ. Việc ở nước ngoài đáng lẽ không chép. Đây chép vì là việc lạ trong thiên hạ.

**Cốc** - Trên núi có rừng thì gọi là Lộc. Sa là tên núi. Không có đường lối để băng mà lại băng, cho nên chép, là trong một việc biến.

**Hồ Truyền** - Sa Lộc là đất nước Tấn. Kinh Thi có câu: Trăm sông sóng dậy, lằng tẩm lở băng, ý nói nhà Tây Chu sắp mất. Chép Sa Lộc băng ở trên, chép bắt được Tấn Hầu ở dưới, tuy không chỉ rõ là các việc đều ứng nhau, nhưng việc vẫn cứ ứng.

Đó là Xuân Thu sợ, sự vật trái thường đối ra lạ khác, dễ khiến cho người ta sợ hãi mà tu tỉnh. Cách răn dạy như thế là rõ.

**Lưu Sưởng** - Công Dương bảo Sa Lộc là ấp trên Hà Thượng. Công Dương sai. Sa Lộc là tên núi, dù không có chữ núi, cũng như trong sách Vũ Công, núi Đông Bách, núi Tịnh Thạch đều có chữ núi. Không như những chữ Kinh Sơn, Mân Sơn, thì biết ngay là núi.

**Xét** - Công Dương bảo Sa Lộc bằng, vì thiên hạ mà chép điểm lạ. Hồ Truyện năm Thành Công thứ 5, núi Lương Sơn bằng thì theo thuyết Công Dương mà ở đây thì lại chỉ theo lời giải trong Tả Truyện, cho là điểm gờ nước Tấn. Há có phải Lương Sơn to thì ứng cho cả thiên hạ, mà Sa Lộc nhỏ thì ứng vào một nước, há có phải thế đâu. Điều cốt yếu là khi có tai dị, thì cả Thiên Tử lẫn chư hầu, đều phải quy cứu vào mình. Có một nước thì lo cho một nước, có thiên hạ thì lo cho thiên hạ. Cho nên ta dùng cả hai thuyết.

狄 侵 鄭

**ĐỊCH XÂM TRỊNH**

**NƯỚC ĐỊCH XÂM NƯỚC TRỊNH**

**Trương Hiệp** - Rợ Dịch nhiều lần phạm vào các chư hầu ở Kỳ nội (gần kinh đô nhà Chu) thế mà Hoàn Công không hay trị được. Từ khi vào Vệ phạt Hinh, diệt Ôn đến ngày nay, nghiệp Bá yếu dần, mà vương thất suy kém. Chư hầu chịu họa bao nhiêu là Tề Hoàn lười nhác bấy nhiêu.

冬 蔡 侯 卒

**ĐÔNG, SÁI HẦU HẾT TỐT**

**MÙA ĐÔNG SÁI HẦU, TÊN LÀ HẾT, MẤT**

**Phụ lục Tả Truyện** - Mùa đông Tấn đối sai sang Tấn đông thóc. Tấn không cho. Khánh Trinh nói, bội ân thì không ai gán. Mừng người ta bị tai họa bất nhân. Tham muốn là bất tường.

Giân người lảng giềng là bất nghĩa. Bốn đức đều không có, đều mất cả, lấy gì mà giữ nước. Quắc Xạ nói: Da đã không còn thì lòng bám vào đâu (Ý nói khinh Tần). Khánh Trĩnh nói: Bỏ điều nghĩa, bội người gần, khi hoạn nạn ai cứu cho. Không có tín thì hoạn sinh. Mất viện trợ thì tất chết. Mừng thấy tai họa thì dân bo. Gắn cùng sinh thù, hướng là kẻ địch đang có tâm oán. Vua không nghe, Khánh Trĩnh lui nói: Vua rồi sẽ hối.

**Cốc** - Chư hầu chết chỉ là chép tốt. Là có ý ghét.

Năm Bình Tý. Tương Vương năm thứ 7.

十 有 五 年  
**THẬP HỮU NGŨ NIÊN**  
**NĂM THỨ 15**

Tề Hoàn năm thứ 41. Tấn Huệ năm thứ 6. Vệ Văn năm thứ 15. Sái Trang Công Giáp Ngọ năm đầu. Trịnh Văn năm thứ 28. Tào Cung năm thứ 8. Trần Mục năm thứ 3. Kỷ Thành năm thứ 10. Tống Tương năm thứ 6. Tần Mục năm thứ 15. Sở Thành năm thứ 27.

春 王 正 月 公 如 齊  
**XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, CÔNG NHƯ TỀ**  
**MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, CÔNG SANG TỀ**

**Trương Hiệp** - Công năm thứ 10, châu nước Tề. Năm nay lại châu nước Tề. Đúng 5 năm một lần châu. Đó là cùng với lễ chế đối với Thiên Tử.

**Uông Khắc Khoan** - Đồ Dự bảo chư hầu hết 5 năm lại châu nhau là lễ. Hà Hưu báo hợp lỗi cổ, 5 năm một lần châu là nghĩa. Cả hai đều bàn sai. Theo Chu chế, về bang giao, chư hầu có câu: mỗi đời vua châu một lần, chứ đâu có phải năm năm một lần mới là hợp lễ.

楚 人 伐 徐

## SỞ NHÂN PHẠT TỪ

### NGƯỜI SỞ PHẠT NƯỚC TỪ

**Ta** - Phạt Từ chỉ vì cớ, Từ là một nước ở chư hạ.

**Quý Bản** - Từ ở khoảng sông Giang, sông Hoài, mà cũng là nước có lợi cho Sở. Hi Công năm thứ 3. Từ cậy theo Tề, lấy nước Thụ. Thụ là nước thân với Sở. Thụ đâu có cam tâm phục Từ được.

三 月 公 會 齊 侯 宋 公 陳 侯 衛 侯 鄭 伯  
許 男 曹 伯 盟 于 牡 邱

**TAM NGUYỆT CÔNG HỘI TỀ HẦU, TỔNG CÔNG,  
TRẦN HẦU, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, HỨA NAM,  
TÀO BÁ, MINH VU, MẪU KHUU**

**THÁNG BA, CÔNG HỘI TỀ HẦU, TỔNG CÔNG, TRẦN HẦU  
VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, HỨA NAM, TÀO BÁ, THỂ Ở MẪU KHUU**

Mẫu Khuu, tên đất khuyết, ở đông bắc huyện Liêu Thành có Mẫu Khuu hoặc thời Xuân Thu hội thể ở đấy chăng.

**Ta** - Thể ở Mẫn Khuu, là diễn lại thể ở Quỷ Khuu, và để cứu Từ.

**Cốc** - Đây là hội có quân đội tập hợp.

**Trương Hiệp** - Hội thể ở Quỷ Khuu, chư hầu đã theo mệnh rồi. Đây là vì thấy người Sở đánh Từ, mà hợp chư hầu tức là vua chư hầu đánh Sở, cứu Từ thì còn được. Nay lại hợp, lại thể, là vì cớ chư hầu không còn nhất tâm nữa đã sinh nhị tâm rồi. Thể có phải là Bá chủ đã biếng nhác về ý cứu tai giúp nạn, mà nhân tâm không còn sốt sắng như cũ chăng. Càng thể nhiều thì loạn càng sinh. Tâm khi thịnh khi suy, mà nghiệp Bá cũng theo khi thịnh khi suy, cho nên đặc biệt chép hội thể Mẫu Khuu. Tám Bá chủ, tâm chư hầu đều sinh ngăn ngại rồi, còn giúp Từ sao được nữa, đoán ra rõ ngay.

遂次于匡

**TỤY THỨ VU KHUÔNG**

**RỜI ĐÌNH QUÂN TẠI KHUÔNG**

Khuông ở đất Vệ.

**Cốc** - Rời là việc kế tiếp. Đình là nghỉ, là có ý sợ.

**Trần Phó Lương** - Đã đi cứu thì không còn có đình. Thế là không có chi cứu.

公孫傲帥師及諸侯之大夫救徐

**CÔNG TÔN NGAO SUẤT SƯ CẬP CHƯ HẦU**

**CHI ĐẠI PHU CỨU TỪ**

**CÔNG TÔN NGAO CẨM QUÂN CÙNG**

**CÁC ĐẠI PHU CHƯ HẦU CỨU TỪ**

Chữ “cẩm quân” Công Thị viết là “giống giả” (suất).

**Tả** - Mạnh Mục Bá cẩm quân cùng chư hầu cứu Từ. Chư hầu đình tại Khuông để đợi Mạnh Mục Bá.

**Cốc** - Khen việc cứu Từ.

**Tôn Phục** - Chép là đình, chép là cứu là chê chư hầu chậm chạp về việc di cứu nạn. Chư hầu đã cùng ước cứu Từ, mà lại sai đại phu đi, thế dù biết ý muốn hoàn việc cứu nạn.

**Trần Phó Lương** - Hoàn Công hợp quân tám nước để cứu Từ, mà lại sai đại phu làm chủ tướng. Hoàn chỉ đã hoang mang không muốn tranh với Sở cho nên mới thế. Có chư hầu mà sai đại phu thế, khởi thủy ở đất Kê Trạch, đời Diệu Công.

夏五月日有食之

**HẠ NGŨ NGUYỆT NHẬT HỮU THỰC CHI**

**MÙA HẠ, THÁNG 5, NHẬT THỰC**

**Tả** - Không chép sóc, không chép ngày, sử thiếu sót.

秋 七 月 齊 師 曹 師 伐 厲  
**THU, THẮT NGUYỆT TÊ SU, TÀO SU PHẠT LỆ**  
**LỆ LÀ MỘT NƯỚC THÂN VỚI SỞ**

Mùa thu, tháng bảy, quân Tê, quân Tào phạt nước Lệ.

**Tả** - Mùa thu, phạt Lệ để cứu Từ.

**Trương Hiệp** - Theo binh pháp, đánh một nước, nước ấy tất được cứu. Lệ ở khoảng Từ và Sở. Đánh Lệ, Sở tất tới cứu, tức là đánh Lệ để giải vây Từ. Tuy nhiên, tiếp việc đó, Sở đã đánh cho Từ thua ở Lâu Lâm, thì Lệ ở trong hoàn cảnh bất tất phải cứu. Năm sau không cứu được Từ rồi về. Huống chi đồng minh lại không đồng tâm mà Tống thì đã đánh đồng minh là Tào.

**Khương Bảo** - Chư hầu chỉ đã lười nhác không muốn có việc phiên tới. Tào Cung lại là, Tê giúp lên ngôi. Cho nên chỉ có một mình lao碌 thôi.

八 月 螽  
**BÁT NGUYỆT CHUNG**  
**THÁNG TÁM, CÓ NẠN SÂU CHUNG**

**Cốc** - Chung là nạn sâu. Hại to thì hàng tháng, hại nhỏ thì hàng mùa.

九 月 公 至 自 會  
**CỬU NGUYỆT, CÔNG CHÍ TỰ HỘI**  
**THÁNG CHÍN, CÔNG TỰ HỘI VỀ**

Hội với Hoàn Công, không chép lúc về, đây chép là vì hội lâu.

**Cao Kháng**. Chép từ hội về, khởi thủy ở đây Xuân Thu chép ở hội về phạm 27 lần. Công từ tháng giêng sang Tê. Nhân mà hội thể, mà dân quân ở nước ngoài, đã quá ba mùa, rồi chép là tự hội về, thể biết ngày là cứu Từ vô công.

季姬歸于甌  
**QUÝ CƠ QUY VU TẮNG**  
**QUÝ CƠ, VỀ NƯỚC TẮNG**

**Tô Triệt** - Tắt Tử đã cháu mới cho Quý Cơ về. Vì thế chép về Tắt.

己卯晦震夷伯之廟  
**KỠ MÃO, HỐI, CHẤN DI BÁ CHI MIẾU**  
**NGÀY KỠ MÃO, CUỐI THÁNG, SÉT ĐÁNH MIẾU DI BÁ**

**Tả** - Sét đánh miếu Di Bá là trị kẻ có tội. Mới biết họ Triền Thị có điều xấu xa bí ẩn.

**Công** - Hối là tối. Sét đánh điện, đánh vào miếu. Miếu Di Bá là miếu của họ Quý mới được thành lập cho họ. Thế tức là họ hãy còn nhỏ, kém, mà sao đã được gọi là Di Bá. Là để quan trọng hơn, vì trời đã phải răn trừng. Chép là cần chép một việc lạ.

**Cốc** - Hối là tối. Sét là điện. Di Bá là đại phu nước Lỗ. Nhân chuyện đó ta thấy rằng từ Thiên Tử đến kẻ sĩ đều có miếu, Thiên Tử bảy miếu, chư hầu 5. Đại phu 3. Sĩ hai. Đức dày thì lưu quang, là ánh sáng soi. Đức mỏng thì ty tiện, là truyền những sự ty tiện, thấp hèn. Lấy "Quý làm khởi thủy, là gốc của đức. Mới được phong, tức là làm tổ một họ.

**Triệu Khuông** - Công và Cốc đều nói hối là tối. Nay đọc sử, năm thứ 16, ngày Mậu Thân, ngày sóc, nước Tống có sao sa. Năm Thành Công thứ 16 ngày giáp ngọ, ngày hối, Tần và Sở đánh nhau ở Yển Lăng. Đọc đoạn ấy thì biết có hai chữ sóc, hối, vậy hối đây là sóc hối. Theo thể lệ sử cũ, cần phải rõ ngày; gặp ngày sóc hối thì phải chép cả sóc hối để cho đúng lịch số. Trong truyện Cốc Lương năm Thành Công thứ 16 có câu: Việc gặp ngày hối thì chép hối sao ở đây riêng chữ hối lại cất nghĩa là tối. Công Dương lại còn nói: Di Bá là khởi đầu họ quý thị,

còn là ty tiện, kém nhỏ, gọi là Di Bá cho to, cho quan trọng, vì trời phải để ý hẳn. Xét, chê hay khen, nên xếp loại theo nghĩa lý, chứ đâu có vì được trời phạt mà thay đổi chữ nghĩa quá đến thế. Đại phu đã chết, thì không đổi chép tên, như truyện Nguyễn Trọng ta đã thấy rõ.

**Lưu Sưởng.** Tả Thị bàn rằng họ Triền có điều bí ẩn xấu xa. Như thế thì chữ Di là tên Thụy của họ Triền Tả Thị nói thế là sai lầm. Xuân Thu vốn là quốc sử nước Lỗ. Trước mặt vua thì gọi tên bấy tôi. Túng sử không thể gọi tên được, cũng phải gọi tự liên theo họ, chứ không gọi thụy mà lại bỏ họ. Trong Kinh có câu Táng Hoàn Vương không để liên chữ Chu vì Vương là bậc chí tôn. Lại có câu: Tế Đế, Trang Công không để liên chữ Lỗ, vì quân là bậc chí tôn. Chỉ có, hai bậc Vương và quân đó là có thể để tức liên thụy. Còn ra, tuy là nước lớn, tất phải cho liên chữ thụy vào tên nước, để liên tụy với họ, để phân biệt tôn với ty. Tế Hoàn và Tấn Văn đều liên với tên nước. Nguyễn Trọng và Cao Tử đều liên với họ (thị). Thần không có phép xưng thụy trước Vua được.

**Xét.** Trong cả bộ kinh Xuân Thu, chưa có chép tên thụy đại phu bao giờ. Nên theo Lưu Sưởng cho chữ Di là họ (thị).

冬 宋 人 伐 曹

## **ĐÔNG, TỔNG NHÂN PHẠT TÀO**

### **MÙA ĐÔNG NGƯỜI TỔNG PHẠT TÀO**

**Tả.** Đó là đánh kẻ thù oán cũ.

**Hứa Hàn.** Khởi thủy đông minh mà đánh nhau. Tế Hoàn không biết ngăn.

**Triệu Bằng Phi.** Từ Tế Hoàn làm Bá đến đây là 30 năm. Chư hầu chưa có chuyện tự xâm phạt nhau, là vì phục Tế Hoàn vậy. Nay đức của Hoàn suy đổi. Người Tống đem binh tới Tào. Tuy không xét đến nguyên cớ đem binh đánh nhưng chư hầu đã nhĩ tâm, Hoàn không hay, không thể ngăn nổi được việc xâm phạt.

**Gia Huyền Ông.** Tổng tướng Công đương khi Tể Hoàn còn sống đã có tâm muốn làm Bá, vì thế, sau mới bắt vua Đằng, vây nước Tào, Xuân Thu chê.

楚人敗徐于婁林

**SỞ NHÂN BẠI TỪ VU LÂU LÂM**

**NGƯỜI SỞ ĐÁNH BẠI NƯỚC TỪ Ở LÂU LÂM**

Lâu Lâm đất nước Từ.

**Tả.** Sở đánh bại Từ ở Lâu Lâm. Từ chờ cứu binh.

**Cốc.** Đây chép các nước Di Địch đánh nhau.

**Cao Kháng.** Tể Hoàn họp nhiều nước chư hầu để cứu Từ, vốn có thừa sức, thế mà quân trong ba mùa đem đi, vô công rồi kéo về. Cho nên chép người Sở đánh bại nước Từ ở Lâu Lâm là để rõ tội.

十有一月壬戌晉侯及秦伯戰

于韓獲晉侯

**THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT, NHÂM TUẤT, TẤN HẦU**

**CẬP TÂN BÁ CHIẾN VU HÀN, HOẠCH TẤN HẦU**

**THÁNG MƯỜI MỘT, NGÀY NHÂM TUẤT, TẤN HẦU CÙNG  
TÂN BÁ ĐÁNH NHAU Ở ĐẤT HÀN, TÂN BẮT ĐƯỢC TẤN HẦU**

Kinh Xuân Thu bắt đầu nói đến Tấn.

**Tả** - Khi Tấn hầu về Tấn lên ngôi, Tấn Mục Cơ có ký thác trong nom Già quân và thu nạp các Công Tử. Tấn Hầu về, thông dâm ngay với Già quân, rồi đuổi hết các Công tử, vì thế Mục Cơ giận lắm. Tấn hầu hứa hối lộ cho bọn trung đại phu Tấn, rồi bội ước ngay. Hứa hối lộ cho Tấn Bá biểu năm thành, đồng đến nước Quốc, nam, đến Hoa Sơn, ở trong thì đến Giải Lương Thành, rồi cũng không biểu nộp. Tấn đối, Tấn chở gạo sang cho. Tấn đối, Tấn cấm bán thóc cho nên Tấn Bá đánh Tấn. Bói được quẻ tốt. Qua sông. Xe vua hồng. Tấn Bá hỏi ý nghĩa. Đáp, thế

là đại cát. Ba lần đánh bại là bắt được vua Tấn. Quê gấp quê cổ. Có câu: Nghìn cỗ xe. Ba lần đi. Xong rồi bắt được hùng hổ. Theo quê. Cổ là vua. Hào Trinh của quê Cổ là gió. Hào hồi là núi. Về thời gian là thu. Ta bỏ rơi quả cây để dùng gỗ cây. Thế là thắng Quê rơi, gỗ mất, còn đợi gì mà không thua.

Đánh được ba trận thì quân tới đất Hàn. Tấn Hầu bảo Khánh Trinh rằng: Giặc đông lắm, làm thế nào. Đáp: Vua mà cho là đông thì làm thế nào. Vua không bằng lòng. Mới sai bói ai làm chức xa hữu. Bói được Khánh Trinh. Vua không dùng. Rồi sai Bộ Dương cầm cương xe và Gia Bộc Đồ làm xa Hữu. Ngựa thì dùng ngựa tiểu tử của nước Trịnh biểu khi trước. Khánh Trinh nói: Cỗ giả đánh nhau tất dùng ngựa nước mình đã quen thủy thổ mà biết ý người, đã được dạy tập quen đường lối, nghe theo, không bao giờ trái ý. Nay dùng ngựa lạ, để cho vào việc chiến, đến việc nguy thì sinh biến không theo lệnh khí huyết hung hăng mà bỗng bột, ngoài trông tướng là hùng mạnh, mà trong thì kiệt quệ. Nhà vua mà dùng thì sẽ hối đấy. Vua không nghe. Tháng chín, Tấn Hầu đón đánh, sai Hàn Giản coi. Hàn Giản nói: Quân ít hơn quân ta, nhưng hăng hái hơn. Vua hỏi tại sao. Đáp: Khi vua ở nước Tần thì được giúp đỡ. Khi về lên ngôi lại được đưa về. Dân đói được thóc. Ba lần thì ăn mà không được báo đáp. Vì thế, họ tới, khí thế rất mạnh, mà ta thì uể oải. Vua nói: Một người mà còn sợ thì cả nước ra sao. Mới sai khiêu chiến, báo vua Tấn rằng: Tôi bất tài, họp quân được mà không giải tán được. Nếu nhà vua không lui quân thì tôi không bảo được quân tôi. Tần Bá sai Công Tôn Chí đáp: nhà vua chưa được làm thì tôi giúp. Làm vua rồi mà chưa yên thì tôi giúp. Nay muốn đánh nhau thì tôi đâu dám không theo mệnh. Hàn Giản lui nói: Ta mà may ra thì được tù. Ngày Nhâm Tuất đánh nhau ở đất Hàn Nguyên. Bên Tấn, xe vua bị xa lấy. Vua kêu gọi Khánh Trinh, Khánh Trinh nói: Không nghe can, không nghe nói, tự tìm đến bại, nay trách sao được. Nói rồi đi, Lương Do Mỹ cầm cương. Hàn Giản Quách Xa làm hữu Xạ, vây Tần Bá. Trịnh Khánh đi qua báo di cứu vua Tấn. Thế là để mất Tần Bá. Rồi Tấn bắt được Tấn Hầu đem đi. Các đại phu bỏ gươm cúi đầu theo sau. Tấn bá sai bảo họ rằng: Các người đừng lo. Ta đem vua Tấn

về để xóa bỏ các lời vua nói trước, chứ ta không làm gì quá đâu. Đại Phu Tấn rập đầu thưa: Hoàng thiên, hậu thổ chứng giám câu nói nhà vua, chúng tôi phận hèn kém được nghe tuân theo. Mục Cơ nghe Tấn Hầu sắp tới, mới cho Thế tử mặc đồ tang phục lên ở trên đài, xung quanh chất củi khô và có nói: Giờ ra tay khiến cho hai vua đáng nhẽ vui vẻ, mà đến nỗi chiến tranh. Ví như vua Tấn, sớm, tối, thì chiều, thiếp xin chết. Nếu chiều, tối, thì sớm, thiếp xin chết, xin nhà vua định liệu. Rồi Mục Cơ ở trên Linh Đài luôn.

Tấn Bá họp các đại phu hỏi: Tấn Hầu bắt được rồi tha cho về, hay giết đi, cho xác về, các đại phu nghĩ sao. Người Tấn loạn thì ta phải nhiều lần phiên giúp, gởi đất cầu ta. Không ngờ nước Tấn loạn, lại nhiều lần làm cho ta phải giận, ta lấy lại lời thì trái với trời. Nhiều lần giận thì khó kham nổi. Trái trời đất thì sinh bất tương. Thôi cho ta về. Công Tử Chí nói: Chi bằng giết đi khỏi thắc mắc. Tử Tang bàn: Cho về mà bắt phải gởi Thế Tử làm con tin, thế thì mọi việc đều xong. Tấn chưa nên diệt, mà giết vua thì mang tiếng ác. Và lại sứ có nói: Chớ gây họa. Chớ lợi dụng loạn. Chớ dễ giận nhiều lần. Giận nhiều lần thì không kham nổi. Lấn bức người ta thì sinh bất tương. Tấn mới hứa cho Tấn hòa. Tấn hầu sai Khuốc Khất về báo Lã Di Sanh rằng: Triệu tập dân, lấy mệnh vua cho dân biết, vua tuy rồi về nhưng nhục cho xã tắc lắm, phải cố giúp Thế Tử. Dân đều khóc. Tấn mới đặc ra ruộng viên điền (ruộng công đổi cho dân). Lã Di Sanh nói: Vua không đâu là không trông nom giúp đỡ. Quân thần đều lo cho dân. Ôn huệ đến thế là cùng. Vậy đối với vua là thế nào. Dân nói xin cho biết nên làm thế nào. Đáp, phải đóng thuế, phải soạn đồ giáp binh để giúp Thế Tử. Chư hầu nghe thấy đã mất vua mà vẫn còn có vua, quân thần thì hòa mục, giáp binh thì đầy đủ, thế thì kẻ yêu ta thêm khuyến khích, kẻ ghét ta phải lo sợ, thế mới có ích. Dân vui mừng, Tấn bấy giờ mới đặc ra đội quân châu binh (từng châu quận có quân bầu người cai quản). Xưa Tấn Hiến Công cho bói việc gả Bá Cơ sang Tấn gặp hào Khuê trong quẻ Qui Muội, Sứ Tô bói nói rằng không tốt. Ca dao có nói, kẻ sĩ mỗ dề, không được huyết. Con gái cát đỏ không được lợi. Xóm bên tây trách

không thể đến được. Khuê trong quy muội như là không được giúp. Ly của Chấn, cũng như là Chấn của Ly làm sấm, làm lửa, làm cho Doanh (họ) bại được Cơ (họ). Xe đã rời mất trục, lửa đốt cháy cờ, không lợi về việc hành quân, thua ở Tôn Khưu, Quy muội Khuê, cô độc, cung nô giặc đã giương lên. Cháu theo cô, sáu năm, ăn nấp. Trốn lẩn về nước, bỏ cả vợ con, năm sau chết ở gò Cao Lương. Đến khi Huệ Công ở Tần, có nói: Tiên quân ví thử nghe lời đoán của Sử Tô, thì ta không đến nỗi thế này. Hàn Gia thưa: Bói rùa chỉ là tượng bói dịch chỉ là số. Vật sinh rồi mới có tượng. Có tượng rồi mới có nuôi. Nuôi rồi mới có số. Tiên quân mà bại đức thì có kể đến số được không. Lời đoán của sử Tô nghe làm gì vô ích. Thì có nói, cái mầm ác của dân, không phải trời tự sinh. Gây sự hỗn loạn, thù ghét, là do người.

Tháng mười, Tấn, Ấm Di Sanh, hội Tần Bá thế ở Vương Thành. Tần Bá hỏi: Nước Tấn có hoà không. Đáp: Không hoà. Kẻ tiêu nhân lấy việc mất vua làm xấu hổ, mà thương tiếc họ hàng bị chết trận, không ngại chiến tranh để lập công tử Ngừ lên ngôi, nhất định báo thù dù có phải kết liên với Nhung Dịch. Người quân tử thì yêu vua biết tội, không ngại chiến tranh, cốt cho vua trở lại ngôi, cốt báo ơn Tần, dù chết không hai lòng, vì thế thành bất hòa. Vua Tần hỏi, nước nghĩ vua thế nào. Đáp: Kẻ tiểu nhân thì thương, cho là vua tất chết, người quân tử thì suy bụng mình xét bụng người, cho là vua tất được về. Tiểu nhân nói: ta hại Tần, Tần đâu có tha vua. Quân tử thì nói, Tần tất tha vua. Vì phản bội cho nên bị bắt, đã biết tội thì được tha. Tha cho thì đức cao. Giết đi thì uy lớn. Phục Tần là phục đức. Phản Tần là sợ Hình. Hoặc phục hoặc sợ, đều là một việc. Tần vì đó sẽ Bá chủ. Đã nhận là vua lại không cho yên vị. Phế mà không lập lại, lấy ơn làm oán, Tần đâu có thể. Vua Tần nói: Ta cũng nghĩ thế. Mới cho vua Tấn ra công quán, ăn uống theo địa vị chư hầu.

Ngạ Tích báo Khánh Trịnh rằng: Có bỏ nước đi không. Đáp: Làm cho vua phải thua. Thua mà không chết, lại dễ cho vua phải xoá bỏ pháp luật thì đâu có phải là bầy tôi. Bầy tôi đã không ra bầy tôi thì còn đi đến nước nào được. Tháng mười một, Tấn hầu về, nước, ngày Đinh Sửu giết Khánh Trịnh, rồi sau mới

vào nước. Năm đó, nước Tấn lại đói, Tấn lại phải cho lúa. Vua Tấn có nói: Ta oán vua, nhưng thương dân. Và lại nghe nói, khi Đường Thúc được phong, Cơ Tử có báo: Về sau, nước tất lớn. Tấn rồi ra có hi vọng. ta cứ vun trồng cây đức để đợi người tài. thế rồi Tấn mới chinh chiến phía đông sông Tấn, xếp đặt quan lại trông coi. Đến nước Quắc, là đến tận địa giới nước. Quắc Hoa Âm là Hoa Sơn. Giải Lương thành là huyện Giải Linh Đài. Ở đất Vu còn đại cũ nhà Chu. Gò Cao Lương ở đất Tấn. Ấm là đất Lã Di Sanh được ăn Lộc. Vương thành là đất Tấn.

**Công** - Đây là lối thiên chiến, tức là hai quân đội ở hai nơi, rồi cùng hẹn một ngày, một nơi nhất định, tới đánh nhau. Sao không nói là quân thua tan, là vì đã nói vua bị bắt là đủ.

**Cốc** - Việc chiến ở đất Hàn, Tấn hầu đã mất dân, là vì dân chưa bị thua mà vua đã bị bắt.

**Lưu Sưởng** - Cốc Lương báo Tấn hầu mất dân là vì dân chưa bị thua, mà vua đã bị bắt. báo thế là không phải. Phàm làm vua mà bị bắt, thì dù không mất dân, còn được điều gì gọi là hay. Cho nên sở dĩ Xuân Thu không chép quân thua tan vỡ, là cho rằng việc vua bị bắt đã là nặng nề lắm rồi.

**Trần Phó Lương** - Tấn bắt được Tấn hầu đem về. Sao Kinh không chép chữ đem về. Là buộc tội Tấn hầu. Bắt được là danh từ dùng cho kẻ thất phu, thế thì chữ đem về không dùng được nữa.

**Trác Nhĩ Khang** - Đây là một cuộc chiến. Vì Tấn không đường đường, chính chính, Hàn thì ở đất Tấn. Thế là Tấn phạt Tấn rõ ràng. Đã dùng chữ chiến thì hà tất phải chép chữ phạt. Vậy không chép Tấn phạt Tấn, mà chép là đánh nhau, đó là lối văn chép lược.

# **XUÂN THU QUYỂN THỨ SÁU**

Năm Đinh Sửu. Tương Vương năm thứ 8

十 有 六 年

**THẬP HỮU LỤC NIÊN**

**NĂM THỨ 16. LỖ HI CÔNG**

Tề Hoàn năm thứ 42. Tấn Huệ năm thứ 7. Vệ Văn năm thứ 16. Sái Trang năm thứ 2. Trịnh năm thứ 29. Tào cung năm thứ 9. Trần Mục năm thứ 4. Kỷ Thành năm thứ 11. Tống Tương năm thứ 7. Tần Mục năm thứ 16. Sở Thành năm thứ 28.

春 王 正 月 戊 申 朔 隕 石 于 宋 五 是

月 六 鵠 退 飛 過 宋 都

**XUÂN VƯƠNG CHÍNH NGUYỆT MẬU THÂN, SÓC,**

**VÂN THẠCH VU TỔNG NGŨ, THỊ NGUYỆT**

**LỤC NGHỊCH THOÁI PHI QUÁ TỔNG ĐÔ**

**MÙA XUÂN, VƯƠNG THÁNG GIÊNG, NGÀY MẬU THÂN, SÓC,  
CÓ ĐÁ RƠI Ở TỔNG, NĂM HÒN. CÙNG THÁNG ẤY SÁU  
CON CHIM NGHỊCH, KHI BAY ĐI, BAY QUA, TỔNG ĐÔ.**

Cốc Thị viết chữ nghịch là 兕.

Tả - Năm 16, mùa xuân, rơi đá xuống Tống, đếm được năm. Đó là sao sa. Sáu chim nghịch bay qua Tống đô, đó là phong, là gió. Quan nội sử nhà Chu tên là Thúc Hưng tới sinh ở Tống. Tống Tương Công hỏi: Đó là điềm gì, cát hay hung. Đáp: Năm nay Lỗ nhiều đại tang. Sang năm Tề có loạn. Nhà vua thì sẽ

được chư hầu, nhưng không được đến trót. Khi lui ra ngoài, có nói với người ta rằng: Nhà vua không hiểu, đó là việc âm dương, chứ không có cát hung, vì cát hung là do nơi người. Ta trả lời vì không muốn trái ý.

**Công** - Sao lại chép chữ rơi trước, chữ đá sau. Rơi đá chép tiếng nghe thấy lách tách, trông ra là đá xét ra thì có năm. Sao lại nói tháng ấy, vì gần ngày. Sao không chép là ngày. Là vì ngày hồi (cuối tháng) Xuân Thu không chép ngày hồi. Sóc, có việc thì chép sóc. Hồi tuy có việc cũng không chép hồi. Sao trước chép sáu rồi sau mới chép nghịch. Thông thả nhận xét thì thấy bay lui đi. Năm đá sáu chim sao lại chép. Là chép việc lạ. Thường việc lạ nước người không chép. Đây chép là chép cho hạng vương giả thời sau.

**Cốc** - Chữ rơi trước, chữ đá sau, là tại sao. Có thấy rơi, rồi sao mới biết là đá. Ở Tống là ở trong nước Tống. Con số chép sau là lời nói thêm, đếm dần, cốt tai nghe có đá. Tháng ấy, không chép ngày là thiếu sót ngày. Sáu chim bay lui qua Tống đô, chứ sáu đứng trước là tụ từ, là hợp lại, lấy mắt coi. Đá vốn vật vô tri, chim còn là vật hữu tri. Đá vô tri cho nên chép ngày. Chim hữu tri cho nên chép tháng. Quân tử đối với vật không cầu tha, có phân biệt, dù là đá, dù là chim, phải cẩn thận, thế dù biết đối với người thì thế nào. Cho nên năm đá, sáu chim, mà không kể rõ thì vương đạo cũng không rõ. Đó là nơi dân chúng tụ tập.

**Lưu Suồng** - Công Dương bàn: Chép tháng ấy tức là gần tháng ấy, không chép ngày là vì ngày hồi. Bàn thế là sai. Hồi và sóc là trời đã sẵn có. Bảo rằng Kinh Xuân Thu, giữ sóc, bỏ hồi, thì có nghe được không. Còn Cốc Lương mà bàn rằng đá là vật vô tri, cho nên chép ngày, chim nghịch là vật hữu tri cho nên chép tháng, bàn thế là sai. Chép tháng thôi, là vì Tống không báo cáo ngày, giờ là cùng một ngày với năm hòn đá rơi, vì ngờ đó nên có phân biệt. Cốc Lương vốn cứ lấy tháng để bàn giải Kinh nên gán cho Thánh nhân để cho hậu thế tin, chứ thực đâu có thế.

**Xét** - Kinh chép (tháng ấy), không phải chỉ ngờ là cùng ngày. Hoặc giả chim nghịch bay lui, không phải chỉ trong có một ngày cho nên lấy chữ tháng ấy để nói đại khái thôi. Công Dương cho tháng ấy là ngày hồi. Cốc Lương lấy thuyết vô tri, hữu tri để

chia tháng ngày, cả Cốc và Công đều sai. Lưu Sưởng nói là rõ, bác là phải.

三月壬申公子季有卒

**TAM NGUYỆT, NHÂM THÂN CÔNG TỬ QUÝ HỮU TỐT**  
**THÁNG BA, NGÀY NHÂM THÂN, CÔNG TỬ QUÝ HỮU MẤT**

**Công** - Sao gọi là Quý Hữu. Là vì hiền

**Cốc** - Đại phu chết, gọi là tốt là chính (chính danh). Gọi em của Công là Thúc, là Trọng, tức là người hiền. Đại phu mà không chép Công tử Công tôn, tức cho là hàng sơ.

**Xét** - Quý Hữu, đánh nghịch, dẹp loạn, có công với nhà vua. Kinh chép, Công tử mà danh và tự cùng gọi. Cốc và Công cho thế là ý khen người hiền. Đúng như thế đấy. Năm Tuyên Công thứ 18, em Công là Thúc Hật mất, phép chép giống như chép Quý Hữu, Hữu thì có công với xã tắc, Hật thì có nhiều ân huệ. Cả hai ngang nhau. Vì Tuyên Công còn sống cho nên chép là em Công. Hồ Truyền cho là đương thời được ban họ, Bàn thế cùng phải. Duy cùng bị chê với Trọng Toại, e không phải cùng một loại. Tuy nhiên, Quý Tử thì trung hiền, Trọng Tử thì thí nghịch vậy tùy việc mà lời chép có khác. Lưu Sưởng dẫn Trọng Toại để bác Công Cốc, không biết rằng Trọng Toại mà mất, san bỏ chữ Công, tử không chép, là để chính đích cái tội thí nghịch, há có phải để so sánh với Quý Hữu đâu. Lại bảo rằng Trọng Thị giết Tử Xích, Quý thì đuổi: Chiêu Công đều là các bậc Khanh gây nên họa thế là lấy Trọng Toại làm Trọng Tôn thì. Bảo thế lại càng sai.

夏四月 申 甌 季 姬 卒

**HẠ TỬ NGUYỆT, BÌNH THÂN, TẮNG QUÝ CƠ TỐT**  
**MÙA HẠ, THÁNG TƯ, NGÀY BÌNH THÂN,**  
**TẮNG QUÝ CƠ MẤT**

**Phụ lục Tả Truyện** - Mùa hạ Tề phạt Lẽ. Không được Cửu Tử rời về.

**Xét** - Không chép lễ táng, là Lô không có dự. Hai Công gian Táng Tử không tới chầu mình, mà giữ Quý Cơ lại. Đến khi Táng Tử lại chầu mới cho Quý Cơ về, thế là oán chưa cởi hẳn cho nên táng không dự. Ví như quả thật là yêu con, sai tự kén chồng thì khi táng Quý Cơ, tất có lễ tới dự, Xuân Thu đặc biệt chép việc. Còn như Hồ Truyền, bản là chép chết mà bỏ không chép táng, bản thế không nghe được.

秋七月甲子公孫茲卒

**THU THẤT NGUYỆT GIÁP TÝ, CÔNG TÔN TƯ TỐT  
MÙA THU, THÁNG BẢY, NGÀY GIÁP TÝ, CÔNG TÔN TƯ MẤT**

**Phục lục Tả Truyền** - Mùa thu, Địch xâm Tấn, chiếm đất Hồ Trù, đất Thụ Đặc, sang qua sông Phần tới đất Côn Đô, nhân cơ hội Tấn vừa bại trận Thiên Tử bị nạn nợ Nhung báo cáo với Tề. Tề triệu họp chư hầu để đóng quân giữ cho nhà Chu. Mùa đông tháng 11, ngày Ất Mão, Trịnh giết Tử Hoa, Hồ Trù, Thụ Đặc, và Côn Đô, là ấp nước Tấn.

**Cốc** - Đại phu chết, chép là tốt, là chính danh.

冬十有二月公會齊侯宋公陳侯  
衛侯鄭伯許男邢侯曹伯于淮

**ĐÔNG THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, CÔNG HỘI TỀ HẦU,  
TỔNG CÔNG, TRẦN HẦU, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, HỨA  
NAM, HÌNH HẦU, TÀO BÁ VU HOÀI**

**MÙA ĐÔNG THÁNG 12, CÔNG HỘI TỀ HẦU, TỔNG CÔNG  
TRẦN HẦU, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, HỨA NAM, HÌNH HẦU,  
TÀO BÁ TẠI ĐẤT HOÀI**

Hoài là hai bên xứ Lâm Hoài

**Tả** - Tháng 12, hội ở Hoài, bàn việc Táng và các xứ đông. Đáp thành cho nước Táng. Phụ dịch khó nhọc, có kẻ lên cao hô to: Nước Tề đang có loạn. Thế là chưa xong việc đắp thành, Tề phải kéo quân về.

Cốc - Hội này là hội quân đội

Năm Mậu Dần. Tương Vương năm thứ 9

十 有 七 年

**THẬP HỮU THẤT NIÊN**

**NĂM THỨ 17**

Tê Hoàn năm thứ 43. Tấn Huệ năm thứ 8. Vệ Văn năm thứ 17. Sái Trang năm thứ 3. Trịnh Văn năm thứ 30. Tào Cung năm thứ 10. Trần Mục năm thứ 5. Kỳ Thành năm thứ 12. Tống Tương năm thứ 8. Tần Mục năm thứ 17. Sở Thành năm thứ 29.

春 齊 人 徐 人 伐 英 氏

**XUÂN TÊ NHÂN, TỪ NHÂN PHẠT ANH THỊ**

**MÙA XUÂN, NGƯỜI TÊ, NGƯỜI TỪ PHẠT ANH THỊ**

Tả - Mùa xuân, người Tê vị nước Từ, phạt nước Anh Thị, báo lại trận Lâu Lâm.

Phụ lục Tả Truyện - Mùa hạ, Tấn Thế Từ là Ngử, làm con tin ở Tần. Tần cho ở Hà Đông, gả con cho. Huệ Công khi còn ở nước Lương. Lương Bá gả con cho. Lương Doanh chưa quá tháng. Huệ Công sai Chiêu Phủ với Kỳ Tử bói, Kỳ Tử nói sẽ sinh một trai một gái. Chiêu Phủ nói: Phải con trai sẽ làm bầy tôi, con gái sẽ làm thiếp. Cho nên con trai đặt tên là Ngử, con gái đặt tên là Thiếp. Khi Ngử sang Tần làm con tin thì Thiếp đi làm Hoạn nữ rồi.

Lưu Sưởng - Hà Hưu bàn: Gọi là thị là trước thời Xuân Thu, nước đã bị truất ngôi. Bàn thế sai. Anh Thị là một nước, là tên nước. Hoặc một chữ, hoặc hai chữ, ba chữ không giống như Giáp thị, Lê thị. Nay có huyện Uy T

hị cũng có thể phong thành nước được thì có sao.

**夏滅項**  
**HẠ, DIỆT HẠNG**  
**MÙA HẠ, DIỆT NƯỚC HẠNG**

**Tả** - Mùa hạ, quân đội diệt nước Hạng. Trong hội ở đất Hoài, Công có việc như các chư hầu khác, chưa về mà đã chiếm được nước Hạng. Người Tề cho là vô cớ đánh, mới giữ Công lại.

**Công** - Ai diệt Hạng. Là nước Tề. Sao không gọi là Tề. Vì kiêng tránh cho Hoàn Công. Xuân Thu thường vì người hiền mà kiêng tránh. Vậy trong việc đi diệt nước người ta, có gì là hiền. Phàm người quân tử đã chê điều dở, thì ghét khỏi thủy dở, đã khen điều hay thì vui ở kết quả hay. Hoàn Công thường vẫn đối với các nước, hễ dứt thì nổi lại cho, hễ mất thì làm cho sống lại. Có công ấy cho nên tránh cho.

**Cốc** - Ai diệt Hạng. Hoàn Công. Sao không nói Hoàn Công. Vì là hiền cho nên kiêng tránh cho. Hạng là một nước không nên diệt. Nhưng không biết mình đứng nên diệt, thế mà đi diệt người ta thì còn gì là hiền. Quân tử chê điều dở, mà ghét khỏi thủy dở, khen điều thiện mà vui ở kết quả. Hoàn Công thường có công nổi lại nước đã dứt, dựng lại nước đã mất, cho nên người quân tử kiêng mà tránh cho.

**Xét** - Tả Thị bàn rằng Công ở hội Hoài chưa về mà đã diệt Hạng. Hồ Truyền cùng mọi chuyện khác đều theo lời bàn ấy từ lâu đời, thành ra thuyết ấy được cho là chính. Tuy nhiên, lấy lệ đắp thành Sở Khưu mà xét thấy lời bàn của Cốc Thị, Công Thị bảo là Tề diệt cứ như lý thì cũng thông đấy, còn như không chép chữ Tề là vì ngại nghĩa chữ Anh Thị. Mùa xuân diệt Anh Thị, mùa hạ diệt Hạng, cùng với năm Tương Công thứ 10, mùa xuân, hội ở đất Tra, mùa hạ diệt Bức Dương đều theo một thứ pháp. Cho Hạng là do Lỗ diệt, thì sao không diệt Bức Dương cũng là do Lỗ. Nếu bảo ở câu này có chữ tụy, rồi thì ở câu kia chữ diệt nổi chữ phạt, câu này lấy chữ diệt nổi chữ hội, thì vẫn không bị lúng túng nữa. Sau hội ở đất Hoài, Tề lấy việc Hoài Di giao cho Lỗ chủ trương, mà tự do trách nhiệm cùng với người

Từ phạt Anh, diệt Hạng, cho nên Hi Công phải kinh lược lâu ngày, đến tháng chín mới về nước. Các thơ Phán, Thủy, Bí, Cung (Kinh Thi) đều nói đến công của Hi Công phục Hoài Di, há có phải toàn là không có sự thực đâu. Xét trong Thi Ca không thấy nói việc hành quân nam quốc. Có thể ở trong việc này cũng nên. Như Hồ An Quốc mà bảo rằng diệt Hạng là vì họ Quý Tôn thì sai. Dương thời đó, Quý Hữu đã chết, con của Hữu, (Vô Dật), không thấy chép là chết, trong Kinh, mà cũng chưa làm chức Khanh. Sau khi Hữu chết. Lỗ Khanh phụng mệnh mà đi đánh thì có, Công tử Toại. Thúc Tôn Đắc Thần, Công Tôn Ngao, có ba người mà thôi. Văn Công năm thứ 6. Hàng Phủ mới sang Tề thì Vô Dật chết. Hàng Phủ còn bé, đến khi lớn mới làm chức Khanh. Vậy chép là Quý Tôn và diệt Hạng là ai.

秋夫人姜氏會齊侯于卞

**THU, PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ HỘI TÊ HẦU VU BIỆN**

**MÙA THU, PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ,  
HIỆN TÊ HẦU TẠI ĐẤT BIỆN**

(Biện ở nước Lỗ).

Tả - Mùa thu, Thanh Khương lấy cố, vì Công hội Tê Hầu ở đất Biện.

九月公至自會

**CÚU NGUYỆT, CÔNG CHÍ TỰ HỘI**

**THÁNG CHÍN, CÔNG TỰ HỘI VỀ**

Tả - Tháng chín, Công về. Chép rằng tự hội về, hãy còn việc của hội chư hầu, nhưng tránh kiêng không nói.

Xét - Tê vì việc Hạng mà giữ Công. Thanh Khương hội với Tê Hầu xin cho Công về, vì thế. Tả Thị mới bàn rằng câu "tự hội về" là kiêng tránh cho Công, Cốc Thị cho là Tê diệt Hạng. Mà việc phu nhân hội ở đất Biện và Công tự hội về đều không thấy bàn. Hoặc bảo rằng Công vì diệt Hạng mà bị giữ, thì phu

nhân đáng phải xin ở nước Tề, chứ không tới Tề Hầu ở đất nước Lỗ. Công mà bị giữ rồi về thì đáng lý phải nói: tự Tề về, bắt tất nói đến hội để sai sự thực. Bào thế cũng nghe được.

冬十有二月乙亥齊侯小白卒

**ĐÔNG THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT,  
ẤT HỘI TẾ HẦU TIỂU BẠCH TỐT  
MÙA ĐÔNG, THÁNG 12, NGÀY ẤT HỘI,  
TẾ HẦU TIỂU BẠCH MẤT**

Tả - Tề Hầu có ba phu nhân: Vương Cơ, Từ Doanh, Sái Cơ, đều không có con. Nhiều thiếp được sủng ái như phu nhân thì có sáu người: Trưởng, Vệ, Cơ, sinh ra Vũ Mạnh. Thiệu Vệ Cơ sinh ra Huệ Công, Trịnh Cơ sinh ra Hiếu Công, Cát Doanh sinh ra Chiêu Công, Mật Cơ sinh ra Ý Công, Tống Hoa Tử sinh ra Công Từ Ung. Công và Quân Trọng có ký thác Hiếu Công cho Tống Tương Công, để cho nối ngôi. Bọn hầu hạ Tề Hoàn được Tề Hoàn yêu là Thụ Điều. Trưởng Vệ Cơ mưu với Điều xin Công lập con là Vô Khuy. Công cũng hứa cho. Sau khi Quân Trọng mất, năm Công tử đều xin lập. Mùa đông tháng 10, ngày Ất Hợi. Tề Hoàn Công mất. Dịch Nha vào cung cùng với Hoạn quan là Điều, dùng bọn thị vệ thị nữ, giết hại các quan lại, rồi lập Khuy. Hiếu Công chạy sang Tống. Tháng 12, ngày Ất Hợi, cáo phó. Đêm ngày Tân Tỵ, khâm liệm.

Cốc - Ngày không được chính, ta thấy từ trước. Khi vào nước đã bất chính, cho nên ngày chết không chính.

Lý Liêm - Hoàn Công năm Lỗ Trang Công thứ 9 vào nước. Năm Trang thứ 13 mới dựng nghiệp Bá. Cho đến năm Lỗ Hi Công thứ 17, phàm 39 năm. Ngô Quân, Lý Thị có bàn: Vương đạo lưu hành, Hầu Bá thụ chức. Từ cổ chưa có Bá mà Tề Hoàn tạo ra Bá, thì Tề Hoàn là đầu tội. Thế mà có khi Xuân Thu khen Hoàn là tại sao. Bởi vì chê cái nghĩa nhưng cũng chép cái công. Công và nghĩa không che đậy cho nhau được, thì rồi sau. Điều hay điều dở của Bá mới hiểu rõ. Đại để đời Xuân Thu thịnh và suy có ba lần biến đổi. Hoàn Công khi chưa hưng thịnh, Hoàn

Công khi làm Bá, và Hoàn Công khi đã chết. Mỗi đời biến đổi mỗi khác. Vua (Thiên Tử) sai đến sinh chư hầu mà chư hầu không chầu. Quân Thiên Tử đi chinh phạt mà vô công. Phàm chép Bá đi phạt là biết rợ Nhung phía bắc mạnh. Chép quân nước Sái thua là biết Kinh Sở ở phía nam mạnh, Trịnh chia đất nước Hứa Tống bỏ Trịnh tự (tự là con nối ngôi), Kỷ nhỏ mà ngang với Tề. Thành yếu mà bức hiếp Lỗ, những việc đó xảy ra trước khi Hoàn Công hưng thịnh. Những điều cấm kỵ của Thiên Tử được thi hành, Thiên Tử không phải tự hạ đi sinh lễ chư hầu trong 60 năm, các hội thể, chư hầu không vì tư lợi tranh giành trong 30 năm, việc từ Thiệu Lăng trở đi mà Kinh Sở phải phục, dàn quân ở sứ Nhiếp Bắc mà rợ địch phải lui, biểu đồ được trịnh cho Lỗ mà rợ địch thôi không quấy nhiễu. Đó là thời Hoàn Công làm bá chủ. Thiên Tử ra ngoài nước mà quan Trấn Thủ không thăm hỏi, Vệ diệt họ gần mà không có nghĩa quân đi đánh Vệ. Sở chép là tước Tử mà làm chủ hội thể. Dịch chép là người mà tham dự hội thể. Đó là khi Hoàn Công đã chết. Tuy nhiên Hoàn Công chỉ là một người, mà thịnh suy biến đổi đến ba lần: Khởi thủy mưu Bá. Được nghiệp Bá. Và sau khi thành Bá. Các việc được thua đều khác nhau. Phạt Nghê, xâm Tống, pháp độ chư hầu chưa được nhất chí. Đánh Sái, xâm Trịnh, cái nạn rợ Nhung chưa được trừ hẳn. Diệt Toại, phục Chương, việc không được bền, xếp đặt vẫn nhiều loạn rối, hội Cốc, thể Vu quan sát chưa chịu, kiểm soát phòng bị không đứng đắn: Đó là các việc ở thời gian Hoàn Công mưu làm Bá chủ. Xét từ việc Quán Trạch trở đi, từ Quý Khuu trở về trước, các hội nghị, hội minh, trùng áo mà tới, không cần quân đội, không cần sắp huyết. Khổng Trọng Ni có khen là chính đạo. Mạnh Tử cho là thịnh trị. Trong mấy năm đó Hoàn Công đang sửa soạn nghiệp bá. Khi chín nước phản, mà càng ngày càng nhiều chuyện, Quán Trọng chết mà mục thước không còn. Xây thành kỷ được, mà xây thành Hình phải chê. Cứu Tử chậm mà cứu Hứa nhác. Phạt nước Hoàng thì phải lo ngại ngoại chiến. Hội đất Biện thì trong nhà sinh chuyện. Đó là thời kỳ sau khi Hoàn Công đã thành bá chủ. Nghiệm Xuân Thu ba lần biến đổi thì thấy. Hoàn Công bá chủ có công, một thân trái ba lần biến, thế thì công của Hoàn Công không được

lâu dài, tội lẫn công có thừa trừ. Nghiệp Bá về sau, của Tề, có thể biết kết quả được.

**Lả Bả Trung** - Trong không có lối học thành ý, chính tâm, và chính cho vua. Chỉ gấp theo đuổi về có lợi, về có công. Cho nên cuối đời năm con vua nổi loạn, thế là có thủy không chung, mà gia pháp thành bất chính.

Năm Kỷ Mão Tương Vương năm thứ 10.

十 有 八 年  
**THẬP HỮU BÁT NIÊN**  
**NĂM THỨ 18**

Tống Tương năm thứ 9. Tề Hiến Công Chiêu năm đầu. Tấn Huệ năm thứ 9. Vệ Văn năm thứ 18. Sái Trang năm thứ 4. Trịnh Văn năm thứ 31. Tào Cung năm thứ 11. Tần Mục năm thứ 18, Sở Thành năm thứ 30.

春 王 正 月 宋 公 曹 伯 衛 人 鄴 人 伐 齊  
**XUÂN VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, TỐNG CÔNG TÀO BÁ**  
**VỆ NHÂN, CHÂU NHÂN PHẠT TỀ**  
**MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, TỐNG CÔNG, TÀO BÁ,**  
**NGƯỜI VỆ, NGƯỜI CHÂU PHẠT TỀ**

Dưới chữ Tống Công, Công Thị có chép chữ hội.

**Tả** - Tống Tương Công họp chư hầu phạt Tề. Tháng ba, người Tề giết Vô Khuy.

**Phụ lục Tả truyện** - Trịnh Bá bắt đầu đến châu nước Sở. Sở Tử ban cho vàng. Cho rồi lại hối. Khi cùng về có nói: Chớ lấy dùng đục đồ binh. Cho nên Trịnh dùng đục ba cái chuông.

**Cốc** - Không phải vì nước có tang mà phạt.

夏師救齊  
**HẠ SƯ CỨU TỀ**  
**MÙA HẠ QUÂN (QUÂN LỖ) CỨU TỀ**

**Cốc** - Khen việc cứu Tề.

五月戊寅宋師及齊師戰于甌齊師敗績  
**NGŨ NGUYỆT, MẬU DẦN, TỔNG SƯ CẬP TỀ SƯ,**  
**CHIẾN VU NGHIỆN, TỀ SƯ BẠI TÍCH**  
**THÁNG NĂM, NGÀY MẬU DẦN, QUÂN TỔNG CÙNG QUÂN**  
**TỀ CHIẾN TẠI ĐẤT NGHIỆN, QUÂN TỀ TAN VỖ**

Nghiên là đất nước Tề.

**Tả** - Người Tề định lập Hiếu Công, nhưng không thắng được dò dăng của bốn Công tử, rồi cùng người Tống chiến. Mùa hạ tháng năm. Tống đánh bại quân Tề ở đất Nghiên, Lập Hiếu Công rồi kéo về.

**Công** - Đánh nhau thì không nói là phạt. Đây dùng chữ phạt tại sao. Vì Tống Công dự phạt chứ không dự chiến, cho nên nói phạt. Xuân Thu có khi kẻ bị phạt làm chủ, thì kẻ đi phạt làm khách. Tại sao không cho Tề làm chủ. Là khen Tương Công về việc chinh Tề. Khen vì khi Hoàn Công chết Dịch Nha, Thụ Điều tranh quyền. Không táng. Vì thế mới bị phạt.

**Cốc** - Đánh nhau thì không nói là phạt. Khách thì không chép là (cập). Đây dùng chữ cùng là chê Tống.

**Lưu Sưởng** - Công Dương bao sao không để Tề làm chủ là để khen Tương Công về việc chinh Tề. Công Dương bàn thế là sai. Tấn Khước Khắc, cùng Tề Hảo đánh nhau ở đất Ân. Liệu có thể nói được rằng khen Tấn Khước Khắc chinh Tề không. Sao lại khác với việc Tấn.

狄 救 齊  
**ĐỊCH CỨU TÊ**  
**NƯỚC ĐỊCH CỨU NƯỚC TÊ**

Cốc - Khen việc cứu Tê.

秋 八 月 丁 亥 葬 齊 桓 公  
**THU, BÁT NGUYỆT, ĐINH HỢI, TÁNG TÊ HOÀN CÔNG**  
**MÙA THU, THÁNG TÁM, NGÀY ĐINH HỢI,**  
**TÁNG TÊ HOÀN CÔNG**

Tả - Mùa thu, tháng tám, táng Tê Hoàn Công.

冬 刑 人 狄 人 伐 衛  
**ĐÔNG, HÌNH NHÂN. ĐỊCH NHÂN PHẠT VỆ**  
**MÙA ĐÔNG, NGƯỜI HÌNH, NGƯỜI ĐỊCH PHẠT VỆ**

Địch bắt đầu chép là người Địch.

Tả - Mùa đông, người Hình. Người Địch phạt Vệ. Vây Thố Phổ. Vệ Hâu xin nhường ngôi cho bốn phụ huynh tử đệ, và nói với dân chúng rằng, ai hay trị được nước thì tôi xin theo. Dân chúng không nghe. Rồi sau, quân tụ tập ở đất Tì Lâu. Quân Địch kéo về.

Cốc - Sao Địch lại chép là người. Khen đã giúp có công mà nâng lên. Phạt Vệ cốt để cứu Tê. Công lao thì gần mà đức thì xa.

Xét - Cốc Lương cho rằng chép chữ người là khen việc cứu Tê. Hồ Truyền cũng theo ý đó. Nay đều theo ý đó. Duy có Lưu Sưởng dẫn nghĩa thiên Giác Cung, Kinh Thi, để trách nước Hình. Vây phụ chép cả. Xét Vệ tuy đáng phạt, nhưng Hình thân với Vệ, không nên liên kết rợ Địch để đánh Vệ. Thế thì sao lại chép Địch là người Địch. Triệu Bằng Phi giảng: Địch mà chép người

Địch chỉ là một lời văn thôi. Cũng như Tương Công năm thứ năm ở hội Thích có chép người Ngô, người Tăng, chính là vì không thể chép “Ngô”, “người Tăng”. Cho nên năm thứ 14, ở hội Hướng, lại thấy chép “Ngô”, thôi. Nay Địch với Hình phạt Vệ, chép là người. Đến năm thứ 21, một mình Địch phạt Vệ, thì lại thấy chép Địch thôi.

Năm Canh Thìn, Tương Vương năm thứ 11.

十 有 九 年

**THẬP HỮU CỬU NIÊN (LỖ HI CÔNG)**

**NĂM THỨ 19**

Tống Tương năm thứ 10. Tề Hiếu năm thứ 2. Tấn Huệ năm thứ 10. Vệ Văn năm thứ 19. Sái Trang năm thứ 5. Trịnh Văn năm thứ 32. Tào Cung năm thứ 12. Trần Mục năm thứ 7. Kỳ Thành năm thứ 14. Tần Mục năm thứ 19. Sở Thành năm thứ 31.

春

**XUÂN**

**MÙA XUÂN**

**Phụ lục Tả Truyện** - Nước Lương muốn cho nước phú cường, đổi mới nhưng không thành. Nước Tần chiếm, năm thứ 19, rồi tới ở.

王 三 月 宋 人 執 滕 子 嬰 齊

**VƯƠNG, TAM NGUYỆT TỔNG NHÂN**

**CHẤP ĐĂNG TỬ, ANH TÊ**

**VƯƠNG, THÁNG BA, NGƯỜI TỔNG BẮT ĐĂNG TỬ LÀ ANH TÊ**

Tả - Người Tống bắt Đăng Tuyên Công.

**Trần Phó Lương** - Bắt không nói đem về, đó là lời nói chưa mất nước. Nói là đem về, tức là nguy rồi, không được trở

lại nước. Cho nên đã bắt vua thì không gọi tên ra, khi được về rồi mới gọi tên. Bắt mà gọi Tào Bá, khi được về nước thì gọi là Tào Bá Tương. Bắt mà gọi là Vệ Hẫu khi được tha về thì gọi là Vệ Hẫu tên Trịnh. Còn như ở đây, bắt mà gọi tên là sao. Là mất nước rồi. Ngụ Công mất nước thì không gọi tên là tại sao. Là Ngụ Công tự vong (mất) rồi. Cái tội người Tấn là bắt vua người ta, chớ không là ở việc bắt. Lại chưa thêm vào chữ “rồi mất nước”, tức là cho rõ cái ý xưa vua Ngụ tự mình vong mình.

Xét - Hồ Truyền bàn rằng khi Tề thịnh nhiều lần họp chư hầu, mà nước Đằng không dự. Khi Tấn Tương theo gót, Đằng cũng lại không tôn kính nước lớn, đến bị bắt là có lý do vậy. Chép tên để rõ cái tội. Hồ Truyền bàn thế là sai. Tề Hoàn sáng nghiệp bá, từ hội Bắc Hạng về sau, hội trùng áo đến dự, hoặc có cả quân đội đến dự, đều nhiều lần lắm. Đại quốc như Yên, Tấn, tiểu quốc như Tiết, Kỷ, Cử, Tang, Tiều, Túc, Tiểu Châu đều vị thường có mặt. Thế thì có một nước Đằng không dự, sao lại đáng trách. Bảo rằng khi Tống Tương nối ngôi. Đằng cũng lại không tôn kính nước lớn, thế là Truyền không có bằng cứ, chỉ là ức đoán mà thôi. Vậy không căn cứ vào đâu được mà bàn như Hồ Truyền. Vậy thế tại sao Đằng Tử lại chép tên. Theo lẽ thì chư hầu khi còn sống không gọi tên, khi mất nước thì gọi tên, tất là muốn biệt tìm ra tội. Thì chư hầu bị bắt có 13 trường hợp. Như Trịnh theo Sở, Cử theo Lỗ thì tội Trịnh, tội Cử, không thua gì Đằng mà sao không bị chép tên. Vậy chỉ có Trần Phó Lương là suy được ý thánh nhân. Còn Hồ Truyền mà buộc tội Đằng thì không chép.

夏六月宋公曹人鄭人盟于曹南

**HẠ LỤC NGUYỆT, TỔNG CÔNG, TÀO NHÂN,**

**CHÂU NHÂN MINH VU TÀO NAM**

**MÙA HẠ, THÁNG SÁU, TỔNG CÔNG, NGƯỜI TÀO,**

**NGƯỜI CHÂU, THẾ Ở TÀO NAM**

Công Thị viết là người Tống.

甌子會盟于鄴  
**TẮNG TỬ HỘI MINH VU CHÂU**  
**TẮNG TỬ HỘI THỂ TẠI CHÂU**

Công - Sao lại chép là hội thể, là hội về sau.

己酉鄴人執甌子用之  
**KỶ DẬU, CHÂU NHÂN CHẤP TẮNG TỬ, DỤNG CHI**  
**NĂM KỶ DẬU NGƯỜI CHÂU, BẮT TẮNG TỬ ĐEM TẾ**

Tả - Mùa hạ Tống Công sai Châu Văn Công, đem lấy huyết Tắng Tử tế ở nền xã đất Thứ Thư, tế thần loại Đông Di. Tư Mã Tử Ngư nói: Cổ giả giống lục súc không dùng để tế lục súc, việc nhỏ không dùng đến tam sinh, huống chi lại dám dùng đến người. Tế tự là toàn vị người. Dân là gì. Là chủ của thần. Dùng người thì thần nào dám hưởng. Tề Hoàn Công làm cho ba nước đã mất được sống lại, được vào hàng chư hầu, thế mà hạng nghĩa sĩ còn kêu là Hoàn Công đức bạc. Nay trong một hội mà ngược đãi hai nước, rồi lại đem người làm thịt tế dám thần, để mong dựng nghiệp Bá, thế thì khó lắm. Được chết, (đắc kỳ tử), là may rồi. Thứ Thư, tên sông, đời Hán là Lâm Nghi. Còn có Tùng Đình chính là nền xã Thứ Thư.

Công - Tế người ở đâu. Thế nào. Là cắt mũi lấy máu tế xã.

Cốc - Tắng là vua nước nhỏ. Châu nhân được Tắng cầu mình thể, thế rồi bắt luôn ngay người ta, cho nên chê. Chê mới chép ngày. Tế đây là cắt mũi lấy máu tế thần.

秋宋人圍曹  
**THU TỔNG NHÂN VI TÀO**  
**MÙA THU, NGƯỜI TỔNG VÂY TÀO**

Tả - Người Tống vây Tào. Đánh Tào nhưng không phục được. Tư Ngư nói với Tào Công rằng: Văn Vương nghe thấy Sùng Đức

làm loạn mới đánh. Quân ở ba tuần mà không hàng được, thế là lui, về sửa sang chính giáo, rồi lại đi đánh. Sùng Đức không giữ được thành lũy xin hàng. Kinh Thi nói: Hình áp dụng cho vợ, cho anh em, rồi đến trong nước. Nay đức của vua còn có chỗ khuyết. Mà đi đánh người ta có nên không.

Không có khuyết hãy nên hành động.

衛 人 伐 邢  
**VỆ NHÂN PHẠT HÌNH**  
**NGƯỜI VỆ PHẠT HÌNH**

Tả - Mùa thu, người Vệ phạt Hình để báo lại việc Thỏ Phổ. Thế rồi Vệ bị đại hạn. Bói các thần sơn, xuyên thì bị bất cát. Ninh Trang Tử nói: Xưa nhà Chu dổi, đánh nhà Ân, rồi mà được mùa. Nay Hình vô đạo, cư Hẫu không có Bá. Hoặc giả trời muốn bảo Vệ đánh Hình chăng. Vua nghe theo đem quân đi, thì trời mưa (được mùa).

Lục Thuần - Đạm Tử nói: Hình mà vô đạo có đâu như Trụ. Vệ Hẫu mà hiền đâu có sánh với Vũ Vương. Các lời nói đều là tán dương bậy.

冬 會 陳 人 蔡 人 楚 人 鄭 人 盟 于 齊  
**ĐÔNG, HỘI TRẦN NHÂN, SÁI NHÂN,**  
**SỞ NHÂN TRỊNH NHÂN MINH VU TÊ**  
**MÙA ĐÔNG, HỘI NGƯỜI TRẦN, NGƯỜI SÁI,**  
**NGƯỜI SỞ, NGƯỜI TRỊNH THỂ Ở TÊ**

Công Thị viết thêm chữ Công hội. Đây là Sở bắt đầu thể với Tê.

Tả - Trần Mục Công xin giao hiếu với chư hầu để đừng quên đức của Hoàn Công. Mùa đông thể ở Tê là sửa soạn lại việc giao hiếu như với Hoàn Công xưa.

梁 亡

**LƯƠNG VONG**

**LƯƠNG MẤT**

**Tả** - Lương mất. Không chép vua. Là tự mình làm cho mất. Xưa. Lương Bá thích xây cất, đắp thành, không cho dân làm ăn, dân nhọc không chịu nổi có nói rằng: Nếu có giặc thì cung điện thành rãnh ngòi. Tần sẽ đánh úp ta. Thế là dân sợ rồi tự tan. Tần mới chiếm lấy Lương.

**Công** - Thế là có bị đánh, bị phạt, mà chỉ chép là Lương mất, là tự làm cho mất, như vật mục nát rồi hỏng.

**Cốc** - Tự mình hỏng. Say mê tâu sặc. Tâm trí như mê loạn. Tai mất lừa diếc. Ở trên không có kỷ cương. Ở dưới đại thần đều phản. Dân sinh trộm giặc. Thế là nước Lương tự mất. Làm khổ dân là đủ mất rồi, chứ chả cần nói đến tâu sặc. Nước Lương mất, Trịnh bỏ ngay việc quân. Lỗ ta không trách, chỉ việc chính danh từ thôi. Lương mất là vì thất chính. Trịnh bỏ về là người cầm đầu đáng chê trách.

Năm Tân Ty. Năm Tương Vương thứ 12.

二 十 年

**NHỊ THẬP NIÊN**

**NĂM THỨ 20**

Tống Tương năm thứ 11. Tề Hiếu năm thứ 3. Tấn Huệ năm thứ 11. Vệ Văn năm thứ 20. Sái Trang năm thứ 6. Trịnh Văn năm thứ 33. Tào Cung năm thứ 13. Trần Mục năm thứ 8. Kỷ Thành năm thứ 15. Tần Mục năm thứ 20. Sở Thành năm thứ 3.

春 辛 作 南 門

**XUÂN, TÂN TÁC NAM MÔN**

**MÙA XUÂN XÂY DỰNG CỬA NAM MÔN MỚI**

**Tả** - Chép là ý chê không đúng mùa. Phàm xây cất cần phải đúng mùa.

**Công** - Chép là dễ chê. Cửa có khuôn khổ riêng không đổi được.

**Cốc** - Tác là làm cho kích thước khác. Đây là chép: làm cho cũ thành mới, chứ không phải là tác, là đổi kích thước. Nam môn tức là pháp môn (là nơi để tuyên bố pháp luật mệnh lệnh).

夏 郢 子 來 朝

**HẠ, CÁO TỬ LẠI TRIỀU**

**MÙA HẠ CÁO TỬ LẠI CHẦU**

**Công** - Cáo tử là ai. Là vua đã mất nước. Sao không gọi tên. Vì anh em loạn.

**Lưu Sưởng** - Công Dương báo là vua đã mất nước. Báo thế là sai. Đã mất nước sao còn chép được là lại châu. Chữ châu chỉ dùng khi còn có nhà, còn có nước. Công Dương lại cho là nước Cáo bị diệt trước thời Xuân Thu đã được đến 90 năm rồi. Thế mà Cáo Tử mất nước đã ba đời rồi (90 năm là ba lần 30 năm, 30 năm là một đời). Nay lại còn làm lễ châu là thế nào.

**Trịnh Tiểu** - Cáo có hai nước Cáo. Năm Lỗ Hoàn thứ 2, có việc lấy đại đỉnh của nước Cáo, tức là của Bắc Cáo, ở Đan Châu, Thành Vũ, còn Cáo Tử lại châu là Nam Cáo. Đan Châu có hai Cáo Thành.

五 月 己 巳 西 宮 災

**NGŨ NGUYỆT KỶ TỴ, TÂY CUNG TAI**

**THÁNG NĂM, NGÀY KỶ TỴ, TÂY CUNG BỊ TAI (HỎA TAI)**

**Công** - Tây cung là tiểu tẩm. Gọi là tây cung, tức là còn có đông cung.

**Lỗ Tử nói:** Cõi chữ tây cung thì biết chữ hầu có tam cung. Tây cung tại là chép việc lạ.

**Cốc** - Gọi là tân cung tức là gần, cũng như là Nễ cung. Nếu thấy thụ hiệu mà gọi thì đã là xa. Đây chắc là Mẫn cung.

**Hà Hữu** - Theo lễ. Phu nhân ở Trung cung, bé thì ở phía trước. Hữu đẳng thì ở tây cung. Tả đẳng thì ở đông cung, bé thì ở phía sau.

**Tôn Giác** - Tây cung là nơi Hi Công ở, vì ở phía tây Công Dương bàn là có chữ tây chắc có chữ đông, bàn thế dùng đây. Cốc Lương cho là Mẫn cung. Xét Hi Công nối ngôi Mẫn Công, nếu thực của Mẫn cung thì có ngại gì mà không nói là Tân cung. Vì đã lâu rồi, có ngại gì mà không dùng chữ Mẫn cung.

鄭 人 入 滑

**TRỊNH NHÂN NHẬP HOẠT**

**NGƯỜI TRỊNH VÀO NƯỚC HOẠT**

**Tả** - Người Hoạt phản Trịnh mà phục tông Vệ. Mùa hạ Trịnh Công Tử Sĩ đi dẹp giặc ở đất Đỗ, rồi đem quân vào Hoạt.

秋 齊 人 狄 人 盟 于 邢

**THU, TÊ NHÂN, ĐỊCH NHÂN MINH VU HÌNH**

**MÙA THU, NGƯỜI TÊ, NGƯỜI ĐỊCH THẾ Ở ĐẤT HÌNH**

**Tả** - Mùa thu, Tê, Dịch, thế tại đất Hình mà bàn việc Vệ. Vì thế Vệ mới ghét Hình.

**Cốc** - Thế là Hình làm chủ động. Hình là nước nhỏ, sao có địa vị ấy. Vì chủ việc cứu Tê.

**Xét** - Tả Truyện cho là bàn việc Vệ loạn. Cốc Lương cho là chủ cứu Tê. Hai thuyết tương như khác nhau, sự thực vẫn là một. Vệ đang sợ Hình, cho nên Tê và Dịch thế ở Hình để bàn việc. Mà Vệ sợ Tê ghét Hình là vì Hình cứu Tê. Tống và Vệ đánh Tê khi Tê đang có tang. Hình hợp với Dịch để cứu Tê. Thế là Hình chủ trong việc cứu Tê, cho nên nói được Hình làm chủ.

冬 楚 人 伐 隨

**ĐÔNG, SỞ NHÂN PHẠT TÙY**  
**MÙA ĐÔNG NGƯỜI SỞ PHẠT TÙY**

Tả - Tùỵ lòi cuốn chư hầu phía đông sông Hán để phan Sở. Mùa đông, Sở Đẩu Câu Ô Đồ cầm quân phạt Tùỵ, đánh lấy thành rồi về. Quân tử bàn: Tùỵ bị phạt là không biết lượng sức mình mà hành động. Được thua là do mình chứ có tại người đâu. Kinh Thi nói. Há có phải không biết ngày đêm, chỉ vì đường đi nhiều sương.

Phụ lục Tả Truyện - Tống Tương Công, muốn họp chư hầu. Tang Văn Trọng, nghe thấy có nói: Muốn theo người thì còn có thể được; muốn người theo ý mình thì khó mà nên việc.

Cốc - Tùỵ là nước Tùỵ.

Năm Nhâm Ngọ. Tương Vương năm thứ 13.

二 十 有 一 年

**NHỊ THẬP HỮU NHẤT NIÊN**  
**NĂM THỨ 21**

Tống Tương năm thứ 12. Tề Hiếu năm thứ 4. Tấn Huệ năm thứ 12. Vệ Văn năm thứ 21. Sái Trang năm thứ 7. Trịnh Văn năm thứ 34. Tào Cung năm thứ 14. Trần Mục năm thứ 9. Kỷ Thành năm thứ 16. Tần Mục năm thứ 21. Sở Thành năm thứ 33.

春 狄 侵 衛

**XUÂN ĐỊCH XÂM VỆ**  
**MÙA XUÂN, ĐỊCH XÂM VỆ**

Đỗ Dự - Vì việc nước Hinh.

宋人齊人楚人盟于鹿上  
**TỔNG NHÂN, TÊ NHÂN, SỞ NHÂN,**  
**MINH VU LỘC THƯỢNG**  
**NGƯỜI TỔNG, NGƯỜI TÊ, NGƯỜI SỞ THỂ**  
**Ở ĐẤT LỘC THƯỢNG (ĐẤT NƯỚC TỔNG)**

Tả - Mùa xuân, người Tống sửa soạn hội thể ở Lộc Thượng, mời Sở cùng chư hầu dự. Sở nhận lời, Công tử Mục Di nói: Minh nước nhỏ, tranh thủ thể là có họa. Tống mất đến nơi, may ra chỉ thua thôi.

夏大旱  
**HẠ ĐẠI HẠN**  
**MÙA HẠ, ĐẠI HẠN**

Tả - Công muốn lễ đảo vũ, theo tục đốt người. Tang Văn Trọng nói: Thế đâu phải là phòng bị đại hạn. Xin sửa thành quách, bớt ăn mặc, khuyến việc nông công, đó mới là phòng bị. Nếu đốt người thì có được gì không. Trời mà muốn giết thì chỉ cần không cho sống. Nay đốt người chỉ thêm hại người thôi. Công nghe theo. Năm ấy tuy mất mùa mà không hại.

**Công** - Chép đây là chép một việc lạ.

**Cốc** - Hạn đây là đúng mùa.

**Xét** - Cốc Lương báo hạn đây đúng mùa. Dương Thị nghe theo, báo hạn là theo đúng lịch. Báo thế là sai. Có phải đâu là việc trong một tháng mà nói thế. Kinh mà chép mùa hạ đại hạn, cứ theo thời đại hạn mà chép, há có cần chép từ bao giờ đến bao giờ, giả sử hạn vào khoảng giữa hai mùa, hoặc một mùa nào mà vẫn còn, thì thánh nhân phải chép thế nào.

秋 宋 公 楚 子 陳 侯 蔡 侯 鄭 伯 許 男 曹 伯  
會 于 孟 執 宋 公 以 伐 宋

**THU, TỔNG CÔNG, SỞ TỬ, TRẦN HẦU, SÁI HẦU,  
TRỊNH BÁ, HỨA NAM, TÀO BÁ, HỘI VU  
CHẤP TỔNG CÔNG, Đİ PHẠT TỔNG**

**MÙA THU, TỔNG CÔNG, SỞ TỬ, TRẦN HẦU, SÁI HẦU,  
TRỊNH BÁ HỨA, NAM TÀO BÁ, HỘI TẠI VU,  
BẮT TỔNG CÔNG ĐỂ PHẠT TỔNG**

Công Thị viết chữ 孟 ra chữ 霍. Cốc Thị viết ra chữ 季 hoặc 為

Sơ nay mới chép là Tử. Vu là đất Tống.

Tả - Mùa thu chư hầu dự hội Tống Công ở đất Vu. Tử Ngự nói: Việc này sinh họa chẳng. Công tham muốn nhiều quá, ại chịu nổi. Thế là Sở bắt Tống Công để phạt Tống.

Công - Ai bắt. Sở Tử bắt. Sao không chép là Sở Tử bắt. Là không muốn nói rõ người rợ bắt người Trung Quốc.

Cốc - Chữ đi là dễ (để phạt Tống) là chữ nặng, quan trọng.

Hồ Truyện - Bắt Tống Công chính là Sở Tử. Sao không chép là Sở Tử bắt. Là muốn chia cái tội cho tất cả chư hầu có mặt tại hội, khoan tay mà nghe không ai dám trái. Còn gì là dùng về nghĩa. Vậy kể tên Sở Tử lên trên mọi chư hầu Trần, Sái, mà cùng bắt Tống.

Xét - Sở tuy mạnh, có mạnh hơn Tần không. Năm nước họp lại, dầu có yếu hơn Triệu, thế mà ở hội Mân Trì, Lạn Tương Như, ý khí hùng mạnh, uy tín phục được địch quốc. Tần tuy là một nước dữ như hổ lang mà không dám dụng chạm đến. Thế mà ở đây, năm vua, năm nước không được đặc chí với rợ Kinh Sở. Tống thì ung dung đi xe tới hội. Sở thì sai phục binh xa để bắt. Tống thắng mà Sở cong, ý nghĩa rõ ràng. Dù đến kẻ thất phu cũng biết thế, huống là vua một nước. Thường, Xuân Thu vẫn vì người hiền mà kiêng tránh. Thế mà đây Tống Công bị bắt, thì không được che dầy bớt đi vì sao. Vì mình chủ là

một vị có chức vụ lập hợp các chư hầu, kim hàm Kinh Sở. tôn vương thất. Tống Công, muốn nổi sự nghiệp oanh liệt của Tề Hoàn, mà lại cùng Sở hội thề, há có phải đúng nghĩa tôn Vương thất đâu. Cho nên ở hội Lộc Thượng thì chép là Tống Nhân, mà ở hội Vu thì chép thắng việc, không xén bớt, kiêng tránh, sợ đi là để chê trách cho rõ.

**Triệu Khuông** - Vốn là Sở bắt mà lại nói là chư hầu bắt, là chê các chư hầu. Thân làm vua. Bình mã nhiều, sức đâu có thiếu. Thế mà ngồi yên, coi Sở bắt vị mình chủ, cho nên chê trách Tống Công, đức không đủ, nghĩ không xa, đi họp chư hầu đến nổi bị nan, cho nên phai kết tội.

**Thẩm Nhược Thủy** - Tống Công là kẻ bất trí, Sở Tử là kẻ bất nghĩa. Năm vua trước là kẻ bất dung. Tất cả đều đáng chê.

**Xét** - Sở bắt Tống Công, không chép là Sở Tử. Triệu Khuông cho là chê chư hầu. Hồ Truệ nhân ý ấy, nên đổi với lời Công Dương thì có hơn. Tống Công bị bắt, năm nước ngồi nhìn không cứu. Cho nên Xuân Thu dùng lời văn là cả lũ cùng bắt, Nhược bằng Sở dùng lối uy hiếp, lối dối trá để tới nghiệp bá, chẳng chê thì cùng đã thấy rõ.

## 冬 公 伐 邾

### ĐÔNG, CÔNG PHẠT CHÂU

### MÙA ĐÔNG CÔNG PHẠT CHÂU

**Tả** - Các nước Nhâm, Xúc, Tu Câu, Chuyên Húc, vốn họ Phong, dòng dõi Thái Hạo, cùng Hữu Tế, vốn phục tòng Trung Quốc. Người Châu diệt Tu Câu, Tu Câu Tử chạy trốn tới Lỗ, là nhờ Thành Phong. Thành Phong nói với Công (Lỗ Công): Tôn việc tế tự thần minh giúp đỡ cô quả, nhờ yếu, đó là Chu lễ. Man Di quấy loạn Trung Quốc là Chu họa. Ví như Phong giúp Tu Câu, thế là tôn tế tự thần minh (Thái Hạo, Tế) mà trừ họa vậy. Thành Phong phụ nhân nước Lỗ, con gái nước Tu Câu. Nhâm ở huyện Nhâm Thành. Tu Câu ở tây bắc huyện Tu Sương xứ Đông Bình. Chuyên Húc ở đông bắc huyện Vũ Dương, xứ Thái Sơn nam.

楚人使宜申來獻捷

## SỞ NHÂN SỬ NGHI THÂN LAI HIẾN TIỆP

NGƯỜI SỞ SAI NGHI THÂN TỚI HIẾN ĐỒ LẤY ĐƯỢC CỦA ĐỊCH

Công - Đó là Sở Tử. Sao gọi là người Sở. Là chê. Vì bắt Tống Công. Tống Công cùng Sở Tử hẹn nhau đi xe đến hội. Công Tử Mục Di can: Sở là nước Di Dịch, mạnh mà bất nghĩa, xin nhà vua đi hội mà cứ dùng binh xa. Vua nói không nên, ta đã hẹn cùng với vua Sở đi xe tới hội. Mình đã hẹn mà mình lại trái trước thì không nên. Thế là đi xe tới hội. Người Sở quả nhiên phục binh bắt Tống Công để phạt Tống. Tống Công bảo Công tử Mục Di rằng: Người về đi, giữ lấy nước, nước là nước của người. Ta không nghe lời người mà đến nỗi này. Công tử Mục Di tâu: Nhà vua dù không nói chữ nước, tôi cũng biết, tôi là người Tống. Thế là về, xếp đặt quân đội để giữ nước. Người Sở bảo người Tống rằng: Các người không đem nước cho ta, thì ta giết vua các người. Người Tống sai đáp: Ta chỉ nghĩ đến thân linh, xà tặc, nước ta đã có vua rồi. Người Sở biết dù có giết Tống Công cũng chưa lấy được nước Tống. Thế là thả Tống Công ra. Tống Công được thả mới chạy sang Vệ. Công tử Mục Di lại nói: Nước là của nhà vua phải coi, tại sao nhà vua lại không về. Sau đó cho đi đến Tương Công về.

Của lấy được là lấy ở Tống, sao không nói rõ hẳn thế. Vì kiêng tránh cho Tương Công. Còn chữ Ngừ sao không chép. Là kiêng tránh cho Công tử Mục Di.

Cốc - Quân khi lấy được của địch tức là của Tống. Không chép rõ là không muốn cho Sở lấy của Tống.

十有二月癸丑公會諸侯盟于簿釋宋公

**THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT QUÝ SỬ, CÔNG HỘI CHU HẦU, MINH VU BẠC, THÍCH TỐNG CÔNG**

**THÁNG 12, NGÀY QUÝ SỬ, CÔNG HỘI CHƯ HẦU  
THẾ Ở ĐẤT BẠC, THẢ TỐNG CÔNG**

Bạc, đất nước Tống.

**Tả** - Mùa đông, hội ở Bạc để thả. Tử Ngư (Công tử Mục Di) nói: Hoa chưa hết, chưa đủ răn vua.

**Công** - Đã bắt chưa hề nói thả. Đây sao nói thả. Là vì Công (vua Lô) xin cho. Cách nào, là hội chư hầu rồi cùng bàn.

**Cốc** - Trong hội, nước ngoài làm chủ. Nước ngoài không chép việc thả. Đây chép là vì có Công dự, và thể rõ việc. Không chép Sở vì không cho Sở được chuyên quyền thả.

**Xét** - Vua chư hầu bị bắt, mà chưa mất nước, thì khi về nước là chép cả tên. Chép rằng: Mỗ Hầu là tên Giáp về nước Mỗ. Ở đây không biên tên, mà lại cứ biên là được thả, bọn tiên nho chưa hiểu rõ nghĩa. Duy có Tô Triệt nói: Chép là về nước Mỗ mà chép tên là tự mình chép tên, chép rằng thả Tống Công mà lại chép cả tên là chư hầu gọi tên ra. Cùng là chư hầu cả, mà có thể gọi tên nhau ra hay sao, thuyết đó vu vơ lắm. Xét chư hầu khi sống không gọi tên, dù bị bắt rồi được về há có xưng tên để cáo với các vua chư hầu khác hay sao. Cho rằng chư hầu có tha cho chư hầu cùng vị tất lấy tên chư hầu bị bắt mà báo cáo cho đồng vị. Thế thì Tống Công được thả mà không gọi tên là tại sao. Đáp: Tào, Vệ, Trịnh bị mình chủ bắt, cho nên khi gọi tên ra. Tống Công bị rợ Kinh Sở bắt cho nên khi được thả không gọi tên ra. Đây có phải là nghĩa ý Kinh Xuân Thu chăng.

Năm Quý Mùi. Năm Tương Vương thứ 14.

二十有二年

**NHỊ THẬP HỮU NHỊ NIÊN**

**NĂM THỨ 22**

Tống Tương năm thứ 13. Tề Hiếu năm thứ 5. Tấn Huệ năm thứ 13. Vệ Văn năm thứ 22. Sái Trang năm thứ 8. Trịnh Trang năm thứ 35. Tào Cung năm thứ 15. Trần Mục năm thứ 10. Kỷ Thành năm thứ 17. Tấn Mục năm thứ 22. Sở Thành năm thứ 34.

春 公 伐 鄆 取 須 句

**XUÂN, CÔNG PHẠT CHÂU THỦ TU CÂU**  
**MÙA XUÂN, CÔNG PHẠT LẤY TU CÂU CÔNG THỊ**  
**VIẾT CHỮ 句 RA CHỮ 胸**

**Tả** - Phạt Châu lấy Tu Câu. Cho vua trở về nước. Thế là có lễ.

**Hồ Truyền** - Xét Tả Thị nói Tu Câu là họ Phong dòng dõi Thái Hạo và Hữu Tế. Người Châu diệt Tu Câu, Tu Câu Tử chạy trốn sang Lỗ, nhờ Thành Phong. Công phạt Châu lấy Tu Câu mà cho Tu Câu Tử về. Xét như thế thì được đúng lễ, là tôn sùng tế tự và giúp đỡ kẻ yếu đuối. Thế thì sao lại chép là lấy (lấy Tu Câu). Không xin mệnh Thiên Tử, chỉ chuyên vì gia đình của mẹ mà báo oán, động đến can qua trong nước, tự chuyên lấy nước người, cho vua về. Thế là lấy loạn thay loạn, đâu có phải là lễ, có khác gì việc chiếm đoạt không.

**Xét** - Tu Câu bị Châu diệt. Công phạt Châu mà cho vua trở lại. Lưu Sướng bàn rằng văn Xuân Thu không rõ. Rồi nghị Tả Thị nói vu vợ. Triệu Bàng Phi, Lý Liêm, Uông Khắc Khoan đều theo ý ấy, như là có lý. Tuy nhiên, về sử liệu, thì phải căn cứ vào Tả Thị, Hồ Truyền bàn rằng, không tâu xin mệnh Thiên Tử và tự chuyên báo oán cho nhà mẹ ý nghĩa thì thấy chính đáng, cho nên các lời đều ghi cả.

夏 宋 公 衛 侯 許 男 滕 子 伐 鄭  
**HẠ TỐNG, CÔNG, VỆ HẦU, HỨA NAM,**  
**ĐĂNG TỬ PHẠT TRỊNH**  
**MÙA HẠ, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, HỨA NAM,**  
**ĐĂNG TỬ PHẠT TRỊNH**

**Tả** - Tháng ba, Trịnh Bá sang Sở, mùa hạ Tống Công phạt Trịnh. Từ Ngư nói: Họa rồi ở đó mà ra.

**Phụ lục Tả Truyền** - Xưa Bình Vương rời Kinh đô về Đông.

Tân Hữu khi đi qua Y Xuyên, thấy một người ăn mặc lối rợ, đang tế ở ngoài đồng, nói rằng: Không quá trăm năm, nơi này thành rợ Nhung Dịch, lễ nghi sẽ mất trước nhất. Mùa thu. Tân và Tấn thiên dân rợ Lục Hồn đến Y Xuyên.

Tấn Thế tử Ngũ, làm con tin ở Tân, sắp trốn về nước bảo vợ là Doanh Thị cùng về. Vợ đáp: Thế tử nước Tấn bị nhục ở nước Tân, muốn về là phải. Quả nhân đây sai thiệp hầu hạ Thế tử là muốn giữ Thế tử. Nay theo về là trái quân mệnh không dám theo nhưng cũng không dám mách. Ngũ trốn về.

Phú Thần nói với vua (Thiên Tử) rằng: xin Triệu Thái Thúc, Kinh Thi có nói, hòa hiệp với lân bang, Khổng hân nhân nói, đến anh em ta mà còn bất hòa, thì trách gì chư hầu bất mục. Thiên Tử bằng lòng. Vương Tử Đái tự Tề được về Kinh sư, là Thiên Tử triệu về.

Y Xuyên là đất nhà Chu tức là Y Thủy,

秋八月丁未及鄴人戰于升陘

## **THU BÁT NGUYỆT ĐÌNH MÙI, CẬP CHÂU NHÂN CHIẾN VU THĂNG HÌNH**

**MÙA THU, THÁNG 8, NGÀY ĐÌNH MÙI, CÙNG NGƯỜI CHÂU  
CHIẾN Ở ĐẤT THĂNG HÌNH**

Thăng Hình, đất nước Lỗ.

Tá - Người Châu vì có Tu Câu mới xuất sư. Công (Lỗ) khinh thường không phòng bị. Tang Văn Trọng nói: Nước, không kể lớn nhỏ khác nhau. Quân ta tuy đông, nếu không có phòng bị cũng không chắc được. Kinh Thi nói, năm năm nơm nớp như đi trên vực sâu, như giẫm trên ván mỏng, lại nói rằng, kinh đây, kinh đây, trời chỉ biết giúp kẻ biết tư lự suy xét, không riêng gì ai. Tiên Vương muốn làm sáng tỏ đức, không dám cho là việc dễ, không dám không sợ hướng hổ ta vốn là một nước nhỏ, xin đừng khinh thường nước Châu bé như con phong mai mà còn có nọc độc, hướng chỉ một nước. Vua Lỗ không nghe. Tháng tám, ngày Đình Mui, Công cùng quân Châu chiến ở Thăng Hình.

Quân ta tan vỡ. Người Châu bắt được mũ trụ của Công, nêu ở Ngự Môn.

**Cốc** - Sử trong nước tránh tiếng bị hại, chỉ nói việc còn có thể nói được, không dùng chữ Lỗ nhân vì ta bị hại.

冬十有一月己巳朔宋公及楚  
人戰于泓宋師敗績

**ĐÔNG, THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT, KỶ TỶ, SỐC,  
TỔNG CÔNG CẬP SỞ NHÂN CHIẾN VỤ  
HOÀNG TỔNG SỰ BẠI TÍCH**

**MÙA ĐÔNG, THÁNG 11, NGÀY KỶ TỶ, SỐC,  
TỔNG CÔNG CÙNG NGƯỜI SỞ CHIẾN  
Ở ĐẤT HOÀNG, QUÂN TỔNG TAN VỠ**

Tả - Người Sở phạt Tống để cứu Trịnh, Tống Công sắp chiến. Đại Tư Mã là Cố có can: Trời bỏ nước Thương ta, (Tống dòng dõi nhà Thương Ân, bị Chu diệt) đã lâu. Nhà vua muốn hưng khởi thì xin về ngay, thì Sở cũng tự rút lui. Vua không nghe can. Mùa đông tháng mười một, ngày Kỷ Ty, Sốc, Tống Công cùng người Sở chiến tại sông Hoàng. Người Tống bày xong hàng trận. Người Sở chưa qua sông xong. Tư Mã nói: Dịch đông ta ít, họ chưa qua hết, ta đánh ngay. Công nói: không được. Sở qua sông xong, chưa bày thành hàng trận, Tư Mã lại xin đánh. Công nói chưa được. Sở bày trận xong hai bên đánh nhau. Quân Tống tan vỡ. Công bị thương ở đùi, các quan tá hữu chết nhiều, người trong nước đều oán trách Công. Công nói: người quân tử không đánh kẻ đã bị thương. Ở trận không bắt giữ kẻ già có tuổi. Phép hành quân không hãm địch vào thế trở ải (như địch dương qua sông). Quả nhân tuy là kẻ vong quốc, nhưng không có đánh kẻ chưa bày dàn trận xong. Tử Ngư nói: Nhà vua chưa biết chiến. Chưa bày trận xong là trời giúp ta, chưa qua sông xong là bị thế trở, ta sao lại không đánh được, đó là phép đối với kinh dịch. Nay đã là kinh dịch thì đối với ta đều là giặc. Dù có kẻ già nua bắt được là cứ bắt, cần gì tránh tha. Xét việc binh, cách

tập trận, khác cách đánh giặc. Đánh cho bị thương nhưng chưa chết thì sao lại thôi đánh nữa, thế thì thà dùng có đánh. Thương người hai thứ tóc, thế thì thà nuôi giúp người ta. Việc quân cốt lợi cho quân mình là được. Khuya chuông trống, thúc đánh là để cho khí mạnh, có lợi thì cứ dùng, mặc cho địch có ở thế hiểm nghèo. Khi mạnh, việc thành, thì cứ thúc quân đánh, dù quân địch chưa dàn trận, chưa tể chinh.

**Phụ lục Tả Truyện** - Ngày Bình Tý, buổi sớm Trịnh Văn phu nhân. Vu Thị Khương Thị, tới yết kiến Sở Tử tại đất Kha Trạch. Sở Tử sai chia các đồ bắt được của địch. Quân tử bàn: Thế là phi lễ. Đàn bà đưa hay đón không ra khỏi cửa, tiếp anh em không qua ngưỡng cửa, không tới gần nơi quân đội. Ngày Đinh Sửu, Sở Tử tới hưởng tiệc mừng ở Trịnh. Lễ cử hiến. Trần Thiết Y như đón tiếp Thiên tử, đồ dùng toàn lấy đồ thờ tự. Tiệc xong Sở Tử đi ra. Văn Vu tiễn đến quân trung. Sở Tử đem hai con gái Văn Vu về Sở. Trịnh Thúc Thiêm bàn: Sở Vương tất bất đắc kỳ tử, lễ mà không có biệt thì không còn gọi là lễ, thế thì chết thương sao được. Vì những việc ấy, chư hầu đoán biết Sở không thành nghiệp bá được. Kha Trạch là đất Trịnh. Công - Hai bên hẹn nhau dàn trận đánh nhau, thường có chép ngày. Đây lại chép là ngày sóc. Lời Xuân Thu "trời" mà không "giết", là theo lễ chính. Tống Công cùng người Sở chiến tại phía đông sông Hoàng. Người Sở qua sông mà sang. Tống Tư Mã xin nhân lúc quân Sở đang sang sông, đánh ngay thì Tống Công nói: Không nên, ta tuy là kẻ đã bị vong quốc, nhưng bất nhân làm thế. Sở đã qua sông, nhưng chưa bày xong trận. Tư Mã lại xin đánh ngay lúc còn lộn xộn. Tống Công nói: Không nên. Người quân tử không thúc trống đánh kẻ địch chưa dàn trận xong. Khi Sở dàn bày xong, Tương Công thúc trống. Quân Tống thua to. Cho nên người quân tử khen việc không thúc đánh, khi địch chưa dàn trận xong, thế là tới đại sự mà không quên đại lễ. Có vua mà không có tôi. Dù Văn Vương có chiến cũng thế thôi.

**Cốc** - Việc gặp ngày sóc thì chép ngày sóc. Kinh Xuân Thu có 34 cuộc chiến. Về việc chép, chưa có tôn kẻ trên bị kẻ dưới đánh bại. Chưa có dùng chữ sư (quân) cho kẻ bị người (nhân) đánh bại. Nếu tôn bị ti bại, sư bị nhân bại, là khoe cho bên

dịch. Ở đây Tống Tương Công thì chép là Tống sư, bị Sở nhân bại, mà vẫn không chép khoe dịch là vì sao. là chỉ chê trách Tống Công Tống phạt Tề đương lúc Tề có tang. Tống bắt Đằng Tử, vây nước Hào, rồi lập hội ở đất Vu, không nghĩ đến sức mình chưa đủ, lại đi triệu tập Sở Thành Vương. Thành Vương giận mới bắt Tống Công. Vậy đúng là: Lễ người mà không đáp thì thành bất kính, yêu người mà không thân thì thành trái nhân, trị người mà không biết trị, thì thành không trị, lỗi mà không đổi thì thành ra lỗi. Đó là tư cách Tương Công. Người xưa mặc áo giáp, đội mũ trụ, không phải là làm cho nước hưng thịnh, chỉ trừ khi phải cần chinh phạt kẻ vô đạo thôi, đâu có dùng quân đi đánh để rửa nhục, để báo thù. Tống Công cùng người Sở chiến ở trên sông Hoàng. Tư Mã Tử Phán có nói: Sở nhiều, ta ít, đánh ngay lúc Sở đang sang sông thì tất được, Tống Công nói: Không dồn người ta vào chỗ hiểm ách để đánh, đợi sang sông đã. Khi Sở đã sang sông xong, tình kỳ hàng ngũ còn rối loạn. Tử Phán lại xin: Sở nhiều, ta ít, đánh ngay tất được. Tương Công lại nói: Không thúc trống đánh khi chưa bày trận. Đến khi Sở bày trận xong Tống mới đánh. Thế là quân Tống thua. Vua Tống bị thương, đến tháng bảy thì chết. Phán thì đánh, gặp giặc thì chiến, ít quân thì giữ thế thủ. Người mà sở dĩ gọi là người, là vì có lời nói (can). Người mà không biết nói thì sao lại gọi là người. Lời nói sở dĩ được là lời nói, là có tín. Nói mà không tín thì sao gọi là đạo. Đạo mà được quý là nhờ thời. Còn hành đạo là nhờ thế.

**Lưu Suồng** - Công Dương bàn, dù cho Văn Vương có chiến cũng không hơn thế. Công Dương bàn bày. Văn Vương đâu có dung dị. Luận đến cái tiết giữ điều tín mà quên dân là gốc thì tàn hại dân, so sánh với Văn Vương thế là không hiểu đạo thánh nhân một chút nào cả. Còn Cốc Lương thì nói: Ba mươi tư cuộc chiến trong kinh Xuân Thu, chưa thấy có: tôn bị ty bại; sư bị nhân bại, Cốc Lương nói thế cũng sai. Xét Tống Công mà lấy "sư" bị nhân bại, Kinh Xuân Thu cứ thực sự chép đâu có phải là bao hay biếm, chê hay khen. Năm nay cùng người Châu chiến tại đất Thăng Hình, Cốc Lương bảo không chép chữ "cùng", là sử Lỗ kiêng tránh, đó là chỉ vào Lỗ Công. Công thì "tôn" mà

nhân thì ty, vậy thế nào là tôn bị ty bại. Lại nói: Lấy tôn bị ty bại: sư bị nhân bại, tức là khoe cho địch, thì sao Tương Công sư bị nhân bại, mà không khoe cho địch. Thế là trách Tương Công. Tôi không biết ở trong Kinh Xuân Thu, thế nào là khoe cho địch, thế nào là biếm chê, nếu khen hay chê, thì Văn Kinh phải chép như thế nào. Nay về việc Tống Công, Cốc Lương cho rằng không khoe cho địch, đọc Kinh Xuân Thu, lấy gì mà xét nghiệm.

Lại nói: Đạo mà quý là nhờ thời. Hành đạo là nhờ thế. Tựa như là trách Tống Công không sớm đánh Sở. Lúc Sở đang lộn xộn lúng túng, để mất cơ hội. Bàn thế là mâu thuẫn. Cứ như Tống Công dụng tâm, không đánh lúc giặc chưa dàn xong trận, thì thực đường đường là người có đức trung hậu. Dù quân bị thua, nước bị xén, nhưng không xấu hổ. Xuân Thu đâu có chê là sao không biết đối dá trí trá để được thắng trận. Về việc chiến ở sông Hoàng, Công Dương cho là khen. Cốc Lương cho là chê, nói là chê thì sai rồi, nói là khen thì chưa có gì định được.

Năm Giáp Thân, Tương Vương năm thứ 15.

二十三年

**NHỊ THẬP HỮU TAM NIÊN**

**NĂM THỨ 23**

Tống Tương năm thứ 14. Tề Hiếu năm thứ 6. Tấn Huệ năm thứ 14. Vệ Văn năm thứ 23. Sái Trang năm thứ 9. Trịnh Văn năm thứ 36. Tào Cung năm thứ 16. Trần Mục năm thứ 11. Kỷ Thành năm thứ 18. Tần Mục năm thứ 23. Sở Thành năm thứ 35.

春齊侯伐宋圍繆

**XUÂN, TỀ HẦU PHẠT TỐNG, VI MÂN**

**MÙA XUÂN, TỀ HẦU PHẠT TỐNG, VÂY MÂN**

Mán áp nước Tống. Công Thị viết là 閔

Tà - Đánh vì không dự hội thề ở Tề.

Công - Ấp không chép là vây. Đây chép là vây là ghét cái cứ đánh.

Cốc - Đánh nước không chép vây ấp, đây chép vây là không cho cái việc lấy ác báo ác là chính đáng.

夏五月庚寅宋公茲斧卒

**HẠ, NGŨ NGUYỆT, CANH DẦN,**

**TỔNG CÔNG TƯ PHỦ TỐT**

**MÙA HẠ, THÁNG NĂM, NGÀY CANH DẦN,**

**TỔNG CÔNG TƯ PHỦ MẤT**

Tà - Mùa hạ tháng năm. Tổng Tương Công mất vì bị thương ở Hoàng.

Công - Sao không chép táng, vì kiêng tránh.

Cốc - Sao không táng Vì đã thất dân, vì không dạy dân chiến, tức là làm hại quân đội. Làm vua mà mất quân đội thì dân biết lấy ai làm vua.

Lưu Sưởng - Cốc Lương bàn rằng không có chép táng, vì đã mất dân, không dạy dân chiến, thế là hại quân đội. Bàn thế là sai. Tổng Công đã bắt nhân dân vào thế hiểm ách, cho nên Tổng Công thua. Thế thì đâu có phải là không dạy dân chiến. Xét như lời bàn Cốc Lương việc bại ở Hoàng, sao không chép Tổng hại quân đội. Thời Chu Mạt, chư hầu tranh nhau, giữ tín thì cho là xấu, mà chỉ thích lập kỳ công. Vì thế, Cốc Lương cho Tổng Công là trái.

秋楚人伐陳

**THU SỞ NHÂN PHẠT TRẦN**

**MÙA THU, NGƯỜI SỞ PHẠT TRẦN**

Ta - Mùa thu. Sở Thành Dắc Thần cầm quân phạt Trần nhĩ tâm, kết liên với Tống. Rồi chiếm ấp Tiều áp Di, đắp thành

nước Đốn rồi đem quân về. Tử Văn xét công xin cho làm Lệnh Doãn. Thúc Bá nói: Ngài cho việc nước thế nào? Đáp: Tôi muốn được yên trị. Xét có công to mà không có chức quan cao thì mấy ai làm cho nước yên trị được. Tiêu ấp nước Trần, ở huyện Tiêu. Di ấp nước Trần, huyện Thành Phú, quận Tiêu, Đốn là một nước, ở huyện Đốn, Nhữ Âm nam.

**Phụ lục Tả Truyện** - Tháng chín, Tấn Huệ Công mất. Hoài Công ra lệnh: Không được tòng vong, tới kỳ hạn, hết một năm mà không có ở trong nước thì không được tha tội chết. Con của Hồ Đột là Mao và Yến tòng vong theo Trùng Nhĩ ở nước Tấn. Hồ Đột không gọi về. Mùa đông Hoài Công bắt Hồ Đột báo, nếu con về thì người được tha. Đáp: Con mà làm quan được thì cha dạy cho biết trung, đó là theo phép cũ. Đã theo làm tội mà nhệ tâm là có tội. Con của thần nay đã làm tội Trùng Nhĩ lâu năm rồi. Nay thần triệu về, dạy cho nhệ tâm thì sao biết thờ vua nữa. Vua mà sáng thì hình không lạm dụng. Nguyên vọng thần có thể thôi. Nếu cứ dùng hình để cho thỏa thích, thì ai là người vô tội. Thần tùy theo mệnh. Hoài Công giết Hồ Đột. Bốc Yến cáo bệnh không ra khỏi cửa nói: Chu Thư có chép, phải cho rõ sự việc. Minh mà không sáng, chỉ giết người cho thỏa ý muốn, thật là khó. Dân không thấy đức, chỉ thấy giết, liệu có sống được không.

冬 十 有 一 月 杞 子 卒

**ĐÔNG THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT. KỶ TỬ TỐT**

**MÙA ĐÔNG THÁNG 11, KỶ TỬ MẤT**

**Tả** - Kỷ Thành Công mất. Chép là tước Tử. Kỷ vốn là rợ. Không chép tên là vì chưa đồng minh, Phàm chư hầu đồng minh, chết có cáo phó. Phó có tên thì chép tên, không thì thôi. Lỗi ở chỗ không cẩn thận.

**Phụ lục Tả Truyện** - Tấn Công tử Trùng Nhĩ gặp quốc nạn. Quân nhà vua đến ấp Bồ, Dân Bồ định ra đánh. Công tử không cho, nói: Như mệnh vua được hưởng lộc ấp Bồ. Nay lấy người Bồ ra chống cự thì còn tội nào tc bằng. Thôi ta chạy. Thế

là chạy sang nước Dịch. Đi theo, có Hồ Yến. Điền Hiệt, Triệu Thôi, Ngụy Vũ Tử, Tư Không Quý Tử. Người dịch đánh rợ Tương Cao Như, bắt được hai người con gái là Thúc Ngỗi, Quý Ngỗi, nộp cho công tử. Công tử lấy Quý Ngỗi làm vợ sinh ra Bá Điều và Thúc Lưu, và gả Thúc Ngỗi cho Triệu Thôi. Khi sắp đi sang Tề, bảo Quý Ngỗi rằng: Đợi tôi 25 năm nữa. Nếu không thấy về hãy đi lấy chồng. Vợ nói: Tôi 25 tuổi. Đến ngày ấy, thì tôi đã nằm trong sáu tấm ván rồi. Thôi cứ chờ. Tỉnh ra ở đất Dịch mười hai năm thì Công Tử đi qua nước Vệ. Vua Vệ khinh thường không lấy lễ đối đãi. Bỏ đi qua Ngũ Lộc, đói, xin ăn bọn nhà quê. Bọn ấy đùa, đưa cho cục đất. Công tử giận định đánh, thì Tư Phạm can rằng: Đó là điềm trời cho ta đất, xin nhận. Công tử cúi lấy tạ. Đến Tề, được Tề, Hoàn Công gả con cho, tặng cho xe ngựa 20 cỗ. Công tử định yên tâm ở lại, tùy tùng không chịu, bàn với nhau việc đi. Khi bàn kín trong ruộng dâu, có người ti thiếp nghe được, mách với Khương Thị. Khương Thị giết ngay người thiếp, rồi bảo Công tử: Chàng chỉ ở bốn phương người nghe trộm, thiếp đã giết đi, để khỏi lộ việc. Công tử nói: Không có chuyện đi đâu. Khương Thị nói, đi là phải. Quyển luyến, yên thân hại cho công danh. Công tử không nghe, Khương Thị bàn với lũ Tư Phạm, cho Công tử uống rượu say rồi mang đi. Khi tỉnh. Công tử giận quá, cầm kích định đánh Tư Phạm. Đi đến nước Tào. Tào Cung Công nghe nói Công tử có xương sườn liền dính nhau là một tướng lạ, muốn xem lúc cởi trần, nhân khi tắm xem trộm. Vợ Hi Phụ Cơ, đại phu nước Tào bảo chồng rằng: Tôi được thấy bọn theo hầu Công tử toàn là hạng người làm tướng quốc được, sẽ giúp Công tử về Tấn. Sau này sẽ đắc chí với chư hầu. Khi đắc chí thế tất trừng phạt kẻ vô lễ. Nước Tào ta sẽ bị đầu tiên. Vậy ta nên đi lại trước cho tử tế. Rồi soạn mâm cơm để thêm đôi ngọc bích đem tiến, Công tử nhận cơm rượu trả lại ngọc bích. Qua nước Tống, vua Tống tặng cho 20 cỗ xe. Qua nước Trịnh, vua Trịnh không tiếp. Đại phu là Thúc Thiêm nói: Thần nghe, khi trời đã giúp người thì không làm gì được. Tấn Công tử có ba điều hay, hoặc là trời sẽ giúp chàng, vua nên lấy lễ đối đãi, trai gái đồng tông lấy nhau không ra gì. Mẹ công tử cũng họ Cơ, mà Công tử còn được đến ngày nay, đó là một điều

hay. Từ khi đi bôn ba khỏi nước, trong nước cứ loạn như chờ đợi, đó là hai điều hay. Được ba người hiền theo, đủ để hơn người, đó là ba điều hay. Tấn Trịnh hai nước cùng hàng, dân đi lại với nhau còn phải lễ độ, huống chi là người mà trời đã chọn. Vua không nghe. Trùng Nhĩ qua ở nước Sở. trong một bữa tiệc, vua Sở hỏi: Công tử mà về nước được thì lấy gì báo tôi. Đáp. Người đẹp, vàng bạc, châu báu, nhà vua không thiếu. Các vật quý như da dê, ngà voi, lông trĩ, chính đất quý quốc sản ra. Tấn có được vật gì, chẳng qua là các vật thừa của Sở. Tôi biết lấy gì biểu. Hỏi. Tuy nhiên, Công tử định báo đáp thế nào. Đáp: Nếu nhờ ơn nhà vua, tôi được về Tấn, thì lỡ ra, Sở, Tấn có việc giao binh giữa chiến trường, tôi xin nhường ba xá. Sau khi ấy, nếu nhà vua cứ cố gắng, thì tôi xin tay cung tên, tay đao kiếm, đối với nhà vua làm tròn phận sự. Quan nước Sở là Tử Ngọc muốn giết. Vua Sở bảo: Tấn Công tử quảng mà kiếm, văn mà lễ, người theo hầu cung kính mà khoan hòa, trung trực mà có tài năng. Nay vua Tấn, không có thân thuộc, trong ngoài đều ghét. Ta có nghe nói họ Cơ là dòng dõi Đường thị, nay đã suy yếu. Làm cho Tấn hưng thịnh được. Cờng Công tử này chẳng. Trời đã muốn hưng, thì người ai phế được. Trái trời tất là mang họa. Mới tiền Trùng Nhĩ sang Tấn. Tấn Mục Công gả cho năm người, trong đó có nàng Hoài Doanh, Công tử sai bưng nước rửa mặt, rửa tay. Hoài Doanh hắt nước giận, nói: Tấn vội Tấn ngang nhau, sao khinh nhau quá thế. Công tử sợ, thay đồ áo mặc xấu xí, tạ tội. Một ngày khác, vua Tấn mở tiệc mời. Tử Phạm nói: Về giao thiệp lịch sự, tôi vụng hơn Triệu Thôi, xin để Thôi đi theo. Trong tiệc Công tử đọc bài Hà Thủy. Vua Tấn đọc lại bài Lục Nguyệt. Triệu Thôi nói: Trùng Nhĩ xin bái tạ. Công tử vội xuống thêm rạp đầu lay tạ. Vua Tấn cũng bước xuống từ tốn. Triệu Thôi nói: Nhà vua lấy việc giúp Thiên Tử mong cho Trùng Nhĩ, Trùng Nhĩ đâu dám không lấy.

- Tương Cao Như là một giống rợ riêng trong loại Xích Địch.
- Ngũ Lộc là đất nước Vệ.

Năm Ất Dậu. Tương Vương năm thứ 16.

二十有四年  
**NHỊ THẬP HỮU TỬ NIÊN**  
**NĂM THỨ 24**

Tê Hiếu năm thứ 7. Tấn Huệ năm thứ 15. Vệ Văn năm thứ 24. Sái Trang năm thứ 10. Trịnh Văn năm thứ 37. Tào Cung năm thứ 17. Trần Mục năm thứ 12. Kỳ Hoàn Công Cô Dung năm đầu. Tống Thành Công Vương Thân năm đầu. Tấn Mục năm thứ 24. Sở Thành năm thứ 36.

春王正月  
**XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT**  
**MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG**

**Phụ lục Tả Truyện** - Mùa xuân, Vương, tháng giêng. Tấn Bá thu nạp Công tử Trùng Nhĩ, không thấy chép, cũng không chép cả lúc vào Tấn. Khi tới Hoàng Hà. Tử Phạm lấy ngọc bích giao lại cho Công tử và nói: Thần theo hầu xe ngựa, theo vua chu du thiên hạ, có nhiều tội, thần còn tự biết, hướng chi là vua. Xin ở đây từ biệt. Công tử nói: Nếu không dùng Cửu thị đồng tâm, thì xin thề như dòng nước này. Nói rồi ném ngọc bích xuống sông để thề. Qua sông Hoàng Hà, rồi vây trấn Linh Hồ, đến Cửu Thôi. Tháng hai, ngày Giáp Ngọ, Tống đóng quân ở Lư Liễu. Tấn Bá sai Công tử Chi sang quân Tấn. Quân Tấn lui về đất Tuấn. Ngày Tân Sửu Hồ Yển cùng các đại phu Tấn thề ở đất Tuấn. Ngày Nhâm Dần, Công tử sang quân Tấn. Ngày Bính Ngọ vào ấp Khúc Ốc. Ngày Đinh Mùi, thiết triều ở Vũ Cung. Ngày Mậu Thân, sai giết Hoài Công ở đất Cao Lương. Không chép cũng không cáo.

Là, Khước sợ tội, sắp đốt cung, để giết Tấn Hầu. Kẻ hầu là Bột Đề xin yết kiến. Công sai trách rằng. Khi ta ở Bồ vua sai mới có một đêm, người đã tới. Sau ta theo vua Dịch đi săn nơi Vị Tân, người vì Huệ Công lại tìm giết ta. Sai người hẹn ba ngày, ngày thứ hai, người đã tới. Tuy là quân mệnh, sao người vội thế, Mạnh áo người cắt ta còn giữ dây thoi. Thôi đi đi, ta

không cho yết kiến. Đáp: Thần vẫn cho là nhà vua nay về nước, thì đã biết rõ hết, thì ra nhà vua chưa biết gì cả rồi sẽ lại bị nạn. Đã là mệnh vua thì không có hai đường được, phép xưa vẫn thế, chỉ được biết điều phải trừ điều dở cho vua, làm cho hết sức. Việc đất Bồ đất Dịch, tôi đâu có cần biết đến. Nay vua lên ngôi, dẽ hết không còn việc Bồ, việc Dịch nữa hay sao. Tể Hoàn Công bỏ việc bắn vào đai, mà dùng Quán Trọng làm tướng, nếu không thì đâu đã có cơ nghiệp ấy. Loại người muốn bỏ ra đi, còn nhiều lắm, đâu chỉ có tôi. Công mới cho yết kiến. Để báo cáo mọi việc. Tháng ba, Tấn hầu mật hội với Tấn bá tại Vương Thành. Ngày Kỷ Sửu, hội, cung của Công phát hóa. Là Di Sanh. Khước Nhuế không bắt được Công, mới chạy ra Hà Thượng. Tấn Bá dụ tới giết đi. Tấn hầu đón phu nhân Doanh Thị về. Tấn Bá, lại tiến thêm 3000 người theo về Tấn để làm lính hộ vệ.

Xưa Tấn Hầu có đầy tớ là Đầu Tu, trông coi đồ đạc. Khi Tấn Hầu phải ra đi. Đầu Tu lấy hết của cải rồi trốn mất. Hết của phải đi ăn nhờ. Đến khi Tấn Hầu về nước. Đầu Tu xin yết kiến. Công đang gọi đầu, không tiếp. Đầu Tu bảo thị vệ rằng, khi gọi đầu thì đầu cúi xuống, cho nên tâm trí đảo ngược, vì thế, ta không được yết kiến. Người ở lại là vì xā tắc, người ra đi là đi hầu, chủ về xe ngựa. Đều là phải cả. Sao lại cho người ở lại là có tội. Vua một nước mà thù kẻ thất phu, bọn nghị sợ hãi còn đông lắm. Thị vệ tâu lại, vua cho yết kiến. Người Dịch đưa Quý Ngồi về Tấn cùng với hai con. Tấn Văn Công (Tấn Hầu Trùng Nhĩ) gả một người cho Triệu Thôi sinh ra ba con là: Nguyên Đồng, Bình Quát, Lâu Anh. Triệu Cơ (vợ mới Triệu Thôi) xin đón Thúc Ngồi, cùng con là Triệu Thuần. Triệu Thôi từ chối. Triệu Cơ nói, có mối quên cũ thì còn báo ai được. Cố xin. Triệu Thôi chịu. Rồi cho về. Triệu Cơ xin với vua cho Thuần làm con đích vì thấy Thuần có tài, ba con mình ở hàng dưới, còn mình cũng xin dưới Thúc Ngồi.

Tấn Hầu thưởng bọn tông vong đi theo trốn chạy ra nước ngoài. Riêng Giới Chi Thôi không kể công, thành ra không được tước lộc. Thôi nói: Hiến Công có chín con, còn sót lại một nhà vua. Các vua Huệ Công, Hoài Công không có thân thuộc, người

trong, người ngoài đều bỏ. Nhưng trời chưa bỏ Tấn, cần cho có chủ. Vậy chủ tôn miếu xã tắc, chả là nhà vua thì còn ai. Trời thực đã định, thế mà mấy gã nhận, cho là vì sức mình, thật là vu vơ quá. Lấy trộm của người còn mang tiếng là ăn trộm. Huống chi lại cướp công của trời bảo là công của mình. Dưới khoe công, trên thưởng công, trên dưới cùng che đậy gian dối, ở thế nào được với bọn ấy. Bà mẹ nói, hay là con đi xin thưởng, nếu không thì đến chết chả còn ai biết là oan ức. Đáp, đã ghét mà còn ủa theo tội lại nặng hơn. Và lại đã oán thì không nên nhận lộc. Mẹ hỏi, thế thì cho người ta biết có nên không. Đáp, thế là khoe cái hay của mình. Mình đã sắp đi ẩn, lại khoe cái hay. Thế là cầu mong hiển đạt. Mẹ nói: Con được đến thế ư. Vậy mẹ con ta cùng đi ẩn. Thế là cùng đi ẩn. Rồi chết. Tấn Hầu cho tìm không được. Mới lấy ruộng Miên Thượng để thờ Giới Chi Thôi mà nói rằng: Thế là để ghi lỗi ta, và cũng để tình biểu người hiền.

Lịnh Hồ, cách 15 dặm phía tây huyện Ý Thị Phủ Bình Dương, tỉnh Sơn Tây, nay còn có Lịnh Hồ Thành. Tang Tuyền, ở phía tây huyện Giải, tỉnh Hà Đông, Giao Lương ở tây nam huyện Dương xứ Bình Dương năm Hi Công thứ 9, và thứ 15, nói đến đó, Đỗ Thị chú thích có hơi khác, xét thực chỉ là một nơi. Miên Thượng ở phía nam huyện Giới Hưu, xứ Tây Hà, có đất tên là Miên Thượng.

## 夏狄伐鄭

### HẠ ĐỊCH PHẠT TRỊNH

### MÙA HẠ, ĐỊCH PHẠT TRỊNH

Tả - Trịnh đem quân vào đất Hoạt, Hoạt xin hòa. Quân Trịnh về, Hoạt lại giao thiệp với Vệ. Trịnh Công tử Sĩ Huệ, Đỗ Du Di cầm quân đánh Hoạt. Thiên Tử sai Bá Phục và Du Tôn Bá sang Trịnh giảng giải, xin cho Hoạt. Trịnh Bá vốn giận xưa Huệ Vương được Trịnh giúp cho về nước mà không phong thưởng cho Trịnh Lệ Công. Nay lại oán Tương Vương binh Vệ và Hoạt, không nghe mệnh vua, bắt giữ hai người. Vua giận, định lấy Địch phạt

Trịnh, Phú Thần can, không nên. Thần nghe trước hết, lấy đức phủ dụ dân, rồi sau gần với người thân thích để được giúp nhau. Xưa Châu Công buồn về việc Nhị Thúc không hòa hợp, cho nên phong và chia đất (phong, kiến) cho thân thích, cho như phen dầu của nhà Chu. Các nước Quản, Sái, Thành, Hoắc, Lỗ, Vệ, Mao, Đam, Cáo, Ung, Tào, Đằng, Mất, Nguyên, Phong, Tuấn, là dòng dõi vua Văn. Các nước Vu, Tấn, Ung, Hàn là dòng dõi vua Vũ. Các nước Tương, Mâu, Tộ, Thái là dòng dõi Chu Công. Thiệu Công Mục nghĩ đến đức của nhà Chu mới tụ tập tôn tộc tại đất Thành Chu làm thơ như sau: Hoa thường dễ, màu sắc lỏng lẻo, phạm người ngày nay, chẳng ai bằng anh em. Anh em đánh nhau khi có người ngoài tới gây chuyện thì lại kết hợp cùng nhau chống giữ. Như thế thì tuy anh em có điều lặt vặt không bằng lòng nhau, nhưng không bỏ tình thân. Nay Thiên Tử không nhìn được điều giận nhỏ nhà bó hàng thân là Trịnh thì còn ra sao. Dùng người có công, thân người thân, gần người gần, tôn người hiền, đó là đức lớn. Nghe người diếc, theo người lừa khen kẻ hung hãn, dùng kẻ ngu độn đó là gian lớn. Bỏ đức chuông gian, tức là họa lớn. Trịnh có công trong thời Bình, Huệ, lại thêm tình thân, thời Lê, Tuyên bỏ sủng thiếp mà dùng Tam Lương, đối với chư Cơ là gần, có đủ tứ đức. Tại không nhận thấy năm cung khác biệt gọi là diếc. Mất không phân biệt được năm sắc, gọi là lóa. Lòng không lấy đức nghĩa làm phép gọi là hung hãn (ngoan). Miệng không nói ra lời trung tín nghĩa là ngu độn (ngân). Địch đều có đủ, thế là đủ bốn gian. Chu mà còn nghĩ đến đức thì còn nói: Ai bằng được anh em, cho nên phong tước đất đai cho, mong cho trị yên thiên hạ. Thế mà còn sợ họa ở ngoài tới, muốn chống họa ấy, sao bằng thân với người thân, lấy họ hàng làm phen dầu cho nhà Chu. Thiệu Mục Công lại còn nói: Nay đức nhà Chu đã suy, thế mà lại còn biến đổi pháp chế Chu, Thiệu, theo dùng mọi thứ gian, hỏi có nên thế không? Dân chưa quên được họa mà vua lại muốn cho họa hưng khởi, thế thì đối với Văn Vương, Vũ Vương còn ra sao. Vua không nghe can, cứ sai Đồi Thúc, Đào Tử đem quân Địch đi đánh. Mùa hạ, Địch phạt Trịnh, lấy đất Lịch. Vua thích người Địch, muốn đến công định lấy gái Địch làm hậu. Phú Thần lại can. Không nên, thần nghe

báo ân thì chóng chán, mà thi ân thì biết thế nào cho đủ. Dịch vốn là giống tham lam, nhà vua lại như xúi giục thêm. Nữ sắc không biết đến đâu là cực. Phụ oán (đàn bà hờn giận) không biết đến đâu là cùng. Dịch sẽ là hậu hoạn. Vua lại không nghe can. Xưa Cam Chiêu Công, được mẹ là Huệ Hậu yêu quý, muốn lập lên ngôi. Việc chưa thành thì Huệ Hậu chết. Chiêu Công chạy trốn sang Tề. Vương cho về. Đã được về phục chức, lại thông với Ngỗi Hậu, vua bỏ Ngỗi Hậu. Đồi Thúc, Đào Tử nói: Ta vốn dùng Dịch. Dịch chắc oán ta. Mới phụng Thái Thúc (tức là Chiêu Công Vương Tử Đái) đem quân đội Dịch đánh vua. Quân tướng Chu định ra đánh thì vua bảo rằng: Tiên hậu sẽ coi ta ra sao. Thôi tha để cho chư hầu lo liệu, vua mới rời nước đến ở đất Khâm (một nước phụ dung). Người Khâm đón tiếp. Mùa thu, Đồi Thúc, Đào Tử, Phụng Thái Thúc lấy quân Dịch đánh Chu. Quân Chu thua to. Dịch bắt được Chu Công Kỳ Phú, Nguyên Bá, Mao Bá, Phú Thần. Vua lại chạy sang địa giới nước Trịnh ở trên đất Di. Thái Thúc đem Ngỗi Hậu cùng về ở ấp Ôn.

Quản là nước Quản tại đông bắc huyện Kinh xứ Vinh Dương, nhà Tùy sau có đặt huyện Quản Thành. Mao là ấp nước Tống. Ung là nước Ung ở huyện Sơn Dương xứ Hà Nội, tất cả là ở tây bắc huyện Trường An. Phong là nước Phong, ở phía đông huyện Vu xứ Thủy Bình. Ung là nước Ung phía tây huyện Thành Phủ xứ Tương Dương. Tường ở Huyện Kỳ Tư, xứ giặc Dương. Mao ở phía tây huyện Xương Ấp xứ Cao Bình còn làng Mao Hương. Tộ ở tây nam huyện Yến, xứ Đông Quận còn có Tộ Đình. Thiệu là Mục Công đất Phong. Cam là đất phong cho ăn lộc của Vương Tử Đái. Khâm là đất nhà Chu. Di tức là Nam Di nước Trịnh.

**Phụ lục Tả Truyện** - Em Trịnh Tử Hoa là Tử Tang, chạy trốn sang Tống chỉ thích thu nhặt lông chim duật (duật bạng) làm mũ đội. Trịnh Bá ghét, sai đạo tặc dụ, rồi thàng tám giết đi ở khoảng hai nước Trần, Tống. Người quân tử bàn: Ăn mặc lố lăng là cái họa cho thân mình. Kinh Thi có câu, gã kia y phục không xứng. Vậy y phục của Tử Tang là không xứng. Kinh Thi có câu, tự mang lấy phiền muộn. Chính là Tử Tang. Sách Hạ Thư có câu, đất bằng trời phẳng thế là xứng.

Tống với Sở hòa. Tống Thành Công sang Sở. Khi về vào nước Trịnh. Trịnh Bá thiết tiệc. Hối Hoàng Vũ Tử về nghi lễ. Đáp: Tống là dòng dõi các vua triều trước. Đối với Chu là khách. Thiên Tử có việc thì có cúng. Thiên Tử có tang thì có lễ. Đón tiếp nên trịnh trọng. Trịnh Bá nghe theo yến tiệc có phần hơn thường.

秋 七 月

**THU THẮT NGUYỆT**  
**MÙA THU, THÁNG BẢY**

冬 天 王 出 居 于 鄭

**ĐÔNG, THIÊN VƯƠNG XUẤT CƯ VU TRỊNH**  
**MÙA ĐÔNG, VUA CHẠY RA, TỚI Ở ĐẤT TRỊNH**

Tả - Mùa đông vua sai sứ báo cáo chư hầu: Ta vì bất đức. Có lỗi với người em là Tử Đái, nay ta tới ở đất Di nước Trịnh, xin cáo với Thúc Phụ. Tang Văn Trọng đáp: Thiên Tử xông pha gió bụi. Thần tử đâu dám không tới thăm viếng các quan hầu. Vua sai Giản Sư Phủ cáo với Tấn sai Tả Yển cáo với Tần. Theo lễ thì Thiên Tử không có chạy ra nước ngoài, chép là ra ở đất Trịnh là để lánh nạn người em cùng mẹ. Thiên Tử mặc đồ xấu, khiêm nhượng. Cũng theo như lễ, thì Trịnh Bá cùng các bậc đại phu Khổng Tương Như, Thạch Giáp Phủ, Hầu Tuyên Đa, đến ngay đất Di coi sóc đồ cung cấp vật dụng, rồi mới xét đến các việc khác trong nước.

Công - Vương giả không ra ngoài nước. Đây sao chép là xuất. Là vì, không chiều được mẹ. Lỗ Tử nói: Đây là do ý vua. Hay là vì không chiều được mẹ chăng?

Cốc - Thiên Tử không có xuất. Xuất là mất thiên hạ. Thiên Tử ở (cư) là ở nơi vẫn ở, dù mất thiên hạ cũng không nên xuất.

Triệu Bằng Phi - Thiên Tử xuất, tới ở trên đất Trịnh. Chép chỉ có ý chép việc thực là việc xuất nhập. Thế mà coi ba truyện

như là bàn giải một việc lạ. Thiên Tử không xuất, Vương giả không có nước ngoài cho nên không nói xuất, xuất là mất thiên hạ. Xét tâm của Thiên Tử là đãi người lấy bình đẳng, không coi thường ai, thế tức là không có ngoài. Đâu cho rằng vương giả một khi đã xuất là có ngay ngoài, một bước chân xuất là thiên hạ không còn là thiên hạ nữa.

**Xét** - Tương Vương đối với Thúc Đái vốn có lòng hiếu hữu, nhưng chưa gọi được là biết thuật hiếu hữu. Đái chạy trốn sang Tề 10 năm, mà lại được về ở Chu, tuy chưa so sánh việc, cho Đái về, với việc phong chàng Tương ở đất Hữu Ty, nhưng tâm không phải là không hữu. Rợ Địch tới đánh, mà vua không dám quên Tiên Hậu. Tuy chưa so sánh được với nghĩa đồng chinh đánh người thân thích của Chu Công, nhưng cũng không gọi là tâm không hiếu. Nay coi lại các lời bàn của tiên nho, cứ dựa theo các Kinh, các Thư về việc vua xuất cư, lại thêm Ba Truyện cứ dựa vào thuyết vua không xuất, riêng có Triệu Bàng Phi thích nghĩa chữ "xuất cư", là khác với mọi Truyện, thấy luận về Tương Vương cũng công bình, đích đáng. Mà ý nghĩa vua không xuất đã được thừa nhận từ lâu. Cho nên nay cứ lấy Ba Truyện làm chủ, mà lại giữ nguyên lời bàn của họ Triệu.

晉侯夷吾卒

**TẤN HẦU DI NGÔ TỐT**

**TẤN HẦU TÊN LÀ DI NGÔ MẤT**

**Phụ lục Tả Truyện** - Người Vệ định đánh Hinh. Lễ Chí nói: không được bọn cầm đầu, thì nước không lấy được. Xin cho các anh em tôi sang nước Hinh trước. Thế là cho sang làm quan bên nước Hinh.

**Đỗ Dự** - Tấn Văn Công định ngôi xong, mới cáo tang Huệ Công, cho nên năm nay mới chép.

Năm Bính Tuất. Tương Vương năm thứ 17.

二十五年  
**NHỊ THẬP HỮU NGŨ NIÊN**  
**NĂM THỨ 25**

Tấn Văn Công Trùng Nhĩ năm đầu. Tề Hiếu Công năm thứ 8. Vệ Văn năm thứ 25. Sái Trang năm thứ 11. Trịnh Văn năm 38. Tào Cung năm thứ 18. Trần Mục năm thứ 13. Kỷ Hoàn năm thứ 2. Tống Thành năm thứ 2. Tần Mục năm thứ 25. Sở Thành năm thứ 37.

春王正月丙午衛侯燬滅邢  
**XUÂN, VƯƠNG CHÍNH NGUYỆT, BÍNH NGỌ,**  
**VỆ HẦU HỦY, DIỆT HÌNH**

**MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, NGÀY BÍNH NGỌ**  
**VỆ HẦU TÊN LÀ HỦY DIỆT NƯỚC HÌNH**

**Tả** - Mùa xuân, người Vệ phạt Hình. Hai người họ Lễ phụ tá giúp Hình, thấy Quốc Tử đi tuần thành, dụ ra ngoài, rồi giết đi. Tháng giêng, ngày Bính Ngọ, Vệ Hầu tên là Hủy, diệt nước Hình là nước cùng họ. Lễ Chí khi làm bài minh có viết câu: Ta giúp Quốc Tử rồi giết đi, ai dám bắt ta.

**Công** - Vệ Hầu Hủy sao chép tên. Là ý tuyệt đi, vì đã diệt nước cùng họ.

**Cốc** - Sao lại chép tên Hủy. Vì cho là bất chính, việc đánh và diệt nước cùng họ.

**Xét** - Vệ Hủy diệt nước Hình, có chép tên Hủy. Ba truyện cho là vì diệt nước cùng họ, Hồ Truyền cũng bàn theo ý ấy. Ghét lỗi sai họ Lễ tới làm quan ở nước Hình để âm mưu lấy nước người ta, cho nên Lưu Sương vi với Tần Mục mưu đánh nước Trịnh. Trương Hiệp liệt vào hạng Sở Kiên dụ nước Sái, Chu Tử bảo rằng chư hầu mà diệt nước chưa thường có chép tên, đây lời văn trong Kinh chỉ cách mùa hạ tháng tư ngày quý dậu có một câu, lại chép Vệ Hầu Hủy chết, e đó là truyện chép có lầm. Thuyết ấy nghe ra cũng có lý.

夏 四 月 癸 酉 衛 侯 燬 卒

**HẠ, TỬ NGUYỆT, QUÝ DẬU, VỆ HẦU HỦY TỐT**

**MÙA HẠ, THÁNG TƯ NGÀY QUÝ DẬU,  
VỆ HẦU TÊN LÀ HỦY MẤT**

宋 蕩 伯 姬 來 逆 婦

**TỔNG ĐĂNG BÁ CƠ LẠI NGHỊCH PHỤ**

**TỔNG ĐĂNG BÁ CƠ TỚI ĐÓN DÂU**

**Công** - Tống Đăng Bá Cơ là ai? Là mẹ họ Đăng. Chép tới đón dâu là thế nào? Là lời văn chỉ công việc hôn nhân. Sao lại chép là người dâu, người phụ, (là vì nói đến chữ mẹ).

**Cốc** - Đàn bà đã đi lấy chồng thì không đi ra khỏi nước. Tống Đăng Bá Cơ tới đón dâu thì không được là chính. Chép là phụ: đàn bà, con dâu là vì sao, là vì có đã nói đến mẹ.

**Lục Thuần** - Công Dương bảo dùng chữ tới đón dâu, là chỉ công việc hôn nhân. Xét lời trong Kinh, thì cứ thẳng thắn chép việc, để cho rõ là không đúng lẽ. Bảo là chữ chỉ công việc hôn nhân, thì chả có nghĩa gì.

宋 撥 其 大 夫

**TỔNG SÁT KỲ ĐẠI PHU**

**TỔNG GIẾT ĐẠI PHU**

**Phụ lục Tả Truyện** - Tấn Bá đem quân tới Hoàng Hà định đón vua. Hồ Yển nói với Tấn Hầu rằng: Triệu tập chư hầu không gì bằng việc cần vương. Chư hầu phải tin và cùng là điều nghĩa lớn. Nay có thể làm được sự nghiệp vua Văn, được tin với chư hầu như vua Tuyên. Tấn Hầu sai bói dịch. Bói được quẻ tốt, quẻ Hoàng đế chiến ở Bán Tuyên. Công nói: Ta không dám đương. Bốc Yển đáp: Chu Lễ chưa thay đổi, xưa là Đế thì nay là Vương. Công nói: Thử bói rùa xem. Bói rùa được Khuê, đại cát, quẻ Thiên

Tử cho Công hưởng, vì được trận. Cứ như quả ấy thì, trời ban ơn trạch soi sáng như mặt trời. Thiên Tử phải nể vì, tiếp đón, tốt hơn quả Khuê. Tấn Hầu mới khước từ quân Tần rồi đem quân đi. Tháng ba, ngày Giáp Thìn, đóng quân tại đất Dương Phần, Hữu quân vây đất Ôn, Tả quân đón vua. Mùa hạ tháng tư, ngày Đinh Ty, vua vào Vương Thành, bắt Thái Thúc ở Ôn, rồi giết đi ở Thấp Thành. Ngày Mậu Ngọ, Tấn Hầu châu vua, vua cho yến tiệc, phong thưởng, Tấn Hầu xin được hưởng lễ Toại. Vua không cho nói. Lễ Toại là riêng của vua. Chưa thay ngôi vua mà lại có hai vua, thì chắc Thúc phụ cũng không muốn thế. Mới cắt cho các đất Dương Phần, Ôn, Nguyên, Toàn, Mao. Từ đó Tấn mới mở mang xuống Nam Dương. Dương Phần không chịu. Tấn đem quân vây. Trấn thủ là Sương Cát ở trên thành gọi to: Lấy đức mà trị thiên hạ. Lấy hình mà uy hiếp man di. Ta đây không dám theo. Ở đây toàn là thân thích vương thất, sao nỡ bắt. Sương Cát mới cho rời dân về Chu.

**Công** - Sao không chép tên. Vì Tống đã ba đời không có đại phu, ba đời không có kết hôn với ngoài.

**Cốc** - Không chép họ tên vì kiêng húy tên tổ.

**Lưu Suồng** - Tống giết đại phu. Công Dương bàn là không chép tên, vì ba đời không có đại phu, ba đời không kết hôn với ngoài. Bàn thế là sai. Lời văn là đại phu thì phải có đại phu, chứ đâu phải là không có, nghĩa thật là rõ. Vả lại trong nước có chức khanh, thì sao lại không có lấy một đại phu. Những điều lầm sai bậy bạ Kinh không chép cho nên mới đến thế. Còn như Cốc Lương bảo rằng không ghi họ tên vì kiêng húy tên tổ, Cốc Lương cũng bàn sai. Xuân Thu đâu có phải là sách riêng của nhà họ Khổng. Đó là sách các đời sau, thì sao lại kiêng tên húy ông tổ. Vả lại truyện cũng cho biết văn không có kiêng, sao lại được kiêng húy ông tổ mà lại chép.

**Xét** - Tấn Hầu có công với nhà vua, chưa từng không có báo cáo cho chư hầu. Nếu việc mà không thấy chép vào Kinh, tức là Phu Tử đã san bỏ, Triệu Chư hầu để cần vương nhận đất vua cho, xin dùng lễ toại. Lấy uy thế quân đội mà chiếm đất nhà vua, các điều ấy so với Công thì quá đáng cho nên san bỏ.

楚人圍陳納頓子于頓

**SỞ NHÂN VI TRẦN, NẠP ĐỐN TỬ VU ĐỐN  
MÙA THU NGƯỜI SỞ VÂY TRẦN, ĐỂ GIÚP ĐỐN TỬ Ở ĐỐN**

**Tả** - Mùa thu, Tấn và Tần đánh nước Nhục. Sở Dấu Khắc, Khuất Ngự Khẩu lấy quân Thân Tức đốn thú Thương Mật. Người Tấn qua ấp Tích, vào ấp lấy tù binh ra vây Thương Mật, tối đến dàn bày ra, đêm làm lễ sáp huyết, giả như cùng với Tử Nghi, và Tử Biên thề. Dân Thương Mật lo sợ, bàn với nhau là Tấn đã được lấy ấp Tích rồi, và quân đốn thú đã phân rồi, thế là ra hàng quân Tấn. Quân Tấn bắt tù Thân Công tử Nghi Tức, và Công tử Biên, giải về. Lệnh Doãn Sở là Tử Ngọc đuổi quân Tấn không kịp, rồi vây nước Trần, giúp Đốn Tử ở đất Đốn. Nhục, chính tại địa giới Thương Mật, một nước nhỏ sau thiên tới huyện Nhục, Nam Quận.

Thương Mật, biệt ấp nước Nhục. Tích, ấp nước Sở, một tên nữa là Vũ.

**Công** - Sao lại không chép là Tuy (toại), rồi, thì, vì đây là hai việc.

**Cốc** - Nạp là giúp, để cho lên ngôi, vì trong nước không chịu. Vi (vây) là một việc, giúp là một việc. Lấy chữ tuy mà trình bày. Và lại giúp Đốn Tử là trình bày.

**Lục Thuần** - Cốc Lương bảo rằng giúp Đốn tử là trình bày (trần). Xét trong văn Kinh. Sở Tự giúp Đốn Tử, thì có quan hệ gì đến trình bày.

葬衛文公

TÁNG VỆ VĂN CÔNG

TÁNG VỆ VĂN CÔNG

**Phụ lục Tả Truyện** - Mùa đông, Tấn hầu vây đấy Nguyên. Ra lệnh cho quân đội giữ lương ba ngày, nếu Nguyên không hàng thì về. Thăm tử ở trong thành ra mách. Dân Nguyên sắp hàng.

Quân đội xin ở lại chờ. Công nói: Tín là vật quý của một nước, là điều dân trông cậy. Được đất Nguyên mà mất chữ tín, thì còn gì cho dân trông cậy. Thế là mất nhiều hơn “được”. Quân Tấn rút lui được một xá, thì quân Nguyên hàng. Tấn mới rời trần thủ cũ là Nguyên Bá Quán, đến đất Ký, cho Triệu Thôi làm Nguyên đại phu, Hồ Trần làm Ôn đại phu.

冬十有二月癸亥公會衛子莒慶盟于洮  
**ĐÔNG THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, QUÝ HỘI, CÔNG HỘI  
VỆ TỬ, CỬ KHÁNH MINH VU THAO**

**MÙA ĐÔNG, THÁNG MƯỜI HAI, NGÀY QUÝ HỘI,  
CÔNG HỘI VỆ TỬ, CỬ KHÁNH THẾ TẠI ĐẤT THAO**

Thao là đất nước Lỗ. Khổng Dĩnh Đạt nói, năm thứ 8, thế ở Thao, đất Tào. Năm thứ 31, Lỗ mới được ruộng Tào. Còn ở năm nay thì Thao chưa thuộc về Lỗ. Vậy nhầm.

**Tả** - Người Vệ hòa với Cử vì ta. Tháng 12, thế ở Thao, sửa soạn hòa hiếu với Vệ Văn Công, và cùng hòa với Cử.

**Phụ lục Tả Truyện** - Tấn Hầu hỏi tự nhân là Bật Đề nên cho ai trấn thủ đất Nguyên. Bật Đề nói: Xưa Triệu Thôi kiểm được hồ cháo, đói mà không ăn, dâng vua, nên cho ở đất Nguyên.

**Cốc** - Cử không có đại phu, sao lại viết là Cử Khánh. Vì có Công hội nên phải nói rõ.

**Lưu Sưởng** - Công hội Vệ Tử Cử Khánh, thế ở Thao. Đồ bàn rằng: Vệ Văn Công đã táng. Thành Công không xưng tước, chỉ là giữ vị của vua bố, mình chưa gọi là vua nên chép chữ tử, nghĩa là con, là có ý khen. Đồ bàn thế sai. Chư hầu qua năm lên ngôi thì gọi là vua. Không lên ngôi thì không gọi là vua, đó là lẽ thường. Lấy năm làm hạn chứ không lấy táng làm hạn. Nếu cứ lấy táng làm hạn, táng xong, mới xưng là vua, thế thì còn đợi năm sau mới cải nguyên làm gì. Thời Xuân Thu lễ pháp đã như dứt rồi, lấy chư hầu táng xong, vội xưng là vua, nhân thế lấy làm lẽ. Đó là lối suy, lối tẽ của thời suy, không nên căn cứ vào tục ấy. Lời Đồ nói, thì Tang chế của Thiên Tử, của

chư hầu đều như thế không phải là phép xưa. Còn Hà Hưu thì bàn rằng Cử không có đại phu, chép Khánh chỉ có ý nghĩa tôn kính. Xét lời nói đó thì biết thật là nói nhảm. Còn Cốc Lương thì bàn rằng Cử không có đại phu, chép Khánh là vì có Công hội phải chép cho đủ. Cốc Lương bàn sai. Cử thẳng thán mà nói Vệ Tử, người Cử thì đã sao. Trong Xuân Thu, loại đó có nhiều, đâu phải chỉ có Khánh mới phải chép rõ.

**Triệu Bằng Phi** - Nước Cử từ sau việc “hoạch noa” (bắt vợ ở đất Hường đã có nói ở trên), chưa thường thông hiếu với Lỗ, oán thù có thể gọi là sâu lắm. Khi Vệ Thành Công nối ngôi, đang thời có tang, mà hội ở đất Thao, để cùng Cử hòa, xét tâm có chỗ bỏ điều nhỏ, theo nghĩa lớn, trong Chu Lễ đã có câu: điều hòa muôn dân, hợp tứ phương trừ bỏ oán ghét, cùng hòa hợp với nhau. Thế thì việc hòa hiếu là điều mong ước của thánh nhân. Tuy nhiên, hòa với Cử, mà Cử không tới hội, lại cho Khánh đến hội, thì còn hòa gì. Ý hòa là Vệ chủ trương, Cử vốn nghi lễ không thực, không muốn hòa, cho nên chỉ cho đại phu đến hội. Thế thì hội ở Thao chưa thành hẳn. Có thành hẳn thì đợi hội năm sau ở đất Hường.

**Xét** - Kinh mà chép hội thể là có ý chê, hướng chi Vệ Tử đang có tang mà đi hội thể. Cử lại cho đại phu thể với chư hầu. Riêng có Triệu Bằng Phi bàn rằng Vệ tử muốn cối oán, há phải là Lỗ sử không kiêng cho Công, mà Cử Khánh thì chép tên. Kinh vốn không ghét hội thể ở Thao, há có phải thế đâu. Vậy nay theo Triệu thị.

Năm Đinh Hợi. Tương Vương năm thứ 18.

## 二十有六年

### NHỊ THẬP HỮU LỤC NIÊN

#### NĂM THỨ 26

Tấn Văn năm thứ 2. Tề Hiếu năm thứ 9. Vệ Thành Công, Trịnh, năm đầu. Sái Trang năm thứ 12. Trịnh Văn năm thứ 39. Tào Cung năm thứ 19. Trần Mục năm thứ 14. Kỷ Hoàn năm thứ 3, Tống Thành năm thứ 3. Tấn Mục năm thứ 26. Sở Thành năm thứ 38.

春王正月己未公會莒子衛甯速盟于向

**XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, KỶ MÙI CÔNG HỘI  
CỬ TỬ, VỆ NINH TỐC, MINH VU HƯỚNG**

**MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, NGÀY KỶ MÙI,  
CÔNG HỘI CỬ TỬ, VỆ NINH TỐC, THỂ Ở HƯỚNG**

Hướng, đất nước Cử.

Tả - Mùa xuân, Vương tháng giêng, Công hội Cử tử Phi, Công Ninh Trang Tử, thể tại đất hướng sau hội thể ở Thao.

Cốc - Công không hội đại phu, sao lại chép Ninh Tốc, là vì theo Cử Tử thì có thể nói hội được.

- **Trương Hiệp** - Tháng 12 đã thể, nay lại thể nữa, chỉ làm cho Tề chống đánh.

齊人侵我西鄙公追齊師至鄆弗及

**TỀ NHÂN XÂM NGÃ TÂY BỈ, CÔNG TRUY  
TỀ SƯ CHỈ HUẾ, PHÁT CẬP**

**NGƯỜI TỀ XÂM BIÊN GIỚI PHÍA TÂY NƯỚC LỖ TA,  
CÔNG ĐUỔI QUÂN TỀ ĐẾN ĐẤT HUẾ, KHÔNG KỊP**

Huế là đất Tề.

Tả - Quân Tề xâm tây bỉ nước ta. Đánh vì có hai hội thể.

Công - Nói, đến đất Huế không kịp là ý gì. Là khoe.

Cốc - Người (nhân) là ý yếu kém. Xâm là việc hèn kém. Công mà đuổi, không phải là chính. Tới Huế là lời nói cho mạnh. Không kịp là không muốn, có thể kịp mà không dám kịp đấy thôi. Kẻ xâm thì chép là người. Kẻ bị đuổi thì gọi là sư, là quân. Bảo rằng Công không đuổi kịp, là nói cho oai vệ. Không kịp là sư trong nước chép.

**Lưu Sưởng** - Đuổi mà không kịp là nói tránh ra thể. Thực ra là sợ không dám kịp. Quân Tề, là người Tề, gọi là sư, là quân, là cho to chuyện. Công thì không dám đuổi kịp. Đây là ý chê

rất. Chư hầu theo đạo nghĩa thì chỉ giữ gìn trong bờ cõi, mà tuy đất đai có trăm dặm rồi chính trị cũng lan tràn khắp thiên hạ, chứ chưa thấy nói nước lớn nghìn dặm, lại làm cho thiên hạ sợ được. Cốc Lương có bàn chữ người là ý yếu hèn, chữ xâm là việc nhỏ hèn, chữ Công đuổi là phi chính. Xét lẽ của Cốc Lương, vây nhân dân, xua đuổi ngựa trâu gọi là xâm. Nay Tề làm việc vô đạo như thế thì đuổi là phải. Thế sao lại bảo đuổi là bất chính, không kịp là chê: có thể kịp mà không dám kịp, đó là lời sử trong nước. Tuy nhiên, Cốc Lương khi đã chê: "Công không dám kịp" sao lại còn bảo việc đuổi là phi chính.

Xét - Kẻ xâm chép là người, kẻ bị đuổi chép là sư, là quân. Cốc Lương báo chép Công đuổi không kịp là nói cho to chuyện. Xét báo không kịp là khiếp sợ, cho nên tăng giá trị quân đội Tề, để kiêng tránh ý khiếp sợ, tức như Lưu Sưởng báo rằng Công không dám kịp để khoe, tức như Công Dương cho là đuổi đến đất Huê không kịp chỉ là khoa trương, ý giống nhau. Không giống Khổng Sớ có bàn: Thay đổi lời văn để rõ tài Công, đuổi quân (sư) Tề là thế. Hồ Truyện báo Tề dối trá, ít quân thì chép là người, nhiều quân thì chép là sư, là quân. Trước chép người Tề thì thấy Tề làm ra cách yếu, để dụ Lỗ. Sau chép quân Tề thì biết phục binh để đánh Lỗ. Cứ tin lời bàn đó thì hai việc Thành Bộc và Bách Cử, đều chép người Sở khi còn chiến, đều chép quân Sở đi đã thua, há cũng là Sở làm mưu dối trá để dụ Tấn với Ngô chăng. Xét về nghĩa thì thấy chưa ổn. Cứ như Tôn Phục, Tô Triệt bàn không thể nói công đuổi người Tề, nên viết là Tề sư, bàn thế gán lý hơn. Tuy nhiên, thường chép "người Vệ tan vỡ" thì khi bại có thể chép chữ người, vậy khi đuổi thì cũng có thể chép đuổi người Tề được. Cho nên, cứ theo lời bàn của Cốc Lương mà thêm lời giải thuyết của Lưu Sưởng vào, còn Khổng Sớ thì san bỏ.

夏齊人伐我北鄙

**HẠ. TỀ NHÂN PHẠT NGÃ BẮC BỈ**

**MÙA HẠ NGƯỜI TỀ ĐÁNH BIÊN GIỚI BẮC NƯỚC LỖ TA**

衛 人 伐 齊  
**VỆ NHÂN PHẠT TỀ**  
**NGƯỜI VỆ PHẠT TỀ**

Tả - Mùa hạ, Tề Hiếu Công phạt bắc bị nước ta. Người Vệ phạt Tề. Nguyên nhân là hội thề ở đất Thao. Công sai Triển Hỷ ra đón và dẫn rằng trước khi đi phải hỏi kế sách Triển Cầm tức là Liễu Hạ Huệ, cứ theo lời Cầm dẫn dò mà thương thuyết. Tề Hâu chưa vào côi. Hỷ yết kiến nói: Vua tôi nghe nhà vua thân rời gót ngọc tới tề ấp, nên cho tôi ra khao quân. Vua Tề hỏi, người Lỗ có sợ không. Đáp: Nhân dân thì sợ, quan lại không sợ. Hỏi: Vào nước người như vào nhà trống, ngoài đồng đến cỏ xanh cũng không có. Trông nhờ vào gì mà không sợ. Đáp: Trông nhờ vào mệnh các tiên vương. Xưa, Chu Công, Thái Công là chân tay cho nhà Chu giúp Thành Vương. Thành Vương biết công, mới cho lập minh ước, trong minh ước có câu: Đời đời con cháu không được hại nhau. Lời thề đặt trong phủ riêng, quan Thái Công giữ bản thề. Vì thế Hoàng Công mới nhiều lần họp được chư hầu, răn bảo những ai không hòa hợp, vá víu lại chỗ đứt rách, và cứu các nước hoạn nạn để tỏ rõ chức vụ xưa. Từ khi nhà vua lên ngôi, các chư hầu mong lắm, chắc rằng công nghiệp Hoàn Công lại được nối tiếp. Nước tôi tuy bé nhỏ không phải nghĩ đến việc tu tập quân binh phòng thủ, nghĩ rằng ngài nối ngôi chín năm nếu nay bỏ mệnh cũ tiên vương, bỏ chức vị cũ trong lời thề thì đối với tiên quân ra sao, chắc ngài không thể đâu - trông cậy vào đó nên không sợ.

Tề Hâu nghe xong đem quân về.

公 子 遂 如 楚 乞 師  
**CÔNG TỬ TOẠI NHƯ SỞ KHẤT SƯ**  
**CÔNG TỬ TOẠI SANG SỞ XIN QUÂN**

Khởi đầu chép việc xin quân.

Tả - Đông Môn Tương Trọng, Tang Văn Trọng sang Sở xin

quân. Tang Tôn yết kiến Tử Ngọc, nói về việc đánh Tề và Tống vì Tề Tống không phục Sở.

**Công** - Xin quân là lời khát ai. Sao người nước mình cũng có giọng nói như người nước ngoài. Là vì trọng quân đội. Quân đã đi ra thì hoặc trở về, hoặc là thắng đều là bất chính.

**Cốc** - Xin có ý khát ai. Chữ quan trọng vì quan hệ đến tính mệnh người, chứ không phải quan trọng ở việc khát ai. Quân đi ra không cứ là phải về, chiến không cứ là phải thắng, vì thế mà quan trọng.

秋 楚 人 滅 夔 以 夔 子 歸

**THU SỞ NHÂN DIỆT QUỲ, DĨ QUỲ TỬ QUY**

**MÙA THU, NGƯỜI SỞ DIỆT NƯỚC QUỲ, ĐEM QUỲ TỬ VỀ**

Quỳ là một nước cùng họ với nước Sở.

**Tả** - Quỳ Tử không thờ Chúc Dung, với Dục Hùng Người Sở trách Quỳ Tử. Đáp: Tiên Vương tôi là Hùng Chi có tội. Quỳ thần không tha. Rồi tự ẩn nấp ở Quỳ. Vì thế mất Sở thì còn cứng làm gì. Mùa thu, Sở, Thành Đắc Thần, Đấu Nghi Thân, cầm quân diệt Quỳ đem Quỳ Tử về.

**Cốc** - Quỳ là một nước. Không biên ngày là vì nước nhỏ. Dem về còn tệ hơn là chữ bắt về.

**Đỗ Dự** - Quỳ là nước cùng họ với nước Sở. Chúc Dung là chức quan trọng dòng họ Cao Tân, tổ xa nước Sở. Dục Hùng là cháu 12 đời của Chúc Dung.

冬 楚 人 伐 宋 圍 緡

**ĐÔNG SỞ NHÂN PHẠT TỔNG VI MÂN**

**NGƯỜI SỞ, PHẠT TỔNG, VÂY MÂN**

**Tả** - Tống vì thân thiện với Tấn, mới phản Sở. Mùa đông, Sở Linh Doãn là Tử Ngọc. Cùng Tư Mã Tử Tây, cầm quân đánh Tống, vây ấp Mân.

**Công** - Ấp thì không chép là vây. Đây dùng chữ vây là như nói dụng sự dụng binh.

公以楚師伐齊取穀

**CÔNG DĨ SỞ SƯ PHẠT TÊ, THỦ CỐC**

**CÔNG LẤY QUÂN SỞ PHẠT TÊ CHIẾM ĐẤT CỐC**

**Tả** - Phàm quân đội có thể dùng Tả quân, có thể dùng hữu quân, thì gọi là lấy. Đặt Hoàn Công tử Ung tại đất Cốc, có Dịch Nha theo hầu để làm Lô viện. Sở Thân Công Thúc Hầu đóng quân đồn thú. Hoàn Công có bảy người con làm quan đại phu ở Sở.

**Cốc** - Chữ dĩ là lấy, dùng ở đây, có ý là không nên lấy. Dân là gì. Là căn bản của vua. Sai dân đến chỗ chết không phải là chính.

公至自伐齊

**CÔNG CHÍ TỰ PHẠT TÊ**

**CÔNG TỰ PHẠT TÊ VỀ**

**Công** - Đây là chiếm đất Cốc rồi, sao lại chép là phạt Tê về. Là chưa được Cốc vậy. Tai nạn mà sinh ra chắc là tự đó.

**Cốc** - Việc dở thì không nói chữ chí về. Đây chép, là việc sẽ nguy.

Năm Mậu Tý. Tương Vương năm thứ 19.

二十有七年

**NHỊ THẬP HỮU THẤT NIÊN**

**NĂM THỨ 27**

Tấn Văn năm thứ 3. Tề Hiếu năm thứ 10. Vệ Thành năm thứ 2. Sái Trang năm thứ 13. Trịnh Văn năm thứ 40. Tào cung năm thứ 20. Trần Mục năm thứ 15. Kỷ Hoàn năm thứ 4. Tống Thành năm thứ 4. Tần Mục năm thứ 27. Sở Thành năm thứ 39.

春 杞 子 來 朝

**XUÂN KỶ TỬ LAI TRIỀU**  
**MÙA XUÂN, KỶ TỬ LAI CHẦU**

Tả - Mùa xuân, Kỷ Hoàn Công lại châu, dùng lễ xức mọi, cho nên gọi là Tử. Công khinh Kỷ vì là Kỷ bất cung.

Xét - Kỷ xưng là tử, là đương thời nhà vua truất đi. Tả Thị tựa như cho là Không tử truất. Không phải. Kinh Xuân Thu có khen chê, nhưng không có thăng giáng. Không Tử ghét chư hầu tiếm Thiên Tử thế mà lại thăng giáng quyền chư hầu, thì ra tự mình cũng tiếm. Nói thế có nghe được không. Đỗ Dự ở trong việc Đàng Tử đã cho là, Đàng bị thời Vương truất, đây lại cứ theo Tả Thị thì càng thấy sai quá.

夏 六 月 庚 寅 齊 侯 昭 卒

**HẠ LỤC NGUYỆT CANH DẦN, TÊ HẦU CHIÊU TỐT**  
**MÙA HẠ, THÁNG 6, NGÀY CANH DẦN, TÊ HẦU CHIÊU MẤT**

Tả - Mùa hạ, Tê Hiếu Công mất. Lỗ vốn oán Tê mà vẫn chép thế là lễ.

秋 八 月 乙 未 葬 齊 孝 公

**THU BÁT NGUYỆT, ẤT MÙI TÁNG TÊ HIẾU CÔNG**  
**MÙA THU, THÁNG 8, NGÀY ẤT MÙI, TÁNG TÊ HIẾU CÔNG**

乙 巳 公 子 遂 帥 師 入 杞

**ẤT TỴ, CÔNG TỬ TOẠI SUẤT SƯ NHẬP KỶ**  
**NGÀY ẤT TỴ, CÔNG TỬ TOẠI CẨM QUÂN VÀO NƯỚC KỶ**

Tả - Mùa thu, Công tử Toại vào Kỷ, trách Kỷ vô lễ.

Đỗ Dự - Không chiếm đất thì gọi là vào. Tháng tám không có ngày Ất Tỵ. Tháng chín ngày mùng sáu mới là Ất Tỵ.

冬 楚 人 陳 侯 蔡 侯 鄭 伯 許 男 圍 宋

**ĐÔNG, SỞ NHÂN, TRẦN HẦU, SÁI HẦU,**

**TRỊNH BÁ HỨA NAM, VỊ TỔNG**

**MÙA ĐÔNG, NGƯỜI SỞ, TRẦN HẦU, SÁI HẦU,**

**TRỊNH BÁ HỨA NAM, VÂY TỔNG**

Tả - Sở Tử sắp vây Tổng, sai Tử Văn duyệt binh ở đất Khuê, hết buổi sớm đã xong, không giết một người nào. Tư Ngọc (Thành Đắc Thần) duyệt binh lại ở đất Vi, một ngày mới xong, đánh bảy người, xéo tai ba người. Các quan đến mừng Tử Văn. Tử Văn bày tiệc thết Tử Ngọc, và các quan. Vi Giá khi đó còn bé, đến sau, không mừng. Tử Văn hỏi. Đáp: Không biết mừng việc gì. Ngài truyền quyền chính cho Tử Ngọc để cho nước được yên trị. Yên trị ở trong nước mà thất bại ở ngoài thì có được hơn gì không. Tử Ngọc mà thất bại là do ngài để cử. Để cử để cho nước thất bại, thì tôi còn mừng gì, Tử Ngọc, cương mà vô lễ, không thể để trị dân. Quân đội quá ba trăm cỗ xe thì Tử Ngọc không có tài điều khiển. Nếu không hỏng việc thì bây giờ tôi sẽ mừng cũng không muộn.

Mùa đông, Sở Tử cùng chư hầu vây Tổng, Công Tôn Cổ nước Tống sang Tấn cáo cấp. Tiên Chấn ở Tấn nói: Cứu nguy, báo oán, thì ân, gây uy tín, định nghiệp Bá, là ở lúc này, Hồ Yển bàn: Sở mới được Tào, lại mới kết hôn với Vệ, nếu ta đánh Tào, Vệ, thì Sở tất phải cứu, thế là Tề và Tống khỏi nạn. Tấn mới duyệt binh ở đất Bì Lư. Chia làm ba đạo quân, chọn một nguyên súy. Triệu Thôi đề cử Khước Cốc nói: Thần nghe Khước Cốc chăm học lễ nhạc, Thi, Thư. Thi, Thư là cái kho chứa nghĩa, lễ nhạc là cái phép của đức. Đức nghĩa là gốc việc lợi. Sách Hạ Thư có nói: Nạp thuế phân đẳng hạng. Tính bằng số công tác. Nay việc binh xa cần sự điều khiển, xin nhà vua thứ dùng. Vua Tấn mới sai Khước Khốc làm tướng Trung quân, Khước Trần làm phụ tá, Hồ Yển làm tướng đạo Thượng Quân. Hồ Yển xin nhường cho Hồ Mao rồi phụ tá cho Hồ Mao. Sai Triệu Thôi làm chức khanh, nhưng Thôi nhường cho Loan Chi làm tướng đạo Hạ Quân, mà Tiên Chấn phụ tá. Tuân Lâm Phủ giữ chức Ngự Nhung, Ngụy Thù phụ tá.

Tấn Hâu khi mới về nước lên ngôi, bắt đầu dạy dân. Hai năm sau, muốn dùng dân, Tử Phạm nói: Dân chưa biết nghĩa, làm ăn chưa yên chốn. Thế là có việc giúp Tương Vương (nghĩa). Khi giúp xong về, chuyên công vụ lợi dân, dân mới mong sinh sống. Vua lại định dùng dân. Tử Phạm lại nói: Dân chưa biết tín, chưa nên dùng. Thế là có việc phạt đất Nguyên (tín), dân bắt đầu dễ làm ăn, không tham lam quá. Công nói, dùng dân được rồi. Tử Phạm lại nói: Dân chưa biết lễ, chưa dùng được. Thế là có việc duyệt binh để cho biết hàng ngũ, ngôi thứ, dân không còn ngờ nghệch nữa. Bảy giờ mới dùng đến. Tháng đôn thú ở Cốc, giải vây cho Tống, một trận mà nên nghiệp Bá. Đó là công dạy dỗ của Tấn Văn Công.

**Khuê** - Vĩ, là đất Sở. Bì Lư là đất nước Tấn.

**Công** - Đây là Sở Tử, mà chép là người Sở tức là biếm, chê, chê vì bắt Tống Công, cho nên từ đầu tới cuối Thiên Hi Công toàn là chê.

**Cốc** - Người Sở là Sở Tử. Gọi vua chư hầu, dùng chữ người, là ý không muốn cho di địch mà được đánh Trung Quốc.

**Lưu Sưởng** - Công Dương bàn gọi là người là chê vì việc bắt Tống Công. Đâu có phải. Tống Tương Công chết đã lâu rồi. Đâu Xuân Thu đã chê rồi. Nói rằng suốt thiên Hi Công toàn chê, tại sao. Để làm gì.

十 有 二 月 甲 戌 公 會 諸 侯 盟 于 宋  
**THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, GIÁP TUẤT, CÔNG HỘI  
CHU HẦU, MINH VU TỐNG**  
**THÁNG 12, NGÀY GIÁP TUẤT, CÔNG HỘI  
CHU HẦU THẾ Ở TỐNG**

**Xét** - Trong hội với Tề, không chép Công (Lỗ) mà trong hội với Tống thì chép Công. Gia Huyên Ông cho là không phải vì Công mà kiêng tránh. Ý nghĩa trách Công thế là nặng lắm. Xét Kinh mà bỏ Sở Tử không chép cũng là vì Công mà kiêng tránh vậy. Giống như hội thề ở đất Bạc.

Năm Kỷ Sửu. Tương Vương năm thứ 20.

二十有八年  
**NHỊ THẬP HỮU BÁT NIÊN**  
**NĂM THỨ 28**

Tấn Văn năm thứ 4. Tề Chiêu Công Phan năm đầu. Vệ Thành năm thứ 3. Sái Trang năm thứ 4. Trịnh Văn năm thứ 41. Tào Cung năm thứ 11. Trần Mục năm thứ 16. Kỳ Hoàn năm thứ 5. Tống Thành năm thứ 5. Tần Mục năm thứ 28. Sở Thành năm thứ 40.

春 晉 侯 侵 曹 晉 侯 伐 衛

**XUÂN, TẤN HẦU XÂM TÀO, TẤN HẦU PHẠT VỆ**  
**MÙA XUÂN, TẤN HẦU XÂM TÀO, TẤN HẦU PHẠT VỆ**

**Tả** - Năm thứ 28, mùa xuân, Tấn Hầu sắp phạt Tào, mượn đường nước Vệ. Người Vệ không cho. Sứ về. Quân Tấn mới sang sông Nam Hà, xâm Tào vào phạt Vệ. Tháng giêng ngày Mậu Thân, lấy đất Ngũ Lộc, Tháng hai, Tấn Khước Khốc (cũng đọc là Hộc) chết. Nguyên Chấn lên thay làm tướng Trung Quân, Tư Thần giúp ở Hạ Quân. Chọn thế là theo đức mà chọn. Tấn Hầu, Tề Hầu thế ở đất Liêm Vu. Vệ Hầu xin thế, người Tấn không cho, Vệ Hầu muốn xin Sở, dân trong nước không muốn cho nên đuổi vua đi để lấy lòng Tấn. Vệ Hầu mới chạy đến ở đất Tương Ngưu.

Nam Hà, từ huyện Cấp chảy về Nam, khỏi Vệ Nam thì quay sang đông. Ngũ Lộc, Liêm Vu, Tương Ngưu, là đất nước Vệ.

**Công** - Sao viết hai lần Tấn Hầu. Không phải là hai việc nối nhau. Hai việc thì đã dùng chữ Tuy là rồi. Đây là chưa xâm Tào, mới chỉ có ý ấy, rồi mượn đường Vệ để xâm, Vệ không cho mới phạt Vệ.

**Cốc** - Hai lần chép Tấn Hầu là ghét.

**Tôn Phục** - Tào và Vệ được nước Sở giúp, Tấn Hầu sắp cứu Tống, cho nên xâm phạt Tào Vệ, không nói là rồi phạt Vệ. Không

phải là việc nợ nổi việc kia. Đó là xâm Tào đã trở về rồi, mà sau mới phạt Vệ. Cho nên chép: Tấn Hầu xâm Tào, Tấn Hầu phạt Vệ vậy.

**Lưu Suồng** - Sao lại hai lần chép Tấn Hầu. Xâm là một việc. Phạt là một việc. Công Dương bàn chúa xâm Tào, bàn thế sai. Ví như chúa xâm Tào, Xuân Thu, đâu có dò thám tình mà đi chép trước. Cốc Lương bàn hai lần chép Tấn Hầu, là ghét, bàn thế sai, tức như hai lần ra quân thực, thì lấy gì biết được.

**Lã Đại Khuê** - Theo Sở để vây Tống, có các nước Trần, Sái, Trịnh, Hứa, Tấn Văn Công không đánh Trần, Sái, Trịnh, Hứa, mà lại đi đánh kẻ vô tội là Tào, Vệ - Trần, Sái, Trịnh, Hứa, là các nước gần nước Sở. Tào Vệ là các nước Tống. Tấn thì ở xa các nước Trần, Sái, Hứa, Trịnh, thì không có cách gì đánh để giải vây cho Tống, mà cũng không tới được Sở. Thế thì đâu có cuộc chiến Thành Bộc được. Tào, Vệ, tuy không dự vào việc vây Tống, nhưng Sở vốn thấy hai nước đã quy phục, Tào thì mới được, mà Vệ thì mới kết hôn. Tề mà phạt Sở là do cậy có Giang, Hoàng, mà người Sở phạt Tống đâu có được Tào, Vệ giúp.

**Xét** - Xâm Tào, phạt Vệ, Hồ Truyên cho là chê về báo oán, cứ như Tả Thị thì cho là Tấn Văn Công khi còn chạy trốn, bị Tào và Vệ thiếu lễ. Tuy nhiên, khi được người Tống cáo cấp. Từ Phạm đã định xâm Tào, phạt Vệ, mưu kế đã sẵn rồi, gây uy, định Bá thực là do việc này, đâu có phải chỉ là báo oán mà chê. Thế rồi sau, chép người Sở cứu Vệ, thì lại cho là chê Tấn. Xét vua Sở thường chép là Tử. Trong việc Sở cứu Vệ thì, Kinh chép người Sở bảo rằng khen Sở mà chê Tấn thì cũng không phải. Đến việc không đánh Trần, Sái, Trịnh, Hứa, mà đánh Tào, Vệ, theo như Lã Đại Khuê, thì hai lần khen điều nghĩa của Tấn Hầu thuyết của Tôn Phục, của Lưu Suồng được lắm. Cho nên ở đây không chép lời Hồ Truyên.

公子買戍衛不卒戍刺之  
**CÔNG TỬ MẠI THÚ VỆ, BẤT TỐT THÚ, THÚ CHI**  
**CÔNG TỬ MẠI ĐỐN THÚ Ở VỆ,**  
**KHÔNG THÀNH CÔNG, BỊ GIẾT CHẾT**

**Tả** - Công tử Mại đồn thú ở Vệ. Người Sở cứu Vệ. Mại không chống được. Công (Lỗ) sợ Tấn. Giết Tử Mại (cùng chép là Tử Tùng), báo người Sở rằng: Vì không thành công đồn thú.

**Công** - Không xong được việc đồn thú là thế nào. Đó là lời sử trong nước mới có giọng ấy. Không nên sai Mại đi. Thế thì sao lại đi thú. Là theo ý Công. Thú là gì. Là giết chết. Sao dùng chữ thú. Là kiêng chữ sát (sát: giết chết đại phu). Cho nên, Lỗ sử dùng chữ thú.

**Cốc** - Chép tên, rồi sau chép giết, tức là giết kẻ có tội. Công tử Khai nói, không xong việc đồn thú, có thể xong được mà không xong. Thế là làm tội Công tử. Giết đi là phải.

**Khổng Dĩnh Đạt** - Kinh chép là tên Mại. Truyện chép là tên Tùng. Chắc là tên Mại tự là Tùng, hoặc chữ tựa tựa nhau mà nhầm.

**Lưu Sưởng** - Giết đại phu không nêu rõ tội. Mà nêu rõ tội thì lại cần buộc tội, thành ra lạm. Kinh Xuân Thu cứ thẳng mà chép, thấy rõ là lạm. Công Dương bàn không nên sai đồn thú. Bàn sai. Nếu không nên sai mà giết thì là tội. Thế thì sao dôi lời văn, báo không xong việc đồn thú. Cốc lương bàn: trước chép tên, sau chép giết là giết kẻ có tội. Cũng bàn sai. Thường không nói việc làm. Hễ nói việc làm là có ý chê. Thế thì giết (thứ), không nói tội bị giết. Nói tội bị giết là kiêng tránh.

**Xét** - Sách Thuyết Văn có nói: Thứ là giết. Vua giết đại phu thì gọi là thứ. Chữ thứ dùng trong quan tư nhà Chu, với chữ thứ đây không giống nhau. Cho nên một lần thứ gọi là tấn, tra hỏi quần thần. Hai lần thứ thì tra hỏi quan lại. Ba lần thứ thì tra hỏi muôn dân. Đều là cách thẩm vấn. Từ Trịnh Khang Thành mới giải thích nhầm chữ thứ ra chữ sát. Vì thế,

Đồ Dư và về sau, đều dẫn nghĩa ba thứ để giải thích Kinh Xuân Thu. Tuy nhiên, Hồ Truyền cho rằng, thứ là xét đến tình, cùng mọi người cùng xử. Vậy thứ cũng có nghĩa là đã xét (thăm). Đã lấy thứ làm thăm, xét mà còn dùng ba thuyết trên về thứ, là cho rằng công tử Mai đồn thủ không xong, tức là thăm xét việc thủ. Như thế liệu có được không. Cho nên nay lấy Công Dương Truyền làm chủ còn như ai mà dẫn chứng Chu quan ra đều sai bọ đi

楚人救衛

**SỞ NHÂN CỨU VỆ**

**NGƯỜI SỞ CỨU VỆ**

**Cao Kháng** - chép cứu không phai là khen việc. Là nêu rõ ra nước Vệ phụ vào Sở Tấn Văn Công thật là đã thành mưu khiến cho Sở phải đem quân tới. Quân Sở có rời khỏi đất nước thì mới có cuộc chiến ở Thành Bộc.

三月丙午晉侯入曹執曹伯畀宋人

**TAM NGUYỆT, BÌNH NGỌ, TẤN HẦU, NHẬP TÀO,**

**CHẤP TÀO BÁ TÝ TỔNG NHÂN,**

**THÁNG BA NGÀY BÌNH NGỌ, TẤN HẦU**

**VÀO TÀO BẮT TÀO BÁ CHO NGƯỜI TỔNG**

Tả - Tấn Hầu vây Tào. Ở cửa thành, Tấn quân chết nhiều. Người Tào đem chằng xác trên mặt thành. Tấn Hầu lo, mới theo mưu sĩ bàn, cho nói phao lên là sẽ đem quân đóng ở ngoài thành, nơi mở mã người Tào, rồi sẽ cho khai quật lên. Người Tào hoang sợ, đem xác quân Tấn, khâm liệm lại rồi cho mang ra. Nhân lúc dân hoang hốt, Tấn đánh thành. Tháng ba ngày Bình Ngọ, vào được thành, kể tội rằng vua Tào không biết dùng người hiền là Hi Phụ Cơ, đem số, tên họ đại phu trở lên đến 300 người giết hết. Rồi hạ lệnh cấm không ai được xâm phạm đến Hi Phụ Cơ và họ hàng để báo ơn ngày trước.

Nguy Thủ với Diên Hiệt tức giận nói: Công lao nhiều thì không nói đến, ơn huệ có gì mà báo đáp thế. Rồi đốt nhà Hi Phụ Cơ. Nguy Thủ vô ý bị cháy và bị thương ở ngực. Công muốn giết, nhưng còn tiếc tài, sai người tới nhà coi và thăm, hề bị bệnh nặng mới giết. Nguy Thủ đoán được, mới sai bỏ ngực lại, tiếp kiến sứ giả nói: Nhờ ơn vua tôi cũng không sao. Nói rồi dùng được, nhảy nhót nhiều lần, ra bộ khỏe mạnh. Vua mới tha cho, chỉ giết Diên Hiệt, cho quân dôi dếu biết phép nghiêm. Rồi cho Chu Chi Kiều giữ chức Hữu Nhung. Người Tống lại cáo cấp, sứ là Mon Doãn Ban, Tấn Văn công hỏi Tiên Chân: Việc Tống gấp rồi. Bỏ không cứu thì còn chỉ là Tống. Mà cứu thì phải đánh Sở. Đánh Sở phải hợp với Tề và Tần. Nay chưa hợp biết làm thế nào. Tiên Chân hiến kế: Bào Tống bỏ ta mà hồi lộ cho Tề và Tần. Để Tề, Tần, tham của phải chiến với Sở. Công mừng, theo kế, bắt Tào Bá, rồi chia ruộng Tao, Vệ cho Tống.

**Công** - Tý là cho. Chép cho người Tống là thế nào? Là sai Tào Bá theo lệnh Tống. Tội Tào Bá thế nào? Tào Bá rất bậy không phải chỉ có một tội.

**Cốc** - Chữ nhân là người. Dùng chữ người là ý nói người trong nước không chịu. Dùng chữ nhập là chê. Khen Tấn Hầu nhưng chê việc bắt Tào Bá. Tý là cho. Chép là nhân, là chê Tấn hầu cho Tống Công.

**Lưu Suồng** - Trong việc bắt người, sao lại chép cả tước người bị bắt. Là để rõ phận sự vị Bá. Vốn là Tào Cung vô đạo, xa quân tử, gần tiểu nhân, mà đại phu bị giết đến 300 người. Sao lại nói là "cho người Tống", thế tức là Tấn Hầu bắt Tào Bá mà cho người Tống là lỗi quý quệt. Cốc Lương mà bàn rằng, như Tấn Hầu mà đi bắt Tào Bá là chê ghét Tấn Hầu. Bàn thế là sai. Vì thư chép là "người" Tấn, bắt Tào Bá thì Cốc Lương có cho như là người Tề bắt Trần, Viên Đào Đồ không, có chê vì tội muôn quân Tề không qua nước mình không.

夏 四 月 己 巳 晉 侯 齊 師 宋 師 秦 師

及 楚 人 戰 于 城 濮 楚 師 敗 績

**HẠ TỬ NGUYỆT KỶ TỶ, TẤN HẦU, TÊ SƯ, TỔNG SƯ,  
TẤN SƯ, CẬP SỞ NHÂN CHIÊN VU THÀNH BỘC,  
SỞ SƯ BẠI TÍCH**

**MÙA HẠ, THÁNG TƯ, NGÀY KỶ TỶ, TẤN HẦU,  
QUÂN TÊ, QUÂN TỔNG, QUÂN TẤN, CÙNG NGƯỜI SỞ  
CHIẾN Ở THÀNH BỘC, QUÂN SỞ TAN VỠ**

Tả - Sở Tử đóng quân lại ở đất Thân, sai Thân - Thúc sang Cốc địa bảo rút quân về, trả cho Tê Cốc địa, lại sai sứ sang Tống bảo Tử Ngọc, cũng rút quân về và nói rằng: Vua Tấn lưu lạc ở nước ngoài 19 năm, nay làm vua, bao nhiêu dân tình thế cố, đã từng trải hết. Trời đã xui khiến cho nước Tấn được cường thịnh, ta khó mà địch nổi, chỉ bằng ta hãy chịu nhường. Trong phép quân có ba điều. Đã ổn định không trái lẽ thì về, biết khó thì lui, người có đức, ta không nên địch. Ba điều ấy là nói đến Tấn bây giờ đây. Tử Ngọc sai Bá Phần về xin Sở cho chiến nói, không phải là dám lập công, chỉ mong tránh được những tiếng gièm pha dối dă. Vua Sở giận, chỉ cho Đấu Nghi Thân đem một ít quân thêm. Tử Ngọc mới sai Uyển Xuân cáo với quân Tấn rằng, xin phục lại Vệ Hầu và hoàn lại đất nước cho Tào, thì cũng giải vây nước Tống. Tử Phạm nói, Tử Ngọc vô lễ thực. Quân đòi một, thần đòi hai, không ưng thuận được. Tiên Chấn nói, ta cứ cho. Định yên được cho người ta, thế là lẽ. Sở nói có một lời mà yên định được ba nước. Ta nói có một lời mà làm hại cho ba nước. Thế thì chiến sao được. Không hứa cho Sở là bỏ Tống. Đã cứu Tống mà lại bỏ Tống, thì còn đối sao được chư hầu. Sở có ba lần làm ơn. Ta có ba lần làm oán. Oán thù đã nhiều rồi, thế thì chiến sao được. Không gì bằng mật hứa phục quốc với Tào và Vệ, để cho họ theo mình, rồi bắt giam Uyển Xuân lại, làm cho Sở tức giận sang đánh ta, rồi ta sẽ liệu. Tấn Công nghe theo, bắt Uyển Xuân giam ở đất Vệ mà mật hứa

phục quốc cho Tào, Vệ, Tào Vệ mới biên thư tuyệt giao với Sở. Từ Ngọc giận, đem quân đánh Tấn. Quân Tấn tạm lui. Các tướng tá Tấn nói với Tấn Công: Vua mà tránh tướng (vua Tấn tướng Sở) là nhục. Vả lại quân Sở già yếu. Sao ta lại lui. Tử Phạm nói: Quân đội thắng thần là mạnh, mà gian dối là yếu, cứ gì tuổi. Không có Sở, thì ta đâu có ngày nay. Lui ba xá (mỗi xá ba dặm) tránh đi để báo ơn. Ta mà bội ơn, tức là ta cong, mà Sở thẳng. Thế thì quân Sở sẽ đẩy đủ, đâu có gọi là già yếu nữa. Ta lui mà Sở về thì ta còn cầu gì hơn. Nếu Sở không về tức là vua lui thần lại phạm tội, thế là cong ở Sở. Tấn lui ba xá, quân Sở muốn đình lại. Từ Ngọc không cho. Mùa hạ, tháng tư, ngày Mậu Thìn, Tấn Hưu, Tống Công, Tề: Quốc Quý Phủ, Thôi Yếu, Tấn: Tiểu Tử Ngân, đóng quân tại thành Bộc. Quân Sở đóng quân vào đất Huê. Tấn Hưu lo ngại. Nghe thấy tiếng hát ca dao trong quân có câu: Ruộng đất phì nhiêu, bỏ lối xưa, theo cách mới. Công lại càng nghi. Tử Phạm nói, cứ chiến. Chiến mà được là được chứ hầu. Nhược bằng không được thì rút về giữ đất nước, cũng có gì là hại. Công nói: Thế còn ơn Sở thì nghĩ sao. Loạn Trinh Tử nói: Các họ Cơ ở đất Hán Dương Sở đã chiếm hết. Nhớ ơn nhỏ mà quên điều xấu lớn thì không nên, xin cứ chiến. Tấn Hưu mộng thấy cùng Sở Tử vật nhau. Sở tử nằm phục xuống, đánh vỡ đầu rồi hút óc mình. Tấn Hưu tỉnh dậy sợ. Tử Phạm nói: Thế là việc tốt. Ta được nhìn trời. Sở phục ở trên, nhìn xuống đất, thế là phục tội. Hút óc ta là chịu nhu mềm mà thần phục đó. Từ Ngọc sai Đẩu Bột đưa chiến thư, trong có nói, xin cùng với tướng sĩ nhà vua đùa dỡ nhau. Nhà vua đứng trên mà xem. Thần cũng ghé mắt coi. Tấn Hưu sai Loạn Chi đáp: Quả nhân xin theo mệnh. Tôi không dám quên ơn vua Sở, vì thế mới lui quân tới đây, đâu có dám mong đổi địch với vua Sở. Nay đại phu chưa cho là được, tôi xin sửa xe giáp vâng mệnh đại phu, sáng mai tương kiến. Bên Tấn có 700 cỗ xe (độ năm vạn quân) cả ngựa lẫn xe đầy đủ thắng đá, dây cương. Tấn Hưu lên cao (gò Hữu Sần) đứng coi nói: Trên, dưới, trước sau đều đặn, có thể dùng được rồi. Mới sai chặt thêm cây để thêm đồ binh. Ngày Kỷ Ty, quân Tấn dàn bày ở phía bắc đất Sần, Tư thần lấy Phó tướng Hạ Quân đương với Trần, Sái, Tử

Ngọc lấy Nhược Ngao đem bỏ tốt, tướng Trung Quân nói: Ngày hôm nay là thời không có Tấn nữa. Từ Tây tướng Tả Quân, Từ thương tướng hữu quân. Từ thần cho lấy. Từ thần cho lấy hồ trum lên ngựa, trước tiên xông vào cánh quân Trần, Sái, Trần, Sái, bỏ chạy. Thế là cánh hữu quân của Sở tan vỡ. Hồ Mao cho giờ cao cờ đại bái, rồi lui. Loan Chi cho kéo lê cành cây cho cát bụi bay, làm ra thế thua chạy. Quân Sở mới xông lên đuổi theo. Nguyên Chân (Tấn). Khước Trần mới lấy toàn Trung quân chận ngang. Hồ Mao, Hồ Yên đem thương quân đánh Từ Tây. Thế là Tả quân Sở tan vỡ. Toàn quân Sở thua. Từ Ngọc thu được tàn quân đóng lại, cho nên không đến mất hết quân. Quân Tấn đóng lại ba ngày ở đất Cốc, đến ngày Quý Dậu thì kéo về. Gô Hữu Sần là tên một nước cũ.

**Công** - Đây là một cuộc đại chiến, sao lại chép như một trận thường Sao. Từ Ngọc Đắc Thần có mặt đây mà chép là người Sở. Là chê. Chê vì đại phu dịch với một vị vua.

**Xét** - Cuộc chiến ở thành Bộc có Tống Công. Ba nước, Tề, Tống, Trần đều chép là sư, là quân. Riêng Tấn thì chép tước (Tấn Hầu) cũng như các việc Bắc Hạnh, Tào Nam. Đó là cơ hội cho Tấn thành nghiệp bá. Đắc Thần chết thì chép là đại phu, mà trong trận này thì chép là người Sở, là chê biếm, đều là giúp cho Tấn cả. Tề Hoàn dụng binh, đều chép là nhân, người. Duy có việc phạt Sở cứu Trịnh là chép tước. Tấn Văn từ khi dụng binh đến nay, đã bao lần xâm, phạt, chiếm, bắt, đều chép tước, thì ta biết ngay Tấn thế nào. Hồ Truệ bản là Kinh chép thường giản lược không cần chữ đẹp, e chưa hợp với ý của Kinh, cho nên không kể Hồ Truệ ra đây.

楚 撥 其 大 夫 得 臣

**SỞ SÁT KỲ ĐẠI PHU ĐẮC THẦN**

**SỞ GIẾT ĐẠI PHU LÀ ĐẮC THẦN**

Khởi thủy chép chữ đại phu ở nước sở.

**Tả** - Xưa, Từ Ngọc (Sở) làm cho mình mũ biện dát ngọc, giải mũ dát ngọc. Chưa dùng tới. Trước khi chiến, mộng thấy Hà Thần

bao: Cho ta, ta sẽ cho người hươu nai đất Mạnh Chư. Tứ Ngọc không tạ thân. Con là Đại Tâm, cùng với Tứ Tây sai Vinh Hoàng can. Tứ Ngọc không nghe. Vinh Quý nói: Chết mà lợi cho nước cũng có thể chết được, huống ngọc quýnh, nên coi như đất bùn. Bỏ nó đi, mà giúp được cho việc quân thì tiếc làm gì. Không nghe. Vinh Hoàng ra bao hai người rằng: Không phau là thần linh hại quan lệnh Doãn. Quan Lệnh Doãn không siêng năng việc dân là tự hại rồi. Khi quân đã thua, Vua Sơ cho bao: Nếu đại phu về đối với các đại phu các nước Thân, Túc, như thế nào. Tứ Tây (Đấu Nghi Thân) và Tôn Bá (Thành Đại Tâm) đáp: Đắc Thần sắp chết, hai chúng tôi có ngăn và bao để đợi nhà vua trị tội. Khi Tứ Ngọc về đến Liên Cốc thì tự sát. - Tấn Hầu nghe tin, mừng lác, nói: Thôi, không hại ta được nữa. Nếu Vi Là Thần có làm Lệnh Doãn thì biết có tự phụng thôi, không nghĩ đến dân đâu.

Mạnh Chư là đầm hồ nước Tống. Liên Cốc là đất nước Sở

**Hồ Truyện** - Xét Ta Thị, Tứ Ngọc ra ứng chiến, Tấn Văn Công lui ba xá để tránh. Quân Sở muốn thôi không đánh nữa. Tứ Ngọc không cho, mới chiến tại Thành Bộc. Quân Sở tan. Vậy Đắc Thần thực là có tội. Sở Tứ đã biết là không nên ứng chiến, mà lại không bảo, không ngăn được Tứ Ngọc, rồi chỉ thêm cho ít quân, sau lại vì một trận thua mà giết Tứ Ngọc, thế là lấy quân làm trọng mà bỏ tướng để được quân. Thế là Tấn hai lần thắng, mà Sở hai lần bại. Cho nên thay phép nước để giết Tứ Ngọc mà không bỏ quan tước đại phu. Coi như Trọng Ni chep việc Trịnh bỏ quân đội với việc Sở giết Đắc Thần, thì có thể làm gương cho đời sau.

**Xét** - Đắc Thần có tài, nhưng ngang ngược tự dụng, nếu đem trị tội, bỏ không dùng, bao cho biết chỗ khuyết, rồi sau lại dùng thì hay biết bao. Tiên nho nhận việc lấy phép nước giết mà không bỏ chức tước, cho là tội liên lụy đến người trên (vua), rồi trách thêm cả Sở Tử, e rằng chưa hiểu hết được ý nghĩa Kinh, Truyện, Tội liên lụy đến người trên, nghĩa là tội của thần liên đới đến quân. Vậy thần vẫn là có tội, là đáng tội. Hồ Truyện cho là Tấn hai lần thắng, Sở hai lần bại, phần nhiều tiên nho nghe theo thuyết đó. Độc có Hác Trọng Dư cho là chủ mưu việc quân, quân mà bại thì phải giết. Trần Thành

Bộc bại mà giết Tử Ngọc. Trần Chí Thủy quân thua mà giết Tử Thương. Trần Yến Lăng quân bại mà giết Tử Phán, thuộc quốc phản mà giết Tử Tân. Vì các điều đó mà sở chấn hưng được. Coi thuyết đó cũng có lý.

衛侯出奔楚

## VỆ HẦU XUẤT BÔN SỞ VỆ HẦU CHẠY TRỐN SANG SỞ

**Lục Thuần** - Sai Thúc Vũ quyền nhiếp ngôi vua rồi Vệ Hầu đi, cho nên không chép tên.

**Lưu Sưởng** - Chư hầu bỏ xã tắc ra đi, hoặc có người thay, hoặc không có người thay. Có người thay thì như Vệ Hầu. Không có người thay thì như Lỗ Chiêu Công. Xuân Thu mà chép, bọn có người thay thì chép tên, bọn không có người thay thì không cho tên. Nay Vệ Hầu có người thay, mà Vệ Hầu không thấy chép tên là tại sao. Là vì Thúc Vũ chỉ là thay chứ không cướp đoạt, thế là Vệ Hầu còn trở lại ngôi. Cho nên chép cả tước.

**Xét** - Chư hầu mất nước thì chép tên, chưa mất nước thì không chép tên. Vệ Hầu chạy ra ngoài, sai Nguyên Huyền phụng Thúc Vũ để hội thể thể thì nước vốn vẫn là nước của Vệ Hầu cho nên không chép tên. Khi về mới nghi Thúc Vũ cướp ngôi, nên giết đi, thế tức là tự đặt mình vào hạng đã mất nước, thế cho nên chép tên. Hồ Truyện bàn rằng Tấn Văn gây oán, cho nên không chép tên Vệ Hầu, để tỏ rõ tội Tấn. Xét Tấn Văn, vua tôi mưu mô, riêng muốn cho quân Sở tới để mà đánh quân Sở để được oai mà định xong nghiệp Bá. Vì thế mới đem quân đến Tào, đến Vệ, chứ chưa thường hở ra một lời định gây oán. Vì thế khi chưa cùng Sở chiến thì không cho vệ hầu hội thể, mà Tào Bá cần phải bắt. Khi đã thắng được quân Sở rồi, thì kẻ bị bắt được tha, kẻ đi trốn được về, thế rõ ràng là không muốn gây oán. Cho nên Vệ Hầu mà không chép tên, thì thuyết của Lưu Sưởng là chủ là phải, thuyết của Hồ Truyện, của Trương Chu bỏ đi.

五月癸丑公會晉侯齊侯宋公蔡侯

鄭伯衛子莒子盟于踐土

**NGŨ NGUYỆT QUÝ SỬU, CÔNG HỘI TẤN HẦU,**

**TÊ HẦU TỔNG CÔNG, SÁI THẦN, TRỊNH BÁ,**

**VỆ TỬ, CỬ TỬ, MINH VU TIỀN THỔ**

**THÁNG 5, NGÀY QUÝ SỬU, CÔNG HỘI TẤN HẦU,**

**TÊ HẦU TỔNG CÔNG, SÁI HẦU, TRỊNH BÁ,**

**VỆ TỬ, CỬ TỬ, THẾ Ở TIỀN THỔ**

Tả - Ngày Giáp Ngọ, đến đất Hành Ung xây vương cung ở Tiền Thổ trong tháng ba. Trịnh Bá sang Sở, đưa quân tới Sở. Vì Sở đã thua, Trịnh Bá sợ, mới sai sứ tới Tấn xin hòa. Tấn Loan Chi thế với Trịnh Bá. Ngày Bính Ngọ, tháng năm. Tấn Hâu cùng với Trịnh Bá thế ở Hành Ung. Ngày Đinh Mùi, hiến Thiên tử các thứ lấy được của Sở, xe tứ mã trăm cỗ, bộ binh nghìn tên. Hành lễ thưởng, Trịnh Bá phụ lễ. Ngày Kỷ Dậu, Vương thiết tiệc, mệnh cho Tấn Hâu được uống rượu góp vui. Rồi mệnh cho Đoàn thị cùng Vương tử Hồ và nội sử Thúc Hưng Phủ sách phong Tấn Hâu làm Hầu Bá, ban cho các huy chương Hầu Bá, như đồ đàn xe, một chiếc đồng cung (cung đỏ), trăm đồng thi (tên), rượu cự sừng, hồ bốn ba trăm người, và truyền rằng: Vua bảo Thúc Phụ phải kính mệnh vua yên vui tứ phương, giúp việc nhà vua. Tấn Hâu ba lần khiêm tốn, rồi theo mệnh tâu: Trùng Nhĩ tái bái khê thủ tuân theo mệnh vua. Nhận sách phong rồi lui. Ba lần ra vào triều cận.

Vệ Hâu thấy Sở thua trận, sợ, chạy sang Sở, rồi sang Trần, sai Nguyên Huyền phụng Thúc Vũ để chịu thế. Ngày Quý Hợi, Vương tử Hồ cho chư hầu thế ở Vương Đình, truyền rằng, đều phải giúp vương thất, chớ có hại nhau. Ai mà không theo đúng lời thế thì thần linh trừng phạt, không còn quân đội, không còn truyền đời. Quân Tử bàn: Lễ này thành được là nhờ Tấn Hâu có công, có đức.

Hành Ung là đất nước Trịnh.

**Cốc** - Kiêng tránh chép là hội Thiên Tử.

**Lưu Sưởng** - Cốc Lương bao kiêng tránh là hội Thiên Tử. Bao thể sai. Nếu thực là hội Thiên Tử, thì tội rất to. Tội đã rất to, thì có nên kiêng tránh không?

**Xét** - Việc Tiên Thỗ, tiên nho cứ theo, cứ cho là vua hạ mình ủy lạo Tấn Hầu, duy có Hạng An Thế cho rằng cứ lấy việc Thiên Tử đi ra ở đất Trịnh cũng đã tới năm năm. Chư hầu vị thương cứu. Vua vị thương về Kinh. Triệu Bàng Phi cũng bao rằng thánh nhân lam Xuân Thu, cốt ở tôn Chu. Vậy đâu có việc Tấn Hầu giúp nạp Thiên Tử mà lại không chép. Không biết rằng Tấn Văn cần chư hầu, cho nên nạp Thiên Tử là mưu kế đồ nghiệp Bá, thế mà rồi mà lại cạy công xin lễ Toại, rồi vây ấp trong đất Chu chiếm lấy. Thế cho nên Xuân Thu tước bỏ. Coi lại Hi Công năm thứ 25.

陳侯如會  
**TRẦN HẦU NHƯ HỘI**  
**TRẦN HẦU SANG HỘI**

**Công** - Sao lại chép là sang. Là hội rồi mới tới.

**Cốc** - Sang hội là ở ngoài hội, tức là tới mà tuân mệnh, chứ không phải là dự hội.

公朝于王所  
**CÔNG TRIỀU VU VƯƠNG SỞ**  
**CÔNG CHẦU VUA TẠI NƠI VUA**

**Công** - Tại sao không nói là Công đi sang Kinh sư, là chỗ Thiên Tử ở. Tại sao không nói chỗ Thiên Tử ở là vì kiêng tránh nơi mời thiên tử tới.

**Cốc** - Chầu không chép nơi chầu, vì không phải nơi chầu.

**Khổng Đình Đạt** - Công Dương bảo rằng tại sao không nói Công tới Kinh sư là nơi Thiên Tử ở, là vì không cho được mời

Thiên Tử. Vậy ý nói là Tấn Văn Công triệu Vương tới Tiên Thờ. Trong Ta Truyện thì không có việc Triệu Vương, chỉ nói thăng là dựng Vương cung ở Tiên Thờ. Đỗ Thị nói: Tương Vương được tin thăng trên, tự tới ủy lao cho nên có vương cung, thể nghĩa là ý vua tự tới, chứ không phải vì Tấn Công triệu. Vậy không giống thuyết của Công Dương.

六月衛侯鄭自楚復歸于

衛衛元暉出奔晉

**LỤC NGUYỆT VỆ HẦU, TRINH TỰ SỞ PHỤC QUY VU  
VỆ, VỆ NGUYÊN HUYẾN XUẤT BÔN TẤN**

**THÁNG SÁU, VỆ HẦU TRINH (TÊN), TỰ SỞ LẠI TRỞ VỀ VỆ.  
NGUYÊN HUYẾN CHẠY TRỐN SANG TẤN**

Tả - Có kẻ gièm với Vệ HẦU rằng Nguyên Huyền lập Thúc Vũ lên ngôi. Người con là Giốc đang theo Công. Công sai giết đi. Huyền biết tin cũng không bỏ việc, cứ phụng Di Thúc về nước giữ nước. Tháng sáu, người Tấn phục ngôi cho Vệ HẦU. Ninh Vũ Tử thế ở Uyển Bộc rằng: Trời ra tai cho nước Vệ. Vua tôi bất hòa, mới sinh ra loạn. Nay trời đã rõ tình, cho nên bắt tâm trí vua dân, khiến cho vua dân thỏa thuận. Không có người ở lại, thì lấy ai giữ nước, không có người đi thì lấy ai trông coi lương thực, ngựa xe. Cái cơ bất hòa xin thần linh soi xét, mà rõ cho mệnh trời ngày nay. Từ nay trở đi, sau khi đã thế, người đi không được khoe công, người ở không phải sợ tội. Ai mà trái lời thế sinh lòng tàn hại nhau, thì thần minh cùng tiên quân cứ trừng trị, gia cực hình. Dân được nghe lời thế, thôi không sinh hai lòng nữa. Vệ HẦU vào nước trước kỳ hẹn. Ninh Du (Ninh Vũ Tử) đi trước. Khi vua tới, quan giữ cửa là Trường Tương, cùng theo vào. Công sai Chuyên Khuyển làm tiên khu. Thúc Vũ đương gọi đầu nghe nói vua tới mừng lắm, vắt tóc chạy ra đón. Chuyên Khuyển bắn một phát chết, Công vào tới nơi biết là vô tội, ôm lấy thầy Thúc Vũ khóc. Chuyên Khuyển chạy. Công sai bắt giết đi. Nguyên Huyền chạy trốn sang nước Tấn.

Cốc - Chữ tự Sở (từ nước Sở) là ý nói Sở có giúp. Chữ phục

(lại) là phục quốc. Chữ quy (về) là về nước, về chốn cũ. Trịnh là tên Vệ hầu, gọi tên lên là ý vua trước đã mất nước, mất ngôi.

**Lý Liêm** - Hồ Thị kể chuyện Thúc Vũ, căn cứ vào Công Dương và Tả Truyện. Có chi tiết hơi khác nhau. Theo Tả Thị thì Vệ Hầu là ngộ sát. Theo Công Dương thì Vệ Hầu vì nghi kỵ mà giết. Nay xét Vệ Hầu vốn đã nghi kỵ mà lại nghe lời gièm, khởi đầu từ lúc giết Giốc, nay lại giết Thúc vũ, vốn là bản tâm. Vu tội cho tiền khu Chuyên Khuyển, chỉ để tiện dối chư hầu. Vì thế, nên chép lời bàn của Công Dương cho là đích xác.

陳侯款卒

**TRẦN HẦU, KHOẢN TỐT**

**TRẦN HẦU, KHOẢN MẤT**

秋杞伯姬來

**THU, KỶ BÁ CƠ LAI**

**MÙA THU, KỶ BÁ CƠ TỚI**

公子遂如齊

**CÔNG TỬ TOẠI NHƯ TỀ**

**CÔNG TỬ TOẠI SANG TỀ**

**Phụ lục Tả Truyện** - Trong cuộc chiến ở Thành Bộc, theo lệnh trên. Trung quân Tấn phải giữ vững trận địa, kéo lê cờ đại bái dụ địch. Kỳ Mãn không tuân lệnh, sau bị kết tội hành hình để cho quân đội biết kỷ luật và tuyên bố với chư hầu rồi cho Mao Phát thay thế, thưởng công, phát tội rõ ràng. Ngày Nhâm ngọ, qua sông. Chu Chi Kiều, coi việc sửa soạn thuyền bè. Nhưng Kiều tưởng việc còn lâu, lên về nhà chơi, cũng bị tội chết. Dân Tấn rất phục. Người Quân Tử bàn: Tấn Văn Công biết dùng hình. Xong ba việc mà dân phục. Kinh Thi có câu: Ôn huệ khắp trong nước để yên trị được cả man di. Thưởng và phạt thật đúng phép.

**Trương Hiệp** - Kỳ Bá Cơ tới mà oán xâm nước Kỳ được cớ. Công Tử Toại sang Tề mà mối căm thù lấy đất Cốc được giải. Nghiệp Bá gây dựng theo cách đó, mới biết Thiệu Tử khen là phải.

冬公會晉侯齊侯宋公蔡侯鄭伯

陳子莒子鄆子秦人于溫

**ĐÔNG CÔNG HỘI TẤN HẦU, TỀ HẦU, TỔNG CÔNG,  
SÁI HẦU, TRỊNH BÁ, TRẦN TỬ, CỬ TỬ,  
CHÂU TỬ, TẤN NHÂN VU ÔN**

MÙA ĐÔNG, CÔNG HỘI TẤN HẦU, TỀ HẦU,  
TỔNG CÔNG SÁI HẦU, TRỊNH BÁ, TRẦN TỬ  
CỬ TỬ, CHÂU TỬ, TẤN NHÂN, TẠI ĐẤT ÔN  
(Dưới chữ Tấn Hầu, Cốc Thị không có chữ Tề Hầu)  
Khởi thủy Tấn, hội với chư hầu

Tà - Mùa đông hội tại đất Ôn là để chinh thảo kẻ không phục.

Cốc - Kiêng tránh nói đến hội Thiên Tử.

**Khổng Đình Đạt** - Trần Hầu Khoãn, Kinh không chép tâng mà chính văn có chữ từ, con (Trần Tử) đủ biết tiên quân chưa lễ tâng.

**Thẩm Nhược Thủy** - Cốc Lương nói kiêng tránh chép hội Thiên Tử, nói thế sai. Xét hội Ôn là để bàn việc vua, giúp vua đánh kẻ có tội, mà vua cũng đến hội, thì còn có nghĩa gì. Nếu bảo hội đó là kiêng tránh nói đến vua thì cũng không nên chép ở đoạn sau có vua tuần thú tại đất Hà Dương.

天王狩于河陽

**THIÊN VƯƠNG THÚ VU HÀ DƯƠNG  
VUA TUẦN THÚ Ở HÀ DƯƠNG  
HÀ DƯƠNG LÀ ĐẤT Ở NƯỚC TẤN**

Tà - Hội đó là Tấn Hầu triệu vua đến để chư hầu châu và

để vua tuần thú Trọng Ni nói, cho thần mà triều quân thì không con dạy ai được, cho nên chép vua thú ở Hà Dương, ý nói không phải là ở đất Ôn, mà cũng là để sáng đức vua.

**Công** - Thường việc tuần thu không chép. Đây chép là muốn không cho lại có việc triều vua. Lỗ Tử nói, Ôn thì gần, mà Tiên Thổ thì xa.

**Cốc** - Muốn cho việc vua đi là phải. Y như là vua đang đi tuần thú thì gặp chư hầu châu, thế là kiêng tránh cho vua. Thủy Bắc là dương, mà sơn Nam cũng là dương. Vậy đất Ôn là đất Hà Dương.

**Hồ Truyền** - Xét Ta Thị. Tấn Hầu triệu vua là để chư hầu hai kiến vua. Trọng Ni nói: Lấy thần mà triều quân thì không còn dạy ai được cho nên chép rằng vua thú ở Hà Dương, để tôn Chu mà toàn cho Tấn. Dạm Trợ bàn rằng cứ theo lễ thường thì Tấn Hầu triệu vua tức là tội nhân của danh nghĩa còn dạy được ai. Ví như ban tâm khiêm cung mà thêm vào ý tôn vương thì xin vua đi thú là thái độ người trung cho nên Phu tử đặc biệt chép thú tại Hà Dương. Thế là lấy cái tình thật làm then chốt mà biến chế lễ nghi. Xét việc Tiên Thổ, vua thực là tự ý tới, chứ Tấn không có tội. Cho nên vì vua mà kiêng tránh là đủ. Còn như hội Ôn, Tấn có tội, nhưng tình thì thuận, vì vậy đã vì vua kiêng mà cũng giải cho Tấn. Thế mới biết Xuân Thu là dùng nghĩa trung thứ.

**Triệu Khuông** - Ta Thị bao "để cho sáng rõ đức". Đã không dùng lễ mà lại bao là đức thế thì sai. Nếu cho thế là đức thì giống giả chư hầu châu tại Kinh sư, thì biết gọi là gì. Lấy đức làm mục đích, đâu có phải là hạng bá nữa.

**Xét** - Hồ An Quốc theo thuyết Dạm Trợ và Tô Triệt, cho là tôn Chu và toàn Tấn, thì nghĩa rất chính. Còn Công Dương thì bao không cho hai lần triệu Thiên Tử. Chuyên chê trách Tấn Văn. E không phải chú ý Kinh Xuân Thu.

壬申公朝于王所

**NHÂM THÂN, CÔNG TRIỀU VU VƯƠNG SỞ**

**NGÀY NHÂM THÂN, CÔNG CHẦU TẠI NƠI VUA**

**Công** - Sao chép ngày. Là trong nước chép (chu quan), (nước Lỗ)

**Cốc** - Chầu ở miếu đường là đúng lễ, ở ngoài là phi lễ. Đầu có phải chỉ có một mình Công, còn tất cả các chư hầu. Chép ngày. Là vì lần này là lần thứ hai cho nên cẩn thận cho rõ. Thế là giữ lấy cái hay cho nước mình (nước Lỗ) để cái dở cho nước ngoài. Chép là Công chầu là một lỗi chép. Tôn Thiên Tử, hạ chư hầu thì chép hội ở đất Ôn. Ôn thuộc về Hà Bắc. Khi chép Ôn mà đổi la Hà Dương là nâng cao Thiên Tử. Ngày theo tháng. Tháng theo mùa. Ngày Nhâm Thân, Công chầu tại nơi vua. Không thấy tháng, thế là không cần tháng, cho rằng Tấn Văn Công mà đã làm việc thì cẩn thận rồi

**Đỗ Dự** - Ngày Nhâm Thân là mùng 10 tháng 10. Có ngày mà không có tháng chỉ là sử chép sót.

**Triệu Khuông** - Ví như bảo rằng vì sử trong nước mới chép ngày, thì sao lại không chép tháng. Công Dương đã bàn sai.

**Lưu Sưởng** - Cốc Lương nói, chầu ở ngoài là phi lễ. Thế thì vua ở nơi ấy, chư hầu liệu không chầu hay sao. Cốc Lương lại còn nói rằng, ngày theo tháng, tháng theo mùa, cho là Tấn Văn làm việc luộm thuộm. Cốc Lương nói thế cũng sai. Tấn Văn Công làm việc luộm thuộm còn chưa thấy hay sao. Mà cứ phải đợi việc chép này mới thấy. Bàn thế chưa đủ để bàn Xuân Thu.

晉人執衛侯歸之于京師

**TẤN NHÂN, CHẤP VỆ HẦU QUY CHI VU KINH SƯ**

**NGƯỜI TẤN BẮT VỆ HẦU GIAO VỀ KINH SƯ**

**Tả** - Vệ Hầu kiện nhau với Nguyên Huyền, Ninh Vũ Tử làm phụ. Hàm Trang Tử thay mặt Vệ Thành Công để đối tụng với

Nguyễn Huyền. Sĩ Vinh được làm trị ngục quan để đôi chứng. Vệ Hầu thua, Sĩ Vinh bị chém. Hàm Trang Tử bị chặt chân. Ninh Du Trung thì được tha. Vệ Hầu bị bắt về Kinh sư, giữ trong nhà kín, Ninh Du theo hầu trông coi đồ ăn, quần áo.

**Công** - Thế nào là “quy chi vu”, thế nào là “quy vu”. Quy chi vu là tội đã định. Quy vu là tội chưa định. Tội chưa định thì sao làm được chúc Bá Thảo, nghĩa là đánh, trị kẻ có tội.

Quy chi là bắt ở ngay bên vua, tội định hay bắt định đã có thể biết được.

Quy vu là không bắt ở ngay bên vua thì tội định hay bắt định chưa có thể biết được.

Vệ Hầu bị tội gì. Là tội giết Thúc Vũ. Sao không chép. Vì kiêng tránh cho Thúc Vũ. Xuân Thu vì người hiền mà kiêng tránh. Thế Thúc Vũ hiền thế nào, Hiền là vì Thúc Vũ nhường ngôi. Việc như sau: Tấn Văn Công đuổi Vệ Hầu mà lập Thúc Vũ. Thúc Vũ từ chối cái ngôi mà nước khác lập cho thì lại sợ Vệ Hầu không được về, cho nên phải nhận lập, nhiên hậu tới hội ở Tiễn Thổ để sửa soạn đường về cho Vệ Hầu. Vệ Hầu được về nói. Thúc Vũ cướp ngôi của ta. Đại phu Nguyễn Huyền cãi lại nói, Thúc Vũ không có tội. Chung quy Vệ Hầu giết Thúc Vũ. Nguyễn Huyền chạy được rồi đi trốn.

Còn Tấn Hấu mà chép là “người”, là thế nào. Là biếm, chê, vì cái họa của Vệ là do Tấn Văn Công gây ra. Sao lại thế. Vì Văn Công đuổi Vệ Hầu mà lập Thúc Vũ khiến cho anh em người ta (Thúc Vũ là em Vệ Hầu) nghi nhau, rồi anh giết em, tức như Văn Công làm ra việc ấy.

**Cốc** - Đây là Tấn Văn Công đem quân vào Vệ rồi bắt Vệ Hầu. Sao không chép “vào”. Là vì không muốn quên mệnh Thiên Tử đối với Vệ. Giao về kinh sư, là lời hòa hoãn, ý là định đoạt do kinh sư.

**Tôn Phục** - Người Tấn bắt Vệ Hầu, giao Vệ Hầu về kinh sư, nguyên do vì Nguyễn Huyền. Tấn Văn Công đã thắng quân cường Sở, chưa chiêu hồi phủ dụ được hạng phản叛. Nay lại giúp tôi mà bắt vua thì còn đâu là sùng đức, còn sai bảo sao được chư hầu, cho nên chép “người Tấn” là chê.

**Trình Tử** - Quy vu là lời xuôi, lời thuận. Quy chi vu là lời miễn cưỡng. Vua tôi không có lý kiện nhau. Mà Văn Công ghét Vệ Hầu khiến cho Vệ Hầu cùng Nguyên Huyên biện bác ai phải ai trái. Vệ Hầu thua. Vậy đại phu vệ hầu bị hành hình mà Vệ Hầu là vua thì bị giam cầm. Sự kiện đúng là thiên. Tuy "Quy vu", giao việc về Thiên Tử mà sự thực thì là miễn cưỡng cho nên chép quy chi vu là giao về, giao người về kinh sư.

**Xét** - Tả Thị chép Vệ Hầu chạy ra ở Tương Ngưu, nghe tin Sở bại mới chạy trốn, sai Nguyên Huyên phụng Thúc Vũ để chủ việc thể, Công Dương thì nói là Tấn đuổi Vệ Hầu mà lập Thúc Vũ. Hai thuyết không giống nhau. Tuy nhiên, Vệ Hầu là sợ Tấn mà chạy trốn thì cũng như là bị Tấn đuổi. Thúc Vũ dự việc thể ở Tiễn Thổ thì cũng như là Tấn lập lên ngôi vậy. Vì thế, cả hai thuyết đều chép cả.

衛元暉自晉復歸于衛

**VỆ NGUYÊN HUYẾN TỰ TẤN PHỤC QUY VU VỆ  
NGUYÊN HUYẾN TỰ TẤN LẠI TRỞ VỀ NƯỚC VỆ**

**Tả** - Nguyên Huyên về Vệ lập Công tử Hà lên ngôi.

**Công** - Chữ tự là ý gì. Là đã có lực làm được. Vua đã bị Tấn bắt rồi, mà nói tự Tấn về là thế nào. Là vì tránh cho Thúc Vũ.

**Cốc** - Tự Tấn là có ý nói Tấn sai. Chữ phục là phục quốc. Chữ về là về chỗ cũ.

**Lưu Sưởng** - Sao chép là phục quy, lại trở về. Đại phu thì không có phục. Đây là phục cái vị đã mất. Đã mất mà lại phục là đáng chê ghét. Đã chê, ghét sao lại dùng chữ quy về. Vì về là dễ dàng. Sao lại dễ dàng, vì dựa vào Tấn Văn Công chủ việc về.

**Cao Kháng** - Tấn Văn Công nghe sử kiện của kẻ làm tôi, là bắt vua thì không phải là có hành động của hạng Bá chủ muốn dẹp loạn yên dân. Chép rằng "tự Tấn", là buộc tội Tấn Hầu rõ ràng.

諸侯遂圍許  
**CHƯ HẦU TỤY VI HỨA**  
**RỎI CHƯ HẦU VÂY HỨA**

**Cốc** - Tuy là rỗi nổi là việc trước.

**Hứa Hàn** - Hứa theo được Tề mà không theo được Tấn, tại sao. Tề Hoàn tự hội Bắc Hạnh 17 năm sau mới xâm Hứa và phục được Hứa. Lại 9 năm sau, Hứa mới theo Tề đánh Sở. Lại hai năm sau Hứa bị Sở vây, được Tề cứu, giải vây, và định yên được. Khi Tề Hoàn Công mất, chư hầu nhiều nước theo Sở. Hứa ở phía nam nước Trịnh rất gần Sở, phục Sở đã lâu, sợ uy Sở, không thể thay đổi được.

曹伯襄復歸于曹遂會諸侯圍許

**TÀO BÁ TƯƠNG PHỤC QUY VU TÀO,**

**TỤY HỘI CHƯ HẦU VI HỨA**

**TÀO BÁ TƯƠNG LAI TRỞ VỀ TÀO, RỎI HỘI**  
**VỚI CHƯ HẦU VÂY HỨA**

**Tá** - Ngày Đinh Sửu, chư hầu vây Hứa. Tấn Hầu đang ốm. Chức quan nhỏ của Tào là Hầu Nhu, hối lộ cho thầy bói (Quách Yển) nhờ nói với vua Tấn rằng: muốn khỏi bệnh thì nên tha Tào (Tào đang bị Tấn giam giữ). Khi xưa Tề Hoàn Công, có hội là phong tước cả các người khác họ. Nay nhà vua hội lại giảm tước ke cùng họ. Tào Thúc Chấn Đặc, trong nhà Thái Miếu vua Văn Vương thì đứng vào hàng Chiêu (thờ ở bên tả). Tiên quân là Đường Thúc trong nhà Thái Miếu vua Vũ Vương thì đứng vào hàng Mục (thờ ở bên hữu) Và lại, họp chư hầu mà lại giảm tước anh em mình thì không đúng lễ. Cùng với Vệ cùng hện mà không cùng được phục, thì không đúng chữ tín. Cùng tội mà phạt khác nhau thì không đúng việc hình. Lễ để làm điều nghĩa tín để giữ lễ, hình để chính tà. Bỏ ba điều ấy đi thì nhà vua nghĩ thế nào. Vua Tấn nghe ra, mới phục cho Tào Bá, rồi hội chư hầu đi vây nước Hứa.

**Phụ lục Tả Truyện** - Tấn Hầu ngự chiến xếp quân làm ba hạng: Tuân Lâm Phụ tướng Trung Quân, Đô Kích tướng Hữu quân, Tiên Miệt tướng Tả Quân.

**Cốc** - Chữ phục là phục Quốc. Thiên Tử tha cho Tào Bá. Nhân đó cho dự hội. Dùng chữ phục là ý tuân mệnh Thiên Tử. Chữ tụy là nổi việc trước.

**Lục Thuần** - Cốc Lương báo Thiên Tử tha cho Tào Bá. Xét người Tấn đem Tào Bá cho người Tống thì không phải là mệnh Thiên tử.

**Uông Khắc Khoan** - Tào Cung Công mà về thì không chép chữ tự là từ đâu về. Nói rằng tự nước Tấn thì khi bị bắt đã bị cho Tống, và ở Tống rồi. Nói rằng từ Tống về thì rõ ngay là lệnh ở Tấn Văn Công, chứ không phải là lệnh của Tống Công. Cho nên không chép chữ tự, từ đâu, mà chỉ chép là lại về.

Năm Canh Dần. Tương Vương năm thứ 21.

二十有九年  
**NHỊ THẬP HỮU CỬU NIÊN**  
**NĂM THỨ 29**

Tấn Văn năm thứ 5. Tề Chiêu năm thứ 2. Vệ Thành năm thứ 4. Sái Trang năm thứ 15. Trịnh Văn năm thứ 42. Tào Cung năm thứ 22. Trần Cung công Sóc, năm đầu. Kỷ Hoàn năm thứ 6. Tống Thành năm thứ 6. Tấn Mục năm thứ 29. Sở Thành năm thứ 41.

春介葛盧來  
**XUÂN, GIỚI CÁT LƯ LẠI**  
**MÙA XUÂN, GIỚI CÁT LƯ LẠI**

Giới, nước Giới huyện Kiềm Diên, xứ Thành Dương.

**Tả** - Giới Cát Lư lại châu, ở tại ấp Xương Diêm. Công còn mắc hội. Lỗ cung cấp gạo và cỏ. Thế là đúng lễ. Xương Diêm huyện Lỗ, phía đông nam có thành Xương Bình.

**Công** - Giới Cát Lư là ai. Là vua rợ Di Địch. Sao không chép là châu. Là vì chưa biết châu.

**Cốc** - Giới là một nước. Cát Lư là vua nước nhỏ, chưa có phong tước. Chép chữ lai là lại là ý còn hèn, thấp, kém.

**Trần Phó Lương** - Giới một năm hai lần đến. Vậy có ý gì mới chép cẩn thận. Là vì người Giới xâm nước Tiều. Vậy chê cái ý lại.

公至自圍許  
**CÔNG CHỈ TỰ VI HỨA**  
**CÔNG VÂY HỨA VỀ**

**Xét** - Uông Khắc Khoan nói rằng năm ấy Hi Công không chép; là từ Vương sở về, mà lại chép là từ vây Hứa về, cũng như Thành Công năm thứ 13 sang Kinh sư hội để đánh Tần mà không chép là tự kinh sư về, lại chép là tự đánh Tần về. Đều rõ là bán tâm không phải là tôn vương. Uông bàn như thế là sai. Uông thị trong việc Tề Hoàn Công vây Trịnh vốn thường cùng Tấn Văn Công vây Hứa đều chép cá, cho là Tề Hoàn sở dĩ vây Trịnh là để đánh việc Trịnh trốn hội thề Thủ Chỉ. Tấn Văn vây Hứa để đánh về tội không tới châu tại đất Tiễn Thổ và Hà Dương. Vậy không phải là việc hay, nhưng Hoàn và Văn vây thực là vì việc nhà vua, cho nên có câu: Tấn Văn rồi vây Hứa cùng câu: Tề Hoàn rồi cứu Hứa. Thư Pháp không khác nhau. Chu Tử sở dĩ báo rằng Xuân Thu làm sáng tỏ vương đạo mà không bỏ công của Ngũ Bá là muốn giải thích lời chép đó. Đã cho là việc nhà vua, mà lại còn bảo là ý không phải là tôn vương, một người mà lời nói trước sau khác nhau như thế có nên để giải thích Kinh không. Ngoài Ba Truyện, các lời bàn mâu thuẫn như thế đều san bỏ. Riêng lời bàn của họ Uông, vì pho sách Đại Toàn đã chép, và bọn hậu học cứ nhận cho nên cần phải luận bàn đến.

夏 六 月 會 王 人 晉 人 宋 人 齊 人  
陳 人 蔡 人 秦 人 盟 于 翟 泉

**HẠ, LỤC NGUYỆT, HỘI VƯƠNG NHÂN, TẤN NHÂN  
TỔNG NHÂN, TÊ NHÂN, TRẦN NHÂN, SÁI NHÂN,  
TẤN NHÂN MINH VỤ ĐỊCH TUYẾN**

**MÙA HẠ THÁNG SÁU, HỘI NGƯỜI NHÀ VUA, NGƯỜI TẤN,  
NGƯỜI TỔNG, NGƯỜI TÊ, NGƯỜI TRẦN, NGƯỜI SÁI,  
NGƯỜI TẤN, THỂ Ở ĐỊCH TUYẾN**

Trên chữ hội, Cốc Thị viết chữ Công. Dịch Tuyên là Trì Thúy ở Tây Nam, Thái Sương, thành Lạc Dương. Chữ 翟 Công Thị viết ra chữ 狄.

Tả - Mùa hạ, Công hội Vương Từ Hồ, Tấn: Hồ Yển, Tống, Công Tôn Cố, Tê: Quốc Quy Phủ, Trần: Viên Đào Đồ, Tân: Tiểu Từ Ngạn, thể ở Dịch Tuyên, nổi cuộc thể ở Tiên Thổ để bàn việc phạt Trịnh, Không chép vị Khanh vì cho là không phải. Theo lễ Khanh không được hội Công Hầu, Bá Tử, Nam thì còn có thể được.

Xét - Tiên nho đều dựa vào Tả Truyện, bảo rằng đại phu các nước chép là người, là biếm chê. Riêng Trịnh Tử thì cho rằng biếm chư hầu gọi là người, không rõ căn cứ vào đâu, nghi là vẫn có sai lầm.

秋 大 雨 雹

**THU, ĐẠI VŨ BẠC  
MÙA THU, MƯA ĐÁ LỚN**

Tả - Mưa đá là một tai họa.

Xét - Trong đời Hi Công. Kinh không thấy họ Quý Hữu, Hồ Truyện cho rằng họ Quý đời đời giữ chức Khanh, mưa đá cốt để răn, cho thể là nhầm.

冬 介 葛 盧 來  
**ĐÔNG, GIỚI CÁT LƯ LẠI**  
**MÙA ĐÔNG, GIỚI CÁT CƯ LẠI**

Tả - Vì chưa được gặp Công, cho nên Cát Lư trở lại châu. Thế là đúng lễ. Lỗ đối đáp Trịnh Trọng tặng biếu. Giới Cát Lư biết, hiểu tiếng súc vật.

Năm Tân Mão, Tương Vương năm thứ 22.

三 十 年  
**TAM THẬP NIÊN**  
**NĂM THỨ 30**

Tấn Văn năm thứ 6. Tề Chiêu năm thứ 3. Vệ Thành năm thứ 5. Sái Trang năm thứ 16. Trịnh Văn năm thứ 43. Tào Cung năm thứ 23. Trần Cung năm thứ 2. Kỷ Hoàn năm thứ 7. Tống Thành năm thứ 7. Tần Mục năm thứ 30. Sở Thành năm thứ 42.

春 王 正 月  
**XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT.**  
**MÙA XUÂN VƯƠNG, THÁNG GIÊNG**

夏 翟 侵 齊  
**HẠ, ĐỊCH XÂM TỀ**  
**MÙA HẠ ĐỊCH XÂM TỀ**

Tả - Người Tấn xâm Trịnh để xem có thể đánh được hay không. Địch nhân Tấn có việc ở Trịnh, mùa hạ mới xâm Tề.

Hồ Truyện - Tá Thị nói, Địch nhân Tấn có việc với Trịnh mới xâm Tề. Tấn Văn Công mà dời quân vây Trịnh để phạt

Địch thì mới đúng chức vụ Bá chủ. Trên chép Địch xâm Tề, dù chép vậy Trịnh, đó là cứ chép đúng việc mà chép, rồi ý nghĩ tự nhiên rõ.

**Cao Kháng** - Địch mà xâm Tề là tự mình đã trái lời thế vậy. Tề Hoàn sau hội Thiệu Lăng có chép Địch xâm Tấn. Tấn Văn sau hội Thành Bộc có chép Địch xâm Tề, Địch dám chống khinh thường lòng hành như thế mà hai vị Bá không ngăn can, trừng trị được.

**Triệu Bằng Phi** - Tấn Văn khi đã thắng Sở, hai lần châu Thiên Tử. Đến hội Địch Tuyền thì không tới. Hội thế có người của Thiên Tử mà còn sơ suất thế, còn trách gì rợ Địch. Tinh Văn Công cương nghị, quá cảm có phần hơn Tề Hoàn, tiếc rằng già rồi, sức có suy kém.

秋 衛 撥 其 大 夫 元 咺

**THU VỆ SÁT KỲ ĐẠI PHU NGUYÊN HUYỄN**

**MÙA THU VỆ GIẾT ĐẠI PHU NGUYÊN HUYỄN**

**Tả** - Tấn Hầu sai thầy thuốc là Y Diễn đánh thuốc độc cho Vệ Hâu. Ninh Du biết có dối thuốc, cho thuốc độc nhẹ, thành ra Vệ Hâu thoát chết, Công (Lỗ) xin hộ cho, hiến cho Thiên Tử đồ lễ, cùng biểu Tấn Hầu mỗi vị 10 đôi ngọc bích. Thiên Tử ưng thuận, mùa thu mới tha Vệ Hâu. Vệ Hâu sai hối lộ cho Chu Chuyên và Dã Cạn (đại phu ở Vệ) nói: Nếu làm được cho ta trở về thì hai người sẽ cùng được phong chức khanh. Chu và Dã mới giết Nguyên Hiến và Tử Thích cùng Tử Nghi. Vệ Hâu vào Vệ tế Thái Miếu. Chu và Dã đã được chức khanh, tiến vào triều. Chu Chuyên vào đến cửa bị ngộ bệnh chết. Dã Cạn cũng từ chức khanh.

**Công** - Vệ Hâu chưa tới, chép việc giết Nguyên Huyền mà dùng chữ nước giết (Vệ giết) là tại sao? Là theo đạo lý.

**Cốc** - Chép là nước giết, là tội có liên hệ đến người trên, là vì đã đi kiện vua. Vệ Hâu còn ở ngoài mà lại bảo là có liên hệ đến người trên là tại sao? Đợi giết được rồi mới vào nước.

**Phạm Ninh** - Xét Tuyên Công năm thứ 9, Trần giết đại phu Tiết Dã, truyện có chép: Gọi tên nước mà chép việc giết đại

phu, tức là giết một người vô tội, ở đây thì nói: Gọi tên nước mà chép việc giết, là vì tội có liên hệ đến người trên. Phàm gọi tên nước mà chép việc giết đại phu thì hoặc là giết một người vô tội, hoặc là tội có liên hệ đến người trên, so sánh không giống nhau. Tuy nhiên gọi tên nước mà chép giết người. Có hai ý nghĩa: Tiết Dã trung hiền mà vua Trần giết đi, thế là vua vô đạo. Vệ Hâu tuy không có đức, nhưng không có lý "thần kiện quân" vậy tội Nguyên Huyền là nặng. Vệ Hâu không nghĩ đến cái lỗi phải bị đưa ra tụng đình, có lỗi mà không biết sửa lại còn oán hờn. Thế là trên dưới (vua tôi) đều hư hỏng. Cho nên bàn rằng tội liên hệ đến người trên.

## 及公子瑕 CẬP CÔNG TỬ HÀ VÀ CÔNG TỬ HÀ

**Cốc** - Cùng là liên hệ. Thế là liên hệ tôn với ty.

**Đỗ Dự** - Hà được lập đầy năm. Vì không hội với chư hầu cho nên không gọi là vua (quân).

**Xét** - Công tử Hà lập lên ngôi đã qua năm, không thành tên vua mà chỉ Công tử, Lưu Sưởng mới nghi thuyết của Tả Thị cho Nguyên Huyền lập Hà là không có. Xét sự việc Xuân Thu, đều căn cứ vào Tả thị. Đã không rõ ở Kinh mà còn nghi ở truyện thì Lưu Sưởng quả là quá nghi. Hồ Truyện thì nghi Huyền tuy lập Hà nhưng Hà tự mình không dám làm vua, nói là không cùng hàng với hạng cướp, Thế là Hà biết cự lại Huyền từ ngôi, mà không nhận ngôi, không giống như Trần Đà, thế là Hà biết giữ tiết, không để cho người trong nước ghét được. Thế thì phải cho Hà là hiền, khen nên gọi là Công tử. Vương Duyên thì lại bàn khác: Nghi là Hà với Huyền giống nhau cho rằng Thúc Vũ vì mệnh vua phải đứng ra để chủ việc thế. Cho nên gọi là Vệ Tử. Còn như Hà là Huyền đặt làm vua không phải vua mà cứ nhận làm vua. Nay cùng với Huyền cùng bị giết, cho nên gọi là Công tử, không cho Huyền được phép lập Hà làm vua, vì thế cho Hà là bậy, vì thế chê biếm, nên mới gọi là Công tử, Hai

thuyết đó đều chưa hiểu rõ điều lệ của Kinh Xuân Thu. Duy có Đỗ Dự cho rằng chưa có hội với chư hầu cho nên không gọi là vua, cho thế còn được, nhưng thuyết ấy vẫn chưa đủ. Phép Xuân Thu là nước không có hai vua. Vua tuy lập chưa đầy năm. Chưa hội với chư hầu mà cũng được gọi là quân (vua) vì nước không thể có hai vua, mà cũng không thể không có vua, đó là trường hợp Tề quân Trà khi trước. Đã được liệt vào hội thì tuy có người là hạng thoán nghịch, cũng được gọi là quân, nước không thể không có vua, vậy thế là các chư hầu lập lên làm vua, như cảnh Tào Bá phu sô khi trước. Nước có hai quân mà thường được liệt kê vào hội thì đều được gọi là vua vì chư hầu đều cho cả hai là vua, đó là hoàn cảnh của Vệ Khẩn, với kẻ thoán nghịch. Nước có hai vua, mà một vua thì chưa liệt kê vào hội thì ở ngôi tuy đã lâu, cũng không gọi là vua, vì cố. Nước đã có vua, mà người kia thì chư hầu chưa công nhận, đó là hoàn cảnh Trịnh Hốt với Tử Nghi vậy. Công tử Hà với Tử Nghi, chính giống hoàn cảnh ấy: nước đã có vua, mình lại chưa liệt kê vào hội cho nên Tử Nghi không chép là thi (giết vua) mà Hà không thể gọi là quân được. Tuy nhiên, Hà có hiền không, nên khen chăng, nên chê chăng. Đáp: Sự thực Huyền lập lên ngôi mà bị liên lụy. Hà không có được tiết khí của Tào Tang lại không có được mưu trí của Tống Phùng; thế thì chỉ chép được là Công tử Hà mà thôi.

衛侯鄭歸于衛

## VỆ HẦU TRỊNH QUY VU VỆ VỆ HẦU TRỊNH TRỞ VỀ NƯỚC VỆ

**Công** - Đã giết đại phu mà lại chép là trở về (quy) là thế nào. Là quy ác cho Nguyên Huyền. Nguyên Huyền thờ vua. Vua đi ra ngoài, thì mình về nước. Vua về nước thì mình đi ra ngoài. Thế là bất thần.

**Hồ Truyền** - Vệ Hầu chạy trốn sang Sở, thì không chép tên. Bị bắt bên Tấn không chép tên, nay lại trở về nước lại được cả đất đai thì sao chép tên. Vệ Hầu lần trước về thì giết Thúc Vũ. Lần thứ hai về thì giết đến Công tử Hà. Xuân Thu ghét cho nên mới lại chép tên, để răn hậu thế.

**Trần Phó Lương** - Trước kia chép "lại trở về". Nay trở về không dùng chữ "lại" là tại sao?. Chạy trốn là lời nói cho kẻ mất nước Bị bắt là lời dùng cho kẻ chưa bị mất nước. Phạm đã bị bắt thì không chép là trở về. Bị bắt mà chép là trở về là ở canh nguy không thể trở về được. Thế cho nên vua bị bắt không chép tên trở về mới chép tên. Bị bắt thì chép là Vệ Hâu. Trở về thì chép là Vệ Hâu Trịnh. Bị bắt là thì chép là Tào Bá, Trở về thì chép là Tào Bá Tương. Chép tên thế cũng là lời dùng cho kẻ đã mất nước.

晉人秦人圍鄭

## TẤN NHÂN, TẤN NHÂN VI TRỊNH NGƯỜI TẤN, NGƯỜI TẤN, VÂY TRỊNH

Tà - Tháng chín ngày Giáp Ngọ, Tấn Hâu, Tấn Bá vây Trịnh. Lấy cớ là Trịnh đã vô lễ với Tấn, và lại nhị tâm kết giao với Sở. Tấn đóng quân ở Hàm Lăng. Tấn đóng quân ở Di Nam. Dật Chi Hồ, nói với Trịnh rằng: Nước nguy mất. Nếu sai Chúc Chi Vũ yết kiến vua Tấn, quân Tấn tất là lui. Trịnh Công nghe theo. Vũ từ chối nói: Thần khi ít tuổi, còn chẳng bằng ai, nay già rồi, còn làm gì được. Vua nói: Tôi không sớm biết ông, nay việc gấp, cầu đến ông thật là lỗi tại tôi. Vả Trịnh mất thì ông cũng có hại. Vũ chịu nghe. Tới đến, Vũ leo dây đồng qua thành ra. Đến yết kiến Tấn. Bá nói: Tấn và Tấn vây Trịnh, Trịnh biết là mất đến nơi. Mất Trịnh lợi cho Tấn thì không nói làm gì. Nhưng xét Tấn, cách một nước mới tới đất Trịnh, thì bờ cõi Trịnh sẽ dễ cho ai. Sao lại bỏ Trịnh cho nước láng giềng mình thêm mạnh hơn. Láng giềng càng được tăng thì Tấn càng giảm. Nếu cứ để Trịnh làm chủ mặt đông, thì người Tấn tiện lợi đi đi về về, giá có thiếu thốn, đã có Trịnh tư cấp, nhà vua đâu có hại. Huống chi nhà vua ra ơn cho Tấn đã nhiều lần. Tấn hứa nộp đất Tiêu và đất Hà. Sau khi Tấn Huệ Công được giúp cho đưa về nước. Thế mà Huệ Công sớm qua sông, chiều đã cho đắp thêm hai thành. Việc Tấn bội ước chắc nhà vua còn nhớ. Tấn đã tham thì có bao giờ cho là đủ. Khi đã lấy được đất Trịnh thì sẽ sinh ra ý muốn lấy đất phía tây. Phía tây, nếu không xét đến Tấn

thì còn xét đến nước nào. Thiết Tần, lợi Tần xin nhà vua nghỉ. Tần nghe ra, mới cùng người Trịnh thế. Rồi sai ba đại phu là Kỳ Tử, Phùng Tôn, Dương Tôn ở lại giúp Trịnh, rồi đem quân về. Tư Phạm (Tấn) xin đuổi đánh. Tấn Công không cho và nói: Không có người ta giúp sức thì đâu có ngày nay. Đã nhờ sức người ta rồi lại cố làm giảm sức người ta thì là bất nhân. Không biết giữ một đồng minh là bất tri. Đang hòa mà dõng ra chiến là trái với việc bình thôi ta về. Thế rồi cùng đem quân về.

Xưa, Công tử nước Trịnh tên là Lan, chạy trốn sang Tấn, theo Tấn Hầu đánh Trịnh, nhưng xin không được dự việc vây Trịnh. Tấn Công thuận cho, và cho ở lại tại Đông Đô. Đại phu nước Trịnh là Thạch Giáp Phu xin thay Chúc Vũ đã mệt nhọc, tình nguyện sang quân đánh Tấn xin hòa, và đón Thế tử Lan về. Người Tấn ưng thuận.

Theo sách Hoàn Vũ Ký, Hàm Lăng ở huyện Tân Trịnh phía bắc ngoài ba mươi dặm hình núi như cái bao. Di Nam tức là đất Đông Di. Tiêu và Hà là hai hàng thành trong năm thành ở Hà ngoại nước Tấn.

**Gia Huyền Ông** - Tả Truyện bảo rằng Tấn và Tấn vây Trịnh, vì cố Trịnh đã vô lễ và lên kết giao với Sở. Tấn Văn khi mới về nước còn nói "oán cũ chưa quên". Nay đã đầy năm rồi. Trịnh đã dự hội thề, Tấn vẫn không bằng lòng, còn lấy oán cũ mà đem quân tới. Xét ra, hội Dịch Tuyền. Trịnh không tới, vì thế nghi là Trịnh nhị tâm với Sở. Năm trước, Trịnh có ở hội đất Ôn, để châu Thiên Tử, nay chỉ vì một lần không dự thề, tức thì Tấn và Tấn đem quân đến. Vì thế Kinh Xuân Thu biếm chê. Tấn Bá ví như biết là nghĩa không nên đánh, thì đã cùng Tấn bàn, rồi cùng lui quân, chứ đừng nên một mình lui quân riêng, thề riêng với Trịnh. Vì thế Kinh cũng chê và cũng chép là "người".

**Uông Khắc Khoan** - Thề ở Dịch Tuyền, sự thực là để mưu đánh Trịnh, mà Trịnh không chịu phục cho nên mùa xuân, người Tấn xâm Trịnh, xâm mà không phục được Trịnh vì thế mới cùng vây với Tấn vây Trịnh, lấy cố Trịnh nhị tâm với Sở để đem quân đánh Trịnh, vây đâu có thể chỉ vì oán cũ. Tuy nhiên, chừng nào không dùng điều đức, chỉ dùng điều ngược thì Bá chủ đâu

có phục được kẻ nhĩ tâm. Huống chi hai nước Tấn, Tần đã đồng sự mà lại không tâm. Xuân Thu biếm chê, dùng chữ người (người Tấn, người Tần) để chép là có cơ.

**Xét** - Việc vây Trịnh, Tôn Phục, Hồ Viện, đều căn cứ vào lời của Kinh. Cho là trách Trịnh không dự thề ở Dịch Tuyền. Tả Truyện cũng bảo là Trịnh vô lễ với Tấn, và nhĩ tâm với Sở. Cũng như bảo Trịnh đã nhĩ tâm với Sở không dự thề. Trịnh ở trong khoảng gần đất Chu, đối với Dịch Tuyền là gần. Bá chủ thề ở gần đất Trịnh mà Trịnh không đến, thề cũng là vô lễ, chả cần phải nêu rõ các việc vô lễ khi Tấn Văn còn đang chạy trốn. Huống hồ lại còn Thiên Tử phong thưởng Tấn Hầu. Trịnh Bá giữ chức phụ trách lễ nghi, rồi lại tới các công việc đồng minh hội, Tấn đến khi đó đâu còn nghĩ đến cụt oán. Cho nên không chép lời bàn Hồ Truyện. Chỉ chép các thuyết của Gia Huyền Ông và Uông Khắc Khoan.

### 介人侵蕭

### GIỚI NHÂN XÂM TIÊU

### NGƯỜI GIỚI XÂM NƯỚC TIÊU

**Trương Hiệp** - Giới hai lần đến Lỗ, mà năm sau xâm Tiêu, tức là xin Lỗ giúp rồi sau mới cất quân, cũng như người Kinh Sở tới lễ nước Tấn.

### 冬天王使宰周公來聘

### ĐÔNG, THIÊN VƯƠNG SỬ TỂ CHU CÔNG LAI SÍNH MÙA ĐÔNG, THIÊN TỬ SAI TỂ CHU CÔNG LAI SÍNH

**Tả** - Mùa đông, vua sai Chu Công Duyệt lại sính. Lỗ đãi tiệc, dùng các thức ăn, các đồ vật để ăn, toàn theo đại lễ. Tể từ chối nói: Nước ta, văn thì sáng, vũ thì uy, tất đủ các thức dùng vừa phải cho việc yến tiệc để hình tượng đức độ, như dùng những thức này là để đãi các vị có công lớn, tôi đâu có kham được.

**Trình Đoan Học** - Lễ tuy cũng có việc Thiên Tử sính chư

hầu, nhưng Lỗ chưa thường tới châu vua, bất quá nhân hội thể  
chư hầu, tới châu tại vương Sở mà thôi. Tương Vương đã không  
hay chính được vương pháp lại hạ mình đi sính, thế là thất đạo  
rồi, hướng lại còn sai đến chúc Tế nữa. Suy kém đến thế là cùng.

公子遂如京師  
**CÔNG TỬ TOẠI NHƯ KINH SƯ**  
**CÔNG TỬ TOẠI TỚI KINH SƯ**

Khởi thủy việc sính nhà Chu.

遂如晉  
**TỤY NHU TẤN**  
**RỐI TỚI TẤN**

Tả - Đông Môn Tương Trọng (Công tử Toại) sang sính Chu  
rồi khởi đầu năm sang sính Tấn.

**Công** - Đại phu không có hết việc này "rối" làm việc kia.  
Đây dùng chữ rối, là vì sao. Là vì Lỗ Công không được giữ chính  
quyền.

**Cốc** - Từ tôn rối đến ty. Đây nói thế là ý không dám phản  
Kinh sư.

**Hồ Truyền** - Đại phu đi ra khỏi nước, có khi đi ra có hai việc,  
có khi có một việc, rồi tự mình chuyên nối việc nữa. Chép thì cứ  
chép là rối. Công tử Toại sang Chu và Tấn với việc Sái Công tự  
Lỗ đón Vương Hầu đều là vì có cả hai việc mà ra khỏi nước. Công  
tử Kết đưa thiệp rối tới thể với Tề, Tống là chuyên nối việc trước.  
Trái, phải, hay, dở thì đã có việc bày tỏ ra rõ. Chúng Tế kiêm chúc  
Tam Công chúc vụ thực là quan trọng, mà lại tới sính ở Lỗ. Thế  
thì lễ của Thiên Tử quá hậu. Lỗ hầu đã không tự tới châu tại Kinh  
sư, lại còn sai công tử Toại đi, lại còn ghép cho hai việc để đi một  
thể, thế là liệt nhà Chu vào hàng chư hầu, đó lại là tội bất kính  
rất to. Giẫm lên váng thì biết là sắp có băng, Xuân Thu sử dĩ giết  
mà không cần xử là vì thế. Thế thì ở đây, việc này sao không

biếm, chê, có khi không cần biếm, chê mà tội ác đã rõ rệt. Đây chính là không biếm chê, để cho rõ rệt.

**Triệu Khuông** - Công Dương lại bao đại phu không có nổi việc nọ rồi đến việc kia. Đây cũng là làm theo mệnh vua, thì lại nói đến đại phu làm gì. Công Dương lại còn bao: Công (Lỗ Công) không được giữ quyền chính. Bao thế là sai. Thời Hi Công, đại phu lúc đầu chưa mạnh (mạnh là nhiều quyền) thì đâu dám tự chuyên, Công Dương chỉ bịa đặt.

**Uông Khắc Khoan** - Kinh Xuân Thu chép Thiên Tử tới sinh tất cả có bảy lần, duy có lần này là sai đến chức Trùng Tề, kiêm Tam Công hạ mệnh tới sinh. Lẽ thật là phi thường, tôn quý quá mức, tư dẫu Xuân Thu chưa bao giờ có. Hoặc giả cho là Hi Công đã hai lần cháu ở vua ở vương Sở, mà cần báo đáp lại chăng. Kinh chép bực khanh, hoặc đại phu sang Chu sinh có bốn lần, duy ở lần này thì cho đại phu đi kiêm hai việc. Từ bắt đầu Xuân Thu, Lỗ Vị thường cháu ở Kinh sư. Cứ lấy nước Lỗ, có Hi Công gọi là vua hiền, lại được Thiên Tử ưu đãi đến thế, thế mà Lỗ xem như gián dị, lười nhác. Lại thêm việc: Tấn chưa sinh Lỗ, Lỗ đã vội sinh Tấn. Chu sinh Lỗ trước rồi Lỗ mới tạm đáp sinh Chu sau. Vậy như thế, lẽ là tôn vương không được cần thận bằng lễ thờ Bá. Tuy nhiên, còn hơn các vị Ân, Hoàn, chỉ nhận sinh mà không báo đáp. Trùng Tề của triều vua Chu bốn lần thấy xuất hiện trong kinh. Lộn xộn có hại cho Tam cương, cho nên chép tên. “Duyệt” tới sinh, lẽ tuy có quá hậu, nhưng so với các việc phúng dăng, thiệp, thừa nhận bọn thoán nghịch, vẫn còn là tội nhẹ.

Năm Nhâm Thìn. Tương vương năm thứ 23.

三十有一年

**TAM THẬP HỮU NHẤT NIÊN**

**NĂM THỨ 31**

Tấn Văn năm thứ 7. Tề Chiêu năm thứ 4. Vệ Thành năm thứ 6. Sái Trang năm thứ 17. Trịnh Văn năm thứ 44. Tào Cung năm thứ 24. Trần Cung năm thứ 3. Kỳ Hoàn năm thứ 8. Tống Thành năm thứ 8. Tấn Mục năm thứ 31. Sở Thành năm thứ 13.

春 取 濟 西 田

## XUÂN, THỦ TẾ TÂY ĐIỀN

### MÙA XUÂN, LẤY RUỘNG TẾ TÂY

**Tả** - Mùa xuân, Lỗ lấy ruộng Tế Tây, phần đất nước Tào được chia cho Lỗ. Lỗ sai Tang Văn Trọng đi lấy. Ngụ tại đất Trùng Quán. Người Trùng Quán báo cáo: Tấn mới thu được chư hầu, tất là thân với những người cộng tác. Nếu không tới nhanh e không kịp. Tang Văn Trọng nghe ngay, Chia đất Tào, từ sông Thao về nam, đông tới sông Tế, đều là đất Tào.

**Công** - Lấy ở đâu, ở Tào, sao không chép ở Tào, kiêng tránh lấy của nước đồng tông. Đây chưa hề có phạt Tào, mà sao lại chép lấy ở Tào. Vì Tấn, Tấn Hầu bắt Tào Bá, nhưng lấy đất được đem chia cho chư hầu. Vậy nếu như thế, thì việc gì mà phải kiêng chép lấy ruộng nước đồng tông.

**Lưu Sương** - Ai lấy chính là Lỗ ta. Lấy ấp tất nói đến nước. Lấy ấp mà không có nước thì không được, thế thì lấy ấp một nước phù dung. Lấy ruộng phải nói đến nước. Lấy ruộng mà không nói đến nước là vì ta chứ đâu có phải nước khác lấy đâu. Lưu Sương lại nói: Tả Thị bảo rằng, sai Tang Văn Trọng đi lấy, bảo thế là sai. Nếu thực là Tang Văn Trọng đi lấy thì đã có chép. Còn chú thích rằng Tang Văn Trọng chỉ là xin ruộng chứ không phải đi sáp hội, cho nên không chép. Tả Thị nói thế cũng sai. Các việc cáo địch, khát sự, diêu, táng, chí nữ, đều chép cả; xin ruộng là một việc phi thường, đáng phải chép. Lại như các việc Thúc Tôn Báo, Táng Thế tử Vu, như Tấn (tối Tấn đều chép, cũng quan trọng như việc xin ruộng. Sách có lẽ dạy: Khanh nếu không phải mệnh vua thì không phải đi khỏi nước. Đi khỏi nước là có chép. Thế sao riêng việc xin ruộng lại không chép. Lại nói: Chia đất Tào, từ Thao về nam, đông tới Tế. Nếu quả như vậy thì nên chép là lấy đất Tào từ Tế Thủy, chứ không được chép ruộng ở Tế Tây mà thôi.

**Uông Khắc Khoan** - Xuân Thu, chép nước Lỗ lấy đất, có 17 lần. Khi dùng sức chiếm nước người, thì chép chiến phạt, như đánh thua quân Tống, lấy cáo, đánh Tề lấy Cốc; đánh Cử lấy

Hương; đánh Châu lấy Tỉ Lâu; lấy Dịch, lấy Khoách đông điền và Nghi tây điền. Nhờ uy nước lớn không phải dùng binh lực, mà lấy được đất cũ, thì không chép xâm phạt, mà chỉ chép lấy, đó là trường hợp Tế Tây Văn Dương. Không phải là đất cũ thì nói rõ tên nước đó là trường hợp lấy ruộng nước Châu từ Khoách Thủy. Lấy nước nhỏ, nước phụ dung, sau khi đã diệt, thì tránh nói là xâm phạt chỉ nói là lấy, như lấy các nước Cấn, Mậu, Thi, Tàng. Lấy mà còn để nguyên tôn miếu cho người ta thờ tự, là trường hợp đánh nước Châu, lấy đất Tu Câu. Còn như lấy Văn, ấp nước Lô, là nhân loạn lấy ấp thì không chép rõ tường tận. Khi lấy đất Hám thì Chiêu Công tự ở ngoài, mà đánh ấp trong, đó là biến lệ của Xuân Thu, hoặc bảo rằng Tế Tây là do người Tấn xâm cương, vực cũ của Lô, thời đó, Tấn Bá đang cường thịnh, há lại chịu trả đất về cho Lô ư. Hướng Lô, Tấn đâu có phải là hai nước giáp địa với nhau, sao nói xuyên tạc đến thế.

公子遂如晉

**CÔNG TỬ TOẠI NHƯ TẤN**  
**CÔNG TỬ TOẠI SANG TẤN**

Tả - Công tử Toại (Tương Như) sang Tấn là để tạ ơn việc ruộng Tào.

Cao Kháng - Tấn chưa từng tới sinh mà Công tử Toại mùa đông đã sang Tấn sinh, mùa xuân lại sang tạ việc lấy ruộng Tế Tây, sao hậu với Tấn mà bạc với Chu thế.

夏四月四卜郊

**HẠ, TỬ NGUYỆT, TỬ BỐC GIAO**  
**MÙA HẠ, THÁNG TƯ, BỐN LẦN BÓI VỀ VIỆC TẾ GIAO**

Công - Thế nào là hoặc nói ba lượt hoặc nói bốn lượt bói. Ba lượt là đúng lễ, Bốn lượt là phi lễ. Thế là thế nào. Theo đạo xưa thì chỉ có ba. Tế Đế là thường rồi, không phải ấn định. Tế Giao, phải ấn định phải bói, Lô bói Tế Giao là phi lễ. Vì sao Lô tế Giao lại phi lễ. Vì Giao là tế trời. Có Thiên Tử mới tế trời, chư hầu thì tế đất (thổ địa) Thiên Tử có phận sự trông

coi tất cả các nước. Chư hầu chỉ có cương vực nước mình, đâu có được biết núi sông của thiên hạ cho nên không được tế Giao.

**Cốc** - Mùa hạ tháng tư, đã là không dùng đúng mùa, lại từ bốc Giao là phi lễ.

**Hồ Truyền** - Sách Lễ Ký có chép: Tế Đế ở đất Giao là để định ngôi vị của trời. Lễ phải ở đất Giao, bách thần đều đến nhận chức. Lỗ, chư hầu làm gì có đất Giao. Vua Chu Thành Vương thấy Chu Công có nhiều công to với cả thiên hạ, mệnh cho Lỗ Công dời dời tế Chu Công được dùng lễ nhạc Thiên Tử, thế cho nên vua Lỗ, Tháng Mạnh Xuân, đi xe Thiên Tử dùng tất cả nghi lễ Thiên Tử, để Tế Đế ở đất Giao, lấy vua Hậu Tắc phối hưởng (thờ chung) y như Thiên Tử tế Giao dù mình chỉ là hạng bầy tôi. Đó là Thành Vương thưởng cho quá mức, mà Lỗ Công Bá Cầm xưa nhận lấy thì thật là không phải. Dương Tử nói: Theo pháp chế Thiên Tử, chư hầu thì dùng lễ tiết (đã hạn định) Tiết không được lẫn với tiếm. Tiếm thì còn gì nặng tội bằng tiếm tế. Tế còn gì trọng bằng tế đất. Đất không trọng bằng trời. Chư hầu mà tế trời là tiếm đến cực. Trong Kinh Xuân Thu, Thánh nhân muốn san bỏ không giữ lại, thì e những điều sai lầm, nếu không chép thì không dạy răn đời sau được. Nhưng nếu chép cả mọi việc thường trong năm thì không sách nào chép đủ được. Vậy chỉ có khi nào vào lễ có chỗ khác thường mới chép, khác thường vì lễ theo bói, vì lễ theo vọng, vì lễ theo đồ cúng tế, thế thì lễ đã biến, mà trong biến lại có biến nữa. Phu tử có bảo thầy Tử Du rằng: Lỗ mà lễ Giao ở tong tế Đế là phi lễ, thế là đạo Chu Công đã suy. Tế Giao nước Kỷ là tế vua Vũ Tế Giao nước Tống là tế ông Tiết. Kỷ và Tống là dòng dõi nhà Hạ và nhà Thương, được mệnh nhà Chu, hai nước Kỷ Tống được nhà Chu coi là tế tiên tổ, các nước chư hầu bị thế nào được. Thế cho nên Thiên Tử tế trời đất, chư hầu tế xã tắc, các bài chúc hồ cứ theo đúng như xưa. Đối khác đi là loạn danh, phạm phạm, cái đại đạo của người ta. Kinh phải nêu cao lên. Cho nên có câu: Lễ Giao xã là để thờ thượng đế. Lễ tôn miếu là để thờ tổ tiên. Làm sáng tỏ được lễ tế Giao xã, được nghĩa Đế, Thương, đã làm sáng tỏ được lễ nghĩa ấy, thì việc trị nước dễ như trở bàn tay. Vậy thường dân không được có ngũ tế, đại phụ không được tế xã tắc, chư hầu không được tế trời đất,

dầu có phải là muốn làm cho lễ kém dần, thực là chỉ không muốn cho sai cái lý đã nhận định được. Đã biết rằng lý không thể đổi được thì cứ ở yên thủ phận, đừng có tâm muốn tiến, thế thì còn lo gì việc thiên hạ, quốc gia là khó.

**Dạm Trợ** - Thiên Tử lấy ngày đông chí tế Thượng Đế lại lấy tháng Mạnh Xuân (lịch nhà Hạ) tế Kỳ Cốc với Thượng Đế ở Tế Giao. Vậy gọi là Tế Giao. Lỗ lấy cơ Chu Công, tháng Mạnh Xuân, cũng lễ Kỳ Cốc, phối Thượng Đế cùng Tế Giao. Tế Giao thì dùng ngày can tân. Cho nên ở vào tháng hai thì bói lấy ngày thượng tân. Nếu quẻ không tốt thì bói ngày trung tân (10 ngày sau). Nếu không tốt thì bói lấy ngày hạ tân (10 ngày sau). Cứ dần dần lui lại. Ba tuần bói mà không tốt thì thôi, không có Tế Giao nữa.

**Trình Tử** - Chu Công dù có công rất to, địa vị vẫn là thần tử, sao Lỗ lại được dùng lễ nhạc Thiên Tử, Thành Vương ban, Bá Cầm nhận, đều sai cả.

不從乃免牲

**BẤT TÔNG NẠI MIỄN SINH**

**KHÔNG ĐƯỢC TỐT, NÊN BÓI MIỄN SINH**

**Công** - Tại sao hoặc nói bói miễn sinh (đồ sống), hoặc nói bói miễn ngư (trâu bò). Miễn sinh là lễ. Miễn ngư là phi lễ, vì chữ ngư đây có nghĩa là thương, là giết.

**Cốc** - Miễn sinh là gì. Là Quan Hữu Tự bận áo xiêm, phẩm phục, theo đúng lễ tế, giết sinh đến nền Nam Giao. Miễn Ngư cũng vậy. Còn chữ nãi, nên mới bèn là ý không muốn nói ai làm.

**Dạm Trợ** - Phàm nói đến sinh là nuôi hai con: một con để tế Thượng Đế một con để tế Hậu Tắc. Phàm bói ba tuần mà đều không tốt thì thôi lễ Giao. Trâu chết và trâu có tai nạn thì bói tắc ngư (ngư tế Hậu Tắc) để thay thế. Nếu bói Tắc Ngư bị quẻ không tốt và Tắc Ngư lại chết thì cũng thôi lễ Giao. Phàm thôi lễ Giao thì bói miễn sinh. Bói miễn sinh mà quẻ tốt thì miễn đi. Quẻ không tốt thì bất quá chỉ là bất Giao, không Giao mà thôi.

**Uông Khắc Khoan** - Đã miễn sinh không chép là bất Giao là vì đã bói miễn sinh mà quẻ tốt tức là không nên có Giao vậy. Miễn ngu thì còn có thể bói lại, cho nên lại chép thêm đất Giao.

### 猶 三 望

## DO TAM VỌNG CÒN TẾ TAM VỌNG

**Tả** - Bốn lần bói tế Giao không được tốt thì bói miễn sinh thế là phi lễ. Lại tế tam vọng cũng là phi lễ, theo lễ không bói các tế thường. Mà đi bói ngày dùng sinh. Bói ngày dùng trâu thì gọi là sinh. Bói sinh được rồi mà bói Giao tế là khinh nhờn người trên. Vọng là tế Giao nhỏ. Đã bất Giao thì cũng có thể không có tế vọng.

**Công** - Tam vọng là gì. Là tế vọng. Tế gì, Tế Thái Sơn, sông Hà và bể. Ý nghĩa là núi sông thăm nhăm đến trăm dặm, Thiên Tử theo lời hạn đã định mà tế. Thái Sơn là do từng viên đá kết lại. Nhờ Thái sơn mà mưa xuống khắp thiên hạ trong chốc lát được. Hà, Hải vì chảy thông mà nhuận thấm suốt nghìn dặm. Đây chép là để chê. Chê rằng, đã không có Giao lại còn tế Vọng.

**Cốc** - Chữ do là ý có thể thôi được.

**Hồ Truỵện** - Vọng là tế vọng. Họ Hữu Ngu nhận ngôi vua (của vua Nghiêu) mà tế vọng rồi nhân đó tế Loại (một thứ tế). Trong khi tuần thú, tế vọng, rồi nhân đó tế Sài, đó đều là công việc của Thiên Tử. Nay Lỗ không tế Giao mà lại vọng, cho nên đặc biệt chép chữ do là có ý nói có thể thôi không có vọng. Còn nói đến tam vọng là thế nào? Thiên Tử thì có Phương Vọng. Trong thiên hạ có đâu là Thiên Tử không biết, Chư Hầu mà trong nước mình không có sông lớn, không có núi có tên thì không tế, Lỗ được dùng lễ lớn, đối với vương thất thì rút bớt, cho nên vọng có con số ba. Lỗ đối với chư hầu thì vẫn hơn, cho nên Hà và Hải tuy không ở trong cương vực nước Lỗ mà cũng cứ tế. Tuy nhiên không phải là việc chư hầu được làm.

**Tôn Phục** - Công Dương bảo Thái Sơn, Hà, Hải. Trịnh Thi bảo là, Hà, Thái Sơn, Hoài (sông Hoài). Đồ Dự bảo là nơi chia cương giới, theo tượng sao trên trời, và núi sông trong nước Lỗ, nay xét các lời bàn giải thích của Trịnh. Đồ đã cho rằng, chư hầu tế sông núi trong cõi, thế thì Hải, Hà, Hoài đâu có ở trong nước Lỗ. Lại còn lý lẽ, chư hầu không có tế, nơi tượng sao trên trời chia cương giới lại còn lý lẽ Lỗ đã tế Thiên Tử trong bốn thứ vọng đã tế đến ba thứ. Cứ xét kỹ các lời bàn đó thì duy chỉ có lời Công Dương là nghe được.

**Chu Tử** - Do Tam vọng nghĩa là còn tế Tam vọng. Thế là bắt tất tế vọng mà cứ vọng, bắt tất tế mà còn tế.

**Trương Hiệp** - Trình, Đồ e là ức thuyết, ức đoán. Vì Thiên Tử có tứ vọng. Tuy có cho Lỗ tế Giao, là chỉ hành lễ Ký Cốc (một chi tiết) của tế Giao thôi. Còn Lỗ được tế vọng so với Thiên Tử thì bớt đi một trong bốn thứ. Cho nên, ba vọng và một Giao chép ra thì không có gì lạ. Mà chép đến chữ do là có ý chê là không nên tế vọng mà cứ tế vọng. Như cho là Lỗ tế vọng mà không ra khỏi nước thì làm sao mà chép chữ do là còn, để mà chê, y như chép chữ còn tế Dịch năm Nhâm ngọ. Vậy thuyết của Công Dương tất là Công Dương có được truyền lại.

**Xét** - Cái thuyết Tam vọng, mỗi người bàn mỗi khác. Hồ Truyện chỉ lấy Công Dương về nghĩa Thái Sơn, Hà, Hải, xét vua Thuấn nhận ngôi của vua Nghiêu xong, nhân đi tuần thú, có tế Vọng thì Vọng ấy là tế Sơn Xuyên, còn như Sơn Xuyên trong cõi từng nước, thì từng chư hầu cứ tế đó là việc thường chả cần chép làm gì. Tôn Phục, Ưông Khắc Khoan đều cho Công Dương là sát lý. Tuy nhiên, trong Chu Lễ, về Đại Tư Nhạc có chia nhạc để tế. Tấu bản Hoàng Chung, ca bài Đại Lữ múa điệu Vân Môn là để Thiên Thần, Tấu bản Đại Thốc ca bài Ứng Chung, múa điệu Hàm Trì là để tế Địa Kỳ. Tấu bản Cô Tẩy, ca bài nam nữ, múa điệu Đại Khánh, là để tế Tứ Vọng. Tấu bản Sinh Tâm, ca bài Hàm Chung múa điệu Đại Hạ, là để tế Sơn Xuyên.

Đã chép Tứ Vọng, lại chép Sơn Xuyên, thế là ngoài Sơn Xuyên có Tứ Vọng. Tế Thiên Thần gọi là Tự. Tế Tứ Vọng cũng gọi là Tự. Tế Địa Kỳ gọi là Tế. Tế Sơn Xuyên cũng gọi là Tế. Thế tức là bốn vọng phụ vào tế Thiên Thần. Tế Sơn Xuyên phụ vào

tế Địa Kỳ, không được để sơn xuyên liệt vào hàng Tứ Vọng Vây, Tế, Tự, mỗi thứ theo mỗi loại, cho nên gần đây, lễ Giao Tự, tất lấy Tinh, Thần, Phong, Vũ tự, (tế) theo (tòng, tự) ở bên dân Núi, Bể, Ngòi, tế theo (tòng tế) Đầm, Trạch - Sách Trịnh Chú. Giả Sớ bảo rằng, Nhật, Nguyệt Tinh, Thần, ở vào hàng Thiên Thần. Lại còn bảo rằng: Tư Trung, Tư Mệnh, Phong sư, Vũ sư, nên ở Tứ vọng, ý giả cho Tư Vọng thuộc loại Thiên Thần. Mà Nhật, Nguyệt Tinh, Thần, Tư Trung, Tư Mệnh đều thuộc vào loại Tự. Hãy ghi cả để đợi sau khảo sát.

秋 七 月

**THU, THẤT NGUYỆT**  
**MÙA THU, THÁNG BẢY**

**Phụ lục Tả Truyện** - Mùa thu vua Tấn săn ở Thanh Nguyên. Đặt ra năm quân để phòng rợ狄, cho Triệu Thôi làm khanh. Thanh Nguyên ở huyện Văn Hỷ, Hà Đông nay vẫn còn.

冬 杞 伯 姬 來 求 婦

**ĐÔNG, KỶ BÁ CƠ LAI CẦU PHỤ**  
**MÙA ĐÔNG, KỶ BÁ CƠ LAI ĐÓN DẦU**

**Công** - Chép là lai cầu phụ là thế nào. Là lời dùng vào việc hôn nhân. Sao lại gọi là phụ. Là lời mẹ chồng nói.

**Cốc** - Đàn bà đã đi lấy chồng thì không ra khỏi nước. Kỷ Bá Cơ tới đón là phi lễ.

**Lục Thuấn** - Kinh văn chép thẳng để ghi một việc phi lễ. Công Dương bàn là lời hôn nhân, thật là vô nghĩa lý.

狄 圍 衛

**ĐỊCH VI VỆ**  
**RỢ DỊCH VÂY NƯỚC VỆ**

**Ngô Trưng** - Năm trước, rợ Dịch xâm nước Tề, năm nay lại vây nước Vệ, như là không có Tấn Bá chủ. Hoặc giả Tấn Văn trước ở nước Dịch, lâu năm, cho nên Dịch nhờn chẳng.

十 有 二 月 衛 遷 于 帝 邱

**THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, VỆ THIÊN VU ĐẾ KHU**  
**THÁNG 12, VỆ THIÊN ĐÔ TỚI ĐẾ KHU**

Đế Khu, huyện Bộc Dương, Đông Quận, gò xưa vua Chuyên Húc ở.

**Tả** - Mùa đông, Dịch vây Vệ, Vệ Thiên đô đến Đế Khu. Bói được dài 300 năm. Vệ Thành Công mộng thấy Khang Thúc báo rằng: Tướng không cho người hưởng lộc. Tướng là dòng dõi vua Đế Tương nhà Thương. Vệ Công mới sai cúng, Ninh Vũ Tử can không nên: Không phải loại quý thần thì không được cúng tế. Nước Kỷ, nước Tạng cúng những ai mà rồi nước cũng mất. Tên Tướng không được thờ cúng đã lâu đời rồi, đâu có phải là tội ở nước Vệ, xin đừng có thay đổi các mệnh tế, tự, của Thành Vương Chu Công. Thế là thôi, Vệ bỏ lệnh cúng ấy.

**Phụ lục Tả Truyện** - Trịnh, Tiết Giá, ghét Công tử Hà, Trịnh Bá cũng ghét, cho nên Công tử Hà chạy trốn sang Sở.

**Trương Hiệp** - Dịch vào Vệ năm Mão Công thứ 2 Tề Hoàn cứu rồi phong cho. Từ đấy Dịch không dám đem quân tới Vệ, là nhờ công Hoàn Công. Tề Hoàn chết đi, Vệ Văn quên công đức Tề, liên kết với Tống để đánh Tề, giết người chính mà lập người bất chính. Vì thế, người Dịch mới giả nhân nghĩa phạt Vệ. Người Vệ quên ơn đi nuôi giặc Dịch là từ đó. Đến khi Tấn Văn hưng thịnh. Dịch thôi không xâm Vệ nữa, nay lại áp bức Vệ, đến nỗi Vệ phải thiên đô. Do đó, Hổ Truyện mới buộc tội cho Tấn Văn.

**Hoàng Trọng Dạm** - Truyện có bàn rằng, hễ chư hầu có đạo thì bờ cõi được yên, việc gì phải đến thiên đô. Nếu có sợ bị áp bức, chọn đất tốt đến ở, thì áp bức vẫn còn, rồi vẫn cứ thiên đô, chỉ làm khổ nhọc dân thôi. Đâu có phải là kế hay.

Năm Quý Tỵ, Tương Vương năm thứ 24.

三 十 有 二 年

**TAM THẬP HỮU NHỊ NIÊN**  
**NĂM THỨ 32**

Tấn Văn năm thứ 8. Tề Chiêu năm thứ 5. Vệ Thành năm

thứ 7. Sái Trang năm thứ 18. Trịnh Văn năm thứ 45. Tào Cung năm thứ 25. Trần Cung năm thứ 4. Kỷ Hoàn năm thứ 9. Tống Thành năm thứ 9. Tần Mục năm thứ 32. Sở Thành năm thứ 44

春 王 正 月

**XUÂN VƯƠNG CHÍNH NGUYỆT**  
**MÙA XUÂN, VƯƠNG THÁNG GIÊNG**

**Phụ lục Tả Truyện** - Mùa xuân, Đấu Chương xin hòa với Tấn. Tấn Dương Sứ Phú đáp lễ lại. Sở Tấn bắt đầu thông hiếu.

夏 四 月 己 丑 鄭 伯 捷 卒

**HẠ TỬ NGUYỆT, KỶ SỬU TRỊNH BÁ TIỆP TỐT**  
**MÙA HẠ, THÁNG TƯ, NGÀY KỶ SỬU, TRỊNH BÁ TIỆP MẤT**

衛 人 侵 狄 秋 衛 人 及 狄 盟  
**VỆ NHÂN XÂM ĐỊCH THU VỆ NHÂN CẬP ĐỊCH MINH**  
**NGƯỜI VỆ XÂM ĐỊCH, MÙA THU, NGƯỜI VỆ CÙNG ĐỊCH THỂ**

**Tả** - Mùa hạ, Địch có loạn. Người Vệ xâm Địch, Địch xin hòa. Mùa thu, người Vệ cùng Địch thể.

**Ngô Trường** - Vệ sợ Địch mạnh, thiên đô để tránh, nay thừa cơ Địch có loạn. Vệ mới dám đem quân tới biên giới, chép là xâm, chứ không chép là phạt, không dám kể rõ tội Địch để mà đánh.

冬 十 有 二 月 己 卯 晉 侯 重 耳 卒

**ĐÔNG THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, KỶ MÃO**  
**TẤN HẦU, TRÙNG NHỊ TỐT**  
**MÙA ĐÔNG THÁNG 12, NGÀY KỶ MÃO,**  
**TẤN HẦU TRÙNG NHỊ MẤT**

**Tả** - Mùa đông, Tấn Văn Công mất. Ngày Canh Thìn định đem tang về Khúc Ốc. Ra khỏi đất Giăng (Giăng Thủy, sông Giăng)

trong cũi có tiếng rống như tiếng trâu. Bốc Yển bảo đại phu lễ rồi nói. Vua bảo có đại sự sẽ có quân ở phía tây tới, nhưng ta đánh được, sẽ toàn thắng. Kỵ từ từ Trình cho báo cáo về nước Tần, rằng nước Trịnh nhờ ta cai quản bắc môn, nếu ta lên đem quân tới thì có thể lấy nước được. Mục Công hỏi Kiến Thúc. Kiến Thúc nói: Cho quân đi viễn chinh khó nhọc, tôi chưa thấy ai nghi mưu ấy, quân lính đã nhọc, sức đã kiệt, mà bên địch lại có phòng bị, vậy rất là không nên. Quân ta hành động Trịnh tất biết. Quân bị khó nhọc mà không có mục đích thì sinh oán. Vả lại quân đi hàng nghìn dặm nước nào là không biết. Vua không nghe, gọi Mạnh Minh, Tây Khất, Bạch Ất sai cầm quân, theo đường cửa đông, tiến phát. Kiến Thúc khóc tiễn đưa: Mạnh Minh con ơi, ta được tiễn quân đi, mà không đón được quân về. Vua sai trách rằng. Người còn biết gì. Hạng cùng tuổi ngươi, trên mã, cây đã mọc to bằng ôm tay rồi. Con Kiến Thúc cũng ở trong quân, Kiến Thúc nói: Người Tần sẽ chặn quân ta ở đất Hào. Hào có hai gò, gò Nam Lăng là nơi mộ Hạ Hầu Cao, gò Bắc Lăng là nơi xưa Văn Vương trú mưa gió. Chắc chết ở khoảng ấy. Ta sẽ nhật xương con ở đây, Quân Tần tiến phát.

**Gia Huyễn Ông** - Tề Hoàn ung dung không vội vã, có khí tượng thời thịnh nhà Chu. Tấn Văn công cạn hấp tấp, như có phong độ chiến quốc Tần, Hán. Tả Truyện mới cho là trong việc ở Thành Bộc, vì ba kẻ có tội mà dân phải phục theo, đều là dùng sai hình pháp: Điền Hiệt, Kỳ Mãn, Chu Chi Kiêu, đều có công lao, có năng lực, nếu thực có tội cũng còn có thể tha được mà đều bị chết về tội chưa đáng chết, Tấn Văn công tâm không được rộng rãi, lại được bọn Hồ, Triệu, giúp cho thêm khắc nghiệt mọi việc đều như thế cả.

**Vương Nguyên Kiệt** - Tề Hiếu không có tài nổi được nghiệp Tề Hoàn. Tấn Tương lại nổi nghiệp Bá của Tấn Văn, truyền cho mấy đời, thế là vì sao. Xét, quốc gia mà thịnh suy, là do nhân tài được dùng, hay không được dùng. Hoàn Công dùng Quản Trọng, giao cho hết quyền. Quyền vào một người. Người chết là nghiệp suy. Văn Công từ khi về nước lên ngôi đã biết tuyển dụng bọn Hồ, Triệu, để thành nghiệp Bá, truyền đến con cháu mấy đời, mà chưa hết. Thế thì cái đạo dùng người là việc làm đầu tiên cho một quốc gia, đời sau lấy đấy làm gương.

**Lý Liêm** - Tấn Văn năm Lỗ Hi Công thứ 24 thì vào nước

lên ngôi. Năm 28, về việc ở Thành Bộc, mới thành bá nghiệp, cho đến năm 32, trước sau được năm năm. Lý Thị nói: Tấn có công nghiệp của hai đời Văn: là Văn Hưu và Văn Công. Sách chép Văn Hưu giúp được vua trong bước gian nan được phong thưởng đến đại lễ, ở thời Đông Chu được tiếng là hiền hầu. Kinh Xuân Thu thì chép tường Văn Công làm bá chủ, thực vẫn là gia pháp Văn Hưu. Văn Công mà hưng thịnh, việc dễ hơn Tề Hoàn như là việc tự đến. Thế mà Văn Công khi đã vào nước, lên ngôi, thì công việc không thấy chép ở Kinh, phạm bốn năm. Tuy có công to giúp Thiên Tử mà Kinh san tước không thấy chép. Cho đến năm Hi Công thứ 28, mới thấy chép mà trong một thế có chép về Tấn Hưu đến năm lần, không cho là nhiều, tại sao vậy. Vì từ khi Vũ Công lấy thứ thay trưởng, đến thân dân nước Tấn cũng không tự an được, Xuân Thu vì thế san Tấn không chép, Văn Công chạy trốn lâu sau mới về. Trong nước không ai ra lệnh, dân không biết nghe ai, cho nên Kinh chỉ lược qua. Đến khi vì giúp Thiên Tử, hội chư hầu, thì chỉ là vì có lợi, chứ không phải vì nghĩa vua tôi. Năm Hi Công thứ 28, có việc Tấn, Sở, thì Di Dịch ngoài cõi thịnh hay suy có quan hệ đến sự còn mất của cả Trung Quốc, chứ không riêng về một nước, và Xuân Thu vốn là ức Sở, tức là chê Sở, cho nên có nhiều lần khen Tấn. Vậy thì Tấn cũng không phải là không được việc cho liệt quốc. Vì thế mới đặt Văn Công vào hàng Tề Hoàn. Tuy Hoàn, Văn đều chép, mà Tấn Văn không sánh với Hoàn được. Hoàn Công trong 20 năm, nuôi uy, dưỡng sức, mới có thể hội tội Sở được. Văn Công có một bạn, mà công ở Thành Bộc trội ngay, rất là hơn việc Thiệu Lăng. Hoàn Công nhiều lần thế, nhiều lần hội, thế mà đến gần cuối đời mới được hội với Tề Chu Công, Văn Công mới có hai lần hội mà việc ở Ôn, chắc chắn hơn việc ở Quỷ Khưu. Hoàn Công hội ở Quyển mà mất Lỗ, thế ở U mà mất Vệ, ở Thủ Chỉ mà mất Trịnh, ở Quỷ Khưu thì mất Trần. Văn Công có ba lần hội mà Hưu lớn, Bá nhỏ đều phải tới cả. Thế tức là được chư hầu hơn Hoàn Công. Vậy sao lại bảo Văn không sánh được bằng Hoàn. Là vì Văn Công, công nhiều hơn Hoàn Công, mà tội cũng nhiều hơn Hoàn Công. Việc thì chóng thành hơn Hoàn, mà nghĩa thì kém Hoàn. Danh trội hơn, mà thực suy hơn. Xuân Thu không có lấy công bù tội, không lấy việc mà che lấp nghĩa, không lấy hư danh át sự thực. Thế tức là Văn

Công không sánh được với Hoàn Công. Hoàn Công được Giang, Hoàng, và không dùng Giang Hoàng trong việc phạt Sở. Văn Công thì nghĩ: không hợp Tần thì không thể tranh với Sở được. Sở bị ức, nhưng Tần thì lại được hưng, cách đó Hoàn Công không chịu dùng. Hoàn công mà hội thì không có gần Tam Xuyên, thế thì không có cùng với người Thiên Tử. Văn Công mà hội, thì hội ở đất nhà Chu, mà ngang ngược. Thế Tử Hồ tri trái đạo lý. Hoàn Công đâu có dám làm những điều ấy. Hoàn Công thì không được Trịnh chứ không giúp Tử Hoa sợ làm gương xấu, ức hiếp vua, giúp đỡ bầy tôi thì còn răn dạy ai. Văn Công thì vì bầy tôi Nguyên Huyền mà bắt vua, thế là bỏ cả tam cương, ngũ thường. Hoàn Công đâu có nở xư sự như thế. Phu Tử cần cho rõ chính, tà. Thì như thế là rõ lắm rồi.

Năm Giáp Ngọ. Năm Tương Vương thứ 25.

三十三年

**TAM THẬP HỮU TAM NIÊN**

**NĂM THỨ 33**

Tân Tương Công năm đầu. Tề Chiêu năm thứ 6. Vệ Thành năm thứ 8. Sái Trang năm thứ 19. Trịnh Mục Công Lan năm đầu. Tào Cung năm thứ 26. Trần Cung năm thứ 5. Kỷ Hoàn năm thứ 10. Tống Thành năm thứ 10. Tần Mục năm thứ 33. Sở Thành năm thứ 45.

春王二月秦人入滑

**XUÂN, VƯƠNG, NHỊ NGUYỆT, TÂN NHÂN NHẬP HOẠT  
MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG HAI NGƯỜI TÂN VÀO ĐẤT HOẠT**

Tả - Năm Hi Công thứ 33, mùa xuân, quân Tần qua Bắc Môn kinh đô nhà Chu. Các tướng bỏ mũ trụ, xuống xe. Nhưng rồi lại nhảy lên ngay, ra roi đi nhanh, nhiều đến 300 cỗ. Vương Tôn Mãn tuổi còn nhỏ, đứng coi, nói với vua rằng: Quân Tần khinh thường mà vô lễ chắc thua. Khinh thường thì ít mưa. Vô lễ thì hay thiếu sót. Vào đất hiểm mà thiếu sót lại vô mưa,

tất phải thua. Quân tiến đến đất Hoạt nước Trịnh. Có người lái buôn nước Trịnh tên là Huyền Cao vốn vẫn đem hàng đến bán ở chợ Chu, giữa đường gặp quân đội. Cao vội lấy ít da đóng yên ngựa, và 12 con trâu xin làm lễ khao quân, và nói với chủ帥:

Vua nước tôi biết là ngài linh binh qua nước tôi. Vậy xin có lễ khao quân. Nước tôi nhỏ, được các ngài đỡ cho, nếu ở một ngày, thì nước tôi xin cung lương thực một ngày, nếu một đêm thì cũng xin đủ phòng vệ một đêm. Thế rồi Cao cho cấp báo về nước.

Trịnh Mục Công vội cho tới quán xá coi xét hành động, thì thấy sứ quán đã đủ lương thực, binh cụ. Mới sai Hoàng Vũ Tử đến nói: Các quan Tần ở nước tôi đã lâu ngày. Nay đồ dùng, lương thực, đồ sống, đồ chín, đều hết. Lại nghe nói các quan sắp phải đi. Trịnh tôi có đất Nguyên Phố, cũng như Tần có Cự Hựu. Ở đó lương nai rất nhiều có thể cung cấp lương thực được. Xin tự kiếm lấy đỡ cho chúng tôi, các ngài nghĩ sao. Thế là Kỷ Tử chạy sang Tề, Phùng Tôn và Dương Tôn chạy sang Tống. Mạnh Minh nói: Trịnh đã có phòng bị rồi, không thể đánh được. Đánh thì không thắng, vây thành thì thiếu tiếp viện. Thôi ta về. Thế là phá ấp Hoạt rồi kéo quân về.

**Cốc** - Hoạt là một nước.

**Hồ Ninh** - Người Tần diệt Hoạt mà chép là nhập là vào. Đã không được đất lại không diệt hẳn, chẳng qua chỉ hung hăng cho hả tâm làm càn vô cố đi diệt người ta. Tội thật là rõ.

齊侯使國歸斧來聘

**TỀ HẦU SỨ QUỐC QUY PHỦ LAI SÍNH**

**TỀ HẦU SAI QUỐC QUY PHỦ TỚI SÍNH**

**Tả** - Tề Quốc Trang Tư tới sính. Từ việc đất Giao tới việc biếu tặng lễ đã hoàn toàn mà thêm chuyên cần. Tang Văn Trọng (Lỗ) có nói với Công rằng: Quốc Tử coi việc chính trị thì Tề còn có lễ, xin vua tiếp đón, thần nghe nói, phục người có lễ là giúp cho xã tắc được thêm hay.

**Ngô Trường** - Năm Hi Công thứ 26, Lỗ có cái oán giận phạt Tề và chiếm đất Cốc. Năm thứ 28, Tấn Văn đã làm bá chủ,

công tử Toại (Lỗ) sinh Tề để giải mối thù, rồi giao hiếu với Tề.  
Qua sáu năm, đến Quý Phủ, tới đáp lễ sinh của công tử Toại.

夏四月辛巳晉人及姜戎敗秦于殽

**HẠ, TỬ NGUYỆT TÂN TỶ TẤN NHÂN CẬP**

**KHƯƠNG NHUNG BẠI TÂN VU HÀO**

**MÙA HẠ, THÁNG TƯ, NGÀY TÂN TỶ, NGƯỜI TẤN CÙNG  
KHƯƠNG NHUNG ĐÁNH BẠI QUÂN TÂN TẠI ĐẤT HÀO**

Dưới chữ bại Tân, Tả và Cốc có viết chữ sư (quân) Hào ở phía Tây huyện Thảng Tri, xứ Hoành Nông.

Tả - Tấn, Nguyên Chấn (Tiên Chấn) nói: Tân không nghe Kiến Thúc, làm cho dân khó nhọc, thế là trời giúp ta. Cơ hội đã được trời giúp thì không nên bỏ lỡ. Được giặc là không nên thả. Thả giặc thì sinh loạn. Trái mệnh trời là bất tường. Ta phải đánh quân Tân. Loan Chi nói: Chưa báo ơn Tân, mà đã đánh quân Tân, đối với tiên quân thì sao. Tiên Chấn nói: Nước ta có tang, Tân đã không nghĩ, lại đánh nước đồng tông với ta. Đã vô lễ thế, thì còn ơn nghĩa gì. Tôi nghe nói, một ngày thả giặc, sinh lo mấy đời. Ta mưu cho con, cho cháu, tức cũng là vì tiên quân, Tấn mới ra lệnh đánh quân Tân, gọi thêm quân Khương Nhung. Vua thì mặc áo sô gai màu đen. Quân Tấn thua tan tại đất Hào. Tấn bắt được ba đại tướng là: Mạnh Minh, Khất Thuật và Át Bình. Bà Phu Nhân Văn Doanh xin cho ba đại tướng cùng chưa đủ, nhà vua cần gì phải làm tội, cứ để cho về để vua Tân được giết cho thỏa chí. Vua Tấn nghe lời, thả bọn tướng. Tiên Chấn vào Triều hỏi đến tù, thì vua nói, phu nhân xin thả về rồi. Tiên Chấn giận nói: Bao công phu tướng sĩ mới bắt được giữa trận. Vì một lời người đàn bà mà thả cho về nước, hại cho quân nhà, lợi cho nước địch, mất nước đến nơi. Nói rồi gắt giận không kiêng dè. Vua nghĩ ra, vội sai tướng Dương Sử Phủ đuổi theo các tướng Tân. Đến bờ sông thì đã thấy cả bọn trên thuyền. Dương mới sai cỡi con ngựa tham, nói to là theo mệnh vua, tặng cho Mạnh Minh. Mạnh Minh cúi đầu tạ: nhờ ơn vua đã không

bất tội nhân làm thịt, lấy máu bôi trống, lại cho về Tần chịu tội, chết không quên ơn. Theo gương nhà vua, nếu vua tôi lại tha cho thì sau ba năm tôi xin sang tạ ơn.

Vua Tần mặc đồ trắng ra đất Giao, ngoài thành, đón quân thua về. Quay mặt về đất Hào, tế quân đội, khóc, nói rằng: Quả nhân không nghe Kiến Thúc đến nổi các tướng bị nhục. Thật là tội quả nhân. Mạnh Minh cứ coi quân như trước. Lỗi ở quả nhân. Đại phu có tội gì. Vả lại không lấy một điều lỗi nhỏ mà hại đức lớn.

**Công** - Coi Tần là thế nào. Là Di Địch. Vì sao. Tần sắp đánh úp Trịnh. Các quan là Bách Lý và Kiến Thúc can: Đi xa ngàn dặm để đánh úp người, chưa từng nghe là không bị thua. Tần Bá giận nói: Hạng cùng tuổi người, trên mã, cây dã to bằng ôm tay, người biết gì. Quân ra đi, Bách Lý và Kiến Thúc tiễn con và dặn rằng: Con chắc chết, mà chết ở đất Hào, là nơi rất hiểm trở. Nơi đó xưa Văn Vương tránh mưa gió. Ta sẽ nhật xương con ở đó. Con theo quân đi. Bách Lý và Kiến Thúc đi theo khóc. Tần Bá giận nói: Người sao được khóc quân ta. Đáp: Đầu tôi có dám khóc quân. Tôi khóc con.

Huyền Cao là lái buôn nước Trịnh, gặp quân Tần ở Hào, mới giả làm được mệnh của Trịnh Bá đón khao quân. Dù quân đi hay trở về, người Tần cùng Khương Nhung cũng đón đánh ở Hào, là nơi rất hiểm trở, đến một xe, một ngựa, chưa chắc đã ra thoát. Sao lại chếp là cặp, là cùng, cùng Khương Nhung. Vì Khương Nhung là nhỏ, hèn. Chếp là người, người Tấn cũng là hèn kém. Vì chỉ có Tiên Chấn. Mà dù có vua Tấn thân chinh, thì cũng dùng chữ người, chữ nhân để chê. Chê ở trong thời tang, mà đã dùng can qua, trong cảnh giặc địch, không được chôn cất. Đã lừa gạt giấu giếm mà chiến tranh, thì không chếp ngày. Đây có chếp ngày để càng rõ việc, lại càng rõ tội.

**Cốc** - Không chếp chữ chiến, mà lại chếp chữ bại là tại sao. Là coi Tần như Di Địch. Vì Tần vượt nghìn dặm hiểm nghèo để vào một nước không phòng bị. Tiến thì không giữ nổi, thoái thì tất phải thua. Thế là dọc đường hiệp tróc đàn bà con gái, như thế chả là Di Địch thì còn là gì được. Từ việc đất Hào trở đi, Tần thật là Di Địch. Tần Bá, khi muốn đánh úp Trịnh, có

Bách Lý và Kiến Thúc can: Đi nghìn dặm để đánh úp người, chưa từng nghe thấy khỏi bị thua. Tấn Bá bảo: Hạng người, cùng tuổi trên má cây đã to bằng ôm tay, người còn biết gì. Quân đi. Bách Lý còn theo con mà khóc. Tấn Bá giận nói: Sao người dám khóc quân. Hai người đáp: Không dám khóc quân, chỉ khóc con thôi. Tôi già rồi, nó không chết thì tôi cũng chết. Người Tấn cùng Khương Nhung chặn đánh ở Hào, một ngựa, một xe không ra thoát. Tấn nhân là ai. Là Tấn tử (vua Tấn, nhưng dùng chữ tử là con, là theo lễ, vua bố chết, chưa lễ táng). Sao lại gọi quân Tấn là người Tấn. Là chê, chê vì bỏ, vì dùng lễ táng, mà xông vào việc chiến tranh.

**Lục Thuần** - Tôi nghe thấy tôi dạy: Tấn Văn Công chưa được táng. Tấn Tương Công đã hưng binh, thế mà không chếp là tử, lại chếp là nhân, là vì: việc hiếu của chư hầu là ở chỗ bảo vệ cho xã tắc, mà giữ yên vui cho dân. Tấn ở địa vị Minh chủ, chư hầu theo phục từ lâu. Tấn không nghĩ đến nước đang có tang, mà còn đánh lên nước cùng họ. Nếu không cứu được thì nghiệp của vua cha hỏng. Cho nên thánh nhân tránh cho không chếp là tử (con) vì quyền mà biến lễ. Vậy có khác với hiếu của người thường.

**Trịnh Tử** - Tấn không gọi là vua Tấn vì đang cư tang, chưa làm lễ táng thì chưa có thể cầm quân được. Tấn làm việc vô đạo, qua Chu để sang đánh lên người ta, ai nấy đều công phần, chếp là người Tấn, còn gọi là cùng Khương Nhung cũng do ý ấy.

**Trương Hiệp** - Tả Truyện, Cốc Truyện đều chếp là Tấn sư, Công Dương thì không chếp chữ sư chắc là được rõ ý thánh nhân cho nên Lưu thị, Hồ thị đều theo Công Dương.

**Xét** - Cuộc chiến ở Hào, Tả Thị chếp thêm lời luận bàn của Tiên Chấn. Cho là dở ở Tấn. Hồ Truyện nhân lời của Trịnh Tử kết tội Tấn Tương quên cha, bội ân, mặc sô gai đen, ra cầm quân cho là đáng chê, lại so mưu của Tiên Chấn, với mưu của Kỷ Tử, thì trách cả Tấn với Tấn cho vào cùng một loại. Cứ xem cái tình lý đương thời ấy thì đầy đủ. Tấn bội phần Tấn, cho quân đồn thú ở Trịnh, thế là tự Tấn bỏ giao hiếu với Tấn. Nếu như Tấn Văn không nghĩ đến ân đức xưa, mà lại theo lời xin của Tử Phạm (xin đuổi theo đánh Tấn) thì Tấn đã bị đánh rồi. Đọc câu "Tân

không nghĩ ta đương có tang”, thì ra Tấn Văn chết mà Tấn không điều tang, Tấn đã vô lễ thế thì còn cần gì phải ơn Tấn. Vậy Tiên Chấn đầu có phái là quá kích. Đến như việc mặc sô gai đen cầm quân, thì xưa cổ nhân cũng đã có trường hợp đó. Xưa, Hoài Di, Từ Nhung quấy rối, Lỗ Công mặc đồ tang mà cầm quân, thiên Phi Thệ ở trong sách Chu Thư có chép. Nếu là việc bất nghĩa thì thánh nhân đâu có làm. Hoặc giả nói: Lỗ cự lại giặc ở ngay môn đình mà Tấn thì thủ lợi nhờ lân quốc, không thể đem Tấn so với Lỗ được. Nói thế là không biết khảo sát. Hoạt nay là huyện Yên sử phủ Hà Nam. Hào nay là Thiểm Châu, phủ Hà Nam. Hoạt gần nước Tấn, mà Hào thì ở trong địa phận Tấn làm mình chủ, chư hầu trong thiên hạ có việc diệt nhau, thì dù Tấn có ở xa, cũng phải đi cứu. Huống Tấn nhân lúc Tấn đang có tang, bước vào địa phận Tấn mà diệt nước cùng họ với Tấn, lại ở gần Tấn, so với việc Đông Giao thì có khác gì, vua tôi Tấn liệu có nên ngồi yên không. Đã muốn nói chỉ vua cha để mưu cho con cháu, mà ngược lại bỏ, đi làm kẻ quên cha, như thế có được không. Từ khi bị thua ở Hào, Tấn thôi không dám nghĩ vượt qua Tấn để kiểm tính các chư hầu phía Đông. Thế là Tấn Văn đã có công đánh bại Sở, mà Tấn Tương đã có công chế ngự Tấn. Quân ở Hào oanh liệt ngang với ở Thành Bộc. Nay chê trách là muốn cho Tấn Tương cứ tự buộc vào cái tình hòa hiếu đã dứt muốn cho cứ giữ tiết, ngồi một chỗ mà nhìn quân Tấn hoành hành trong đất đai gần mình, giết hết họ Cơ mình, không có chút thương xót, bảo như thế mới là hiếu chăng. Tuy nhiên, Tấn sao lại chép là người (nhân). Là muốn tránh chữ tử là con. Kiêng tránh cho tức như cho là việc phải, vì rằng dù sao, đang ở trong tang, lùi lễ táng lại mà đi vào chiến tranh thì vẫn là có tội. Kiêng tránh, mà chép là người, coi như là Tấn Tử (vua Tấn Tấn Tương) không thận chính. Đó là Lục Thuần bàn đến chữ, đến lễ quyền biến, và cho là hiếu của chư hầu khác với hiếu của thất phu. Công và Cốc hai người trách Tấn đã không đúng, mà kết tội Tấn cũng chưa được xác đáng. Xét tội Tấn Bá là ở chỗ dụng mưu mô lừa dối để đánh lên một nước ở xa, là không nghe can mà làm hại quân, là cho gây loạn cướp hãm vợ con người ta. Thật là quá lắm. Cho nên bỏ Hồ Truyền. Còn Cốc và Công, đầu đuôi, trừ vài đoạn, còn ra không được ý nào đúng. Trình Tử bàn rằng dùng chữ nhân là chỉ quân chúng,

bàn rằng Tấn vô đạo, ai nấy đều công phần, nên mới chép Tấn nhân, mới chép chữ cập là cùng, cùng do ý ấy. Trình Tử bàn có khác với Lục Thuần. Nhưng cả hai đều hiểu rằng chép là nhân không phải là chê Tấn. Vậy để nguyên cả các lời bàn đó.

癸巳葬晉文公

**QUÝ TÝ, TÁNG TỔNG VĂN CÔNG**  
**NGÀY QUÝ TÝ, LỄ TÁNG TẤN VĂN CÔNG**

Cốc - Chép ngày táng. Vì khi có giặc chưa táng được.

狄侵齊

**ĐỊCH XÂM TÊ**  
**RỢ ĐỊCH XÂM NƯỚC TÊ**

Tả - Nhân lúc Tấn đang có tang.

Xét - Dịch, nhân lúc Tấn đang có việc, vội kíp đem quân đánh Tê. Vì thế, mới bị bại ở đất Cơ mùa thu. Từ đó, trong ba năm, quân Dịch không dám đi đánh bậy. Xét Tấn và Tấn trong khoảng ba năm có bốn lần chiến, vì thế Dịch mới dám xâm Tê, xâm Lỗ. Nước Sở thì diệt nước Giang, nước Hoàng, thành ra nghiệp Bá suy. Tất cả đều là tội ở Tấn gây nên.

公伐邾取訾婁

**CÔNG PHẠT CHÂU THỦ TÝ LÂU**  
**CÔNG PHẠT CHÂU, LẤY ĐẤT TÝ LÂU**  
**TÝ LÂU ĐẤT NƯỚC CHÂU**

秋公子遂帥師伐邾

**THU, CÔNG TỬ TOẠI SUẤT SƯ PHẠT CHÂU**  
**MÙA THU, CÔNG TỬ TOẠI CẨM QUÂN ĐÁNH CHÂU**

Tả - Công phạt Châu, lấy đất Tý Lâu, để báo lại việc Thăng Hình, người Châu không phòng bị. Mùa thu Tương Trọng lại phạt Châu.

**Tiết Quý Tuyên** - Việc Thang Hình đã mười năm rồi. Châu chưa từng xâm phạt ta. Mùa hạ, Công phạt Châu, chiếm ấp. Mùa thu, công từ Toại lại phạt Châu. Vô danh đến thế là cùng.

晉人敗狄于箕

**TẤN NHÂN BẠI DỊCH VỤ CƠ**  
**NGƯỜI TẤN ĐÁNH DỊCH Ở ĐẤT CƠ**

Cơ là huyện Dương Ấp, Thái Nguyên, phía nam huyện còn Cơ Thành.

Tả - Dịch phạt Tấn và Cơ. Tháng tám, ngày Mậu Tý, Tấn Hầu đánh bại Dịch ở đất Cơ. Khuốc Khuyết bắt được Bạch Dịch Tử. Tiên Chấn nói: Thất phu vô lễ với vua mà không bị tội, ta đâu dám không tự làm tội (khi trước nghe tin vua Tấn tha cho các tướng Tấn, Tiên Chấn quá giận có gắt và nhỏ khắc trước mặt vua). Thế là bỏ mũ trụ xuống đi vào giữa đám quân. Dịch rồi chết. Người Dịch đưa trả xác, mặt tươi như lúc sống.

Xưa, Tư Thần (chức quan) tên là Cửu Quý, nhân việc đi sứ, qua đất Ký, gặp Khuốc Khuyết đang cày ruộng. Người vợ đem cơm đến kinh cần vợ chồng đối đãi với nhau như khách. Quý đem về, nói với Tấn Văn Công: Biết giữ lễ phép, kinh cần là người có đức hạnh thì trị dân được, xin nhà vua dùng. Thần nghe nói, ra khỏi cửa như đón khách quý. Làm việc công như dự trọng tế, đó là phép của đức nhân. Công nói: Nhưng cha có tội, có nên dùng con không. Đáp: Con có tội, vua Thuấn giết mà dùng con là vua Vũ. Quân Kinh Trọng là kẻ thù của Hoàn Công sao lại không dùng được. Thiên Khang Cáo có câu: Cha không từ, con không kính, anh không hòa, em không thuận không có liên lụy tới nhau. Kinh Thi có câu: Hái rau phong hại rau phỉ, đừng có lấy cuống. Xin nhà vua cứ dùng. Văn Công nghe, cho làm Hạ Quân đại phu. Khi ở đất Cơ về, Tương Công cho Tiên Thả Cư làm tướng Trung Quân (chức cao nhất). Rồi đến Khuốc Khuyết, được thưởng cho đất Ký Ấp. Tư Thần có công tiến cử Khuốc Khuyết được thưởng đất Tiên Mao.

Xét - Việc đánh đất Cơ, Tấn Hầu và Tiên Chấn đều có mặt.

Đỗ Dự cho là Khước Khuyết khi ấy chưa làm chức Khanh, cho nên chép là Tấn nhân, người Tấn. Đâu có phải là vì Khước Khuyết bắt được vua Dịch, mà bá cáo cho chư hầu đâu. Còn như Trần Phó Lương, Gia Huyền Ông bảo rằng quấy Tề và Vệ, Tấn làm minh chủ mà không biết cứu, cho nên chê, chép là người, bảo thế là sai. Dịch vây Vệ. Vệ quay lại xâm Dịch rồi cùng Dịch thế. Dịch lại xâm Tề. Hoặc cho là Dịch muốn ly gián, tức là chia rẽ Tấn, Trịnh hoặc bảo là Dịch nhân cơ hội Tấn có tang, đều không phải là không có cơ mà không cứu.

冬十月公如齊

**ĐÔNG THẬP NGUYỆT CÔNG NHƯ TỀ**  
**MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, CÔNG SANG TỀ**

Gia Huyền Ông - Thiên Tử sinh thì Công không lại châu mà Quốc Quý Phủ tới thì Công cúi mình báo lại. Chẳng có chữ gì thêm vào để chê thì ý nghĩa cũng đã rõ lắm.

十有二月公至自齊

**THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT CÔNG CHÍ TỰ TỀ**  
**THÁNG 12, CÔNG TỪ TỀ VỀ**

Uông Khắc Khoan - Thiên Tử sai Chúng Tể Chu Công lại sinh. Cứ như chức Tam Công Chúng Tể là cao quý, quan trọng, mà hạ mình đi tới Lỗ, thực là lễ phi thường. Hi Công đã không biết vào châu tại Kinh sư, cung bái ân sủng đó, mà lại sai công tử Toại đáp sinh. Đã thế, lại còn sai cùng làm hai việc trong một lượt đi, y như là đối với các nước Châu, Đàng trong việc giao hiếu. Nay Tề Hầu sai Quốc Quý Phủ lại sinh, bất quá chỉ là một cuộc giao tiếp thường lễ, có thể sai một đại phu đáp lễ, cũng được lắm rồi, ấy thế mà lại thân hành tới châu nước Tề. Lấy bạc đáp hậu, lấy hậu đáp bạc.

乙巳公薨于小寝  
**ẤT TỴ, CÔNG HOÀNG VU TIỂU TẨM**  
**NGÀY ẤT TỴ, CÔNG MẤT TẠI TIỂU TẨM**

**Tả** - Mùa đông, Công sang Tế châu, và viếng thăm Tế mới bị Dịch quấy. Khi về Công mất tại tiểu tẩm.

**Cốc** - Tiểu Tẩm không phải là nơi chính.

**Lý Liêm** - Hi Công ở ngôi 33 năm. Thực ra là một vua hiền ở nước Lỗ. Ngay những năm đầu, đối nội, Công đã dùng công tử Hữu, Tang Văn Trọng. Đối ngoại thì hết sức thờ Tế Hoàn, cho nên mới trừ được hại Khánh Phủ, làm cho nước Lỗ đã nguy mà lại được yên. Trừ năm 17 trở về trước, trừ các lần theo Tế hội thê, chinh phạt thì công việc ở Lỗ, Kinh Xuân Thu thấy ít chép. Nhưng cứ xem các thi tụng, như Vụ Nông, Trọng Cốc, thì thấy siêng năng với dân; tế tự về xuân và thu, phụng sự tiên tổ cẩn thận, dựng Bí cung, xây lại phân cung, đánh rợ Hoài Di chặn nuôi nơi đồng cỏ, tuy lời chắc có khoa trương hơn thực, nhưng lễ, nhạc, chính trị, đều thấy có chỗ sáng sủa, vua tôi trên dưới đều hợp sức, đại khái ta có thể ước lượng được. Tuy nhiên việc thê ở đất Sanh chưa kết liễu mà đã có việc chiến bại quân nước Châu. Hội ở Quý Khuu mới được ít lâu mà lại có hội hợp ở Dương Cốc thì hỏi rằng Lỗ Công có thực biết lấy lễ, tín giúp Tế không. Rồi sau Tống Tương Công lên ngôi, tuy nghiệp Bá không đủ để được hấn Lỗ, nhưng Lỗ đã hướng về Nam mà theo Sở, quên cả việc thời trước, xin quân Sở để đánh Tế, Tống thì thật là thất kế. Xét từ Hi Công năm thứ 16 trở đi Quý Hữu mất rồi, Tang Văn Trọng thay quyền, Công Tử Toại lại chuyên quyền, như diệt Hạng, như hội Sở, trong kinh chép đầy đủ, nếu mà không được có Tấn Văn tái tạo, một trận mà thắng Sở thì Trung Nguyên sẽ lâm họa, Hi Công còn trốn trách nhiệm sao được. Huống hồ lại còn những chuyện Quý Hữu được ấp Phí, mà mọc ra chi họ Quý Tôn, Công Tôn tự chủ việc quân, mà gây nên họ Thúc Tôn, Công Tôn Ngao chủ việc quân mà khởi đầu

họ Mạnh Tôn. Cái nền tảng ba nhà Tam Hoàn đều gây thành tự tay Hi Công. Vậy đối với nước Lỗ, Hi Công là đầu kẻ có công, mà cũng là đứng đầu kẻ có tội.

**隕霜不搬草李梅實**

**VỖN SƯƠNG, BẮT SÁT THẢO, LÝ, MAI THỰC**

**SƯƠNG NHIỀU, KHÔNG HÉO RỤNG CÂY, CỎ, LÝ, MAI**

**Công** - Sao lại chép. Là việc lạ. Là vì trái mùa.

**Cốc** - Chưa đáng rụng mà làm cho rụng là chép việc trọng. Đáng rụng mà lại không rụng là chép việc khinh.

**Hồ Truyền** - Lỗ Ai Công hỏi Trọng Ni rằng: Xuân Thu chép việc sương sa không hại cây cỏ, tại sao lại chép thế. Trọng Ni nói: Thế tức là nói đáng héo rụng. Xét đáng cho héo rụng mà lại không cho héo rụng các loại cây cỏ còn can phạm hưởng hổ vị quân chủ. Vì thế, lấy đạo trời mà bàn thì bốn mùa đã mất thứ tự, kết quả thành trái ngược, không còn nói được lẽ trời thống suất vạn vật ra sao nữa. Lấy đạo quân chủ mà bàn thì năm hình, mất sự áp dụng, rồi quyền sẽ mất, không còn nói được: vua trị được muôn dân.

**Xét** - Hồ Truyền đã dùng lời Khổng Tử đáp Ai Công về truyện vắn sương lại dẫn lời Khổng Tử trách Tể Ngã luận về nền xã, mà cho rằng chỉ có thánh nhân mới biết sử biến mà không mất đạo thường, còn hạng người hiền thì tất phải lấy lời "tiểu trình cát, đại trình hung" làm răn. Hồ nghĩ như thế là sai. Xuân Thu cốt để dạy muôn đời sau, người nào cũng phải theo lời dạy chứ đâu có riêng thánh nhân mới được dùng, còn hiền nhân không được dùng. Xét câu đáp về "thất đạo", đạo mất, thì có nghĩa là lấy trời làm phép là thường lý và lời "chiến lật" sợ hãi (coi sách luận ngữ) nghĩa là không phải bàn ý việc lập nền xã. Quyền không nên cho kẻ vô tài. Uy không nên chỉ dùng cho một bên. Đạo cứ phải hành cho đều mà không trái. Cho nên bỏ các lời bàn ấy đi.

許 伐 人 鄭 人 陳 人 晉

## TẤN NHÂN, TRẦN NHÂN, TRỊNH NHÂN PHẠT HỨA NGƯỜI TẤN, NGƯỜI TRỊNH, PHẠT HỨA

Tả - Tấn, Trần, Trịnh, phạt Hứa về tội nhĩ tâm theo Sở.

**Phụ lục Tả Truyện** - Sở lệnh Doãn Tử Thương xâm Trần và Sái. Trần Sái xin hòa. Rồi Sở phạt Trịnh, định đưa công tử Hà về, đánh vào cửa Kết Trật. Hà ngã vào ao nhà họ Chu. Có tên đầy tớ bắt được đem nộp. Văn Phu Nhân cho khám liệm rồi cho chôn ở dưới Thành Côi. Tấn, Dương Phủ xâm nước Sái. Sở Tử Thương cứu Sái, cùng quân Tấn ở hai bên sông Tri. Dương lo ngại, sai báo Tử Thương rằng: Tôi nghe nói. Văn thì không làm điều trái, Vũ thì không sợ địch. Ngài như muốn chiến, tôi xin lui một xá. Ngài hãy sang qua sông bày trận. Lâu chậm tôi xin đợi. Nếu không hai bên cứ thế này, hao phí vô ích. Tử Thương nghe xong muốn qua sông. Đại Tồn Bá nói, không nên, người Tấn không tin được. Ta sang sông được nửa thì bị đánh, ta có hối cũng không kịp, không bằng hãy cứ thông thả. Mới cũng lui một xá. Dương Tử mới cho phao ngón lên rằng: Sở sợ ta rồi, chạy rồi. Thế là Dương đem quân về. Sở đợi mãi sau biết rồi cũng về. Thế Tử Thương Thần gièm với vua rằng: Thương được Tấn hồi lộ mới về, thế là nhục cho Sở. Vậy phải làm tội. Sở Vương mới giết Tử Thương.

Lễ táng Hi Công. Chậm, rồi đặt bài vị, thế là phi lễ. Phàm vua chết, có lễ tốt khóc rồi, mới đến lễ Phụ (là phụ vào miếu). Phụ rồi mới làm lễ đặt bài vị (lễ tạc chủ). Rồi đến các thời kỳ tế Chung, tế Thường, tế Đế, đều tế ở miếu.

**Xét** - Tả Thị chỉ chép Tấn, Trần, Trịnh phạt Hứa mà thôi. Thế là cả vua cùng vị Khanh các nước đó không có mặt. Chép là nhân, y như là tướng kém, quân ít, bất tất phải bình luận thêm. Thời đó, có thể tranh giành được với Tấn thì có: Tấn, Sở, Dịch. Tấn Tương Công đã đánh bại được Tấn, đánh bại được Dịch cho nên vây Hứa để cho Sở phải chần động. Gia Thị bảo rằng không phải việc cấp bách. Thế là Gia Thị không xét kỹ đến sự thế.

## MỤC LỤC

|                                                 | <i>Trang</i> |
|-------------------------------------------------|--------------|
| ● XUÂN THU QUYỂN THỨ TƯ                         | 5            |
| 元年 NGUYÊN NIÊN (NĂM ĐẦU)                        | 5            |
| 二年 NHỊ NIÊN (NĂM THỨ 2)                         | 11           |
| ● XUÂN THU QUYỂN THỨ NĂM                        | 23           |
| 元年 NGUYÊN NIÊN (NĂM ĐẦU)                        | 23           |
| 二年 NHỊ NIÊN (NĂM THỨ 2)                         | 31           |
| 三年 TAM NIÊN (NĂM THỨ 3)                         | 37           |
| 四年 TỬ NIÊN (NĂM THỨ 4)                          | 41           |
| 五年 NGŨ NIÊN (NĂM THỨ 5)                         | 50           |
| 六年 LỤC NIÊN (NĂM THỨ 6)                         | 58           |
| 七年 THẤT NIÊN (NĂM THỨ 7)                        | 60           |
| 八年 BÁT NIÊN (NĂM THỨ 8)                         | 64           |
| 九年 CỬU NIÊN (NĂM THỨ 9)                         | 68           |
| 十年 THẬP NIÊN (NĂM THỨ 10)                       | 73           |
| 十有一年 THẬP HỮU NHẤT NIÊN (NĂM THỨ 11)            | 79           |
| 十有二年 THẬP HỮU NHỊ NIÊN (NĂM THỨ 12)             | 82           |
| 十有三年 THẬP HỮU TAM NIÊN (NĂM THỨ 13)             | 84           |
| 十有四年 THẬP HỮU TỨ NIÊN (NĂM THỨ 14)              | 87           |
| 十有五年 THẬP HỮU NGŨ NIÊN (NĂM THỨ 15)             | 92           |
| ● XUÂN THU QUYỂN THỨ SÁU                        | 103          |
| 十有六年 THẬP HỮU LỤC NIÊN (NĂM THỨ 16. LỖ HI CÔNG) | 103          |
| 十有七年 THẬP HỮU THẤT NIÊN (NĂM THỨ 17)            | 107          |
| 十有八年 THẬP HỮU BÁT NIÊN (NĂM THỨ 18)             | 112          |

|       |                                             |     |
|-------|---------------------------------------------|-----|
| 十有九年  | THẬP HỮU CỬU NIÊN (LỒ HI CÔNG) (NĂM THỨ 19) | 115 |
| 二十年   | NHỊ THẬP NIÊN (NĂM THỨ 20)                  | 119 |
| 二十有一年 | NHỊ THẬP HỮU NHẤT NIÊN (NĂM THỨ 21)         | 122 |
| 二十有二年 | NHỊ THẬP HỮU NHỊ NIÊN (NĂM THỨ 22)          | 127 |
| 二十有三年 | NHỊ THẬP HỮU TAM NIÊN (NĂM THỨ 23)          | 133 |
| 二十有四年 | NHỊ THẬP HỮU TỬ NIÊN (NĂM THỨ 24)           | 138 |
| 二十有五年 | NHỊ THẬP HỮU NGŨ NIÊN (NĂM THỨ 25)          | 145 |
| 二十有六年 | NHỊ THẬP HỮU LỤC NIÊN (NĂM THỨ 26)          | 150 |
| 二十有七年 | NHỊ THẬP HỮU THẤT NIÊN (NĂM THỨ 27)         | 155 |
| 二十有八年 | NHỊ THẬP HỮU BÁT NIÊN (NĂM THỨ 28)          | 159 |
| 二十有九年 | NHỊ THẬP HỮU CỬU NIÊN (NĂM THỨ 29)          | 179 |
| 三十年   | TAM THẬP NIÊN (NĂM THỨ 30)                  | 182 |
| 三十有一年 | TAM THẬP HỮU NHẤT NIÊN (NĂM THỨ 31)         | 190 |
| 三十有二年 | TAM THẬP HỮU NHỊ NIÊN (NĂM THỨ 32)          | 198 |
| 三十有三年 | TAM THẬP HỮU TAM NIÊN (NĂM THỨ 33)          | 202 |

# **XUÂN THU TAM TRUYỆN – TẬP 2**

*HOÀNG KHÔI dịch*

**NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

---

Chịu trách nhiệm xuất bản : **TRẦN ĐÌNH VIỆT**

Biên tập : **NGUYỄN CẨM HỒNG**

Sửa bản in : **HỒNG ANH**

Bìa : **QUANG HUY**

Trình bày : **QUANG MINH**

In 500 cuốn, khổ 14.5x20.5cm tại Xí nghiệp in Số 5

Giấy đăng ký kế hoạch xuất bản số 1245-28/XB-QLXB do Cục Xuất Bản ký 11-09-2001. Giấy trích ngang KHXB số 330/TNKHXB-2002 do Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10-06-2002. In xong và nộp lưu chiểu Quý III - 2002.

# Khổng Tử



# Xuân Thu TAM TRUYỆN

Phát hành tại nhà sách



**QUANG MINH**

416 Nguyễn Thị Minh Khai - P.5 - Q.3 - Tp.HCM  
ĐT: 8322386 - 8340990 - 090.3800274 - Fax: 84.8.8342457  
E-mail: quangminhbookshop@hcm.vnn.vn

Giá: 26.000đ